

LÁ THƯ TỊNH ĐỘ

Tác giả: Hòa Thượng Thích Thiền Tâm
(Trích dịch từ Ấn Quang Đại Sư Văn Sao)

TỰA

Đức Phật ra đời với nhân duyên mở bày chân tánh, khiến cho chúng sanh thoát vòng mê khổ, ngộ vào bản thể sáng suốt, an vui. Bao nhiêu pháp môn, tất cả nghĩa lý mầu nhiệm trong một đời giáo hóa của đức Bổn Sư, đều không ngoài mục đích ấy. Nhưng, tìm một lối thẳng tắt để mau thoát khỏi đường sanh tử, một pháp hợp lý, hợp cơ cho chúng sanh giữa thời buổi này, chỉ có môn Tịnh độ. Tại sao thế? Vì trong đời Mạt pháp, người tu hành bị nhiều chướng duyên làm thối chuyển. Nhìn về người: Phần sắc thân hay đau yếu, mạng sống ngắn ngủi; phần tâm tánh thì nghiệp hoặc sâu nặng, trí huệ tối mờ. Xét về cảnh: Phần đời thường xảy ra nạn nước tai trời; phần đạo lại ít bậc Thiện tri thức dắt dẫn, nhiều kẻ dối tu, đầy đầy những mối dị đoan, tà ngoại! Cho nên trong Kinh Đại Tập, đức Như Lai huyền ký rằng: Đời Mạt pháp ức ức người tu hành, song khó được một kẻ ngộ đạo, chỉ nương nơi pháp môn niệm Phật mà thoát khỏi luân hồi...

Thời gian gần đây, ở Trung Hoa có Ấn Quang Pháp sư là bậc danh đức trong tăng giới. Ngài suốt thông cả tông lẫn giáo, chuyên dùng pháp môn Niệm Phật làm phương tiện lợi mình lợi người. Trước tiên, Pháp sư xuất gia ở đỉnh Chung Nam, sau một thời gian đi tham học các nơi, lại về ẩn tích tại non Phổ Đà, nơi lầu tàng kinh chùa Pháp Võ. Tuy mấy mươi năm khổ hạnh, ít cùng người ngoài giao thiệp, nhưng dấu cao nhân một phen bị khách trần khám phá, ngọn gió thanh bay thoáng khắp xa gần. Biết được hạnh đức của Pháp sư, tăng tục bốn phương đều ngưỡng mộ; có kẻ vượt suối trèo non mà cầu lời chỉ thị; có người mượn tin hồng nhận mà hỏi lỗi nam châm. Những thủ bút của Ngài được hàng cư sĩ sưu tập lại thành bốn quyển và cho in ra với nhan đề Ấn Quang Pháp sư Văn Sao. Bình sanh, Pháp sư ấn tặng sách Phật được năm triệu bộ, tượng Phật hơn một triệu xấp. Đệ tử của Pháp sư đến hơn hai mươi muôn người, nhiều vị nhờ ơn chỉ dạy của Ngài, được sanh về Cực lạc, khi lâm chung đều có chứng nghiệm. Năm Dân Quốc thứ 29, Pháp sư biết trước ngày về Tây phương, ngời thoát hóa ở Linh Nham Tịnh Tông Đạo Tràng, hưởng tuổi đời tám mươi và sáu mươi tăng lạp. Lúc làm lễ trà tỳ, ba mươi hai cái răng còn nguyên, Xá Lợi ngũ sắc hiện ra rất nhiều. Sau khi Pháp sư vãng sanh, giới Phật tử xuất gia, tại gia cảm nhớ đức hóa lớn lao của Ngài, hợp nhau làm lễ truy niệm và đồng ý suy tôn Ngài làm vị Tổ thứ mười ba trong tông Tịnh độ.

Bộ Văn Sao của Pháp sư, khi mới xuất gia, tôi đã được hân hạnh xem qua. Trong thời kỳ nhập thất gần đây, một thuận duyên đưa đến, tôi lại có cơ hội khảo duyệt lần nữa, để giúp sự thẳng tắt trên đường tu niệm. Nhận thấy trong ấy có

nhiều điểm hữu ích cho người niệm Phật, tôi lựa rút những đoạn cần thiết, phiên dịch ra quốc văn, lấy nhan đề Lá Thư Tịnh Độ. Đáng lẽ trong quyển này tôi phải phụ thích để nhấn rõ một vài điểm thiết yếu, và giải đôi chỗ khó hiểu với người sơ cơ, nhưng vì sức khỏe kém nên ý nguyện không thành. Tôi lại thẹn mình nghiệp hoặc sâu dày, đường tu không thấy tiến bộ, bắt buộc phải để tinh thần nhiều hơn trong sự nhiếp niệm, nên khi phiên dịch lời lẽ thô sơ, đã chẳng diễn tả được ý nghĩa thâm thúy của Pháp sư, lại làm lờn mắt xanh của làng học Phật! Tuy nội dung còn nhiều khuyết điểm, nhưng nhân duyên đã thế, âu cũng xin tùy phần tùy sức mà dâng chút ngu thành! Sự phiên dịch đây, với tôi, chỉ có mục đích góp phần khuyến tấn lẫn nhau cùng các bạn sen trên đường Cực lạc.

Nếu công việc này có thể giúp quý vị phần nào nơi sự kiến giải cũng như tu niệm, xin đem kết quả ấy hồi hướng trang nghiêm Tịnh độ cho bốn ơn ba cõi và pháp giới hữu tình.

Liên Du Thích Thiền Tâm

MÁY LỜI BÀY TỎ

Trong các hành môn của đức Phật đã chỉ dạy, môn nào cũng có pháp nghi riêng biệt, từ cách thờ cúng, lễ bái, trì tụng, sám hối, phát nguyện v.v... Như Mật Tông lại còn sự lập đàn, kiết ấn nữa.

Riêng về tông Tịnh Độ, tôi thấy có nhiều người không biết nghi thức hành trì cho đúng pháp. Lại có những vị không hiểu nghĩa chữ Hán, thành ra khi trì tụng chỉ đọc suông theo thông lệ, khó phát lòng thành khẩn, không thể chuyển hướng tâm niệm của mình y như lời văn. Nghĩ vì dòng đời cứ mãi trôi qua, người sau càng ngày lại càng ít am hiểu văn từ Hán Việt, nên theo lời yêu cầu của một số đồng, tôi soạn dịch nghi thức tu Tịnh Độ ra Việt văn để giúp bạn đồng tu.

Về pháp nghi Tịnh Độ, có ba bậc: thượng, trung, hạ. Để không quá đơn giản và khỏi phiền toái, tôi căn cứ theo pháp nghi của ngài Từ Vân trong Tịnh Độ Thập Yếu, soạn dịch nghi thức theo bậc trung. Về cách trì danh, vẫn có nhiều đường lối, theo chỗ kinh nghiệm và so với thời cơ, tôi chọn pháp Thập Niệm Ký Số.

Về pháp nghi Tịnh Độ, thuở xưa chia làm năm môn, tôi ước kết lại thành ba môn: lễ bái, trì tụng và phát nguyện hồi hướng. Và lại, pháp môn Tịnh Độ có chuyên tu và kiêm tu; có vị chuyên niệm Phật, có vị lại kiêm tụng kinh, trì chú, sám hối hoặc tham thiền. Theo Ấn Quang Pháp Sư, thì người tu tịnh nghiệp phải lấy sự niệm Phật làm phần chính, mấy món kia làm phần phụ, phần chính cố nhiên phải giữ cho nhiều hơn. Riêng về tụng kinh, trì chú, nếu dùng để giúp cho phần niệm Phật và chí tâm hồi hướng, cầu vãng sanh, cũng có thể gọi là chuyên tu.

Trên pháp môn trì danh, sự hơn kém thật ra không phải ở nơi nghi thức, mà ở chỗ: âm thanh rành rõ hay lơ mờ, tâm niệm thành khẩn hay thờ ơ tán loạn, công trì tụng sâu nhiều hay cạn ít. Nếu người biết tu thì một lượt chiêm lễ, một câu xưng danh, công đức cũng hơn kẻ không biết tu rất nhiều. Tuy nhiên, nếu không có pháp nghi cho đúng, thì công đức hành trì thì cũng khó phát huy đến chỗ viên mãn. Và vì thế tôi mới soạn ra nghi thức này.

Xưa và nay cách nhau, chúng sanh căn cơ sở thích đều sai khác, tôi không dám gọi việc làm này là hợp với mọi người, cũng không dám cho nghi thức đây là hơn những pháp nghi đã có, chỉ tùy chỗ mong cầu mà lạo thảo viết ra vậy thôi.

Liên Du Thích Thiền Tâm

LỜI BẠT

Trong quyển này, ta thấy Ấn Quang Pháp Sư, về cách khuyến hóa, chỉ dùng lời lẽ bình thường chân thật, mà điểm cốt yếu duy ở một chữ thành. Người học đạo biết đặt chân từ chỗ bình thật đi vào, thì không còn vọng cầu xa xôi; có chí thành khẩn thiết tất dễ cảm thông với Phật. Sự huyền diệu của đạo chính là ở chỗ đó. Cho nên thuở xưa, một vị Tổ Sư đã bảo: *'Tâm bình thường là đạo'*. Nhưng, trên đường giải thoát, các tông khác tuy cũng dùng tâm bình thường thanh tịnh làm căn bản, song chỉ nương ở tự lực, riêng môn Tịnh Độ đã chuyên dùng tự lực lại kiêm chú trọng về tha lực. Như bên tông Thiên tuy tham cứu câu niệm Phật, nhưng chỉ dùng đó để ngăn làn sóng vọng tưởng, trở về tâm thanh tịnh; bên tông Mật như phái Lạt Ma giáo ở Tây Tạng, cũng có người chuyên trì danh hiệu của một đức Phật, một bậc Bồ Tát hay một vị thần, song họ chỉ xem đó là một câu chú, hoặc một đấng ủng hộ mà thôi. Tuy nhiên, nếu đem so sánh, ta thấy bên Mật có điểm thắng hơn bên Thiên, vì bên Mật trong khi tu niệm đã biết giữ ba nghiệp thanh tịnh (tam mật tương ưng) để tiêu trừ vọng tưởng đồng thời lại dùng công đức, năng lực của chân ngôn hay hiệu Phật, giúp sức phá tan hoặc nghiệp, để mau chứng quả Bồ Đề. Nhưng đó là những lối tu hành của bậc thượng căn, hơn nữa chúng sanh từ kiếp vô thủy đến nay gây nên nghiệp chướng vô lượng vô biên, dù có tu được, cũng khó hy vọng trong một đời phá hết phiền hoặc, thoát đường sanh tử. Và một khi nghiệp hoặc còn chùng một mảy tơ, cũng bị luân hồi, mà đã luân hồi tất dễ quên mất túc căn, bị trần cảnh mê mờ lôi cuốn vào trong lục đạo! Khác hơn thế, môn Tịnh Độ bậc căn cơ thượng, trung, hạ đều có thể tu; cách tu chỉ dùng tâm thanh tịnh làm nền tảng, rồi từ nơi đó khởi công năng chí thành khẩn thiết niệm danh hiệu Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu đủ lòng tín nguyện trì danh, không luận người đã dứt hết phiền não, dù cho kẻ nghiệp nặng như biển cả non cao, trong một đời cũng được Phật tiếp dẫn sanh về Tịnh Độ. Khi niệm Phật chí thành, trong ấy có ba năng lực: sức Phật, sức Pháp và sức công đức không thể nghĩ bàn của tự tâm. Sức Phật là được Phật phóng quang nhiếp thọ, thường thường hộ trì. Sức Pháp là hồng danh A Di Đà vẫn đầy đủ muôn đức, chí thành niệm một câu tất sẽ tiêu tội nặng sanh tử trong tám mươi ức kiếp, phước huệ tăng thêm. Sức công đức của tự tâm là tâm ta có đủ mười pháp giới, trong khi ta niệm Phật thành khẩn, thì pháp giới ác bị tiêu ngưng, pháp giới lành biến chuyển lớn mãi cho đến khi thành thực, kết quả lúc mạng chung sẽ hóa sanh trong liên bào nơi cõi Tây Phương. - đây, ta cần nên phân biệt có hai lối niệm Phật tương tự như Tịnh Độ mà không phải thuộc về tông Tịnh Độ:

1/ Niệm Phật tương tục mong dần áp vọng tưởng chứng ngộ bản tâm, không cầu vãng sanh, giống như tông Thiên.

2/ Niệm Phật như trì một câu thần chú, mong Phật ủng hộ cho xa lìa ma chướng, tiêu hoặc nghiệp, hiện đời phước huệ tăng thêm, mà không cầu vãng sanh, giống như tông Mật.

Niệm Phật như thế là lạc với đường lối của Tịnh Tông, chỉ được kết quả nhỏ mà mất sự lợi ích lớn. Nếu người biết trì niệm hiệu như giữ gìn bản mạng, chỉ tha thiết cầu sanh Tây Phương, thì tuy không cầu dứt phiền não mà phiền não tự tiêu, không cầu sanh phước huệ mà phước huệ tự nhiên thêm lớn, cho đến không cầu chứng ngộ mà hoặc sớm hoặc chầy cũng được chứng ngộ; kết quả trong một đời sẽ thoát vòng luân chuyển, lên vị Bất Thối nơi cõi bảo liên. Thế thì chỉ thành tâm niệm Phật cầu vãng sanh, trong ấy đã có đủ Thiền và Mật rồi. Cho nên Ấn Quang Đại Sư thường nói: *'Pháp môn Tịnh Độ thống nhiếp cả Thiền, Giáo, Luật, cao siêu hơn Thiền, Giáo, Luật.'*

Môn Niệm Phật xem giản dị mà có công năng rất huyền diệu như thế, nên một hạng người học Phật vì nhận thức không thấu đáo, sanh tâm tự cao, bài báng, khinh thường. Bởi thế, có kẻ dẫn câu niệm Phật đem về lý tánh, cho lời nói trong các kinh Tịnh Độ là tượng trưng. Lại có một hạng người nhiều chủng tử ngoại đạo, đem sáu chữ niệm Phật bố khắp chi thể, hoặc hợp câu niệm Phật với phép luyện khí cho đi tuần hoàn trong châu thân, hoặc dùng câu niệm Phật tụ hỏa nơi ấn đường. Họ lại lầm cho đó là quý báu, chỉ mật thọ nhau trong phòng kín không dám tuyên dương, sợ e lạm truyền. Sự lầm lạc ấy khiến cho nhiều người mang chứng lớn bụng, mờ mắt, đau đầu, kết cuộc chỉ có tổn hại không được lợi ích. Nên biết pháp môn Tịnh Độ chính do đức Thích Ca Mâu Ni nói ra, sáu phương chư Phật đều khen ngợi; các bậc Đại Bồ Tát, Đại Tổ Sư như đức Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ đều tuân giữ; các Kinh Đại Thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Đại Bảo Tích, Đại Bát Nhã đều tuyên dương. Kẻ ngoại đạo vì tà kiến, hủy báng môn Tịnh Độ, vẫn không đáng nói; hàng Phật tử nếu sanh tâm tự cao hủy báng, tức là vô tình hủy báng ngôi Tam Bảo, ngăn lấp con đường giác ngộ của mọi người. Tại sao thế? Vì môn Tịnh Độ là cửa mầu giải thoát duy nhất, yên ổn nhất của chúng sanh đời mạt pháp; chính đức Phật đã từng có lời huyền ký thuở xưa.

Trên đây, không phải tôi cố ý phân biệt môn Tịnh Độ giữa các tông phái, hay thiếu mỹ cảm với những kẻ đã lầm lạc, mà chính vì tưởng niệm ân sâu của Phật, muốn cho mọi người đồng được lợi ích đó thôi. Tuy nhiên, trên đường đạo, sở thích của mỗi người có khác nhau, khúc nhạc hương quê chưa dễ cảm được lòng du khách! Xem quyển này, ai có mến „n Quang Pháp Sư, cũng nên theo Ngài mà đọc bài ca quy khứ:

*Phải nên phát nguyện, nguyện vãng sanh,
Đất khách sơn khô mặc người luyến?
Tự không muốn về, về sẽ được,
Quê xưa trăng gió có ai tranh?*

Người Bạn Sen,
Liên Du Thích Thiên Tâm

LÁ THU' TỊNH ĐỘ

1. Thơ Đáp Cho Cư Sĩ Đặng Bá Thành (1 - 2)

1. Từ buổi tương ngộ đến nay, thâm thoát đã sáu năm, không những tuyệt sương thay đổi, mà vận nước cũng khác xưa. Cảnh đời vô thường, thật nên thương cảm! Tiếp được thơ, biết cư sĩ không xao lãng Tịnh nghiệp, tôi rất vui mừng! Nhưng trong thơ thấy nói thân tâm không an vì cảnh nhà thiếu thốn, hay đau yếu dây dưa mà không an chẳng...?

Nếu cảnh nhà thiếu kém, thiết tưởng cư sĩ nên lui một bước. Phải nghĩ rằng: giữa đời, người hơn ta vẫn nhiều, song kẻ thua ta cũng không ít; chỉ cầu khỏi đói lạnh, mơ chi đến giàu sang? Thảng như cư sĩ biết vui theo số phận, an với cảnh duyên, hãy còn có thể chuyển phiền não thành Bồ đề, lo gì không đổi được u buồn thành vui đẹp? Nếu đau yếu dây dưa, nên thống niệm thân là cội khổ, sanh lòng chán lìa, gắng tu Tịnh nghiệp để cầu quyết sanh về Cực lạc. Các đức Như Lai đều lấy sự khổ làm Thầy mới thành đạo Phật, chúng ta cũng phải lấy đau bệnh làm thuốc để cầu giải thoát khỏi nẻo luân hồi. Nên biết phàm phu đủ nghiệp hoặc ràng buộc, nếu không có những nỗi khổ cơ cùng tận bệnh... tất sẽ theo đuổi theo trường sắc, thanh, danh, lợi, khó mà buông bỏ. Trong lúc đặc ý như thế, ai chịu quay đầu nhìn lại, tưởng đến sự chìm đắm về sau ư? Thầy Mạnh Tử nói: “*Người nào sắp lãnh một trọng trách thiêng liêng, trước tiên phải nhọc thân, khổ trí, hoặc đói khát, khổn cùng, việc làm thất bại. Có như thế, kẻ ấy mới rèn luyện được ý chí nhẫn nại, vững bền, tài năng cao siêu xuất chúng*”. Thế thì biết, con người được thành lập, phần nhiều nhờ nghịch cảnh, và trong trường hợp ấy, ta chỉ nên an lòng thuận chịu mà thôi. Nhưng trọng trách của Thầy Mạnh nói, chỉ là tước vị ở đời, mà còn phải khổ nhọc như thế mới làm nên; huống nữa kẻ phàm phu thấp thỏi như chúng ta, muốn gánh vác công việc trên thành đạo Phật, dưới độ chúng sanh đó ư! Nếu như không bị một chút điên đảo vì nghèo bệnh, thì tình trần lừng lẫy, Tịnh nghiệp khó thành, gương lòng sẽ bị tối mờ, nhiều kiếp trôi lăn trong ác đạo, sự giải thoát buổi tương lai chưa biết đâu là kỳ hạn!

Người xưa đã bảo: “*Vì chẳng một phen sương thấm lạnh. Hoa mai chi dễ thoảng mùi hương!*” Lời này là ý tứ trên đây vậy.

Cư sĩ nên bền chí niệm Phật để mau tiêu tức nghiệp, chớ sanh lòng phiền não rồi oán trời trách người, cho nhân quả là hoang đường, chê Phật pháp không linh nghiệm. Nên biết chúng ta từ vô thủy đến nay, gây nghiệp ác vô lượng vô biên, như Kinh Hoa Nghiêm nói: *“Giả sử nghiệp ác có hình tướng, mười phương hư không chẳng thể dung chứa hết”*. Thế thì sự tu trì lơ là chút ít, đâu dễ dứt trừ hoặc chướng hết được. Đức Thích Ca, A Di Đà vì thương xót chúng sanh không đủ sức dứt nghiệp, riêng mở pháp môn *“nương nhờ Phật lực, đời nghiệp vãng sanh”*. Ân đức ấy thật vô cùng rộng lớn, dù trời đất cha mẹ cũng khó sánh trong muôn một. Vậy cư sĩ nên hết lòng sám hối, tự có thể nhờ Phật gia bị khiến cho nghiệp tiêu, thân tâm yên ổn. Như bệnh khổ bức bách không thể nhẫn chịu, thì hôm sớm ngoài thời niệm Phật, cư sĩ nên chí thành niệm danh hiệu đức Quán Thế Âm. Vì với bốn nguyện tâm thỉnh cứu khổ, Bồ tát hiện thân khắp mười phương quốc độ; chúng sanh trong lúc nguy biến nếu có thể trì tụng kính lạy, Ngài sẽ tùy cơ cảm mà giúp đỡ, khiến cho thoát khổ được vui.

Về môn Niệm Phật, tuy giản dị nhưng rất rộng sâu. Điều cần yếu là phải chí thành tha thiết, thì đạo cảm ứng mới thông nhau, hiện đời mới được sự lợi ích chân thật. Nếu bê trễ biếng lười, không chút chi kính sợ, tuy cũng gieo nhân giải thoát về sau, nhưng quả báo của tội khinh lờn thật không thể tưởng nghĩ! Dù có chút ít phước dư khỏi đọa vào ác đạo, được sanh về cõi Trời, Người, cũng quyết khó dự nơi Liên Trì hải hội.

Đến như tượng Phật, phải tôn kính như Phật sống không nên xem là đất, gỗ, giấy, đồng. Kinh điển là Thầy của chư Phật ba đời, là pháp thân Xá Lợi của Như Lai, cũng phải kính như Phật, không nên xem là loại giấy mực. Khi đối trước kinh tượng, phải như tôi trung thờ chúa Thánh, con thảo đọc di ngôn. Được như thế tội nghiệp nào không tiêu, phước huệ nào chẳng đủ? Hiện nay hàng sĩ phu học Phật vẫn nhiều, song hầu hết đều đọc văn giải nghĩa để cung cấp cho nguồn biện luận, tỏ ra mình là một nhà thông hiểu giáo lý; xét về chỗ chí thành cung kính, y giáo tu trì, thật là ít có người! Tôi thường cho rằng: Muốn được sự thật ích của Phật pháp, phải tìm nơi lòng cung kính. Có một phần cung kính thì tiêu một phần tội nghiệp, thêm một phần phước huệ, hai ba phần cho đến mười phần cung kính cũng như vậy. Trái lại, nếu càng khinh thường thì tội chướng càng thêm, phước huệ càng suy giảm. Như thế chẳng đáng kính sợ đau tiếc lắm ư? Khi gặp bè bạn, cư sĩ nên đem ý này khuyên bảo nhau, đó là một món pháp thí rất lớn. Pháp môn Tịnh độ, như thông hiểu được, vẫn là điều rất quý, bằng có chỗ chưa rõ, cũng cứ tin chắc lời của Phật, Tổ chớ nghi ngờ, nghi thì cùng với Phật cách xa, khi lâm chung quyết

khó được tiếp dẫn. Cổ đức cho rằng: *“Pháp môn Tịnh độ chỉ có Phật với Phật mới rõ cùng tận, bậc đẳng địa Bồ tát cũng không thể thấu hiểu hết”*. Như bậc đẳng địa Đại sĩ còn không thể thấu hiểu hết, ta đâu nên đem tâm lượng phàm phu mà ước đoán sai lầm ư? Nếu muốn nghiên cứu, nên xem Tịnh Độ Thập Yếu; quyển này do Ngài Ngẫu Ích Đại sư rút những tinh hoa trong các kinh sách Tịnh độ soạn ra, rất hợp thời cơ, đáng liệt vào bậc nhất. Mở đầu quyển là tập Di Đà Yếu Giải, từ trước đến giờ về Kinh A Di Đà, chỉ có những lời chú thích này là siêu tuyệt, phải tuân giữ không nên khinh thường. Người thông minh đời nay, tuy học Phật pháp nhưng vì chưa gần gũi với bậc cụ nhân tri thức, nên hầu hết đều chuyên trọng lý tánh, bác bỏ sự tu và nhân quả. Họ đâu biết, nếu sự tu nhân quả đã mất, lý tánh cũng không còn. Lại có những kẻ tài cao, văn từ quỷ thần kinh động mà xét đến hành vi thì không khác chi hạng vô trí thức, truy nguyên đều do bác bỏ sự tu nhân quả mà ra. Mỗi tệ ấy khiến cho nhiều người lầm lạc noi theo, đó là dùng thân bàng pháp, tội lỗi không ngần! Bậc thượng trí thấy thế càng thêm xót thương đau đớn! Bộ Pháp Uyên Châu Lâm nói rõ nhân quả, sự lý đều đầy đủ, những tích báo ứng cũng tinh tường, có thể khiến cho người xem kinh sợ, dù ở nơi nhà tối cũng như đối trước Phật, trời, không dám khởi niệm ác. Với bộ này, bậc thượng, trung, hạ đều được lợi ích, chắc không đến nỗi lầm đường, chấp lý bỏ sự mà theo thói tà vạy, nông cuồng. Ngài Mộng Đông đã bảo: *“Người khéo nói tâm tánh, quyết không bỏ nhân quả; kẻ tin sâu nhân quả tất rõ suốt tâm tánh, đó là lẽ đương nhiên”*. Lời của Ngài là một chí luận ngàn đời, cũng là mũi kim đâm trên đỉnh đầu những kẻ cuồng huệ.

Bộ Pháp Uyên, các nơi lưu thông Phật pháp đều có bán. Về sự lợi ích, khi đọc xong sẽ tự rõ, cư sĩ nên khuyên tất cả bạn tri giao mua xem. Mùa thu rồi, lệnh đệ lên viếng Phổ Đà, tôi có đem những điều thành kính để khuyên nhau, nhưng không biết y có cho lời tôi là thiết thực chăng?

2. Được thơ, xem qua dễ khiến cho người vui đẹp! Thuở xưa Cừ Bá Ngọc đến năm mươi tuổi, nhìn lại năm bốn mươi chín, thấy mình còn sai lầm. Đức Không Tử lúc gần bảy mươi, ước được sống thêm lâu để học tinh tường bộ Kinh Dịch, cho khỏi điều lỗi lớn. Sự học của Thánh hiền thật đã đi cùng đến chỗ khởi tâm động niệm! Học giả đời nay ưa theo từ chương, ít ai nghĩ đến điểm chánh tâm, thành ý. Bởi thế, tuy trọn ngày đọc sách mà không rõ ý chỉ của Thánh hiền, ngôn ngữ hành vi so với chỗ học trái rất xa, như sáng, tối, vuông, tròn không thể cùng dung hợp. Ấy là chưa nói đến lỗi lầm của tâm niệm, nếu kể ra được thì biết bao nhiêu!

Kinh Phật dạy người thường tu phép sám hối, để kỳ cho dứt hết vô minh, thành đạo Bồ đề. Cho nên, đức Di Lặc tuy đến ngôi Đẳng giác, còn phải ngày đêm sáu thời lễ mười phương Phật, để cầu vô minh hết sạch, tròn chứng pháp thân, huông nữa là hạng phàm phu nghiệp lực sâu nặng ư? Nếu không biết hổ thẹn, sám hối, tuy bản tánh đồng với chư Phật, nhưng bị hoặc nghiệp che lấp, không thể hiển hiện, ví như tấm gương báu lâu đời, chẳng những không ánh sáng mà thể gương cũng bị khuất mất. Nếu biết gương sẵn tánh sáng, gia công lau chùi mãi, ánh sáng lần phát cho đến khi rực rỡ cùng cực, thành ra một vật rất quý trong đời. Nên biết ánh sáng ấy sẵn có, không phải lau chùi mà được, nếu được thì lau đá gạch cũng ung chói sáng. Lại phải biết gương tuy sẵn đủ ánh sáng, nhưng nếu không lau chùi thì cũng không thể chói sáng được. Tâm tánh chúng sanh cũng thế, tuy đồng với Phật, nhưng nếu chẳng đổi dữ làm lành, bỏ trần hiệp giác, thì tánh đức sẵn đủ đó không thể lộ bày. Đem tâm thức sẵn đủ tánh Phật đó tạo nên nghiệp khổ nhiều kiếp đắm chìm, cũng như nhà tôi có chứa cửa báu, đã không dùng được lại bị tổn thương, há chẳng đau tiếc lắm ư? Pháp môn Niệm Phật chính là phép mầu bỏ trần hiệp giác trở lại cội nguồn vậy. Người tại gia vì bị việc đời ràng buộc, khó nổi ở trong tịnh thất tham thiền tụng kinh, với pháp môn này rất là tiện lợi. Mỗi người đều có thể tùy sức tùy phần lễ tụng trì niệm để hồi hướng vãng sanh. Ngoài giờ khóa tụng chánh thức, khi đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín, động, tịnh, ăn cơm, mặc áo, tất cả thời, tất cả chỗ, đều nên niệm Phật. Nhưng, ở nơi sạch sẽ, khi nghiêm kính, niệm thầm hay ra tiếng đều được. Nếu ở chỗ không sạch sẽ (như nơi đại tiểu tiện), hoặc khi không nghiêm kính (như lúc ngủ nghỉ, tắm gội), chỉ nên niệm thầm. Khi nằm nghỉ, nếu niệm ra tiếng, đã không cung kính lại lao hơi, lâu ngày thành bệnh. Niệm thầm công đức đồng như niệm ra tiếng, nhưng cần phải rõ ràng, tha thiết và đừng xao lãng.

Cư sĩ biết phát lộ sám hối điều ấy rất hợp với pháp môn Tịnh độ, vì lẽ tâm tịnh thì cõi Phật mới thanh tịnh. Nhưng đã sám hối, tất cả phải sửa lỗi làm lành, nếu không thì thành ra nói suông chẳng được thật ích. Đến như muốn không tham luyến cảnh ngoài, chuyên niệm Phật, được nhất tâm, cũng chẳng có pháp chi kỳ lạ, chỉ đem một chữ chết dán nơi đầu, treo nơi lòng mảy, thường nghĩ rằng: *“Ta từ vô thủy đến nay, gây nghiệp ác không lường, không ngăn, giả sử nghiệp ấy có hình tướng, mười phương hư không, chẳng thể dung chứa. Duyên đâu may mắn, nay được thân người lại nghe Phật pháp, nếu không một lòng niệm Phật cầu sanh Tây phương, khi hơi thở dứt rồi, do nghiệp ác cũ chắc khó khỏi sa đọa vào Địa ngục. Chừng ấy phải chịu những sự khổ cùng cực, như vạc dầu lò lửa, rừng kiếm non đao, không biết trải bao nhiêu kiếp mới xong. Khi ra khỏi Địa ngục, bởi nghiệp*

chưa dứt, lại đọa vào loài Nga quý, bụng rất to lớn, cổ họng nhỏ như cây kim, trong miệng thường tuôn ra lửa, nhiều kiếp đói khát, không nghe được tên nước uống, cũng không có lúc tạm no lòng. Hết kiếp Nga quý, lại đọa vào nẻo Súc sanh, hoặc để cho người dùng cỡi chở, hoặc bị bán vào lò thịt. Khi được làm người thì ngu si không trí, dễ bề tạo nghiệp, khó nổi làm lành, chẳng mấy lúc lại bị đọa nữa. Nghiệp cũ trả chưa xong đã tạo nghiệp mới, cứ mãi luân hồi trong sáu đường trải qua kiếp số nhiều như bụi nhỏ, mệnh mang biển khổ không biết đâu là bến bờ”. Nếu thường xét nghĩ như thế, sự tu hành sẽ được chuyên nhất. Thuở xưa Trương Thiện Hòa, Trương Chung Quì lúc sắp chết, tướng Địa ngục hiện, niệm Phật vãi tiếng, liền thấy Phật đến tiếp dẫn vãng sanh. Sự lợi ích như thế, trọn một đời giáo hóa của Phật, trong trăm ngàn muôn ức pháp môn, chỉ thấy ở môn Niệm Phật. Tôi thường cho rằng: *“Chín cõi chúng sanh rời pháp này, trên khó nổi viên thành quả giác. Mười phương chư Phật bỏ pháp môn này, dưới không thể độ khắp quần mê”.* Nếu cư sĩ lòng tin thấu đáo, tha thiết vì sự sanh tử không móng một niệm nghi hoặc, thì tuy chưa ra khỏi đời ác trược, đã chẳng phải là người ở lâu trong cõi Ta bà, tuy chưa đến Liên bang, nhưng sẽ là khách mới của miền Cực lạc. Từ đây, khi thấy người hiền phải gắng làm cho bằng, gặp việc nhơn đừng nên thua nhượng, đâu nỡ dằn dả trễ nải để làm một lúc, lỡ muôn đời hay sao? Người có huyết tánh, chắc không chịu sống làm thầy đi thịt chạy, chết đồng mục nát với cỏ cây. Vậy cư sĩ phải nên cố gắng.

Lại, niệm Phật tuy quý ở chuyên nhất, nhưng cư sĩ trên còn cha mẹ, dưới có vợ con, đành rằng không nên quá vọng cầu sự giàu sang, song bốn phận trong gia đình cũng lo sao cho tròn, không phải tu hành là bỏ tất cả. Nếu bỏ tất cả mà cha mẹ vợ con không thiếu thốn thì được, bằng chẳng thế, đã trái với đời lại trái với đạo, điều ấy cũng nên biết qua. Phận làm con, phải đem sự tu hành khuyên cha mẹ, nếu song thân biết niệm Phật, được sanh về Tây phương thoát nẻo luân hồi, thì đạo hiếu ở đời không sao sánh kịp. Như có kẻ nào đem pháp môn Tịnh độ khuyên nhiều người tu niệm thì công đức giáo hóa sẽ về phần mình, sen vàng buổi tương lai chắc ở nơi Thượng phẩm.

2. Thơ đáp Cư Sĩ Đặng Tân An

Lời thỉnh ích của cư sĩ, tôi thật khó đối đáp! Tại sao thế? Vì chí hướng của cư sĩ lớn, kiến thức của tôi nhỏ, lớn nhỏ không đồng, cơ giáo tất khó hợp nhau. Tuy nhiên, trong thật tướng Nhất thừa, tìm tướng lớn nhỏ không thể được. Nơi ấy, nói lớn thì lớn, nói nhỏ thì nhỏ, lớn nhỏ vẫn đầy đủ tánh pháp giới. Cái nhỏ của tôi biết, lại bao trùm tất cả pháp trong mười cõi pháp. Ngài Thiện Đạo Hòa thượng

nói: Nếu muốn học về Giải, tất cả pháp từ phàm phu đến Phật địa đều nên học. Như muốn học về Hạnh, nên lựa một pháp hợp lý hợp cơ, gắng sức tinh chuyên mới mau được thật ích. Chẳng thế thì dù trải qua nhiều kiếp cũng khó thoát ly. Pháp hợp lý hợp cơ ấy không chỉ hơn dùng lòng tín nguyện, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây phương. Muốn tìm học, nên y theo Kinh Di Đà Yếu Giải và các sách Tịnh độ.

Phật giáo là một pháp công cộng trong mười phương pháp giới, ai cũng nên tu và đều có thể tu. Bởi chưa thấy rõ bản sắc của Phật giáo, một nhóm Nho sĩ lập luận mù quáng rằng: Đạo Phật bỏ nhơn luân, hại chánh lý! Tại sao mà biết họ sai lầm? Vì đức Phật đối với kẻ làm cha nói lành, với con nói thảo, với vua nói nhân, với tôi nói trung, cho đến chồng vợ kính yêu, anh em hòa thuận; tất cả lời hay hạnh tốt ở đời, trong Kinh Phật đều nói rành rẽ. Thế thì cùng với Nho giáo có khác chỗ nào? Hơn nữa, về điểm chỉ rõ lý nhơn quả ba đời, trong đạo Nho không thấy nói. Đến như những việc: dứt hoặc chứng chơn, đầy đủ Bồ đề, về nơi vô đắc, thì Nho giáo phải kém thua xa. Tiếc cho hàng Nho sĩ kia chưa thấy, nếu họ được xem kỹ và hiểu sâu lý ấy, chắc sẽ đau thương rơi lệ, tiếng khóc động cõi đại thiên, hối hận vì mình đã khinh báng Phật giáo! Nhưng dùng lời báng pháp tội nhỏ, dùng thân báng pháp tội lớn vô cùng! Đời nay có những người ưa nói Đại thừa cho rằng mình đã ngộ đạo, bảo: Ta chính là Phật, cần gì phải niệm Phật? Phiền não tức Bồ đề, cần gì dứt phiền não? Dâm, giận, mê là giới, định, huệ, cần gì trừ bỏ dâm, giận, mê? Lời nói của họ thật cao trên chín tầng mây, việc làm xét lại ở dưới chín lớp đất! Những người như thế, gọi là oan gia của nhà Phật, so với kẻ không biết Phật pháp mà khinh báng, tội còn nặng hơn muôn phần. Với hạng sau này, luận về công họ nghiên cứu Phật pháp chẳng phải toàn là vô ích, nhưng chỉ làm cái nhân được độ về sau. Còn tội dùng thân báng pháp quyết phải chịu khổ trong đường ác đạo không biết bao nhiêu kiếp số.

Cư sĩ nên nghiên cứu kinh luận Đại thừa cho chỗ hiểu biết được đầy đủ. Về phần tu, phải lấy tín nguyện, trì danh làm chánh hạnh. Đến như lúc cư xử bình thường, hoặc sợ làm tội không hay, giảm phước không biết, nên đọc bộ An Sĩ Toàn Thư và Pháp Uyển Châu Lâm tất sẽ nắm được khuôn phép để giữ gìn, tâm niệm không dám buông lung nữa. Thảng hoặc còn sợ mình kiểm soát không kịp, nên y theo phép công quá cách của đức Phù Hựu Đế Quân mà thực hành, thì có thể vượt phàm lên Thánh, dứt hoặc chứng chơn. Như thế, ở nước Trung Hoa này, cư sĩ sẽ là người ít ai hơn được.

3. Thơ đáp Cư Sĩ Cao Thiệu Lân (1 - 2)

1. Trong bức thư gửi đến, thầy nói cư sĩ đang nhiếp tâm niệm Phật, lay Kinh Pháp Hoa, và gắng trừ lỗi mà chưa được như ý, nghĩ muốn y theo phép công quá cách để tự kiểm điểm mỗi ngày. Bao nhiêu điều ấy, đủ chứng sự tu hành của cư sĩ gần đây là thiết thật vì mình, không như những kẻ tự khi dối người, phô trương bề ngoài để cầu danh dự. Như thế còn gì hay hơn, tôi xin tùy hỷ.

Phép lễ tụng trì niệm, phải lấy lòng thành kính làm chủ. Nếu thành kính cùng cực, dù ở địa vị phàm phu công đức chưa được viên mãn, nhưng kết quả cũng khó nghĩ bàn! Trái lại thì, tuy lễ tụng, xét ra khác gì múa hát, dù có bày nét khổ, vui, thương cảm, đều là giả trang vì chẳng phải tự nơi đáy lòng phát lộ. Nếu có công đức, chẳng qua là si phước ở cõi Trời, Người, mà chính đó là chỗ y cứ để gây nghiệp ác, gieo nên quả khổ vô lượng về sau. Nên đem điều này tỏ khắp với đồng bạn, khuyên nhau chơn thật tu hành để sự lợi ích được lan rộng. Cách thức lay kinh của cư sĩ lập ra, về lý vẫn không ngại, nhưng về sự, nếu lay suông, phải niệm: Nam Mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Pháp Hoa Hội Thượng Phật, Bồ tát. Niệm xong cúi xuống lay, vừa tưởng bài kệ lễ kính:

*“Pháp tánh chơn không tợ hư không,
Pháp bảo thường trụ khó nghĩ bàn!
Nơi trước Pháp bảo hiện bóng con,
Như pháp một lòng nương kính lay.”*

Lại tưởng toàn bộ kinh và chư Phật, Bồ tát ở trong kinh đều phóng ánh sáng soi đến thân mình cùng các loài hữu tình trong pháp giới. Nếu lay từng chữ, phải niệm: Nam Mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh (...) tự Pháp bảo. Cứ lay chữ nào thì niệm chữ ấy, từ chữ: Như, thị, ngã, văn... cho đến hết bộ kinh đều niệm như thế. Nhưng phép quán tưởng chẳng phải dễ, nếu hiểu lý không rành hoặc tâm thức rối loạn, sợ e bị những việc ma. Điều cần yếu phải lấy sự chí thành cung kính làm chủ, nếu quán tưởng được thì quán, bằng không, nên đem hết lòng thành mà lay, công đức cũng vô lượng. Theo chương trình của cư sĩ đã lập: đối trước kinh mà lay, khi lay xuống tưởng kệ, lúc đứng lên niệm Phật, quán Phật..., tốt hơn là nên để kinh trước bàn Phật cúng dường rồi chuyên nhất lễ Phật A Di Đà. Chớ cho rằng công đức duyên tưởng một vị Phật không rộng lớn bằng duyên tưởng nhiều vị Phật. Nên biết Phật A Di Đà là pháp giới tạng thân, bao nhiêu công đức của chư Phật trong mười phương pháp giới, nơi một đức Phật A Di Đà đều đầy đủ cả. Ví như lưới châu của trời Đế Thích, ngàn châu hiện đủ trong một hạt châu, một hạt

châu in bóng khắp ngàn châu, mỗi châu đều dung nhiếp lẫn nhau, không dư không thiếu. Nếu bậc Đại sĩ tu hành đã lâu, không ngại gì duyên cảnh rộng nhiều, cảnh càng nhiều tâm càng chuyên nhất. Trái lại kẻ mới học đạo, nếu duyên cảnh nhiều tâm thức sẽ rối loạn, và người chướng sâu huệ cạn có khi còn bị những việc ma. Vì lẽ ấy, Thế Tôn ta và chư Tổ đều bảo phải một lòng chuyên niệm Phật A Di Đà, đợi khi nào chứng được Tam muội thì trăm ngàn pháp môn, không lường diệu nghĩa thấy đều đầy đủ. Người xưa nói: Tắm được biển cả, tức là dùng nước trăm sông; đến điện Hàm Ngươn còn hỏi Trường An chi nữa? Lời này có thể gọi là một tượng trưng rất đúng cho lẽ trên đây vậy.

Đến như sự dứt dũ làm lành, thành thật kiểm điểm lấy mình, tuy không chi hay hơn phép công quá cách; nhưng nếu tâm không chuyên chú nơi sự thành kính, dù mỗi ngày có ghi công chép lỗi cũng là việc suông. Sổ công quá cách ở vùng này chưa thấy có. Cứ theo chỗ hiểu của tôi, chỉ nên giữ lòng thành kính trong tất cả thời, đừng để một niệm không tốt nổi lên, khi đối đãi với người phải luôn luôn gìn lòng trung thứ. Được như thế, dù vọng niệm có thoát khỏi cũng liền tự biết, biết rồi liền trừ, tất ba nghiệp không bị lôi cuốn vào đường lầm lạc. Những kẻ tiểu nhơn bề ngoài hiền lành, trong lòng ác độc, cho rằng không ai biết mình; đâu ngờ người phạm dù không biết, song bậc tu hành đặc đạo, thấy hiểu rõ ràng. Lại, chư thiên, quỷ thần tuy chưa đặc đạo, nhưng nhờ quả báo có tha tâm thông, nên cũng hiểu biết được. Nói gì là các bậc Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát và chư Phật, tha tâm đạo nhãn thấy suốt ba đời như xem nơi lòng bàn tay đó ư? Muốn không biết, chỉ có mình không biết thì được, nếu mình biết thì trời đất, quỷ thần, Phật, Bồ tát tất rõ biết. Hiểu nghĩa này, tuy ở nơi nhà tối, chỗ vắng cũng không dám móng niệm ác. Kẻ ngoan cố nếu được biết lý trên đây cũng tự hổ thẹn, lựa người chơn tu hay sao? Như muốn bớt lỗi phải ghi nhớ điểm này, hằng đem lòng kính sợ. Nhưng đây là ước theo chỗ hiểu biết cạn cợt của tình đời mà nói, thật ra tâm ta cùng mười phương pháp giới đồng thể dung hợp, vì ta mê nên sự thấy biết chỉ cuộc ở riêng mình. Mười phương chư Phật chứng suốt tạng tâm, tất cả chúng sanh trong pháp giới khởi lòng động niệm, các Ngài đều thấy biết rõ rệt như hình tượng in bóng trong gương. Đó là vì chư Phật đã vào bản thể bình đẳng chân như, mình và người không khác.

Nếu cư sĩ rõ suốt nghĩa này, có thể tự dè dặt sợ hãi, giữ lòng kính thành, trước tiên còn gắng sức trừ vọng, lâu ngày vọng niệm sẽ tiêu mòn không khởi nữa.

2. Được thơ, biết gần đây cư sĩ tu trì thân thiết, xét mình sửa lỗi noi dấu Thánh hiền, chẳng phải cầu lấy hư danh, tôi lấy làm vui đẹp! Muốn học Phật, Tổ,

thoát sanh tử, những điểm đầu tiên là: hổ thẹn, sám hối, dứt dữ, làm lành, giữ trai giới và thường tự răn nhắc. Lại cần phải đạt đến chỗ thật, hết sức mà làm, bằng không thì thành sự dối ở trong giả dối. Cho nên, biết không khó, làm mới chính là khó! Nhiều bậc thông minh giữa đời, vì nói có làm không, thành thử luống qua một kiếp, uống chơi non báu đi về tay không, thật rất đáng đau tiếc! Vọng niệm lầy lùnh là do bởi chưa chơn thiết giữ gìn chánh niệm, nếu cứ chuyên chú một cảnh thì vọng tưởng sẽ đổi thành chánh trí. Cho nên, trị đắc sách thì giấc cướp đều là con đỏ, trị thất sách tuy kẻ tâm phúc cũng hóa oan gia. Ở địa vị phàm phu, ai lại không có nghiệp hoặc? Nhưng khi bình thường nếu đề phòng trước, lúc gặp cảnh duyên, phiền não mới không bạo phát; dù phát khởi cũng có thể liền tự biết mà dứt trừ. Những cảnh làm duyên để khởi phiền não rất nhiều. Nhưng mạnh nhứt là tiền của, sắc đẹp và chuyện ngang trái bất thường. Nên biết của tiền phi nghĩa hại hơn răn độc, thì không còn lòng tham muốn khi thấy của. Giúp đỡ người chính là xây đắp nền phước đức cho mình về sau, biết như thế, khi có ai hoạn nạn cầu cứu, không vì tiếc của không cho, mà khởi lòng phiền não. Về sắc đẹp, lúc đối trước người xinh tốt như hoa, tợ ngọc, cho đến kẻ kỹ nữ, nên tưởng đó là chị, hoặc em ruột, sanh lòng cứu độ xót thương, tất không bị sắc làm động niệm ái dục. Ở gia đình, chồng vợ phải kính nhau như khách, nên xem thê thiếp là người ơn giúp đỡ lẫn nhau và vì sự nối dõi dòng họ, mới không bị sắc dục hại mình. Đến như gặp việc ngang trái nên sanh lòng xót thương dung thứ cho kẻ không biết lỗi lầm, chớ tranh chấp hơn thua. Lại tưởng rằng: kiếp trước mình đã từng làm khổ hại người, hôm nay bị việc này là trả nợ tiền khiên; nghĩ như thế thì tự nhiên vui vẻ, không sanh lòng nóng giận muốn báo cừu. Song, những phương pháp trên đây là để áp dụng với kẻ sơ cơ, nếu bậc Đại sĩ tu hành đã lâu, bao nhiêu phiền não đổi thành tạng tâm sáng suốt, muôn cảnh vẫn không thật tánh, những việc tổn hại lợi ích đều tự nơi người mà thôi.

Đến như luận về pháp môn Niệm Phật thì Tín, Nguyện, Hạnh là tông yếu. Ba món này đầy đủ, quyết định được vãng sanh. Về phần Tín, Nguyện, nên để tâm chú trọng, phải một lòng cầu về Tây phương, chớ mong kiếp sau trở lại làm người hưởng sự giàu sang. Chẳng những không muốn thọ thân vua ở cõi Trời, Người, dù cho thân một vị cao Tăng nghe một hiểu ngàn, được đại tổng trì, mở rộng pháp hóa làm lợi ích chúng sanh, cũng xem như gốc tội không khởi niệm ưa thích (vì đó là ngộ chớ chưa phải chứng, vẫn còn bị luân hồi và có thể đọa lạc). Được như thế thì tín nguyện của ta mới cảm đến Phật, và thệ nguyện của Phật mới có thể nhiếp thọ ta. Nên biết cõi Cực lạc chẳng những sức phàm phu không thể đến, mà chính bậc Thánh Tiểu thừa cũng không đến được, vì nơi ấy là cảnh bất tư nghì của Đại thừa.

Bậc tiểu Thánh hồi tâm về Đại thừa mới có thể đến, còn phàm phu nếu không tín nguyện cảm Phật, dù cho có tu tất cả thắng hạnh và hạnh màu trì danh cũng không thể vãng sanh. Cho nên, tín nguyện rất là cần yếu. Ngài Ngẫu Ích nói: “*Được sanh cùng chẳng, toàn do tín nguyện có hay không; phẩm sen cao thấp, đều bởi trì danh sâu hoặc cạn*”. Đây là một luận án sắt, dù ngàn Phật ra đời cũng không thay đổi. Với lẽ này, nếu cư sĩ nhận chắc, mới có phần nơi cõi Tây phương.

Như niệm Phật khó quy nhất, phải nhiếp tâm niệm kỹ. Phép nhiếp tâm không gì hơn chí thành, tha thiết, nếu không chí thành mà muốn quy nhưt ấy là điều rất khó. Đã chí thành niệm còn chưa thuần, phải lắng tai nghe. Không luận niệm thầm hay ra tiếng, đều phải niệm khởi từ nơi tâm, tiếng ra từ nơi miệng rồi lại vào tai (dù niệm thầm nơi ý vẫn có tướng miệng niệm). Tâm và miệng rành rẽ, tai nghe rõ ràng nhiếp tâm như thế, vọng niệm tự dứt. Nếu làn sóng vọng tưởng nổi trào quá mạnh, nên dùng phép Thập Niệm Ký Số đem hết tâm lực chuyên vào câu niệm Phật, thì vọng tưởng bị đàn áp không có chỗ xen hở để nổi lên. Phép này nhiếp tâm rất tuyệt diệu, thuở xưa những vị hoàng dương tông Tịnh độ chưa nói đến là vì căn cơ người thời ấy còn sáng lẹ, không cần dùng cách này vẫn có thể niệm Phật được quy nhưt. Ấn Quang tội vì tâm khó điều phục, nhiều phen dùng thử mới biết là hay, nguyện cùng những người độn căn đời sau y theo tu tập để được đồng sanh về Cực lạc.

Thập Niệm Ký Số là khi niệm Phật phải ghi nhớ rành rẽ từ một đến mười câu, hết mười câu liền trở lại một, cứ như thế xoay vần mãi. Nhưng phải niệm trong vòng mười câu mà thôi, không được hai hoặc ba mươi câu, lại không nên lần chuỗi, chỉ dùng tâm ghi nhớ. Nếu nhớ niệm luôn một mạch mười câu thấy khó, thì phân làm hai đoạn, từ một đến năm, từ sáu đến mười. Nếu hoặc còn thấy kém sức lại chia làm ba hơi, từ một đến ba, bốn đến sáu, bảy đến mười. Cần đề ý: Niệm, nhớ và nghe phải rõ ràng, vọng niệm mới không xen vào được. Dùng phép này lâu, sẽ được nhất tâm. Nên biết phép Thập Niệm Ký Số cùng phép Thập Niệm của Ngài Từ Vân, về phần nhiếp vọng thì đồng, phần dụng công lại rất khác. Phép Thập Niệm tùy theo hơi người dài ngắn, không luận được bao nhiêu câu Phật, cứ một hơi kể là một niệm. Về phép này mỗi buổi sớm mai, chỉ dùng trong mười niệm mà thôi, nếu quá số ấy lâu ngày sẽ thành bị lao hơi. Phép Thập Niệm Ký Số thì niệm một câu biết một câu, mười câu biết mười câu, từ một đến mười rồi trở lại, dù cho mỗi ngày niệm cho đến mấy muôn câu cũng ghi nhớ như thế. Niệm như vậy không những trừ được vọng, lại có thể dưỡng thần, vì tùy sức tùy ý, hoặc chậm hoặc mau, không chi trở ngại. Lại, so với cách niệm lần chuỗi ghi số, phép Thập

Niệm Ký Số lợi ích hơn nhiều vì lần chuỗi thân mỗi nhọc, tinh thần xao động, còn cách này thì thân nhàn mà tâm an. Chỉ những khi nào làm việc, hoặc khó ký số, nên khẩn thiết niệm suông, đợi lúc xong việc lại nhiếp tâm ký số. Như thế thì vọng tưởng không còn tung hoành, tâm cảnh an trụ vào câu niệm Phật.

Đức Đại Thế Chí Bồ tát nói: *“Nhiếp cả sáu căn, tịnh niệm nối liền, được Tam Ma Địa, đây là bậc nhất”*. Lời này với hạng lợi căn thì không cần luận, nếu kẻ độn căn như chúng ta, bỏ phép Thập Niệm Ký Số mà muốn nhiếp sáu căn, nối tịnh niệm, thật khó vô cùng! Cách niệm Phật lần chuỗi chỉ nên dùng trong những khi đi đứng, còn lúc tịnh dưỡng thân, nếu lần chuỗi thì do tay động, thân cũng không an, lâu ngày có thể sanh bệnh. Khác hơn thế, phép Thập Niệm Ký Số lúc đi, đứng, nằm, ngồi đều dùng được, nhưng khi nằm chỉ nên niệm thầm, nếu ra tiếng đã không cung kính lại bị lao hơi, nên nhớ kỹ.

Cư sĩ tuổi đã năm mươi, nếu muốn được giải thoát trong hiện đời, phải chuyên chú nơi môn Tịnh độ. Kinh Kim Cang, Pháp Hoa nên tạm gác một bên, đợi khi nào lý Tịnh độ thông suốt, niệm Phật được như tâm rồi sẽ hay. Nếu bây giờ vừa nghiên cứu vừa tu hành, e cho thời gian có hạn, trí lực không kham, bên nào chẳng thành bên nào, hai sự lợi ích cùng bị mất cả đó.

4. Thơ gửi Cư Sĩ Trần Tích Châu

Đức Như Lai ra đời nói pháp độ sanh, vẫn muốn cho tất cả loài hữu tình đều thoát khỏi sự sống chết, chứng ngay đạo Bồ đề. Nhưng vì chúng sanh căn cơ sai khác, không thể hoàn toàn thỏa mãn tám lòng xuất thế của Phật, nên đấng Từ Nghiêm chỉ còn có cách tùy theo cơ nghi mà lần lượt dẫn dụ. Với bậc đại căn, đức Thế Tôn vì nói Phật thừa chỉ ngay bản tánh, khiến cho một đời tròn chứng quả Phật, như Thiện Tài trong Kinh Hoa Nghiêm, Long Nữ trong Kinh Pháp Hoa. Bậc thứ, thì Ngài vì nói Bồ tát, Duyên giác hoặc Thanh văn thừa khiến cho lần lượt tu tập và chứng quả. Bậc thứ nữa, Ngài lại vì nói ngũ giới, thập thiện, khiến cho không đoạ vào đường ác, thọ thân Trời, Người, lần lượt gieo hạt giống lành, tùy theo thiện căn lớn nhỏ, về sau trong pháp tam thừa do sức huân tập cũ mà phát ra hiện hạnh tu tập; hoặc có kẻ y theo Bồ tát thừa tu sáu độ muôn hạnh, chứng được pháp thân, hoặc có kẻ y theo Duyên giác, Thanh văn thừa, ngộ mười hai nhân duyên và pháp Tứ Đế mà dứt hoặc chứng chơn. Các pháp môn ấy tuy có lớn, nhỏ, mau, chậm không đồng, nhưng đều phải dùng sức mình tu tập sâu dày mới có thể thoát nẻo luân hồi, chứng vào bản tánh. Nếu hai món hoặc kiến, tư còn chừng một mảy tơ thì gốc sanh tử vẫn chưa trừ được. Dù cho sức định huệ có sâu, cũng y như

cũ theo đường luân chuyển. Như bậc A na hàm còn phải sanh về cõi trời Ngũ Bát Hoàn, trải qua nhiều kiếp mới chứng quả A la hán. Đến địa vị này thì gốc sanh tử mới dứt hẳn. Nhưng đó cũng chỉ là quả nhỏ của hàng Thanh văn, còn phải hướng về nẻo đại Bồ đề, nương theo bản nguyện thọ sanh trong mười phương thế giới, rộng tu sáu độ muôn hạnh, để trên cầu đạo Phật, dưới độ chúng sanh. Từ đó tùy nơi công hạnh của mình sâu cạn hoặc chậm mau, mà lần lượt chứng vào Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, rồi Đăng giác. Đến vị này lại còn phá một phẩm vô minh, chứng một phần Tam Đức mới vào ngôi Diệu giác mà thành Phật.

Trong một đời thời giáo của Như Lai, các pháp môn tuy không lường không ngần, song địa vị chứng nhập rốt lại không qua những ngôi thứ trên đây. Như bên tông Thiền chỉ ngay bản tâm, thấy tánh thành Phật, rất là tròn tắt mau lẹ; nhưng đó là ước theo pháp thân saün có, không trải qua nhân quả tu chứng mà luận, nếu y theo địa vị tu chứng thì cũng không gì khác với bên Giáo. Giữa đời Mạt pháp này, bậc Thiện tri thức rất ít, căn người lại hèn kém, tìm được kẻ tỏ ngộ còn khó thay, huống chi là thật chứng? Đức Như Lai biết chúng sanh nếu chỉ nương nơi sức mình rất khó được giải thoát, nên ngoài các pháp môn, lại mở riêng môn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Như lòng tin nguyện được chơn thiết, dù cho kẻ phạm tội Ngũ nghịch Thập ác khi sắp chết tướng Địa ngục hiện, có bậc Thiện tri thức dạy bảo niệm Phật mười câu hoặc một đôi câu, cũng được nhờ sức từ của Phật tiếp dẫn vãng sanh, huống nữa là người tu các pháp lành không làm ác ư? Nếu là bậc tinh tu phạm hạnh, sức thiền định sâu thì phẩm sen càng cao, thấy Phật nghe pháp mau lẹ, đến như người đại triệt đại ngộ, dứt hoặc chứng chơn cũng nên hồi hướng vãng sanh, để cầu tròn chứng pháp thân, mau thành quả Phật. Các pháp môn khác, nếu nhỏ thì hạng đại căn không cần tu, lớn thì hạng tiểu căn không thể tu; chỉ có môn Tịnh độ này trùm khắp ba căn, gồm thâu lợi độn, cao siêu như đức Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, không thể vượt ra ngoài, thấp kém như kẻ Ngũ nghịch, Thập ác chủng tánh A tỳ cũng được dự vào trong. Giả sử đức Như Lai không mở môn này, thì chúng sanh đời Mạt pháp chẳng còn hy vọng thoát đường sanh tử. Nhưng pháp môn Tịnh độ tuy rộng lớn như thế, mà cách tu lại rất dễ dàng. Vì có ấy, chẳng những phàm phu khó tin mà hàng Nhị thừa cũng đa nghi, cho đến bậc quyền vị Bồ tát hoặc còn lòng ngờ, trừ những người kiếp trước có gieo căn lành Tịnh độ và bậc Đại thừa Bồ tát quả vị đã cao mới sanh được lòng tin sâu chắc. Như Thái tử khi vừa sanh ra, tuy tài đức chưa lập, song nhờ thế lực của vua cha, nên sang trọng hơn quần thần, người đủ tin nguyện niệm Phật dù là phàm phu song chủng tánh đã hơn Nhị thừa, vì biết đem tâm phàm gieo vào biển giác, thâm hiệp với đạo mầu, nhờ sức Phật mau lên bậc Bất thối.

Muốn nói môn Tịnh độ, nếu không so sánh lược qua sự khó dễ về tự lực của các môn khác cùng tha lực của pháp này, thì dù không nghi pháp cũng sanh ra nghi ngờ chính mình. Và nếu lòng nghi còn một mảy tơ, tất sẽ nhân nghi thành chướng, đừng nói không tu, có tu cũng chẳng được hoàn toàn thật ích. Vì thế tin là điều nên tìm cầu trước nhất. Phải tin nhận chắc cỏi Ta bà thật là khổ, cỏi Cực lạc thật vui. Sự khổ ở Ta bà không lường, không ngần, ước lại có tám điều: sanh, già, bệnh, chết, thương xa lìa, oán gặp gỡ, cầu không toại ý, năm ấm lấy lừng. Tám món này, dù sang như vua chúa, hèn như kẻ ăn xin cũng không tránh khỏi. Bấy thứ trước là quả cảm của đời quá khứ, một món sau là nhân khổ của đời vị lai, nhân quả dây dưa nối nhau không dứt, hết kiếp này đến kiếp khác chẳng được thoát ly. Ngũ ấm là năm món che, vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức che lấp chơn tánh như mây đen án mặt trời không cho ánh sáng hiển lộ, và đối với sáu trần khởi hoặc gây nghiệp như ngọn lửa bốc cháy nên gọi là lấy lừng. Món thứ tám này là cội gốc của tất cả sự khổ. Người tu hành khi sức thiền định đã sâu, không chấp sáu trần, không khởi lòng ưa ghét, từ nơi điểm ấy gia công thì hoặc nghiệp sẽ lần trừ sạch, dứt hẳn nguồn sanh tử. Nhưng công phu ấy rất không dễ, trong đời Mạt pháp thật khó có người làm được, nên cần phải chuyên tu Tịnh nghiệp cầu sanh Cực lạc, nhờ sức từ của Phật tiếp dẫn về Tây phương. Đã đến cỏi ấy, hóa sanh nơi hoa sen, thì không còn sự khổ về sanh; thuần tướng đồng nam, sống lâu như hư không, thân không suy biến, thì già, bệnh, chết chẳng còn nghe tên hưởng là có thật? Từ đó bạn cùng Thánh chúng, gần với Di Đà, chìm nước rừng cây diễn nói pháp màu, tùy nơi căn tánh nghe rồi tu chứng, chừng ấy người thân còn không có, lựa là oan gia? Ở cỏi Cực lạc, tướng ăn được ăn, tướng mặc được mặc, cung điện lâu đài đều là châu báu tự nhiên hóa hiện, bảy điều khổ ở cỏi trước đã đổi thành bảy điều vui, đến như thân thì có thần thông oai lực lớn, không rời chỗ ở, trong một niệm có thể đến khắp mười phương thế giới làm những việc cầu Phật độ sanh; tâm thì có trí huệ biện tài cao, nơi một pháp biết hết thật tướng các pháp, tuy nói việc thế gian đều hợp với lý màu. Thế là nỗi khổ năm ấm cũng không còn, chỉ hưởng sự yên vui tịch tịnh. Cho nên trong kinh nói: *“Thế giới ấy tên là Cực lạc, vì chúng sanh ở cỏi đó không có các sự khổ, chỉ hưởng những điều vui”*. Tóm lại, nỗi khổ ở Ta bà tả chẳng xiết, sự vui ở Cực lạc nói không cùng, nếu cư sĩ dứt hẳn mọi nghi ngờ, tin chắc lời của Phật, mới gọi là tin sâu. Nên đề ý: đừng đem trí hiểu biết của phàm phu suy độ, nhận lầm rằng: *“Bao nhiêu sự màu lạ không thể nghĩ bàn ở Tây phương đều thuộc về ngụ ngôn để thí dụ cho tâm pháp, chớ không phải cảnh thật”*. Nếu có sự hiểu biết lầm lạc ấy, tất sẽ mất điều lợi ích vãng sanh Tịnh độ, mối hại này rất lớn, phải nên cẩn thận.

Đã biết Ta bà là khổ, Cực lạc là vui, nên phát lòng thệ nguyện thiết thật, nguyện lìa Ta bà về Cực lạc. Lòng nguyện ấy ví như người bị sa xuống hầm nhờ cầu mau ra khỏi, lại như kẻ ở lao ngục mong nhớ cố hương. Sự mong cầu cần phải khẩn thiết, vì sức mình không thể tự thoát khỏi, phải nhờ bậc có thế lực lớn dìu dắt. Chúng sanh ở cõi Ta bà, đối với cảnh thuận nghịch khởi lòng tham, giận, mê, gây nghiệp giết, trộm, dâm, làm ô uế bản tâm trong sạch, ấy là hầm nhờ sâu thẳm. Đã gây nghiệp ác, tất chịu quả khổ, trải nhiều kiếp luân hồi trong sáu nẻo đó là lao ngục lâu dài. Về kiếp trước, đức A Di Đà phát bốn mươi tám lời nguyện độ sanh, trong ấy có một nguyện: *“Nếu chúng sanh nào nghe danh hiệu Ta, chí tâm xưng niệm cho đến mười lần, cầu sanh về Cực lạc, như không được vãng sanh, Ta thề không thành Phật”*. Đức Từ phụ tuy thệ nguyện độ sanh như thế, nhưng nếu chúng sanh không cần tiếp dẫn, Phật cũng chẳng biết làm sao? Như có người hết lòng xưng danh, cầu lìa cõi Ta bà, đều được Phật xót thương tiếp dẫn. Đức A Di Đà oai lực rất lớn, có thể cứu vớt loài hữu tình ra khỏi hầm nhờ lao ngục ở cõi trước, đem về Cực lạc, khiến cho vào cảnh giới Phật, đồng sự thọ dụng của Như Lai. Muốn sanh Tây phương, trước phải tin sâu nguyện thiết. Thiếu hai điều này, dù có tu, cũng không thể cảm ứng với Phật, chỉ được phước báo cõi Trời, Người và gieo nhân giải thoát về sau mà thôi. Nếu tín nguyện đầy đủ thì muôn người vãng sanh không sót một. Ngài Vĩnh Minh đã bảo: *“Muôn tu, muôn người về”* là chỉ cho người có tín nguyện đầy đủ vậy. Đã tin sâu, nguyện thiết lại phải tu hạnh niệm Phật, dùng tín nguyện làm tiên đạo, niệm Phật làm chánh hạnh. Ba món này chính là tông yếu của pháp môn Niệm Phật, nếu thiếu một, quyết không thể vãng sanh.

Về hạnh niệm Phật, đều tùy theo hoàn cảnh của mỗi người mà lập, không thể chấp định một lẽ lối. Như thân được nhàn nhã, nên từ mai đến chiều, chiều lại mai, đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín, động, tịnh, mặc áo, dùng cơm, cho đến lúc đại tiểu tiện, tất cả thời, tất cả chỗ, làm sao cho câu niệm Phật chẳng rời lòng. Như khi tắm gội sạch sẽ, y phục chỉnh tề và chỗ nơi thanh khiết thì niệm thầm hay ra tiếng đều được. Nếu lúc ngủ nghỉ, mình trần, đi đại tiểu tiện, và chỗ nơi không sạch, chỉ nên niệm thầm; chớ nói là những khi không nghiêm sạch như thế chẳng nên niệm, chỉ e lúc ấy niệm không được đó thôi! Tuy rằng niệm Phật là công việc suốt đời đừng cho xen hở, nhưng mỗi buổi sớm mai phải lễ Phật, trước tụng Kinh A Di Đà qua một lần, chú vãng sanh ba lần, rồi đọc bài kệ *“A Di Đà Phật thân sắc vàng...”* Đọc kệ xong, niệm *“Nam Mô Tây phương Cực Lạc Thế Giới, Đại Từ Đại Bi, A Di Đà Phật.”* Kế tiếp niệm *“Nam Mô A Di Đà Phật”* hoặc năm trăm câu, một ngàn câu, càng nhiều càng tốt. Khi niệm nên đi nhiều quanh bàn Phật, nếu chỗ đi nhiều không tiện, thì quì, hoặc ngồi, hoặc đứng niệm đều được. Niệm sắp

xong lại quì trước bàn Phật niệm Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Hải Chúng, mỗi Thánh hiệu 3 lần, rồi đọc bài văn Tịnh độ, phát nguyện hồi hướng vãng sanh. Đọc văn Tịnh độ là y theo nghĩa trong văn mà phát tâm, nếu chẳng thế thì thành đọc suông, không được thật ích. Sau bài phát nguyện, niệm Tam Quy Y, lễ Phật lui ra. Đây là thời khóa buổi mai, chiều cũng như thế. Nếu muốn lay Phật nhiều, hoặc sau khi niệm Phật, tùy ý đánh lễ, kế tiếp chín lần xưng danh Bồ tát, lễ chín lay rồi phát nguyện hồi hướng; hoặc lúc công khóa xong, muốn lay bao nhiêu cũng được. Lễ Phật phải chí thành khẩn thiết, chẳng nên lếu láo thô sơ; bỏ đoàn không được quá cao, cao thì mất sự cung kính.

Như công việc đa đoan không rồi rảnh, nên định vào buổi sáng sớm sau khi súc miệng rửa mặt, có bàn Phật thì đến trước lễ ba lay, rồi đứng thẳng chấp tay niệm “*Nam Mô A Di Đà Phật*” hết một hơi là một niệm. Niệm đủ mười hơi, tiếp đọc bài kệ “*Nguyện cùng người niệm Phật. Điều sanh về Cực lạc. Thấy Phật thoát sanh tử. Như Phật độ tất cả.*” Đọc kệ xong, lễ Phật ba lay lui ra. Nếu không bàn Phật thì chấp tay hướng về phương Tây cũng như cách thức trên mà niệm. Đây là phép Thập Niệm của Ngài Từ Vân Sám Chủ lập ra cho hàng vua quan, việc chánh rồi nhiều không đủ thời giờ tu tập. Tại sao phải niệm luôn hết một hơi? Vì tâm chúng sanh tán loạn lại không rảnh để chuyên niệm, niệm như thế là mượn hơi nhiếp tâm khiến cho quy nhứt. Nhưng phải tùy hơi dài ngắn không nên ép, ép thì hao hơi; lại chỉ giữ đủ mười niệm không nên hai hoặc ba mươi, nhiều cũng lao hơi. Bởi vì tán tâm niệm Phật khó được vãng sanh, phép này làm cho tâm chuyên nhất, tuy số niệm có ít nhưng công đức rất sâu, quyết định sẽ sanh về Cực lạc. Lúc rảnh và gấp đã có cách thức, thì khi bình thường không rảnh gấp, nên châm chước mà lập phép tắc tu trì.

Lại người niệm Phật, mỗi việc phải gìn lòng trung thứ, mỗi niệm đề phòng sự lỗi lầm, biết lỗi mau cải, thấy việc nghĩa vui làm, mới hợp với Phật. Nếu chẳng thế, tất nơi lòng còn có sự chướng ngại, không hợp với tâm Phật, quyết khó cảm thông. Và, khi lễ bái, tụng Kinh Đại thừa cùng làm tất cả việc hữu ích trong đời, đều phải hồi hướng về Tây phương, không nên chỉ đem hạnh niệm Phật hồi hướng vãng sanh, còn bao nhiêu công đức kia để hồi hướng về phước báo thế gian. Nếu như thế là tâm không quy nhứt rất khó vãng sanh. Phải biết người chân thật niệm Phật, tuy không cầu phước báo thế gian, song cũng được sống lâu, mạnh khỏe, cửa nhà yên vui, con cháu phát đạt, tóm lại bao nhiêu phước báo ở đời đều được đầy đủ. Nếu riêng cầu phước không chịu hồi hướng vãng sanh, thì trái lại phước báo rất kém ít, có hại đến sự vãng sanh. Pháp môn Niệm Phật các Kinh Đại thừa đều

khen ngợi, Kinh Tiểu thừa tuyệt không nói đến, người chưa thông giáo lý bác niệm Phật là Tiểu thừa, ấy là nói càn, chớ nên nghe theo. Đến như sự cầu cơ mà cư sĩ nói, phần nhiều thuộc về loài linh quỷ dựa theo trí thức của người cầm cơ để viết ra. Trong ấy nếu bàn về việc thế gian thì có phần đúng, còn về Phật pháp, vì không phải chỗ họ hiểu biết, nên làm đặt ra điệu ngôn như sau quyển Kim Cang Trục Giải có phụ thêm những hiệu Tiên Thiên, Cổ Phật v.v... Ấy là lời ma rất ác, làm mất trí huệ, hại chánh kiến của người, nếu đem ra truyền bá, đã không phước còn mang tội lớn nữa.

5. Thơ đáp Cư Sĩ Lâm Giới Sanh

Đã mấy năm không gặp nhau, tác lòng hằng tưởng nhớ đến cư sĩ. Mùa thu rồi, nhân lệnh huynh Lâm Chi Phân đi dự kỳ hương thí, có đem thơ đến Phổ Đà, tôi mới được biết sự tu trì của cư sĩ trong thời gian gần đây. Nghe nói trong nhà bất hạnh, mất đứa con yêu, nên cư sĩ hôm sớm thương buồn không an, tôi muốn nói rõ sự lý nhân quả, nhưng vì công việc biên soạn quá gấp, nên chỉ viết thơ kể sơ lược qua. Ngày rằm hôm nay, Thầy Triệt Quyền lên núi thăm, trong câu chuyện lại nói đến tình trạng oán trách của cư sĩ, và những tà thuyết của một vài người tục dựa vào đó bảo: làm lành mang họa, tu hành không lợi ích chi... Tôi nghe xong bất giác ngậm ngùi, e rằng bậc thượng trí nhân việc này trề nải sự tu, kẻ hạ ngu lại dám làm ác, nên không nài quẻ hèn, xin đem lời ngay để cùng nhau bày tỏ.

Trong Kinh Phật thường nói: *“Quả báo thông ba đời và người sanh con cái lược có bốn nhân.”*

Quả báo thông ba đời gồm có: hiện báo, sanh báo và hậu báo. Hiện báo là đời nay làm dữ, lành, đời nay được họa phước; như sĩ tử cần học tập, hiện thân được công danh. Việc này mắt phàm đều có thể thấy. Sanh báo là đời nay làm dữ lành, đời sau được họa phước; như ông cha trọng văn chất, con cháu mới phát đạt, hiển vinh (sanh báo ước nơi bản nhơn và việc cách đời khó chỉ rõ, là tạm mượn thí dụ để cho dễ hiểu, xin đừng nhân lời mà hại ý). Việc này mắt phàm không thấy, thiên nhãn còn có thể thấy được. Hậu báo là đời nay làm dữ, lành, đến đời thứ ba, thứ tư, hoặc ngàn muôn đời, cho đến vô lượng vô biên hằng hà sa kiếp về sau mới được họa phước; như vương nghiệp của đời Thương, Châu, thật ra mở đầu từ ông Tắc, ông Khiết. Việc ba, bốn đời thiên nhãn còn thấy được, nếu việc trăm ngàn kiếp thiên nhãn không thể thấy, nhưng đạo nhãn của hàng Thanh văn thấy biết rõ ràng. Đến như việc vô lượng vô biên hằng hà sa kiếp, chỉ có đáng Như Lai ngũ nhãn tròn sáng mới nhìn sáng suốt trước sau. Cảnh ấy còn không phải là nhãn giới

của Thanh văn, huống chi là thiên nhân, nhục nhân? Biết được quả báo ba đời, thì sự làm lành được phước, dữ mang họa, lời Thánh vẫn không sai, và giàu nghèo, sang, hèn, thọ, yếu, cùng, thông đều có số phần, đâu từng thiên lệch? Như hình đẹp xấu thế nào, bóng hiện trong gương cũng như thế ấy, người trí biết sửa đổi hình, kẻ ngu luống ghét hờn với bóng! Cảnh nghịch vẫn thuận chịu, là biết vui số phần; không oán trời trách người, mới có thể lập mạng.

Con cái có bốn nhân: báo ân, báo oán, trả nợ, đòi nợ. Báo ân là con đối với cha mẹ đời trước có mang ân, vì báo ân nên đến làm con, trọn đời phục dịch nhọc nhằn, khiến cho song thân khi sống còn được phụng dưỡng an vui, lúc qua đời được chôn cất, cúng tế. Cho đến hoặc con làm những việc giúp nước an dân, danh nêu thanh sử, để cho thiên hạ đời sau nhân kính người mà mến trọng cả cha mẹ như các ông: Tăng Lỗ Công, Trần Trung Túc, Vương Quy Linh, Sử Đại Thành... Đời nay những con thảo cháu hiền đều thuộc về hạng ấy.

Báo oán là cha mẹ đối với con đời trước có điều phụ nghĩa, nó mới đến làm con để báo oán. Khi còn nhỏ con đã sanh lòng ngỗ nghịch, lớn lên lại gây họa làm lụy cho cha mẹ; khi song thân còn sống, không cung phụng, lúc chết, để nhục lây đến kẻ cử tuyền. Thậm chí có khi, con nắm quyền chức trọng yếu rồi làm điều trái phép, khiến cho nhà cửa nát tan, dòng họ diệt tuyệt, mồ mả bị đào xiềng, để thiên hạ đời sau nhân thóa mạ người mà ghét luôn cả cha mẹ, như bọn Vương Mãng, Tào Tháo, Đồng Trác, Tần Cối...

Trả nợ là đời trước con có thiếu tiền của nơi cha mẹ, vì trả nợ nên đến làm con, nếu số thiếu nhiều thì trả đến mãn đời song thân, thiếu ít hoặc đến nửa chừng rồi đi. Như con học vừa thành danh thoát chết mất, buôn bán mới vừa được lợi bỗng lìa trần.

Đòi nợ là đời trước cha mẹ có thiếu tiền nơi con, nay nó đến làm con để đòi lại. Như số nợ nhỏ thì cha mẹ chỉ tốn tiền cho con ăn mặc, thuốc men, học hành, cưới gả, và dạy bảo đủ điều muốn cho mai sau thành lập, nhưng vì kỳ hạn đã mãn, nó liền qua đời. Nếu số nợ lớn, có khi đưa con xài phá tiêu tan hết sự sản của cha mẹ mới thôi.

Nay tôi xem lệnh tử dương như đòi nợ mà đến, may vì số nợ có ít, nên vừa lớn khôn đã vội từ trần. Vậy cư sĩ nên sám hối nghiệp đời trước, gắng sức tu hành. Do sự bồi phước ấy, chắc có lẽ rồi đây cư sĩ sẽ sanh được đứa con quý làm rực rỡ tông môn chớ chẳng không! Xem như đức Khổng Tử là Thánh nhơn mà người con

một mất thuở trung niên, Thầy Nhan Uyên là bậc đại hiền, song lại tuổi xuân ngắn ngủi, ông Nguyên Hiên nghèo xơ xác, Thầy Tử Lộ bị tuấn nạn. Bá Di, Thúc Tề chết đói nơi núi Thú Dương, còn Ngài Cừ Bá Ngọc cùng khôn ở nước Vệ. Cư sĩ cho rằng Thánh hiền do tu đức mà bị trời phạt ư? Hay là sống chết, giàu sang đều có số mạng? Vậy cư sĩ chỉ nên trách đức mình chưa đủ, chớ hỏi điều họa phúc làm chi. Được như thế kiết thân sẽ đến, tai tinh tự nhiên lánh xa.

Trong đời sống, con người có đủ tám sự khổ, dù sanh lên cõi trời cũng khó khỏi năm tướng suy, chỉ thế giới Cực lạc ở phương Tây là thuần vui không khổ. Biết đâu do cư sĩ có công hoằng dương pháp môn Tịnh độ nên Thánh thần đem đưa con không phúc thọ ấy, làm một mũi kim thống tỉnh đâm trên đỉnh đầu, để cư sĩ thấy rõ ba cõi như nhà lửa không an, các sự khổ đầy đầy rất đáng sợ, kiếp người vô thường mau như chớp, khi đại hạn đã đến không ai cầm giữ được ai. Tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn, bóng bọt, bây giờ chưa tỉnh ngộ cần tu Tịnh nghiệp thì có khác nào gỗ đá vô tình? Người có ý chí đâu chịu làm khối thịt biết đi, biết chạy, để ngày kia đồng chết mục với cỏ cây? Đâu nỡ tự cam ở cảnh phàm ngu, cứ mãi nâng cao cảnh Thánh? Gặp duyên nhắc nhở khẩn yếu như thế mà không phản phát, nghe được chánh pháp mà không chịu làm theo, ấy là Phật phụ chúng sanh hay là chúng sanh phụ Phật?

Là người trí huệ, mong cư sĩ xét nghĩ...

6. Thơ đáp anh em một vị Cư Sĩ ở Vĩnh Gia

Từ độ trọng xuân biệt nhau, không mấy chốc đã sang tiết hạ, bóng thiều quang mau lẹ, rất dễ kinh người! Mỗi khi nghĩ đến nhị vị lòng tin tuy chơn thiết, nhưng lẽ đạo chưa rõ thông, đến nỗi bỏ chỗ cao mình theo nơi thấp tối, không những mình mất chánh kiến, để cười cho bậc đại gia, mà chính như Ấn Quang này đã mang tiếng là kẻ quen biết với nhau, cũng tự thấy sanh lòng hổ thẹn! Trong bức thơ gởi đến, cư sĩ nói: *“Về sau có viết được quyển chi sẽ tùy thời xin phủ chánh.”* Nhưng tôi mắt yếu thể suy, nếu vô sự tất không gần gũi nghiên bút, dù có việc phải cần đến, xét lại cũng như nhóm một đồng chữ, có chỗ nào đáng xem? Tuy nhiên, e rằng luống phụ lòng nhị vị hằng mong tưởng, tôi xin đem chút canh thừa com hằm sơ lược sắp bày, như không hiềm vì nặng mùi, thì cũng có thể tạm đỡ lòng, để lần lượt ném đến món cao lương tự tánh.

Về bài Tứ Liệu Giản, nghĩa lý rất sâu xa thiết đáng, nên tìm xét kỹ, muôn lần xin chớ lấy sự giải thích cạn cợt của một vài người mà khinh thường. Nếu như

thế, rất uổng phụ tấm lòng đại từ bi của Ngài Vĩnh Minh, một phen cạn lời, khuyên bảo. Quyển Trì Kinh Lợi Ích Tùy Tâm Luận sở dĩ có, là vì người đời nay khi thọ trì kinh điển, phần nhiều không mấy may kính sợ. Muốn được sự thật ích trong Phật pháp phải tìm nơi lòng kính sợ; nếu chí thành cung kính, còn có thể mau chứng quả Phật, huống nữa là địa vị thấp ư? Thiện Đạo Hòa thượng vốn là hóa thân của đức A Di Đà, có thần thông trí huệ lớn, nhưng lối giáo hóa về tông Tịnh độ, Ngài không chuộng nơi huyền diệu, chỉ trọng sự thiết thật bình thường. Về điểm chuyên và tạp tu của Ngài chỉ dạy, rất có lợi ích vô cùng! Chuyên tu là thân nghiệp chuyên lễ, khẩu nghiệp chuyên xưng (khi tụng kinh chú, nếu chí tâm hồi hướng vãng sanh cũng có thể gọi là chuyên xưng) ý nghiệp chuyên nhớ. Được như thế, thì muôn người tu đều vãng sanh không sót một. Tạp tu là gồm tu nhiều pháp môn khác hồi hướng Tây phương, vì tâm không thuần nhất nên khó được lợi ích, trong trăm ngàn người chỉ hy vọng được ba bốn người vãng sanh mà thôi. Đây là lời vàng chắc thật, ngàn đời không thay đổi. Nhị vị nên y theo những lời này để tự lợi, và đem khuyên tất cả mọi người. Đến như phép trì chú chỉ được dùng làm trợ hạnh, không nên làm chánh hạnh kiêm với niệm Phật. Phép trì chú tuy không thể nghĩ bàn, nhưng phàm phu vãng sanh toàn nhờ nơi tín nguyện chơn thiết hợp với sức hoằng thệ của đức A Di Đà, đạo cảm ứng thông nhau mà được tiếp dẫn. Nếu chẳng rõ ý này cho rằng các pháp không thể nghĩ bàn, tu môn nào cũng được, tất sẽ thành ra không thiện, không tịnh, muôn đời chìm đắm, chừng ấy biết nương tựa cùng ai? Như xét nghĩ mình là phàm phu đầy đủ nghiệp chướng, nếu không nhờ sức hoằng thệ của Phật, trong đời này quyết khó thoát khỏi luân hồi, mới thấy Pháp môn Tịnh độ lực dụng hơn tất cả các giáo pháp khác.

Trì chú, tụng kinh dùng để trồng phước huệ, tiêu tội nghiệp thì được, nếu vọng ý muốn cầu thần thông, đó là bỏ gốc theo ngọn, không khéo dụng tâm. Thảng như tâm ấy có kiết, lại thêm đạo lý không minh, giới lực không chắc, niệm Bồ đề không sanh, lòng hơn thua lừng lẫy, e có ngày bị ma dựa phát cuồng! Muốn được thần thông trước phải đắc đạo; đắc đạo thì thần thông tự đủ, như không gắng sức nơi đạo, chỉ cầu thần thông, đừng nói là không được chi, dù có được cũng trở thành chướng đạo. Vì thế, chư Phật, Tổ đều nghiêm cấm không cho tu học theo đường lối ấy. Bởi người đời thường có những tâm niệm như vậy, nên tiện đây tôi cũng nói qua. Nhị vị trên nhà hãy còn lệnh thân, nên thường đem pháp môn Tịnh độ và những sự tích cảm ứng giảng giải, khiến cho người sanh lòng vui đẹp tin làm theo. Nếu không lấy điều này báo hiếu, dù có thể làm đạo hiếu của đời, kết cuộc có ích lợi gì cho song thân đâu? Vua Võ vốn bậc Thánh nhân, còn không thể cứu cha là ông Cỗ hóa làm con rùa ba chân đạp vào súc loại. Xem việc này há không

tĩnh ngộ, gấp cầu dẫn thân thức song thân dự hội Liên Trì, hầu gần đức Phật để người chứng được bản tánh Vô Lượng Quang Thọ ư?

Sự khổ hạnh của cư sĩ Chí Liên tuy cũng tốt, nhưng e cô chưa hiểu tông chỉ Tịnh độ, hoặc không thể buông bỏ hết những tâm niệm chuyển nữ thành nam và mong hưởng phước báo ở cõi Trời, Người, thì sự lợi ích vô biên vì cái vui nhỏ thế gian mà thành ra uổng mất! Nên đem điều này giảng rõ để chí hướng cô được thêm quyết định. Và lại, khuyên một người sanh Tịnh độ, chính là thành tựu một chúng sanh làm Phật, và đã thành Phật tất độ vô lượng chúng sanh, công đức không ngần ấy sẽ về phần mình. Lại nữa, người tu Tịnh độ đã đem pháp môn này khuyên bảo mọi người, đối với vợ con đâu nữ không dịu dặt để cho kẻ trong nhà một phần lợi ích lớn hay sao? Như người trong thân quyến sẵn có căn lành thì còn gì hay hơn; bằng không được thế, cũng phải lần lượt un đúc khiến cho mỗi ngày càng gần với lẽ đạo. Đây mới gọi là lòng từ ái sâu rộng, nếu bỏ điều này mà gọi là từ ái thì cũng chỉ có danh không thật mà thôi. Lời tôi nói chẳng qua sơ lược một đôi điều để nêu ra phần đại khái, không đủ lấy làm khinh trọng, xin xem rõ các bộ Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục; Lạc Bang Văn Loại... tự có chỗ nương theo, chẳng còn nghi ngờ gì nữa.

Nỗi khổ ở Ta bà nói không cùng, dù cho gặp thuở thanh bình, chúng sanh cũng vẫn chen chúc trong bầu nhiệt nảo, nhưng vì nhẫn chịu lâu ngày thành quen, nên không tự biết đó thôi. Gần đây, ở Trung Hoa thường bị nạn binh lửa, sự khổ không thể tả xiết! Nhìn ra các nước ngoài, cuộc đại chiến đã ba năm, số người chết quá nhiều mà thế chiến tranh vẫn còn thịnh, chưa biết ngày nào mới thôi. Thảm cảnh ấy do nghiệp ác của chúng sanh gây nên, cũng chính là trạng thái của kiếp đao binh mở đầu; nỗi khổ về sau, nếu nghĩ đến thật đáng kinh sợ! Mong nhị vị phát đại tâm mau cầu vãng sanh để sớm chứng đạo quả, rồi trở lại hóa độ chúng sanh nơi cõi Ta bà này. Kinh nói: *“Bồ tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả.”* Bồ tát e mang ác quả nên dứt ác nhân, chúng sanh tranh tạo ác nhân, để rồi chịu ác quả. Trong khi chịu quả khổ lại không biết sám hối còn gây thêm điều dữ để đối trị, thế nên oan oan tương báo nỗi mãi khôn cùng, nghĩ đáng thương mà cũng đáng sợ!

Biết được lẽ này, không cầu sanh Tây phương chưa phải là trượng phu!

7. Thơ đáp Cư Sĩ Bộc Đại Phàm

Từ xa đón bức văn chương, riêng lòng không khỏi hổ thẹn! Ân Quang từ nhỏ thiếu học, nên kiến thức mù mờ, bấy lâu nổi trôi đất khách, chỉ ăn gỏi ở Phở

Đà. Hôm nay không ngờ được các hạ, một bậc hiểu sâu tâm tông Nho, Phật, từng tham vấn các phương tri thức, học hạnh siêu quần chẳng xem là quê mùa để lời hỏi đến, lại quá vì khen ngợi, khiến cho người bối rối không an. Thăm nghĩ các hạ học vấn rộng rãi, thấy hiểu cao xa, đâu có lẽ còn hoài nghi với mấy điều tầm thường như thế, chắc là không ngoài bản ý muốn làm gương mẫu để dẫn phát cho kẻ đồng tu đó thôi. Tuy nhiên các hạ đã lấy biết làm không biết, tôi cũng chẳng ngại gì lấy không biết làm biết, xin tùy lời giải đáp, đâu dám bắt chước ông quan già phê án, mà chính là học trò dâng nạp vở thi. Vậy những lời bày tỏ sau đây, nếu có sai lầm, xin nhờ phủ chính.

1. Niệm Phật tuy quý tâm niệm, nhưng cũng không nên bỏ sự đọc tụng ra tiếng, vì thân, miệng, ý giúp đỡ lẫn nhau. Dù rằng tâm có thể nhớ nghĩ, song nếu thân không lễ kính, miệng chẳng trì tụng, thì cũng khó được lợi ích. Như người đòi khi khiêng đồ vật nặng còn phải dùng tiếng giúp sức, huống là việc muốn nhiếp tâm để chứng Tam muội hay sao? Cho nên Kinh Đại Tập nói: *“Niệm lớn thấy Phật lớn, niệm nhỏ thấy Phật nhỏ.”* Cổ đức cũng bảo: *“Niệm lớn tiếng thì thấy thân Phật cao lớn, niệm nhỏ tiếng thì thấy thân Phật bé nhỏ.”* Với hạng phàm phu, tâm thường hôn trầm, tán loạn, nếu không nhờ sức thân lễ miệng tụng, tất khó được nhứt tâm.

2. Chỗ chân lý thực tế mới không còn sanh diệt, ngoài ra, trong Phật sự có pháp nào chẳng phải là sanh diệt? Bậc Đăng giác Bồ tát phá bốn mươi một phẩm vô minh, chứng bốn mươi một phần bí tạng cũng không ngoài sự lấy, bỏ, sanh, diệt, huống nữa là việc niệm Phật đối với phàm phu ư? Nhưng sanh diệt tuy là cội sanh tử, mà cũng là gốc Bồ đề, có sanh diệt hay không, chỉ do nơi người mà thôi. Nhiếp cả sáu căn, nối liền tịnh niệm, chính là đem sự sanh diệt bỏ giặc hiệp trần, đổi thành sự sanh diệt bỏ trần hiệp giác, để kỳ chứng được Phật tánh chơn như không sanh diệt vậy.

3. *“Niệm niệm ở Tịnh độ mới được vãng sanh”* là thuộc về thân phận của bậc vãng sanh Thượng phẩm. Nếu chấp định nghĩa này tự cầu Thượng phẩm thì còn chi hay hơn, bằng chấp định để dạy hạng căn cơ trung, hạ, tất cả sẽ làm trở ngại sự thăng tấn của người chẳng ít. Tại sao thế? Vì lẽ họ cho pháp này quá cao, rồi cam phận thấp kém, không chịu tu trì. Lại, phép niệm Phật tuy thuộc ý thức, nhưng cũng đủ cả các thức, trong kinh văn há chẳng nói: *“Nhiếp cả sáu căn”* đó ư? Sáu căn đã nhiếp thì sáu thức để làm gì? Tức như chuyển câu niệm Phật vào hàm tàng thức cũng không ngoài công dụng của sáu thức.

4. Đoạn luận vẫn về mục *“Niệm Phật tương tục, đao chém chẳng đứt”* vẫn không còn ngờ; nhưng vì các hạ chưa phân biệt giới hạn của Thiên tông, Tịnh độ, và tự lực, tha lực, nên thành một khối hoài nghi. Pháp môn Niệm Phật là nương nhờ sức Phật ra ba cõi, sanh về Tịnh độ, nay đã chẳng phát nguyện tất cũng không có lòng tin. Nếu không tín nguyện, chỉ niệm danh hiệu Phật, vẫn thuộc về tự lực, và bởi thiếu tín nguyện nên không thể thông cảm với sức hồng thệ của đức A Di Đà. Thảng như trừ được phiền não kiến, tư, còn có thể vãng sanh, nếu chưa trừ, hoặc trừ chưa hết, thì gốc nghiệp vẫn còn và phải bị luân hồi. Về điều này ông Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh là những bằng chứng xác thật. Phải biết, nếu bỏ tín nguyện mà niệm Phật, thì có khác nào sự tham cứu của nhà tu thiền. Và nếu được vãng sanh, chẳng hóa ra nhân quả không phù hợp hay sao? Ngài Ngẫu Ích bảo: *“Được sanh cùng chẳng, toàn do nơi lòng tín nguyện có, không; phẩm vị cao thấp, đều bởi công trì danh sâu, cạn”* là một luận án chắc chắn không thay đổi. Trong Kinh A Di Đà, câu: *“Một lòng không loạn”* là nương theo đoạn công đức y, chánh, ở văn trước khuyên sanh lòng tin, và nối theo đoạn: *“Nếu có chúng sanh nào nghe kinh này, phải nên phát nguyện cầu sanh về nước kia”* chính là bảo phải phát nguyện. Hơn nữa, về điểm tín nguyện, trong mấy đoạn văn sau cũng lập lại nhiều lần. Các hạ cắt đứt mấy đoạn văn ấy, chỉ nhìn vào câu *“một lòng không loạn”* xem sự nhất tâm có tín nguyện cùng không tín nguyện đồng như nhau, nên mới thắc mắc về chỗ: *“Niệm Phật đến trình độ đao chém chẳng đứt tức là thuần nhứt rồi, tại sao lại không được vãng sanh?”*

5. Ngoài câu niệm Phật, nếu có niệm khác tức là xen tạp. Những niệm ấy rất nhiều khó kể hết được, chỉ nêu phần chánh như: niệm cầu đại triệt, đại ngộ, niệm mong được đại tổng trì, v.v... chứ không phải chỉ cho sự phát nguyện là xen tạp. Nên biết pháp môn Tịnh độ lấy Tín Nguyện, Hạnh làm tông chỉ. Hạnh như cỗ xe, Nguyện như người phu xe, Tín như kẻ dẫn đường, đủ cả ba mới thành tựu sự tấn thú của xe. Vì thế người tu Tịnh độ hôm sớm phải phát nguyện. Lại chớ nên chấp nê rằng những lúc không niệm Phật, hoặc khi phát nguyện là cắt đứt, xen tạp, tịnh niệm không thành. Thử hỏi: tâm niệm ấy có từng trải qua những cảnh thấy, nghe, mặc áo, ăn cơm, cùng các sự cử động khác hay không? Nếu có, với mấy điều này đã không thấy cắt đứt, xen tạp, sao lại cho những việc kia là tạp loạn? Cho nên, dù niệm Phật đến cảnh cảnh giới *“một niệm muôn năm”* cũng không ngại gì tới sự khởi cư hằng ngày. Bằng tuyệt nhiên không cả, hoặc ra chỉ có pháp thân Bồ tát mới đảm đương nổi. Nhưng các bậc Đại sĩ tuy ở yên một chỗ mà hiện vô số thân trong cõi vi trần, làm vô lượng Phật sự, nếu quả có xen hờ tạp loạn, thì chắc không biết là bao nhiêu? chư Phật, Bồ tát có thể đồng thời khắp đến mười phương,

song đây chỉ là một việc, thật ra tâm ta vẫn đủ các lý, ứng muôn sự, không phải như thế mà thôi đâu!

6. Ước theo nghi thức xưa nay, sự phát nguyện thường ở vào khoảng sớm mai và tối. Nhưng cũng có người khi niệm Phật xong thời nào, liền hồi hướng phát nguyện ngay lúc ấy. Các hạ đã hiểu sâu tánh, tướng mà còn cho rằng: *“niệm Phật và niệm cầu sanh không thể đi đôi”*, thì dường như đối với viên lý sự vô ngại, chưa được tin chắc. Lại bảo: *“Nếu có thể đi đôi tất tâm niệm sẽ chia làm hai: một nửa về Phật, nửa về nguyện, thế thì một người ưng thành hai vị Phật.”* Xin hỏi, con bình thường, có lúc nào các hạ đương lúc mắt thấy sắc mà tai vẫn nghe tiếng cho đến ý vẫn suy nghĩ hay không? Nếu quả có thể, tại sao riêng với việc này các hạ hãy còn ngờ? Vậy nên biết, tâm niệm công dụng không lường; tám thức há chẳng phải là thể dụng của một tâm ư? Kia đã không thành tám vị Phật, tại sao đây lại thành hai vị Phật?

7. Bình sanh tuyệt không tín nguyện, khi lâm chung khó được nhờ sức Phật. Đã nói: *“Lúc nghiệp lành dữ đồng thời đều hiện”*, thì chẳng những câu niệm Phật không hiện không được vãng sanh, dù có hiện cũng không được vãng sanh. Tại sao thế? Vì không phát nguyện vãng sanh, vì không cầu Phật tiếp dẫn. Kinh Hoa Nghiêm nói: *“Giả sử nghiệp ác có hình tướng, mười phương hư không chẳng thể dung chứa.”* Cổ đức bảo: *“Tâm nghiệp rất nhiều, ngã về mối nặng như người mắc nợ, chủ mạnh kéo đi.”* Nay nghiệp lành dữ đều hiện, bởi không tín nguyện, tất phải bị nghiệp lực lôi cuốn mất sự chủ trương. Thế thì biết, nương cậy sức mình, dù hoặc nghiệp còn một mảy tơ cũng không thoát khỏi sanh tử, lựa là nhiều ư? Niệm Phật đến nhứt tâm mà không tín nguyện, trong vô số người, hoặc may có được một vài kẻ vãng sanh. Rất không nên đem điều ấy giáo hóa làm mất căn lành Tịnh độ của tất cả chúng sanh đời sau. Vì nếu chỉ nương tự lực niệm cho đến nghiệp dứt tình không, chúng Vô sanh nhữn thì khắp thế gian khó được một đôi người. Thảng như ai nầy đều y theo thuyết này mà tu trì, không chú trọng đến tín nguyện, tất vô lượng chúng sanh sẽ nổi chìm trong biển khổ, bất nẻo thoát ly, ấy cũng vì một lời nói gây nên tổn hại. Mà người chủ trương thuyết trên kia lại còn ngênh ngang tự đắc cho rằng lời mình rất cao; đâu biết đó là cuồng ngôn làm dứt mất huệ mạng Phật, khiến chúng sanh lầm lạc nghi ngờ! Thương thay!

Pháp môn Tịnh độ phải xem là đặc biệt, không nên đem sánh với giáo nghĩa thông thường. Ví như đức Phật chẳng mở môn này, chắc trong đời Mạt pháp không có ai thoát khỏi đường sanh tử! Bộ Di Đà Yếu Giải của Ngài Ngẫu Ích, lý sự đều đến chỗ cực điểm, nếu các hạ y theo đó hành trì, thì ngày kia trên phẩm vị

vãng sanh không ai sánh kịp. Người xưa tu hành đều có thể chứng đạo, trái lại người đời nay ít kẻ minh tâm. Ấy bởi căn cơ có thấp kém ư? Hay là do lòng cung kính, khinh mạn khiến nên như thế? Tôi xem nhiều truyện ký, thấy những bậc cao nhân đều trọng kính tượng như Phật sống, sự kính sợ của các Ngài dù cho tôi trung, con thảo, cũng không thể phưởng phát được một đôi phần. Vì lòng thành kính cùng cực, nên các vị ấy có thể dứt hoặc chứng chơn, vượt thẳng lên cõi Thánh. Thử xem một việc Nhị Tổ Thần Quang đứng hầu dưới tuyết, chặt cánh tay cầu pháp ở Thiếu Lâm, cũng đủ thấy lòng thành kính của Ngài dường nào! Người đời nay xem tượng Phật như gỗ đất, kinh Phật như giấy cũ, dù có lòng tin thọ trì, chẳng qua là đọc tụng lâu thông nơi đầu mồm mà thôi, có điều thật ích gì đáng bàn luận đâu! Tuy rằng như thế cũng gieo được viễn nhân, nhưng tội khinh lờn thật không thể tưởng nghĩ! Các hạ là bậc luận giỏi học nhiều, khi đề xướng Phật pháp, xin nhắc nhở điều này, để mọi người cùng được lợi ích. Như thế, pháp môn và chúng sanh sẽ hân hạnh biết bao!

8. Thơ gởi Cư Sĩ Vệ Cẩm Châu

(Cư sĩ nhân gặp hỏa tai, nhà cửa vật dụng bị cháy sạch, vợ kinh hãi đau nặng, nên tâm thần mê muội như điên cuồng, Ấn Quang Pháp sư gởi bức thơ này khuyên dạy...)

Kinh Pháp Hoa nói: *“Ba cõi không an, dường như nhà lửa, sự khổ đầy đầy, rất đáng sợ hãi.”* Tuy nhiên, nhiều khi cảnh ngộ cũng làm nên cho người bằng những giai đoạn: họa, phước, nghịch, thuận, khổ, vui... không nhất định. Với bậc có trí, biết quyền biến, khéo an theo số phận, thì cảnh họa, nghịch, khổ nào không hóa thành phước, thuận, vui?

Cho nên người quân tử thường vui theo phần, biết số mạng, không oán trời trách người, dù gặp cảnh ngộ nào cũng vẫn an nhàn, bình thản! Người xưa có câu: *“Cảnh giàu sang an theo giàu sang, cảnh nghèo hèn an theo nghèo hèn, cảnh man rợ an theo man rợ, cảnh hoạn nạn an theo hoạn nạn...”* Cư sĩ tuy có lòng ưa thích điều lành, nhưng chưa rõ chỗ chí lý của đạo Nho và Phật, nên mới một phen gặp cảnh nghịch đã bối rối kinh cuồng. Tôi xin đưa những điều sau đây để cư sĩ nhận rõ:

Trong đời, rất rộng đầy, cao sáng, không hơn chi trời đất và hai vầng nhật, nguyệt. Nhưng mặt trời đứng bóng rồi thì xế, mặt trăng đầy rồi lại vơi, cho đến gò cao thành vực thẳm, biển cả hóa nương dâu, cuộc đời vẫn thế, thịnh suy thay đổi là

lẽ thường. Xưa nay đạo đức ai hơn Khổng Tử, mà Ngài còn phải bị vây nơi đất Khuôn, tuyệt lương ở nước Trần, đi châu du liệt quốc kết cuộc không được gì, chỉ có một người con được năm mươi tuổi lại chết, may còn đứa cháu để nối tổ tông. Thấp hơn một bậc, như Thầy Nhan Uyên, Nhiễm Bá Ngưu thì mạng vắn; Thầy Tử Hạ, Tả Kỳ Minh lại mù lòa; ông Khuất Nguyên chết chìm; Thầy Tử Lộ bị bầm mắt. Như các Ngài ấy là những bậc đại Thánh, đại hiền mà cũng không tránh được nghịch cảnh, nhưng vì biết thuận theo số mạng, nên vẫn tùy phận an vui. Máy điều này đối với thời ấy, tội hồ như không phước, nhưng tấm gương đạo đức của các Ngài trăm năm về sau, từ vua đến dân ai không kính ngưỡng? Thế thì phước còn chi hơn? Trong đời sống, con người tính đủ điều, làm đủ việc, xét lại chẳng qua vì vấn đề ăn mặc và để sự nghiệp cho con cháu mà thôi. Nhưng ăn thì canh rau có thể qua bữa, cần gì hải vị sơn hào; mặc thì bộ vải cũng đủ che thân, lựa là nhiều hàng gấm vóc? Còn con cháu hoặc làm ruộng, hoặc bán buôn, đều tự nuôi sống được, hà tất phải giàu có trăm vạn? Vả lại, xưa nay những kẻ vì con cháu mưu sinh cuộc vinh hiển muôn đời, có ai bằng Tần Thủy Hoàng? Vị bạo chúa này dẹp trừ sáu nước, đốt sách chôn học trò, thâu góp hết binh khí trong thiên hạ để đúc chuông, bản ý muốn cho dân ngu yếu đừng không thể làm loạn. Đâu dè, khi Trần Thiệp đứng lên, anh hùng đều nổi dậy, cơ đồ nhất thống không đầy mười ba năm bỗng tiêu tan, cho đến con cháu cũng bị diệt tuyệt. Ấy là muốn cho con cháu vinh hiển, trở lại thành cảnh bại vong. Đời Hiến Đế nhà Hán, Tào Tháo mượn chức Thừa Tướng chuyên oai quyền lấn ép vua, muốn cho con cháu mình làm chúa trong nước, không ngờ đến khi chết, thì hài chưa kịp liệm, Tào Phi đã soán nghịch, bắt tần thiếp của cha làm cung phi của mình. Tháo chết rồi đọa vào ác đạo, trải hơn một ngàn bốn trăm năm, đến đời Càn Long nhà Thanh, ở Tô Châu có người giết heo, khi mổ ra thấy trên lá phổi có chữ “Tào Tháo.” Một người láng giềng mục kích cảnh tượng ấy, rất sợ hãi, liền xuất gia tu hành, pháp danh là Phật An, chuyên tâm niệm Phật được sanh về Tây phương. Việc này có ghi trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Như Tào Tháo một đời phí hết tâm cơ lo cho con cháu, tuy được làm Hoàng Đế nhưng chỉ trong vòng bốn mươi lăm năm thì mất nước. Vả lại khi còn ở ngôi, mỗi năm thường cùng các nước Đông Ngô, Tây Thục đánh nhau, có mấy lúc được an nhàn? Từ đó về sau trải qua các triều: Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy, và Ngũ Đại: Lương, Đường, Tấn, Hán, Châu đều không lâu dài. Tựu trung duy có đời Đông Tấn là bền nhất, nhưng cũng chỉ được một trăm lẻ ba năm, ngoài ra thì hoặc hai ba năm, tám chín năm, hoặc một đôi mươi năm, bốn năm mươi năm, liền tiêu diệt. Đây là chỉ kể mấy đời chánh thống, nếu nói đến những nguy triều tiềm cướp, thời gian lại còn ngắn hơn nữa. Bao nhiêu vua chúa của các

triều ấy, buổi sơ tâm đều muốn đề sự vinh hoa cho tông tộc, song tìm đến sự thật, trái lại khiến cho con cháu mang họa cướp giết, mất tuyệt giống dòng.

Cư sĩ nên suy nghĩ: sang như thiên tử, giàu có bốn biển, còn không thể bảo đảm cho tông tộc hưởng phước lâu dài, huống nữa là kẻ phàm thường, từ vô lượng kiếp đến nay tạo nghiệp ác đầy như đất liền, sâu như biển cả, mà muốn cho nhà cửa thường hưng thịnh, có phước không họa ư? Phải biết sự vật giữa đời đều giả dối như mộng, huyễn, bóng, bọt, sương, chớp, như trăng đáy nước, hoa trong gương, như ánh chớp chờn lúc trời nắng và như thành của thần Càn Thát Bà (nhạc thần của Thiên Đế, thành quách đều là huyễn hiện), không có chi là chân thật. Duy có một niệm tâm tánh của ta vẫn hằng còn, trùm suốt xưa nay, không biến đổi, hư hoại. Tuy không biến hoại mà thường tùy duyên: theo duyên ngộ tịnh thì làm Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật, vì công đức sâu cạn, nên phẩm vị có cao, thấp; theo duyên mê nhiễm thì lạc vào cõi Trời, Người, A tu la, Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục, do tội phước nặng nhẹ, nên sự khổ, vui, có ngắn, dài. Nếu người không biết Phật pháp thì đã đành, cư sĩ đã sùng tín đạo Phật, sao chẳng nhân cảnh nghịch ấy mà nhìn rõ cuộc đời, bỏ mê theo ngộ, một lòng niệm Phật cầu sanh về Tây phương vượt nẻo luân hồi, lên ngôi tứ Thánh; đó có phải là nhân họa nhỏ mà hưởng phước to chăng? Đường lối thoát ra là thế, cư sĩ lại cứ bối rối mơ màng như ngây như dại; thăng hoặc lo buồn quá độ đến mất thân mạng, thì chẳng những chính mình nhiều kiếp bị trầm luân, mà vợ yếu con cô cũng bơ vơ, làm sao tự lập? Như thế là cư sĩ muốn hại mình và làm liên lụy cho người. Sao lại tới tầm đến thế?

Kinh nói: *“Bồ tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả.”* Vì tránh quả khổ nên Bồ tát dứt trước những nhân ác, do đó tội chương tiêu trừ, công đức đầy đủ, cho đến khi thành Phật mới thôi. Chúng sanh thường gây nhân ác, lại muốn khỏi quả khổ, có khác nào kẻ sợ bóng mình mà cứ chạy trốn dưới ánh mặt trời? Nhiều người mới làm lành chút ít đã mong được phước lớn, khi gặp cảnh nghịch liền cho rằng: *“làm lành mắc họa, không có nhân quả”*, rồi từ đó lui sụt sơ tâm, trở lại chê bai Phật pháp. Những kẻ ấy không hiểu *“lý nhân quả thông cả ba đời”* và *“tâm mình có thể cải tạo hoàn cảnh”*. Nhân quả thông cả ba đời là thế nào? Như đời này làm lành hoặc dữ, đời này hưởng phước hay mang họa, đó là hiện báo. Đời này làm lành hoặc dữ, đời sau được phước hay mang họa, là sanh báo. Đời này làm lành hoặc dữ, đời thứ ba, thứ tư, hoặc mười, trăm, ngàn, muôn đời, cho đến vô lượng vô biên kiếp về sau mới được phước hay mang họa, gọi là hậu báo. Hậu báo thì sớm chầy không định, đã gây nhân tất có quả, đó là lẽ tự nhiên. Tâm mình có thể cải tạo hoàn cảnh là thế nào? Ví như có người gây nghiệp ác sẽ phải vĩnh viễn bị đọa

vào Địa ngục, nhiều kiếp chịu thống khổ; người ấy bỗng sanh tâm sợ hãi, hổ thẹn, phát lòng Bồ đề, đổi dữ làm lành, tụng kinh niệm Phật, tự tu và khuyên người, cầu sanh về Cực lạc. Do sự hối cải ấy, nghiệp Địa ngục trước kia liền tiêu diệt, đổi thành quả khổ nhẹ trong hiện đời như: hoặc bị người khinh chê, hoặc đau bệnh, nghèo nàn, cùng gặp những việc không vừa ý. Chịu những khinh báo như thế xong, người ấy có thể thoát đường sanh tử, nhập Thánh siêu phàm. Như Kinh Kim Cang nói: *“Nếu có người thọ trì kinh này mà bị kẻ khác khinh chê, người đó đời trước gây tội nghiệp đáng đọa vào ác đạo, do đời này bị sự khinh chê nên tội trước liền được tiêu diệt, sẽ chứng quả Vô thượng Bồ đề.”*

Đây chính là nghĩa: tâm mình có thể cải tạo hoàn cảnh vậy.

Người đời khi gặp tai nạn, nếu không oán trời, tất cũng trách người, ít ai nghĩ đến sự trả nghiệp mà sanh lòng ăn năn chừa cải. Phải biết: *“trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu”* là lẽ đương nhiên, đã gieo chông gai, đừng mong đến mùa gặt được lúa nếp. Làm dữ mà vẫn hưởng phước, là đời trước vun bồi cội phước đã đầy, nếu không làm dữ thì phước còn lớn hơn. Ví như con nhà giàu, ăn chơi bài bạc, xem tiền như rác, nhưng không liền bị đói lạnh, là do vì của cải quá nhiều. Nếu mỗi ngày cứ như thế, dù cho gia nghiệp trăm vạn, tất có lúc cũng gặp cảnh người mất nhà tan. Làm lành mà hay bị tai nạn, là đời trước trồng gốc tội đã sâu, nếu không làm lành thì họa càng lớn hơn nữa. Ví như người phạm tội nặng chưa kịp hành hình, lại lập được công nhỏ; vì công nhỏ, chưa có thể hoàn toàn ân xá, nên cải án nặng thành nhẹ. Nếu lập công mãi đến khi công to, không những trừ hết tội trước lại được phong hầu bá tướng, tập ấm đời đời.

Bậc trượng phu phải vượt hẳn thường tình, đừng để cho ngoại vật làm lụy đến thân. Giả sử có vàng ngọc đầy kho, khi giặc dữ đến cướp, phải bỏ nhà trốn chạy, đừng nên ôm của mà đợi chết. Bởi vì vàng ngọc tuy quý, nhưng sánh với mạng người, hãy còn kém hèn; đã không thể giữ được cả hai, thôi thà bỏ của mà bảo toàn thân mạng. Như hiện thời, tài sản của cư sĩ đã hóa ra đồng tro tàn, lo buồn cho lắm cũng vô ích, chỉ nên tùy duyên qua buổi, gắng sức niệm Phật cầu sanh Tây phương, để cùng tận kiếp vị lai lìa hẳn sự khổ, chỉ hưởng điều vui. Thế là do họa tai mà thành đạo Vô thượng, sao vẫn còn mê muội đau buồn?

Mong cư sĩ xét kỹ lại những lời tôi nói, tất sẽ cười được mối u sầu, như vết mây mù lộ vẻ trời trong, nơi tai ương tìm thấy hạnh phúc, đôi cơn nóng bức thành mát mẻ, vui tươi. Bằng cứ chấp nê không tỉnh, chắc khó tránh khỏi chứng bệnh kinh cuồng. Nếu một khi bản tâm đã mất, tà ma sẽ dựa vào; chừng ấy dù có ngàn Phật ra đời, cũng không biết làm sao cứu vãn được!

9. Thơ đáp một Cư Sĩ ở Vĩnh Gia

1. Vân Thê Đại sư lập pháp dạy người đều từ nơi chỗ bình thật đi vào. Nếu y theo đó tu trì, sẽ được ngàn muôn yên ổn, quyết không đến nỗi được ít cho là đủ và bị ma dựa phát cuồng. Vương Canh Tâm chưa hiểu rõ yếu chỉ nhập đạo, đã vội tự hào múa bút lớn lời mạt sát tất cả, tuy có tâm hoàng pháp, nhưng thật ra là gây tội phá hoại pháp môn. Ấy cũng bởi y không gần bậc tri thức và tự xét hai chứng bệnh: tim đập, ác mộng của mình. Những bệnh ấy đều là triệu chứng của nghiệp ác đời trước. Nhưng, hiện cảnh tuy có tốt xấu, chuyển biến chỉ tại nơi ta. Cảnh xấu hiện mà chuyên tâm niệm Phật thì nhân dữ sẽ hóa ra lành, nghiệp ác đời trước trở thành vị đạo sư trong hiện tại. Tiếc vì người đời phần nhiều bị nghiệp ràng buộc, không thể cải tạo, nên thành ra cảnh té giếng bị đá rơi theo, trên khổ lại càng thêm khổ!

Tha tâm thông có nhiều thứ không đồng, nay xin nói ước về tâm thông của những bậc đắc đạo. Như Trù Am Đại sư, bất luận ai hỏi kinh sách gì, Ngài đều có thể đọc thuộc rành rẽ, không sai một chữ. Tại sao thế? Vì Đại sư nghiệp hết tình không, lòng như gương sáng; lúc có người hỏi đến những kinh sách họ đã từng xem, Ngài liền nhìn vào những câu chữ in trong thức thứ tám của người ấy, đọc lại rành mạch. Cho nên cổ đức nói: *“Kinh pháp một phen nhiễm vào thức thần, hằng làm giống đạo.”* Việc trên đây có thể làm bằng cách để cho ta tin. Vì khi người xem kinh sách, bóng dáng của những thứ ấy in vào tâm thức không mất. Bởi vô minh che lấp, nên lâu ngày họ quên, những bậc có tha tâm thông nhìn nơi tâm thức của người ấy, tùy theo lời hỏi đọc lại rõ ràng. Đến như có người hỏi những kinh sách họ chưa được thấy, bậc tha tâm thông có thể nhìn vào tâm thức của những người khác đã xem rồi, vì họ mà đọc lại. Trên đây, là việc lấy tâm người khác làm tác dụng cho tâm mình, không phải nơi lòng các vị ấy thường có bao nhiêu thứ kinh sách đã ghi nhớ lâu ngày không quên. Bởi không hiểu lẽ này, nhiều người cho đó là phép chi kỳ lạ, thật ra chỉ là cảnh trạng nghiệp tiêu trí sáng, cõi lòng không không mà thôi.

Trong sự phò cơ có rất nhiều linh quỷ giả mạo tiên, Phật, Thánh, thần. Loài quỷ thấp kém hoặc khi không có tha tâm thông; hạng cao thì biết được lòng người, nên có thể mượn sự thông minh trí thức của người mà làm thi phú. Ông Kỷ Văn Đạt có thuật rằng: *“Cơ bút phần nhiều là việc dối mượn của hạng ma quỷ linh thiêng. Một độ nọ, tôi cùng người anh là Đản Nhiên có thí nghiệm về việc này. Tôi vốn có thiên tư về thi văn mà chữ viết dở, anh tôi thì chữ tốt, song không có khiếu văn chương. Khi tôi phò bút thì thi từ thông suốt, nét chữ lếu láo. Trái lại,*

đến phiên anh tôi thì nét chữ cứng đẹp, thi từ tâm thường. Lại một việc, lúc hỏi đến chỗ bí yếu trong những bài giảng bút mao lấy của người xưa, cơ lên nói: năm tháng lâu quá không còn ghi nhớ. Vì những lẽ ấy, tôi biết là giả dối.” Thế là loài quỷ tuy linh, song chỉ có thể mượn được sự hiểu biết hiện tại của người. Đến như các việc trong tâm thức có, nơi sự biết hiện tại vì lâu nên quên, hoặc những chữ nghĩa chính mình không hiểu, thì quỷ không thể chỉ dẫn ra được. Cho nên tha tâm thông của linh qui sánh với bậc đắc đạo, thật kém xa như trời vực. Tuy nhiên, vì hai việc ấy có chỗ giống nhau, e rằng cư sĩ bị cơ bút mê hoặc, tôi mới dẫn giải ra đây. Lại xin nói thêm một việc trong Tống Cao Tăng Truyện: Ngài Tăng Giám qua nhà Vương Xử Hậu thọ trai, thấy chủ nhân đang cao giọng ngâm nga xem ra đáng đặc ý, nhân hỏi là đọc văn gì? Xử Hậu đáp: “Đây là quyển vở trúnng Tiến Sĩ của tôi.” Giám mỉm cười mà rằng: “Dưới thêm gió mát, lại có sự thung dung như thế ư?” Nói đoạn, lấy trong túi ra một tập, bảo: “Quyển ông đang đọc ấy có phải là đây chăng?” Xử Hậu xem ra thì chính là văn từ mình đã làm trong ngày thi, liền nói: “Đây là bút tích của tôi chép ra sau này.” Tăng Giám bảo: “Cố nhiên không phải là nguyên tác của ông, điều đó tôi vẫn biết.” Xử Hậu nói tiếp: “Nhưng sao trong túi kia lại có bài văn ấy?” Sư đáp: “Không phải chỉ riêng bài này, từ khi ông đọc sách đến giờ, cho đến những lúc đùa cợt, một nét bút nét vẽ, nơi túi của tôi đều có đủ.” Xử Hậu kinh sợ, không dám hỏi nữa. Ngài Trù Am chỉ có tha tâm thông, chưa thấy có thần thông. Tăng Giám Đại sư đã có tha tâm thông lại kiêm cả thần thông, có thể đem bóng dáng kinh sách trong tàng thức, hiện thành hình chất đưa cho người xem, kỳ thật trong túi của Ngài không chứa sẵn thứ ấy.

Gần đây, ở Thượng Hải đàn cơ bút mở ra rất nhiều. Sự chỉ dạy bỏ dừ làm lành và những thuyết luân hồi nhân quả thiển cận của các đàn ấy, đều rất có ích cho thế đạo, lòng người. Nhưng mấy điểm nói về cơ trời, Phật pháp, thì không khỏi mơ hồ, lầm lẫn. Chúng ta là đệ tử Phật, không nên bài bác việc đó, vì có trở ngại cho sự làm lành của người, song cũng chẳng nên phụ họa khen ngợi, vì sẽ mang lỗi đem điều ước đoán viễn vông khiến cho Phật pháp hư loạn, chúng sanh nghi lầm. Ấn Quang này tự xét mình nhiều nghiệp chướng nhưng quyết không dám theo tình bỏ lý, gây sự lầm lỗi cho người. Những lời trên đây xin châm chọc tình lý mà làm theo mới khỏi điều tệ hại.

Mười món lợi ích của sự niệm Phật, xin xem chương “Thập Chúng Thắng Lợi” ở những trang sau cuối bộ Tịnh độ Chỉ Qui. “Hồi hướng” là tâm suy nghĩ, miệng phát ra lời tín nguyện, đem công đức mình xoay về nơi nào.

Việc ấy nên để vào khoảng sau lúc công khóa tối và buổi trưa, khi tụng kinh niệm Phật xong. Niệm Phật phải từ mai đến chiều không nên hờ dớt; nếu trong tâm hằng có niệm cầu sanh, cũng là thường thường hồi hướng. Các Kinh Đại thừa đều khiến cho chúng sanh mau thành Phật, chỉ tiếc phần đông khi đọc kinh thiếu lòng chí thành, nên không được hoàn toàn lợi ích. Chương “*Đại Thế Chí Bồ tát*” ở quyển năm Kinh Lăng Nghiêm, chính là lời chỉ dạy tôi thượng về tông Tịnh độ. Câu “*Người quân tử học vì mình*” là ý nói bậc quân tử mỗi niệm đều tự xét mình, xem có trái đạo cùng chăng? Cảnh giới “*thức ngủ như một*”, chỉ có dụng công phu đáo để mới được. Nhưng nếu khi thức hằng nhiếp tâm niệm Phật, lâu ngày tự nhiên dù trong mộng cũng ít khởi vọng niệm.

2. Từ độ cuối đông đến hạ tuần tháng ba năm nay, tôi có tiếp được bốn phong thơ, thức ăn, vải, và bài vấn đáp của anh em cư sĩ cùng Từ Quân, do Sư Thần đem đến. Như thế, đủ thấy cư sĩ tha thiết vì đạo, mến trọng tôi đã quá nhiều! Trước tiên, tôi có ý mong Từ Quân đến, kể lại vì kiểm duyệt bộ Văn Sao để cho người in ra, mắt hơi suy kém, nên mới chậm lời phúc đáp. Bức thơ kỳ tháng chạp rồi, thật là đúng với nghĩa “*bạn bè dùng nhân giúp nhau*”, chỉ có điều suy tặng Ấn Quang quá nhiều, khiến cho người càng thêm hổ thẹn!

Nhân đạo có năm giềng lớn: vua tôi, cha con, anh em, chồng vợ và bạn bè. Nhưng tại sao trong năm luân ấy lại không nói đến Thầy? Vì Thầy là bậc thành tựu phần đức dục cho ta, cũng như cha, dắt dìu khuyên bảo để ta nên người, cũng như anh, nên Ngài Mạnh Tử nói: “*Thầy là cha anh.*” Lại nữa, Thầy thường nhắc nhở giúp ích ta nhiều việc cũng như bạn, nên nhà Phật thường gọi: “*Tìm Thầy hỏi bạn.*” Ấn Quang này tự xét mình kém phần thật đức, không có ý muốn làm Thầy người, chỉ mong ở địa vị bè bạn để giúp đỡ khuyên nhắc lẫn nhau mà thôi. Nhưng nhiều vị chẳng suy lượng giùm, nên tôi đã thiếu sự răn trách, lại còn không được nhắc bảo đến nữa! Cư sĩ mong tôi thân chứng Tam muội, lại e có trái với chỗ hy vọng, nên không nài khó nhọc, viết thư khuyên lơn. Từ khi tôi buộc tóc thọ học đến giờ, chưa gặp được người ích hữu như thế. Cử chỉ ấy làm cho Ấn Quang này vừa cảm động vừa tự thẹn! Mấy chữ tội chết là lời bày tôi can vua, cư sĩ đem dùng với Thầy bạn rất không phải cách. Ấn Quang tức nghiệp sâu nặng, khi sanh ra vừa được nửa năm, bị đau mắt luôn cả sáu tháng. Sự thống khổ trong lúc ấy thật vô cùng, trừ khi ăn và ngủ ra, không một khắc nào ngớt tiếng kêu gào khóc lóc. Nhưng may nhờ căn lành đời trước, nên còn được thấy ánh sáng mặt trời. Đến tuổi thành đồng được học tập lại do nghiệp cũ dẫn dắt, uống lầm thuốc độc bài báng Phật pháp của bọn Hàn Dũ, Âu Dương Tu. Kế đó định tâm xét nghĩ biết mình lỗi

lầm, liền sanh lòng hồ thẹn, quy y Tam bảo xuất gia làm tăng. Nếu lúc bấy giờ không nhờ sức Tam bảo thâm gia bị, khiến cho sự biết tự tỉnh, thì tôi đã sa vào ngục A tỳ chịu vô lượng sự khổ, đâu còn được cùng các vị chỉ đông nói Tây, luận về tự lực, tha lực như ngày hôm nay ư?

Kỳ thất hoàn mãn, Tam muội chưa thành, do tôi tinh thần suy kém mà cũng bởi túc nghiệp sâu dày. Nhưng Phật đã không bỏ người chướng nặng, xin cũng nhờ chút công hạnh ấy để được vãng sanh. Phép Thập Niệm Ký Số không phải là Sổ Tức (đếm hơi thở), chỉ có điểm ghi nhớ từ một đến mười có hơi giống với lối Sổ Tức mà thôi. Trong Liên Tông Bảo Giám, lại lầm để là đếm đến trăm, ngàn, muôn. Vì cư sĩ không biết mà thọ hại, nên tôi mới dẫn ra để chứng rõ, vậy không nên gọi đó là phép Sổ Tức Trì Danh. Muốn chứng Tam muội, đã có lời chỉ dạy xác đáng của Phật, Tổ, sao lại đòi hỏi đến chỗ chứng của tôi mới chịu làm theo? Kinh A Di Đà nói: *“Giữ lấy danh hiệu, hoặc một ngày cho đến bảy ngày, một lòng không loạn.”* (Đây là lời tỉ lệ không nên chấp định. Nếu căn tánh Đẳng giác, một niệm liền được không loạn, đợi gì một ngày? Như căn tánh nghịch ác, dù trọn đời cũng khó được nhất tâm, huống chi bảy ngày?) Quán Kinh nói: *“Pháp thân chư Phật Như Lai vào tâm tướng của tất cả chúng sanh. Cho nên khi tâm các người tướng Phật, tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, tâm ấy tướng Phật, tâm ấy là Phật.”* Kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ tát nói: *“Nhiếp cả sáu căn, tịnh niệm nối nhau, được Tam Ma Địa, đây là bậc nhất.”* Trong bài kệ lựa căn Viên thông, Ngài Văn Thù bảo: *“Nghe vào, nghe tánh mình. Tánh thành đạo Vô thượng.”* Kinh Tứ Thập Nhị Chương dạy: *“Tu tâm là thế nào? Giữ nó lại một chỗ, thì không việc gì chẳng xong.”* Ngài Mộng Đông bảo: *“Thật vì sanh tử, phát lòng Bồ đề, lấy tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật.”* Mười sáu chữ này là cương yếu của tông Tịnh độ. Muốn tu Tam muội sao không lấy Thánh ngôn làm lượng, triệt để tuân theo những lời trên đây, lại dùng tôi là kẻ phạm phu nghiệp chướng mà làm mực thước, há chẳng trái ngược lắm ư?

Nhưng, lời ấy phát ra chẳng phải không duyên cớ. Chắc có lẽ vì thấy trong quyển Di Đà Trung Luận thuật rõ cảnh giới của Tỉnh Nhất Đại sư, và Vương Canh Tâm tự bảo là đắc tâm truyền với Ngài, nên cư sĩ cho rằng tôi cũng có nhiều cảnh lạ không thể nghĩ bàn, và bí quyết truyền thọ đó chẳng? Cư sĩ nên xét: Tam muội dịch là chánh định hay chánh thọ, ấy là thể vọng tan chơn hiện, lạng lẽ sáng suốt, trong ấy đâu có cảnh giới gì? Cho nên Kinh Lăng Nghiêm nói: *“Tròn chứng quả Bồ đề là không chứng đắc chi cả.”* Người tu thiền vì chỉ cậy sức mình, không cần Phật gia bị, nên trong khi công phu đắc lực, chân vọng công kích lẫn nhau, thường

có nhiều cảnh giới thoát ẩn thoát hiện. Ví như lúc mưa to sắp tạnh, mây mù tản mát, trời đang u ám bỗng lộ ánh sáng, phút chốc lại thay đổi không lường. Những cảnh giới ấy, nếu chẳng phải người có đủ đạo nhãn, tất khó nổi phân biệt. Nếu lầm nhận cho là thật, sẽ bị ma dựa phát cuồng, không thể cứu chữa. Khác hơn thế, người niệm Phật dùng lòng tín nguyện, tha thiết trì hồng danh muôn đức, thì như mặt trời chói sáng giữa hư không, như đi con đường thẳng rộng, không những quỉ mị tuyệt tích mà vọng niệm cũng lặng tiêu. Suy cho cùng, chẳng qua niệm đến công lực tinh thuần, thì toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm Phật như một mà thôi. Lý và hạnh này tôi còn e mọi người không hiểu, vẫn muốn tuyên dương để nêu cao bản nguyện độ khắp chúng sanh của Phật, đâu dám giấu kín để truyền riêng cho cư sĩ hay sao? Nếu có bí quyết truyền thọ riêng nơi chỗ ẩn khuất tức là tà ma ngoại đạo, không phải Phật pháp. Nhưng Ấn Quang thật cũng có chỗ diệu quyết chỉ riêng mình được, nay nhân cư sĩ thỉnh cầu, không ngại gì đem ra bày tỏ với các hàng Phật tử trong thiên hạ. Diệu quyết ấy là gì? Là chí thành, là cung kính. Điều này cả thế gian đều biết, đạo lý này cả thế gian đều muội! Ấn Quang do muốn tiêu trừ tội nghiệp sâu nặng và báo đáp ân Phật, hằng để ý tìm cầu gương sáng tu trì của cổ đức, nên được biết rằng chí thành cung kính là bí quyết rất mau để vượt phàm lên Thánh, thoát nẻo luân hồi. Mấy điểm này, đối với những người hữu duyên tôi đã thường thường khuyên nhắc. Nên biết thành kính không phải chỉ để riêng cho người học Phật, mà tất cả mọi việc nếu muốn được tinh nhất, phải lấy đây làm nền tảng.

Từ Quân có trông linh căn từ kiếp trước, thân quyền thờ Phật mấy đời, khi nhỏ đã được đầy đủ về gia huấn, lớn lên lại trải đôi ba mươi năm học hỏi lịch duyệt, vì sao lại bỏ nơi huyền diệu, dùng chỗ tầm thường, mền chuộng văn tôi mà cho in ra như thế? Nên biết, sự hoằng pháp lợi sanh quý ở nơi biết thời cơ. Cách điều trị đáng dùng cho căn bệnh người đời nay, bậc thông hiểu Phật giáo không chịu chỉ rõ, duy nói những phương pháp cao huyền, phần nhiều là những thứ thuốc không hợp với bệnh. Đôi khi do thứ thuốc quí ấy, bệnh lại tăng thêm. Ấn Quang cũng như kẻ dung y, chẳng những không rõ gốc bệnh lại không hiểu tánh chất thuốc men, chỉ đem hoàn Vạn Ứng A Đà Đà (A Đà Đà dịch là Phổ Trị, thuốc trị tất cả bệnh) của tiên tổ bí truyền, bao nhiêu chứng hư, thật, hàn, nhiệt, đều dùng hoàn này cho uống. Nếu ai có lòng tin, dùng thử sẽ được an lành. Cho đến những chứng bệnh Tàn Huyễn, Biến Thước đều bó tay, khi uống thuốc này vào, liền thấy hồi sanh khỏi tử. Cho nên đối với những kẻ có tâm cứu người giúp đời, tôi không ngại gì đưa thiệp quảng cáo, để tất cả bệnh nhân đều được uống hoàn này. Tôi vẫn biết các phương thuốc của Tàn Huyễn, Biến Thước là nhiệm mầu, song chẳng

khuyên người dùng, vì bệnh thuộc về túc nghiệp không phải sức của thân y trị được...

Chúng thật tướng ngay đời hiện tại, chẳng phải thế gian tuyệt không người, nhưng e cư sĩ chưa có căn lành ấy. Nếu tôi không nói rõ duyên có, hoặc khi cư sĩ chí cao mà hạnh chưa kịp, vì quá vọng tưởng đến sự chứng quả, lâu ngày sanh ra bệnh cuồng loạn tán tâm. Chừng ấy cầu siêu hóa ra đọa, muốn khéo trở thành vụng, kết quả cũng không thoát khỏi luân hồi. Phải biết, ngộ được lý nhị không duy hạng phàm phu lợi căn mới có đủ khả năng. Như bậc người Viên Giáo ở nơi vị danh tự tuy chưa phục đoạn phiền não, mà sự tỏ ngộ cùng chư Phật vẫn đồng. Nếu nói ước về Tông, cảnh giới ấy gọi là đại triệt đại ngộ; ước về Giáo là đại khai viên giải. Nhưng đại ngộ cùng viên giải, không phải chỉ tỏ ngộ một cách mừng tượng đâu! Như Bàng Cư Sĩ nghe Mã Tổ nói câu: *“Đợi khi nào người uống một hớp hết nước sông Tây, ta sẽ nói cho”*, liền quên ngay sự huyền giải. Ngài Đại Huệ Kiểu nghe Viên Ngộ Thiền sư ngâm câu: *“Gió nồm vào điện các, hơi mát vãn vơ sanh”*, cũng thế. Trí Giả Đại sư tụng Kinh Pháp Hoa đến câu: *“Đó là chơn tinh tấn, gọi là chơn pháp cúng dường Như Lai...”* trong phẩm Dược Vương Bản Sự, thoát rỗng suốt đại ngộ, lặng lẽ nhập định, thấy hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan. Ngộ được như thế mới gọi là đại triệt, đại ngộ, đại khai viên giải. Đó là ngộ đạo, nếu nói đến chứng đạo vào thể thật tướng, thì lại không phải là việc làm của hạng cụ phược phàm phu. Ngài Nam Nhạc Huệ Tư, Thầy đặc pháp của Trí Giả Đại sư, là bậc có thần thông trí huệ lớn. Khi sắp tịch, có người hỏi đến chỗ chứng Ngài đáp: *“Ta ban sơ chỉ cầu Đồng Luân, nhưng vì lãnh chúng quá sớm, chỉ chứng được Thiết Luân mà thôi.”* (Đồng Luân tức là vị Thập trụ, phá vô minh, chứng thật tướng, vào cõi thực báo, phần chứng Tịch Quang. Bậc sơ trụ có thể hiện làm thân Phật trong một trăm cõi Đại Thiên để giáo hóa chúng sanh. Nhị trụ thì một ngàn cõi, tam trụ một muôn, mỗi trụ số tăng lên gấp mười. Thiết Luân tức là vị Thập tín. Sơ tín dứt kiến hoặc, thất tín dứt tư hoặc, bát, cửu, thập, tín phá trần sa, phục vô minh. Ngài Nam Nhạc thị hiện ở ngôi Thập tín, thì còn chưa chứng được thật tướng). Trí Giả Đại sư là đức Thích Ca hóa thân, lúc sắp tịch, có kẻ hỏi: *“Đại sư chứng đến vị nào?”* Đáp: *“Nếu ta không lãnh chúng, tất thanh tịnh sáu căn, vì tổn mình lợi người nên chỉ được ngũ phẩm.”* (Sáu căn thanh tịnh tức là vị Thập tín, như phẩm Pháp sư Công Đức trong Kinh Pháp Hoa đã nói. Ngũ phẩm là vị quán hạnh, phục hết ngũ trụ phiền não mà chưa dứt được kiến hoặc). Ngẫu Ích Đại sư lúc lâm chung có bài kệ rằng: *“Danh tự vị đây là Phật nhãn. Rồi ra biết sẽ phó ai?”* (Địa vị danh tự viên ngộ tạng tánh, chỗ tỏ ngộ đồng với Phật, song còn chưa phục được kiến, tư hoặc, hướng chỉ dứt trừ? Người đại ngộ ở đời Mạt

pháp, phần nhiều thuộc về hạng này. Xem như Ngài Ngũ Tổ Giới thân sau làm Tô Đông Pha, Ngài Thảo Đường Thanh làm Tăng Lỗ Công, ấy cũng còn khá. Kế đó, Ngài Hải Ấn đầu thai làm con gái ông Châu Phòng Ngự, và tề hơn hết là cao Tăng ở non Nhạn Đẳng kiếp sau làm Tần Cối. Bởi các vị ấy tuy ngộ suốt lý tánh mà chưa dứt được phiền hoặc, nên một phen thọ sanh, phần nhiều quên mất túc căn). Như Ngẫu Ích Đại sư thị hiện ở vị danh tự. Thiên Thai Trí Giả ở vị quán hạnh, Nam Nhạc Huệ Tư ở vị tương tợ, thì thấy thật tướng pháp không dễ gì chứng. Thật ra bản địa của ba Đại sư đều không thể suy lường, nhưng vì sợ người đời sau chưa chứng xưng rằng chứng, nên các Ngài dùng thân thuyết pháp khiến cho hàng hậu tấn xét mình hổ thẹn, dứt bỏ tánh tự thị, ngông cuồng. Ân đức thị hiện răn dạy ấy, dù nát thân cũng khó đền đáp. Vậy cư sĩ nên tự lượng xem mình có thể siêu việt ba Đại sư ấy chăng? Tốt hơn là nên niệm Phật tụng kinh, bồi đắp căn lành, ngày kia sanh về Tây phương tùy nơi công hạnh cạn sâu lần lần tu tập, thì sớm muộn gì cũng sẽ được đạo quả. Ấy là con đường duy nhất để chứng thật tướng của người đời nay đó!

Kim Luân Chú Pháp không cho hỏi việc, chỉ được hỏi căn lành hoặc pháp môn mà thôi. Nhưng chúng sanh đời Mạt pháp chẳng luận căn lành có hay không, đều quyết định phải chuyên tu Tịnh độ, vậy chớ nên hỏi pháp môn làm chi. Đến như căn lành nếu có, nên gắng sức tu thêm, không lại càng phải cố công vun bồi, cũng không cần hỏi. Chỉ nên trì chú giúp tu Tịnh nghiệp, chớ vội tác pháp làm nhọc lòng Phật Thánh. Nếu thường tác pháp mà tâm không cung kính, chí thành, sẽ khởi các việc ma. Duy có một điều nên tác pháp, nhưng không phải là phần việc của cư sĩ. Ví như có người phát tâm xuất gia, mình chưa chứng đạo, không thể quán căn cơ người ấy, mới cầu Phật từ bi thăm chỉ thị xem có nên thâm nhận chăng? Làm như thế để tránh mối tệ: hạng vô lại lẫn vào phá rối Phật pháp. Người đời nay trong sự thâm đệ tử, chỉ muốn cho được nhiều. Đôi khi biết rõ đó là kẻ hạ lưu, cũng gấp gấp dung nạp sợ có mất đi, không nghĩ gì đến sự lựa chọn. Tâm tham danh lợi, ưa quyền thuộc ấy, khiến cho Phật pháp suy tàn đến mức khó nổi chân hưng!

Nghiệp chướng nặng, tham giận nhiều, thân suy yếu, tâm kinh sợ, phải một lòng niệm Phật, lâu ngày các chứng ấy tự tiêu trừ. Trong phẩm Phổ Môn nói: *“Chúng sanh nào nhiều dâm dục, giận hờn, ngu si, nếu thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ tát, sẽ được xa lìa các nghiệp ấy.”* Niệm Phật cũng như thế, song phải dùng hết tâm lực, đừng tạp tưởng, nghi ngờ, thì cầu việc gì cũng được. Đức Quán Thế Âm Bồ tát có nhân duyên rất lớn với chúng sanh cõi Ta bà, ngoài

thời niệm Phật, nên kiêm trì danh hiệu Ngài. Hoặc giả, kiêm trì chú Lăng Nghiêm hay Đại Bi cũng được.

Đến như việc xem kinh, nếu muốn làm Pháp sư vì chúng tuyên dương, nên trước xem chánh văn, sau sẽ xem lời chú sớ. Nếu xét thấy mình tinh thần không đầy đủ, kiến giải chẳng hơn người, thì hãy chuyên niệm Phật, chớ nên phí tâm lực, hao tháng ngày đi theo việc không cần kíp ấy. Như muốn tùy phận duyệt kinh để được thêm phần lợi ích, phải giữ ba nghiệp trong sạch, khẩu thiết chí thành, lạy Phật rồi ngồi định tâm giây phút, sau sẽ giở kinh tụng ra tiếng hay lặng lẽ xem. Khi ấy phải ngồi ngay ngắn như đối trước Phật nghe lời viên âm, không dám móng khởi một niệm biếng trễ, phân biệt, chẳng nên tìm hiểu văn nghĩa, chỉ một mạch xem thẳng từ đầu đến cuối. Duyệt kinh như thế, nếu là bậc lợi căn, có thể ngộ lý nhị không, chứng pháp thật tướng, dù người căn tánh tối chậm, cũng được tăng thêm phước huệ, nghiệp chướng tiêu trừ. Đức Lục Tổ bảo: *“Chỉ xem Kinh Kim Cang cũng có thể minh tâm kiến tánh”*, tức là nói lối xem trên đây, vì thế mới gọi là chỉ. Y như thế mà duyệt kinh, thì xem các Kinh Đại thừa đều có thể minh tâm kiến tánh, đâu riêng gì Kinh Kim Cang? Chớ nên một mặt theo sự phân biệt, tìm hiểu: câu này nghĩa ra sao, đoạn này ý thế nào? Bởi vì đó thuộc về vọng tưởng suy lường, không thể thâm hiệp với tâm Phật, ngộ suốt lý kinh, và làm nhân duyên cho sự diệt tội sanh phước. Xem kinh với tâm phân biệt, nếu biết cung kính thì còn có thể gieo chút căn lành, bằng biếng trễ khinh thường chắc không khỏi đem nhân lành mà gây quả ác, sự khổ sẽ vô cùng! Người xưa rất chuyên trọng nghe kinh vì tâm khó sanh phân biệt. Như có người tụng kinh ra tiếng, một người ở gần bên nhiếp tâm lóng nghe mỗi câu chữ rõ ràng, chẳng dám duyên theo cảnh bên ngoài, vì nếu xao lãng một chút thì bị gián đoạn, văn nghĩa không được suốt thông. Khác hơn thế, người tụng bởi có văn kinh để y cứ, dù không chuyên chú cũng đọc được rành rẽ. Người nghe chỉ nương theo tiếng, nếu phóng tâm liền đứt mất sự liên lạc. Nghe kinh được như thế, công đức đồng với người tụng cung kính chí thành. Nếu người tụng kinh kém lòng thành kính, công đức lại không thể sánh kịp người nghe.

Đời nay, nhiều kẻ xem Kinh Phật như giấy cũ, trên bàn kinh để những tạp vật lẫn lộn, bừa bãi. Khi duyệt kinh, không rửa tay, súc miệng, có khi rung lắc thân mình, vất tréo chân lên, thậm chí buông ra hơi dưới, chẳng kiêng sợ chi cả. Như thế đâu phải muốn diệt tội sanh phước, mà muốn cho loài ma vương phá hoại Phật pháp, chứng minh khen ngợi mình là *“người bao quát dung thông, rất hợp với đạo màu Đại thừa không còn chấp trước.”* Hàng Phật tử chơn tu trông thấy chỉ còn lặng lẽ, thương buồn, thảm rơi lệ than thở cho cảnh ma quyền thịnh hành,

không biết làm sao cứu vãn được! Thuở xưa, Ngài Trí Giả tụng kinh bỗng rỗng suốt tỏ ngộ lặng lẽ nhập định, nếu có tâm phân biệt thì đâu được như thế ư? Một vị cổ đức tả Kinh Pháp Hoa, chăm chú quên cả muôn duyên, đến trời tối vẫn còn ngồi viết. Kẻ thị giả đi vào thưa “*Trời tối lắm rồi, sao Thầy còn tả kinh được?*” Vị ấy liền giật mình xem lại thì đã tối sầm không thấy bàn tay. Khi duyệt kinh, tham thiền, trì chú, niệm Phật, nếu đồng một sự chuyên tâm như thế, dụng công lâu, sẽ có ngày được suốt thông, tỏ ngộ. Đời Minh, Ngài Tuyết Kiều Tín Thiền sư, người ở thành phủ Ninh Ba, trung niên xuất gia, dốt không biết một chữ. Nhưng nhờ công khổ hạnh, siêng năng tham cứu, nhịn việc khó nhịn, làm việc khó làm, không bao lâu Ngài bỗng đại triệt đại ngộ, những lời nói ra đều hiệp với thiền cơ. Rồi từ đó lần lần Ngài tự biết đọc, viết, không mấy lúc đã nghiêm nhiên là một nhà thông thái bút pháp tung hoành. Những sự lợi ích như thế đều là nơi tâm chuyên tinh tham cứu, không phân biệt mà có. Người duyệt kinh nên lấy đây làm gương mẫu. Tập Ngũ Lục của Tuyết Kiều Tín Thiền sư đã được bỏ vào Đại Tạng Kinh nhà Thanh. Tân sĩ Đàm Tảo Am, một bậc thạc học quy y với Thiền sư, có khắc bia hơn muôn lời để ca tụng đạo hạnh của Ngài. Vậy khi duyệt kinh quyết không nên khởi lòng phân biệt; được như thế, vọng tưởng sẽ tự lặng chìm, tánh thiên chơn lần lần hiện rõ.

Nếu muốn nghiên cứu kinh để hiểu nghĩa lý, hoặc chú sớ ra, nên dành một thời riêng chỉ chuyên về việc ấy. Lúc nghiên cứu tuy không nghiêm cẩn bằng khi xem, nhưng cũng chẳng nên toàn không cung kính, bất quá có đôi chút thơ thái hơn mà thôi. Như chưa được nghiệp tiêu trí sáng, phải lấy sự duyệt kinh làm chủ, phần nghiên cứu chỉ nên phụ lược. Chẳng thế thì cùng năm mãn tháng cứ mãi theo việc nghiên cứu, dù cho tìm hiểu được như vệt mây bày trăng sáng, mở cửa thấy non xanh, cũng chỉ thêm nguồn biện bác trên đầu môi chót lưỡi, có can thiệp gì đến sự sanh tử đâu? Rồi ngày ba mươi tháng chạp đến nơi, quyết định không dùng một mảy may nào được! Nếu có thể y như cách trên mà duyệt kinh, thì những nghiệp tham giận tình chấp lần lần tiêu tan, trí huệ trở nên sáng suốt. Bằng chẳng thế, đã không được sự thật ích, lại còn e do nghiệp lực đời trước, dẫn sanh tà kiến, bác không nhân quả, những phiền não dâm, giết, trộm, dối, sẽ kế tiếp nhau nổi lên như lửa cháy bùng. Lúc ấy đôi khi lại còn cho mình là người tu Đại thừa, tất cả đều không ngại, đem câu “*Tâm bình cần gì giữ giới*” của Lục Tổ, tự bào chữa: “*phá giới mà không phá mới thật là giữ giới*.” Trên đường tu hành có nhiều nỗi hiểm nguy, chơn pháp rất khó được là như thế! Vì lẽ ấy, chư Tổ phần nhiều đều chủ trương tu Tịnh độ, để nhờ sức từ của Phật dẹp trừ nghiệp lực khiến cho không phát hiện. Vậy cư sĩ nên lấy sự niệm Phật làm chánh, duyệt kinh làm trợ. Trong các

kinh như: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Kim Cang, Niết bàn, Viên Giác, hoặc chuyên chú một bộ hay luân phiên mà xem. Phép duyệt kinh quyết không nên khác với lời tôi nói. Nếu thờ ơ không kiêng sợ, tất bị những tình kiến phân biệt làm mất sự lợi ích lớn, tội nghiệp sẽ vô cùng!

Lúc trước tôi cho rằng cư sĩ cùng Sư Thần đều đã tin triệt để pháp môn Tịnh độ. Đến khi xem bài văn cáo của cư sĩ hỏi Từ Quân, thì thấy nói muốn trì chú và nghiên cứu giới học. Lại bảo: *“Về công đức của mật chú, trong tông Tịnh độ không thấy có sự cao siêu như thế, nên lòng nao nức chưa biết có nên theo cùng chăng?”* Cư sĩ thử xét mình là căn cơ bậc nào, mà lại muốn thông đạt tất cả pháp môn như thế? Tôi chỉ e sự tán loạn bất định ấy lâu ngày có thể làm cho cư sĩ rối tâm mê muội đó thôi. Còn Sư Thần thì cho rằng: *“Theo Mật Tông chú lực đi đến đâu, dù là một chút hơi bay bụi dính, chúng sanh nơi đó đều được giải thoát. Tịnh Tông không có sự lợi ích như thế!”* Phải biết, trì chú tuy công đức vô lượng, niệm Phật há không năng lực chẳng nghĩ bàn? Sao chẳng xem đoạn: Chúng sanh phạm tội Ngũ nghịch Thập ác, khi sắp chết tướng Địa ngục hiện, niệm Phật vài tiếng liền được vãng sanh? Lại há không thấy trên hội Hoa Nghiêm, các Đẳng giác Bồ tát chứng đồng với Phật, còn phát mười đại nguyện vương hồi hướng Tây phương để cầu viên thành quả giác đó ư? Và, nếu môn Tịnh độ không thù thắng, tại sao chư Phật, Tổ, cho đến ngàn kinh muôn luận đều ân cần căn dặn khuyên bảo tu trì? Thật ra, các pháp môn Đại thừa đều viên diệu, chỉ vì chúng sanh duyên có cạn sâu, căn cơ có sanh, thực, thành thử sự lợi ích có khó cùng dễ đó thôi! Ngài Thiện Đạo là đức A Di Đà hóa thân, trong khi khai thị về chuyên tu, e rằng hành nhơn tâm trí không định, nên đã khuyên dạy: *“Dù cho bậc Thánh trong bốn quả, hoặc hàng Bồ tát ở những vị trụ, hạnh, hướng, địa, nhứt đến mười phương chư Phật đầy cả hư không pháp giới đều hiện thân phóng quang, bảo hãy bỏ môn Tịnh độ, các Ngài sẽ truyền dạy pháp môn thù thắng, cũng chẳng dám vâng theo, vì trước đã quyết chí chuyên tu Tịnh độ nên không thể rút lời nguyện.”* Thiện Đạo Hòa thượng biết trước người đời sau hay *“đứng núi này trông núi nọ”* rồi không có định kiến, nên mới nói lời ấy. Lời vàng ngọc trên đây, chính những kẻ đã tôn Ngài làm Thầy còn ít biết vâng theo, huống chi người chưa nghe hiểu? Một pháp môn rất hợp lý hợp cơ như thế ở trước mặt mà đành bỏ qua, lại đi theo con đường nghiệp thức mơ màng, không thiện, không tịnh, há chẳng phải là nghiệp ác đời trước xui khiến hay sao? Thương thay!

Lý nhị không, tức là ngã không và pháp không. Ngã không là biết rõ trong năm ấm hoặc sắc hoặc tâm (sắc là sắc thân, sắc ấm, tâm là thọ, tưởng, hành, thức)

đều do nhân duyên hòa hợp sanh ra, khi nhân duyên chia lìa, liền mất, không thật có cái ta làm chủ tể. Pháp không là thấu suốt năm ấm đương thể vốn không. Tâm Kinh nói: “*Soi thấy năm uẩn đều không*” chính là nghĩa này. Lý pháp không đây tức là thật tướng, do phá vô minh chứng được, nên nói: “*Vượt qua tất cả khổ ách.*” Lại lý thể pháp thân lìa hẳn những tướng: sanh, diệt, đoạn, thường, có, không, mà làm căn bản của các tướng, rất là chân thật, nên gọi thật tướng. Thật tướng này chúng sanh cùng Phật vẫn đồng, mà hàng phàm phu, Nhị thừa do vì mê bỏ nên không được thọ dụng. Ví như tự mình có hạt bảo châu trong vạt áo, vì không hay biết nên phải chịu nghèo hèn. Ngộ đạo là trạng thái thông suốt rõ ràng, như mây tan trăng hiện, cửa mở núi bày, lại như người mắt sáng trông thấy đường về, và cũng như người từ lâu nghèo khổ bỗng gặp kho báu. Chứng đạo là như theo đường cũ về đến nhà phải chân ngồi nghỉ, lại như đem kho báu ấy tùy ý tiêu dùng. Ngộ thì kẻ đại tâm phàm phu, kiến giải đồng với Phật, chứng thì bậc sơ địa không biết chỗ cất bước tới lui của nhị địa. Hiểu được nghĩa ngộ và chứng này, tự nhiên chẳng khởi lòng khinh mạn bậc trên, cũng không sanh tâm lui sụt, mà ý chí cầu sanh Tịnh độ dù muôn trâu vẫn không thể kéo lùi.

Thời này là thời buổi nào? Nạn binh lửa đang lúc lầy lùnh, nam Bắc đánh nhau, trong ngoài chiến loạn, ba bốn năm gần đây, số người chết đến hàng triệu. Từ xưa đến nay chưa nghe có sự thảm thiết như thế! Lại thêm các tai biến: bão lụt, động đất, ôn dịch, tiếp diễn thường thường. Riêng về nạn nắng lụt, không đầy một năm có khi đến đôi ba lần. Vật giá vì thế mắc gấp bội hơn trước. Lúc này, may mà được sống, dám không gắng sức chuyên tu Tịnh nghiệp để cầu vãng sanh ư? Nỡ đem thân người khó được, mơ màng theo những pháp tu không hợp thời cơ ư? Hiện giờ nếu không gắng sức chú định một môn, ngày kia muốn được nghe pháp huyền diệu thẳng tắt này, sợ e không còn dịp may ít có như hôm nay nữa!

10. Thư gởi Nữ sĩ Từ Phước Hiền

Tôi dừng gót ở Phổ Đà đã hơn hai mươi năm, đối với hàng Phật tử tại gia, chưa từng tới lui giao thiệp. Gần đây, nhân có Thầy Phước Nghiêm lên núi thăm, trong vòng không đầy tuần nhật, Thầy nhiều phen qua chỗ thất tôi ở nói về sự trình tháo của Nữ sĩ. Mỗi khi gởi đến việc ấy, Thầy lại tỏ vẻ bùi ngùi cảm động. Lúc đó tôi có tỏ bày ý kiến: Nữ sĩ tuy trình liệt đáng khen, nhưng tiếc vì không biết đường lối tu hành. Nếu con nào rảnh tôi sẽ gởi lời khuyên nhắc, lược giải về cương yếu của môn niệm Phật, để cho người tùy sức phần bước vào con đường Tịnh độ. Nghiêm Sư nghe nói liền tán thành và hết lời yêu cầu. Vì thế nên mới có bức thư gởi cho Nữ sĩ hôm nay.

Phật pháp là pháp sẵn đủ nơi tâm của tất cả chúng sanh, người xuất gia tại gia đều có thể thọ trì. Nhưng thân nữ có nhiều chướng duyên nếu lìa quê đi xa, rất dễ bị người lấn hiếp. Vậy Nữ sĩ chỉ nên ở tại nhà giữ giới niệm Phật, quyết chí cầu sanh Cực lạc, không cần phải lìa quê hương xuất gia làm Ni. Việc nghiên cứu khắp kinh giáo, đi các nơi tham hỏi bậc minh sư là phần của người nam, nữ giới bất chúc theo không tiện. Người nữ chỉ nên gắng tu Tịnh nghiệp, chuyên trì hiệu Phật, nếu có thể nhiếp cả sáu căn, nối liền tịnh niệm, tự nhiên hiện đời thân chứng Tam muội, khi lâm chung lo gì không chiếm phẩm cao? Dù chưa chứng Tam muội, cũng được dự vào hải hội, gần gũi đức A Di Đà, rồi lần lần trở về tánh bản chân, tự nhiên thông suốt vô biên giáo hải, như tấm gương lớn soi rõ muôn hình. Chừng ấy mặc ý cõi thuyền đại nguyện, không rời An dưỡng, hiện thân ở cõi Ta bà, cùng vô số phương tiện độ thoát loài hữu tình, khiến cho đều đến Liên bang chứng Vô sanh nhẫn. Ấy mới khởi phụ với chí quyết liệt tu trì ngày hôm nay, mới đáng gọi là hoa sen sanh trong lửa, người nữ mà tượng phu đó!

Tu Tịnh nghiệp, điều căn bản là phải quyết lòng cầu sanh Tây phương. Cho nên pháp môn Tịnh độ lấy Tín, Nguyện, Hạnh làm tông chỉ. Tín là phải tin cõi Ta bà có vô lượng nỗi khổ, cõi Cực lạc sự an vui không cùng! Nỗi khổ ở Ta bà đại ước có tám thứ: sanh, già, bệnh, chết, thương xa lìa, oán gặp gỡ, cầu không toại ý, và năm ấm lấy lừng. (Năm ấm lấy lừng là chúng sanh đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, khởi hoặc gây nghiệp như lửa cháy hừng). Sự vui ở Cực lạc, nói về thân thì hóa sanh trong hoa sen, tuyệt không già, bệnh, chết, thuần là người nam; cho đến danh từ ác đạo hãy còn chẳng nghe, huống chi có thật? Nếu về cảnh thì vàng ròng làm đất, bảy báu làm ao, hàng cây cao ngất trời, lầu các giữa chừng không, và sự ăn mặc thọ dụng, khi tưởng đến đều được hóa hiện vừa ý, không phải như ở cõi này do sức người tạo tác mà thành. Ở Cực lạc, Phật A Di Đà tướng đẹp vô biên, một khi trông thấy từ dung, liền chứng Pháp Nhẫn, đức Quán Âm Thế Chí cùng Thanh Tịnh Hải Hội phóng ánh sáng trong sạch, đồng nói pháp màu. Thế nên, tuy là hàng phàm phu đầy đủ nghiệp lực, nếu phát lòng tin nguyện tha thiết, sẽ được nhờ Phật nhiếp thọ. Khi đã vãng sanh về cõi kia, thì nghiệp ác phiền não đều tiêu tan, trí huệ công đức đều tròn đủ. Tin được như thế mới gọi là lòng tin chân thật. Như muốn được biết rõ hơn, nên xem kỹ kinh: A Di Đà, Vô Lượng Thọ và Quán Vô Lượng Thọ. Những kinh này chuyên nói về duyên khởi sự lý của Tông Tịnh độ, cũng gọi là Tịnh độ Tam Kinh. Ngoài ra các Kinh Đại thừa phần nhiều đều có nói về Tịnh độ. Như Kinh Hoa Nghiêm là khi đức Như Lai mới thành Chánh giác, vì các bậc Pháp Thân Đại sĩ ở bốn mươi một vị, xứng tánh nói ngay pháp Nhất thừa màu nhiệm. Sau rốt, lúc Ngài Thiện Tài đi tham hỏi khắp các

phương tri thức, chỗ chứng bằng chư Phật, Phổ Hiền Bồ tát lại vì nói mười đại nguyện vương, khuyên Ngài Thiện Tài và hải chúng trong cõi Hoa Tạng hồi hướng cầu sanh về thế giới Cực lạc, để mau tròn đầy quả Phật. Trong Quán Kinh, chương Hạ Phẩm Hạ Sanh có nói: *“Hạng người phạm tội Ngũ nghịch, Thập ác, làm đủ các việc không lành, khi sắp chết tướng Địa ngục hiện, được bậc Thiện tri thức khuyên bảo niệm Phật, kẻ ấy vâng lời niệm chưa đầy mười câu, liền thấy Hóa Phật đưa tay tiếp dẫn vãng sanh.”* Kinh Đại Tập dạy: *“Đời Mạt pháp ực ực người tu hành nhưng ít có kẻ ngộ đạo, chỉ nương theo môn Niệm Phật mới được thoát luân hồi.”* Thế thì biết pháp niệm Phật là con đường đồng tu của thượng Thánh hạ phàm. Với pháp này, kẻ ngu người trí đều có thể làm theo, cách hành trì dễ mà thành công cao, dùng sức ít song hiệu quả mau lẹ. Bởi môn Tịnh độ chuyên nhờ Phật lực nên sự lợi ích rất lớn, vượt hơn tất cả giáo pháp thông thường. Người xưa nói: *“Tu các môn khác như con kiến bò lên núi cao, niệm Phật vãng sanh như thuyền buồm xuôi theo gió nước.”* Lời này có thể gọi là sự so sánh rất xác đáng, rõ ràng.

Nếu muốn nghiên cứu nên xem bộ Yếu Giải Kinh A Di Đà của Ngẫu Ích Đại sư trứ thuật. Bộ này diễn tả sự lý đến chỗ cực điểm, là lời chú giải rất hay rất xác, đứng vào bậc nhất từ khi Phật nói kinh ấy đến giờ, dù cho Cổ Phật tái hiện ra đời chú giải lại cũng không hơn được. Vậy Nữ sĩ chớ nên khinh thường, phải triệt để tin theo. Về Kinh Vô Lượng Thọ, có lời chú sớ của Huệ Viễn Pháp sư đời Tùy, văn nghĩa rất rõ ràng. Kinh Quán Vô Lượng Thọ thì có bộ Tứ Thiệp Sớ của Thiện Đạo Hòa thượng. Ngài Thiện Đạo muốn lợi khắp ba căn nên phần nhiều phát huy về sự tướng. Sau chương Thượng phẩm Thượng Sanh, Ngài chỉ rõ sự hơn kém của hai lối tu chuyên và tạp, lại bảo phải sanh lòng tin bền chắc, dù đức Thích Ca hoặc chư Phật hiện thân dạy bỏ môn Tịnh độ tu theo các pháp khác, cũng không dời đổi chí nguyện. Lời trên đây có thể gọi là cây kim chỉ nam của người tu Tịnh nghiệp. Đến như bộ Quán Kinh Sớ Diệu Tông Sao của bên Thiên Thai Tông thì nghĩa quá viên dung màu nhiệm, người căn cơ trung, hạ khó được lợi ích, vẫn không bằng bộ Tứ Thiệp Sớ lợi khắp ba căn. Đã biết những nghĩa lý trên đây, cần y theo đó tin chắc. Chỗ chính mình hiểu đến thì tin đã đành, dù chỗ mình chưa hiểu đến cũng vẫn tin. Phải biết pháp môn Tịnh độ do nơi kim khẩu của Phật nói ra, chớ nên đem sự suy lường không thấu đáo của tình phàm mà sanh lòng nghi hoặc. Tin như thế mới gọi là chân tín.

Đã tin chắc rồi, cần phải phát nguyện lìa cõi Ta bà như tù nhân mong ra khỏi ngục, nguyện sanh về Cực lạc như viễn khách nhớ quê xưa. Nếu chưa được sanh

Tịnh độ, dù có ai đem ngôi báu của Thiên Vương dâng cho, cũng xem là nhân duyên đọa lạc, không móng một niệm ưa thích. Cho đến việc: đời sau đổi thân nữ ra nam, tuổi trẻ xuất gia, nghe một hiệu ngàn, được đại tổng trì, cũng nên xem đó là đường lối tu hành quanh quẩn, không sanh lòng mong ước, chỉ muốn khi lâm chung được Phật tiếp dẫn về Tây phương mà thôi. Khi được vãng sanh, tất sẽ thoát vòng sanh tử, vượt cảnh phàm vào cõi Thánh, ở hàng Bất thoái, chứng quả Vô sanh. Chừng ấy nhìn lại mới biết ngôi vua ở cõi Trời, Người, cho đến việc tái sanh xuất gia làm tăng, là sự nhọc nhằn nhiều kiếp, không biết chừng nào mới được giải thoát. Rồi so sánh lại, thấy những điều ấy đối với phẩm sen của mình ngày nay, không khác nào lửa đốt cùng vàng nhật rạng và con kiến bò lên núi Thái Sơn! Cho nên, người tu Tịnh Độ Quyết không nên cầu phước báo ở cõi Trời, Người, và đời sau trở lại xuất gia làm tăng. Nếu có may mắn những niệm ấy, tức không phải tin sâu nguyện thiết, ngăn cách với lời từ thệ của đức A Di Đà, không được cảm ứng và nhờ Phật tiếp dẫn. Thật đáng thương lắm! Đáng tiếc lắm! Nữ đem hạnh màu không thể nghĩ bàn, cầu lấy quả vui hữu lậu để khi hưởng hết phước rồi lại bị sa đọa, theo dòng hoặc nghiệp, chịu sự khổ vô cùng ư? Trong vị đề hồ nếu để thuốc độc, chất ngon ngọt ấy sẽ giết người; tu Tịnh độ mà không khéo dụng tâm thì sự tai hại cũng y như thế! Vậy phải dứt tuyệt những niệm lỗi lầm như trên, mới có thể hoàn toàn thọ dụng sự lợi ích của môn Tịnh độ.

Đã tin sâu nguyện thiết, lại cần phải chấp trì sáu chữ hồng danh “*Nam Mô A Di Đà Phật*.” Không luận lúc đi, đứng, ngồi, nằm, nói, nín, động, tịnh, mặc áo, ăn cơm, cho đến khi đại tiểu tiện, đều giữ chắc sáu chữ ấy nơi tâm (hoặc trì bốn chữ cũng được). Phải gắng làm sao cho mỗi niệm đều hiện tiền, toàn Phật là tâm, tâm Phật như một, niệm cho đến chỗ chí cực quên cả trần tình. Chừng ấy lòng không, Phật hiện, đương đời có thể thân chứng Niệm Phật Tam muội, đến khi lâm chung sanh về Thượng phẩm. Tu trì như thế có thể gọi là dùng hết công năng vậy. Đến như trong công việc hằng ngày, có may mắn điều lành và các công đức tưng kinh lễ Phật, đều đem hồi hướng vãng sanh. Như thế thì tất cả hành môn đều là trợ hạnh của Tịnh độ, như gom cát bụi thành đất, hợp sông ngòi thành biển, sự sâu rộng sẽ vô cùng. Lại cần phải phát lòng Bồ đề, thề độ chúng sanh, đem công tu hồi hướng bốn ân ba cõi và loài hữu tình trong pháp giới. Đó là rộng kết pháp duyên với tất cả chúng sanh, như lửa thêm dầu, mưa được mưa, làm cho thắng hạnh Đại thừa của mình sớm mau thành tựu. Nếu không biết nghĩa này thì thành ra kiến chấp tự lợi của phàm phu, Nhị thừa, tuy tu hạnh màu, cảm quả rất thấp kém. Dù rằng trong sự niệm Phật, tất cả thời, tất cả chỗ đều không ngại, nhưng cũng phải thường giữ lòng kính sợ, lại phải trọng tượng Phật như Phật sống, xem Kinh Phật

lời Tổ như Phật, Tổ đối trước mình thuyết pháp, không dám có chút khinh mạn nghi ngờ. Lúc bình thường niệm Phật hoặc thầm hay ra tiếng tùy ý, song những khi nằm ngủ, đại tiểu tiện, tắm gội, rửa chân và đi ngang qua chỗ không nghiêm sạch, đều phải niệm thầm, nếu ra tiếng tức là không cung kính. Nên biết, niệm thầm công đức cũng đồng như niệm ra tiếng. Tôi thường nói: muốn được sự lợi ích thiết thật trong Phật pháp, phải tìm nơi lòng cung kính, có một phần cung kính thì tiêu một phần tội nghiệp, thêm một phần phước huệ; có mười phần cung kính, tiêu mười phần tội nghiệp, thêm mười phần phước huệ. Nếu không cung kính, tuy cũng gieo viển nhân, nhưng ác quả của tội khinh lờn thật chẳng thể tưởng nghĩ! Người tại gia đời nay trong khi đọc Kinh Phật đều phạm bệnh này, nên với kẻ hữu duyên, tôi thường nhắc đi nhắc lại mãi.

Niệm Phật cần phải nhiếp tâm niệm do tâm khởi, tiếng từ miệng ra, mỗi câu mỗi chữ đều rành rẽ, rõ ràng. Lại phải lắng tai nghe kỹ, in câu niệm Phật vào tâm. Nếu nhiếp nhĩ căn thì các căn kia không còn buông chạy theo bên ngoài, mới có thể mau được nhất tâm bất loạn. Đại Thế Chí Bồ tát bảo: *“Nhiếp cả sáu căn, tịnh niệm nói luôn, được Tam Ma Địa, đây là bậc nhất”*, chính là ý này. Đức Văn Thù nói: *“Nghe vào, nghe tánh mình. Tánh thành đạo Vô thượng”*, cũng đồng một nghĩa trên đây. Rất không nên cho phép Trì Danh là cạn cợt, rồi tu theo các phép: Quán Tưởng, Quán Tượng, Thật Tướng. Trong bốn phép niệm Phật chỉ có môn Trì Danh là rất hợp cơ, nếu giữ đến một lòng không loạn, thì lý mâu thật tướng toàn thể lộ bày, cảnh lạ Tây phương hiện ra rõ rệt. Cho nên tức nơi Trì Danh mà chứng được thật tướng, không cần quán tưởng cũng thấy Tây phương; một pháp Trì Danh chính là cửa mâu vào đạo, con đường thẳng tắt đến quả Bồ đề. Người đời nay phần nhiều không hiểu về giáo lý của phép Quán, nếu tu theo Quán Tưởng, Thật Tướng, hoặc có khi bị ma dựa vào. Vậy tốt hơn là nên lựa hạnh dễ tu, cũng cảm được quả nhiệm mâu, đừng học khéo thành vụng, cầu siêu trở lại bị đọa, thì đáng tiếc lắm!

Quyển Tịnh Độ Thập Yếu do Ngẫu Ích Đại sư dùng mắt Kim Cang, lựa lấy những đoạn hợp lý hợp cơ trong các kinh sách Tịnh độ mà làm thành, đáng liệt vào bậc nhất. Tịnh Độ Thánh Hiền Lục ghi chép những hạnh nguyện trong nhân, công đức trên quả của Phật A Di Đà cùng các vị Bồ tát: Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ. Kế đó lại ghi việc tự tu dạy người của các bậc Tổ sư, Thiện tri thức, như Ngài Huệ Viễn, Trí Giả, cùng những sự tích vãng sanh của bốn chúng và hàng vua, quan, sĩ, thứ, phụ nữ, người tội ác, loại Súc sanh. Trong ấy có phụ vào những ngôn luận thiết yếu, khiến cho người xem có chỗ nương tựa,

không còn nghi ngờ. Đọc quyển này, có thể lấy người xưa làm Thầy, mà gắng tu Tịnh nghiệp, so với sự đi tham hỏi các bậc tri thức, lại càng thân thiết hơn. Bộ Long Thư Tịnh Độ Văn phân loại về các môn tu trì, cạn lời khuyên tỏ, khiến cho người dứt nghi sanh lòng tin, là một pho sách rất hay để dẫn dắt kẻ sơ cơ. Ba thứ trên đây và Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, Quán Kinh Tứ Thiệp Sớ, cộng lại là năm, trước kia tôi đã nói với Thầy Phước Nghiêm thỉnh giùm gửi đến, không biết Nữ sĩ có được chăng? Nếu không, xin hồi âm, tôi sẽ do nhà bưu cục gửi tặng. Được mấy thứ sách ấy, có thể biết đủ các nghĩa tông Tịnh độ, dù không xem khắp các kinh cũng chẳng hại gì! Nếu không rõ pháp môn Tịnh độ, giả sử có hiểu sâu ba Tạng Kinh, ngộ suốt tự tâm chẳng nữa, muốn thoát vòng sanh tử, còn trải qua không biết bao nhiêu đại kiếp mới làm tròn bốn nguyện. Niệm Phật như thuốc A Đà Đà trị hết muôn bệnh, pháp môn kỳ diệu như thế mà không biết, há chẳng đau tiếc lắm ư? Biết mà không tu, và tu mà không chuyên tâm gắng chí, lại càng đáng đau tiếc hơn nữa!

Người nữ ra khỏi nhà có nhiều chướng duyên, hưởng chi thêm sự độ dụng khó khăn, lại càng bất tiện. Nếu là người nam xuất gia làm tăng, còn phải vào thiền đường học nghi tắc cho biết quy củ nhà chùa, rồi đi du phương mới không trở ngại. Chẳng thế thì cả mười phương tông lâm, không ở chỗ nào được. Việc thọ giới đối với nữ nhơn, như người gia tư đầy đủ có thể tự chủ, cũng nên đi đến chùa xin thọ, bằng không dư giả, hà tất phải cố định như thế! Chỉ cần một lòng tha thiết chí thành, đối trước bàn Phật sám hối bảy ngày, tự thệ xin thọ giới. Sám hối đến ngày thứ bảy xong, quì trước Phật xưng rằng: *“Đệ tử là Phước Hiền thệ thọ năm giới, làm mãn phần Ưu Bà Di. (Ưu Bà Di dịch là Cận Sự Nữ, mãn phần là giữ trọn năm giới). Thệ suốt đời không giết hại, suốt đời không trộm cắp, suốt đời không dâm dục, (nếu có gia đình thì nói không tà dâm), suốt đời không nói dối, suốt đời không uống rượu.”* Nói như thế ba lần, tức là đắc giới. Điều cần yếu là phải hết lòng thọ trì, thì công đức sánh với sự cầu chư tăng truyền giới cho vẫn không hơn kém. Chớ nên nghi rằng thọ giới như thế không đúng pháp, phải biết cách thức trên đây là do theo Thánh huấn của Như Lai trong Kinh Phạm Võng. Ở Phổ Đà, mùa thu không có truyền giới, chỉ truyền vào khoảng thượng tuần tháng giêng đến mười chín tháng hai thôi. Nhưng rất mong Nữ sĩ ở yên nơi nhà tu Tịnh nghiệp đừng bôn ba sương tuyết đến đây làm chi. Nếu còn chấp trước không đổi ý, ấy là chẳng biết điều hay dở, đã hại sự thanh tu của chính mình, lại phụ lời thành thật của lão tăng này nữa. Tôi muốn cho Nữ sĩ hiện đời thành tựu đạo nghiệp, quyết không có ý chi làm ngăn trở pháp duyên, xin nghĩ kỹ sẽ tự rõ. Đến như việc không được xuất gia ý muốn quyên sinh, xét ra chí nguyện tuy có mãnh liệt, nhưng

tâm niệm ấy thật là si cuồng. Giữa thời Mạt pháp này, kẻ chơn tu rất ít, mấy ai là bậc hạnh giải cao siêu kham làm Thầy dẫn dắt cho người? Nữ sĩ chỉ biết xuất gia làm ni là giải thoát, nhưng chưa rõ nhiều nỗi chướng ngại của ni tăng. Và, cũng đừng tưởng rằng quyên sinh là rảnh nợ đời đâu? Một khi chết rồi, thần thức sẽ bị nghiệp lực dẫn dắt đi đâu thai, còn e do tâm niệm phần uất ấy, bị sa đọa vào loài bàng sanh, muốn trở lại làm thân người nữ cũng là việc cầu may khó được. Dù cho lại được làm thân người nữ, hoặc thân nam, hay là thân vua chúa cõi người, cõi trời, đâu có bảo đảm còn gặp Phật pháp mà tu hành? Và đâu chắc rằng ở trong Phật pháp lại hân hạnh gặp môn Tịnh độ là một pháp hiện đời vượt thoát vòng sanh tử? Dù có gặp được nữa, cũng đâu bằng bây giờ cứ nhẫn nại yên sống mà tu trì, đợi đến khi hết báo thân liên sanh về cõi Cực lạc? Tôi đã cạn lời khuyên nhắc, thử hỏi từ trước đến nay có ai vì Nữ sĩ chỉ rõ sự lợi hại ấy chăng? Nếu không y như lời lão tăng, tức là phụ ơn dạy bảo, sự khổ về sau sẽ còn gấp bội hơn ngày hôm nay nữa!

“Đường đạo tuy bằng song khó dắt. Phải do nơi kẻ quyết lòng đi.” Vậy nghe cùng không, Nữ sĩ tự nên suy xét. Xin nhờ đem những lời trên đây chuyển lại cho trình nữ Phước Liên được biết.

11. Thư gửi Đế Nhân Pháp sư

Ấn Quang từ lúc mới xuất gia liền tin pháp môn Tịnh độ, nhưng vì nghiệp chướng che lấp, trong hai mươi năm nay, ngày luống qua ngày. Nghĩ những then khi tự thấy miệng tuy niệm Phật, song lòng không nhiễm đạo! Gần đây, nhờ ơn Pháp sư khuyên nhắc, xin thề không dám để phụ tấm lòng chiếu cố, xót thương. Chỉ khổ nỗi hôn trầm, tán loạn thay nhau đánh đổ, đạo lực không thêm được chút nào, lối cũ vẫn còn nguyên dấu cũ. Cho nên mỗi ngày tôi xem hơn mười tờ tịnh điển, mong nương theo ngôn hạnh sáng suốt của người xưa để phát lòng thẳng tắn.

Pháp môn Bảo Vương Tùy Túc, tôi thử dùng thì thấy vọng niệm không còn sôi nổi như lúc trước, tưởng rằng lâu ngày chắc cũng có lúc được nhìn cảnh mây tạnh trời trong. Tôi tra trong Lạc Bang Văn Loại và Thánh Hiền Lục đều thấy có chép đoạn này, bỗng chợt hiểu phép Thập Niệm mượn hơi nhiếp tâm của Ngài Từ Vân là căn cứ ở nơi đây. Và, trong bộ Liên Tông Bảo Giám cũng có nói đến nữa. Như thế đủ thấy người xưa liệu biết cơ nghi đời Mạt pháp, nếu phi phương pháp này chắc khó nổi gia công, nên đã dự lập ra trước. Nhưng cổ non ít ai đem môn Bảo Vương Tùy Túc để giáo hóa, vì thuở trước căn tánh người còn sáng lẹ, một khi phát lòng quả quyết, tự được nhất tâm. Đời nay, người chướng nặng căn độn

như tôi, e đến chết cũng không được cảnh giới không loạn. Vì thế, tôi không dám giấu sự dở riêng của mình, mong thỉnh ý nơi bậc cao minh; vậy có nên thực hành cùng chẳng, xin nhờ chỉ rõ? Tôi lại nghĩ: phép này nhiếp cả Ngũ Đình Tâm Quán, nếu có thể theo hơi thở mà niệm, tức là gồm đủ hai môn: Sổ Tức và Niệm Phật. Nếu nhiếp tâm niệm Phật thì lòng tham nhiễm lần lần dứt tuyệt, sân hận không còn lấy lòng, khi hôn trầm tán loạn đã lui, trí huệ liền hiện mà phá luôn cả si mê nữa. Pháp môn nhiếp sáu căn của đức Thế Chí, theo ngu ý thì những người niệm Phật lơ là hiện thời, dường như chẳng nên dùng, vì nếu không lần chuỗi ghi số, họ sẽ trở thành biếng trễ. Khác hơn thế, những ai quyết tâm niệm Phật, nếu bỏ phép này, nhất định khó thành Tam muội.

Pháp sư nương bản nguyện lợi sanh, tự mình tuy không dùng, nhưng cũng nên vì người thí nghiệm, để dạy kẻ hậu lai. Phép nhiếp sáu căn với bậc lợi cơ, trong một hai thất, quyết sẽ được không loạn. Dù cho hạng ngu kém như tôi, nếu cố gia công hoặc tám năm hay mười năm, tưởng may ra có thể được nhất tâm.

12. Thơ Đáp Một Cư Sĩ ở Vĩnh Gia

Người niệm Phật chẳng phải không thể trì chú, nhưng cần nên phân chủ, trợ cho rõ ràng, tự nhiên trợ cũng về chủ. Nếu lơ là xem đồng như nhau thì chủ cũng không thành chủ nữa! Chú Chuẩn Đề, Đại Bi đâu có hơn kém, nếu tâm chí thành, pháp pháp đều linh, tâm không chí thành, pháp pháp không linh. Một câu niệm Phật bao trùm đại tạng giáo, đầy đủ tất cả, vẫn không thiếu sót pháp nào. Bậc thông tông thông giáo mới có thể làm người chơn niệm Phật, và hạng ngu tối không hiểu chi, chỉ biết thành thật vâng lời, cũng có thể làm người chơn niệm Phật. Ngoài hai hạng này, chơn hay không đều do nơi mình gắng sức, tự xét có thực hành đúng giáo pháp cùng chẳng? Đến như tu Tịnh độ, đã có ý quyết định không nghi, cần gì phải hỏi sự hiệu nghiệm của người khác? Dù cho cả thế gian đều không hiệu nghiệm cũng chẳng sanh một niệm nghi ngờ vì lời thành thật của Phật, Tổ có thể đủ làm bằng cứ. Nếu cứ hỏi sự hiệu nghiệm của người khác, tức là tâm còn do dự, chưa tin chắc lời của Phật, việc làm tất khó xong. Bậc anh liệt, quyết chẳng đến đổi bỏ lời Phật theo lời người. Những kẻ không chủ trương chỉ lấy sự hiệu nghiệm bên ngoài làm tiên đạo, thật là đáng thương xót!

“*Tùy Tự Ý Tam muội*” là đường lối tu chung từ phàm đến Thánh. Hàng sơ tâm Bồ tát trong ấy nói, tuy gồm nhiếp tất cả phàm phu, song thật ra là chỉ cho bậc sơ trụ Bồ tát ở Viên giáo, đã phát ba tâm chứng ba đức. Bậc này do phát lý tâm của chính nhân, chứng đức pháp thân, phát huệ tâm của liễu nhân, chứng đức Bát

nhã, phát thiện tâm của duyên nhân chứng đức giải thoát, nên có thể hiện thân thập pháp giới ở trong mười phương quốc độ, khắp ứng các cơ mà làm việc cầu Phật độ sanh. Thế nên sơ tâm không phải chỉ riêng cho hạng phàm phu mới phát tâm tu hành. Cư sĩ thấy trong Kim Luân Chú nói về việc ngộ pháp Nhị Không, chứng lý Thật Tướng, liền vui mừng khắp khởi muốn đứng ra nhận lãnh, tôi e cho không khỏi lạc vào lưới ma. Vậy xin chỉ rõ việc ấy ra đây, để cư sĩ hiểu biết, tránh sự sai lầm. “*Ngộ pháp Nhị Không, chứng lý Thật Tướng*”, chính là thân phận của hàng sơ tâm Bồ tát đã nói trên. Pháp thức trong quyển ấy chỉ dạy, hạng phàm phu có thể y theo mà tu hành. Đến như về thân phận, dù cho bậc Thanh văn đủ đại thần thông cũng không đảm đương nổi, huống là phàm phu? Lại, trong ấy mấy đoạn: “*Không chỗ trụ sanh tâm, không trụ pháp bố thí, ba luân thể không, một đạo thanh tịnh, đều phát minh rất rõ.*” Tôi muốn đem những nghĩa này làm thành bài tụng cho người đọc hiểu được cương yếu, nhưng vì bận nhiều việc không được rảnh, để hẹn lại năm sau. Đến như chỗ nói: “*Quán thân tức không quán chi cả, chỉ quán vô duyên*”, vô duyên chính là nghĩa “*không, không có tánh chi*” trong Tùy Tự Ý Tam muội đã nói. Và, vì “*không có chi*” nên không duyên vào đâu được. Nếu chẳng do nơi cội gốc này, chém một dao cho đứt đoạn, thì làm sao dứt được mối phan duyên?

Mấy lời trên đây tuy giản lược, song ý nghĩa rất rộng sâu. Xin thuật lại cho Từ Quân được rõ.

13. Thơ Đáp Một Cư Sĩ (Phụ Nguyên Thơ)

(Bỉ nhân rất tin pháp môn Tịnh độ, đã quyết định phụng hành, nhưng với hai chữ “*Nguyện, Hạnh*” còn phải nhờ dạy bảo. “*Nguyện cùng Hạnh nên đi riêng hay chung?*” Vấn đề này lâu nay tôi vẫn hằng thắc mắc. Xin chia hai phương diện để luận:

1. Nếu Nguyện và Hạnh riêng, thì trước khi niệm Phật phải phát nguyện cầu sanh, như đọc bài văn trong nghi thức Thập Niệm của Ngài Từ Vân chẳng hạn, rồi sau mới niệm. Và, khi niệm Phật phải làm sao cho ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm, tâm và miệng như một, cứ như thế mà niệm mãi, tuyệt chẳng có ý nguyện cầu sanh. Y theo phương pháp này mà niệm thì sanh về Thượng phẩm. Đây là căn cứ theo lời của Ngài Triệt Ngộ Thiền sư.

2. Nếu Nguyện và Hạnh chung, là trong khi niệm kiêm cả nguyện, thì tiếng cùng tâm phải tha thiết như trẻ thơ té xuống nước cầu cứu với mẹ. Đây là lời của

Ngài Ngọc Phong Thiên sư. Lại, Kiên Mật Đại sư cũng bảo: “*Sáu chữ hồng danh, trong mỗi niệm đủ tâm ưa chán*”, cùng với thuyết của Ngài Ngọc Phong vẫn đồng.

So hai phương diện trên đây, thuyết thứ nhất dường như thiếu sự khẩn thiết trong khi niệm Phật, Ngẫu Ích Đại sư đã bảo: “*Cầu sanh Tịnh độ toàn nhờ nơi tín nguyện, thiếu hai điều kiện này, dù niệm đến gió thổi không vào, mưa rơi chẳng lọt, chắc như tường đồng vách sắt, cũng không được vãng sanh.*” Thế thì nếu theo thuyết thứ nhất, e khi niệm đến một lòng không loạn, cũng chưa đứng vững. Như theo thuyết thứ hai thì trong khi niệm Phật nơi tâm còn giữ chữ nguyện, sợ rằng dù lòng không loạn, cũng khó được thuần nhất. Gần đây, Sư Vi Vi ở Hàng Châu cũng tỏ sự lo ngại về việc “*Nguyện Hạnh chẳng thể kiêm chẳng thể không kiêm*” như tôi.

Với hai thuyết trên, kẻ mạt học tối tăm này chưa biết giải quyết thế nào? Tưởng rằng bậc cao hiền chắc có lời luận xác đáng, xin vì người sau chỉ rõ bên bờ).

Pháp môn Tịnh độ lấy Tín, Nguyện, Hạnh làm tông, như cái đánh có ba chân, thiếu một tất không đứng vững. Các hạ siêng tu Tịnh nghiệp, với chữ Tín đã quyết định không còn nghi, đến như Nguyện, Hạnh, thì tợ hồ có sự chấp kia đây đối đãi, nên không thể suốt thông dung hội. Vì thế, nơi pháp viên diệu không ngại bỗng tự sanh nhiều điều chướng ngại, khiến cho ánh trắng sáng muôn vàng của Ngài Triệt Ngô, Kiên Mật, Ngẫu Ích, chỉ nhân một sợi tơ trước mắt mà thành ra cách phân. Thật cũng đáng tiếc lắm!

Người chơn niệm Phật, trong khi niệm vẫn đầy đủ ba món Tín, Nguyện, Hạnh. Như con nhớ mẹ, lúc cảm thương kêu gọi, quyết chẳng khi nào có tâm niệm không tin và không nguyện thấy bóng Từ Thân. Thế thì còn hỏi chi “*Nguyện, Hạnh chung hay riêng*”, còn nói chi “*có Nguyện tâm khó thuần nhất*” và “*chẳng thể kiêm chẳng thể không kiêm.*” Ấy là không việc mà thêm việc đó! Xem lời các hạ và luận điệu của vị Tăng kia dường như cả hai đều chưa biết thiết thật hành trì trong câu niệm Phật, không khác nào người chưa cất bước đi, đã vội nghĩ ngợi đến cảnh tượng lúc về nhà. Thế nên, với những pháp ngữ đối trị sự phân biệt của cổ nhân, trở lại càng thêm phân biệt! Thử hỏi: “*Ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm*”, chẳng khẩn thiết mà được như thế ư? Không tín nguyện mà được như thế ư? Lời của hai Ngài Triệt Ngô, Kiên Mật tuy có khác, song thật ra ý nghĩa vẫn giúp đỡ thành tựu lẫn nhau, các hạ lại nhận làm “*Nguyện, Hạnh chung, riêng*” có thể gọi là thiếu con mắt trạch pháp đó! Đến như lời của Ngẫu Ích Đại sư chính là

món pháp được để đối trị hạng người nương tựa Thiên tông, niệm đức Di Đà tự tánh, cảnh Tịnh độ duy tâm, không tu đúng theo tông chỉ của môn Niệm Phật, chỉ cầu được một lòng không loạn làm mức cuối cùng. Ấy là việc ngoài tông Tịnh độ, sao các hạ lại dẫn ra so sánh với điểm tín nguyện đầy đủ của sự chơn tu, khiến cho đường lối lẫn lộn như thế?

Trên đây là ước về lý mà nói chung, nếu ước về sự, thì phát nguyện nên ở vào khoảng sớm, tối, khi niệm Phật xong. Lúc ấy, hoặc dùng bài văn “*Tiểu Tịnh độ*”, như có đủ thời giờ, nên đọc bài Tịnh độ Văn của Ngài Liên Trì. Bài này lời ý đều đầy đủ, đứng đầu các bài văn Tịnh độ xưa nay. Nên biết, đọc nguyện văn là y theo văn mà thật tâm phát nguyện, không phải đọc qua một lần là phát nguyện đâu! Trừ lúc phát nguyện sớm và tối, trong tất cả các thời khác chỉ hết lòng khẩn thiết niệm Phật mà thôi.

14. Thơ Đáp Cư Sĩ Trần Huệ Siêu

Được thơ, biết cư sĩ lòng mộ đạo thâm thiết, tôi rất vui mừng! Nhưng vì duyên sự quá nhiều, thêm phải gấp gào định lại bộ An Sĩ Toàn Thư, nên sự phúc đáp có phần chậm trễ.

Tâm tham, giận, mê người người đều có, song nếu biết đó là bệnh thì thế lực của nó cũng không đến nỗi lấy lòng. Ví như kẻ trộm vào nhà, nếu chủ nhân nhận lầm là người nhà, tất nhiên tài vật đều bị nó lấy hết. Như gia chủ biết đó là kẻ trộm, đuổi ngay liền tức khắc, thì trong nhà yên ổn, của cải mới được bảo toàn. Cổ đức nói: “*Không sợ niệm khởi sớm, chỉ lo giác ngộ chậm.*” Tham, giận, mê dù có nổi lên, giác ngộ được, tâm ấy liền tiêu diệt. Trái lại, nếu an nhiên xem nó như người trong nhà, thì có khác nào nhận giặc làm con, bảo sao tiền của không bị hao mất?

Niệm Phật không thể khẩn thiết, vì chẳng biết cõi Ta bà khổ lụy, miền Cực lạc an vui. Phải nghĩ rằng: “*Thân người khó được, trung quốc khó sanh, Pháp Phật khó nghe, môn Tịnh độ lại càng khó gặp. Hiện thời, nếu ta không chí tâm niệm Phật, một khi vô thường đến, nhất định sẽ theo nghiệp ác nặng nề trong đời này hoặc kiếp trước mà đọa vào ba đường dữ, chịu sự khổ lâu dài, biết chừng nào mới được thoát ly?*” Thường nghĩ như thế, sẽ tự tỉnh ngộ, tha thiết. Và phải tưởng đến sự khổ nơi Địa ngục mà phát tâm Bồ đề. Bồ đề tâm là lòng lợi mình lợi người. Khi phát tâm này, như đồ máy được gắn điện, có năng lực rất mạnh mẽ mau lẹ, sự

tiêu nghiệp chướng thêm phước huệ, những căn lành công đức bình thường không thể sánh kịp.

Bị cảnh xoay chuyển là do công tu hãy còn cạn kiệt, nên khi trong lòng có sự giận mừng, nét xấu, đẹp liền hiện ra nơi mặt. Nếu chánh niệm nhiều, tự nhiên tất cả phiền não đều giảm nhẹ. Cho nên, người chơn tu tuy ở cảnh trần lao, hằng tinh chuyên rèn luyện, khiến cho nghiệp tập lần lần tiêu diệt. Ấy mới là công phu thiết thật, và như thế tâm sẽ được tự chủ, thoát khỏi sự chi phối do hoàn cảnh bên ngoài.

Người tại gia không theo chúng, sự tụng niệm đều tùy mình, hoặc ngồi, đứng, quì, đi nhiều quanh đều được, không nên chấp định một lối nào. Nếu chấp định, người sẽ dễ nhọc, tâm khó tương ưng. Nếu chơn chước theo sức khỏe, công phu của mình, lựa điều thích hợp mà làm, mới có lợi ích. Cứ theo lệ thông thường, thì trước nên đi nhiều quanh, kế đó ngồi, rồi sau quì. Như đi nhiều và quì thấy mỗi nhọc, nên ngồi niệm, ngồi lâu sanh hôn trầm, thì đi nhiều quanh bàn Phật hoặc đứng niệm, đợi khi hôn trầm tan mới trở lại ngồi. Khi niệm nên coi theo đồng hồ định thời, đừng lần chuỗi, vì lần chuỗi khó dưỡng tâm.

15. Thơ Đáp Ly Ân Tẩu

Vừa rồi Hải Thi Đạo Nhơn ở Gia Hưng có chuyển đến cho tôi phong thư của các hạ. Xem xong, biết các hạ từ lâu đã gia công tu Tiên, chỗ sở đắc rất thâm, nay lại muốn hỏi môn Tịnh độ là pháp cứu cánh trong đạo Phật. Ấy có thể gọi là người từ kiếp trước đã trồng sâu căn lành đối với Phật pháp, nên không chấp theo sự câu kiến của thần Hà Bá, mà biết nghĩ tìm trong biển giáo, bến giải thoát hoàn toàn. Nhưng các hạ đã quen biết với Hải Thi Đạo Nhơn, sao không hỏi người, lại bỏ chỗ cao mình tìm nơi thấp kém, e rằng có phụ với sở vọng chăng? Hải Thi vốn là bậc kiêm thông tông giáo, gồm tu Thiền Tịnh, chính là chiếc thuyền đại nguyện trong biển sanh tử đó. Vì người quá khiêm tốn, nên lấy chữ thi tự đặt tên, thật ra nếu trong biển sanh tử mà gặp được cái tử thi ấy, quyết sẽ mau lên bờ giác, yên ổn trở lại quê nhà. Như thế chẳng hơn tìm hỏi Ân Quang là kẻ dung Tăng, đối với pháp môn kém phần hiểu biết hay sao? Nhưng các hạ đã tưởng lầm hỏi đến, tôi cũng xin tùy chỗ thiên kiến đáp lại, hoặc may có thể vì người giải chút nghi ngờ chăng?

Thiết nghĩ trong thế đạo Phật, Tiên, vẫn đồng nguồn, nhưng về chi phái thật ra cách nhau xa khác. Đạo Phật dạy người trước tiên tu phép quán Tứ Niệm Xứ, quán thân không sạch, thọ là khổ, tâm vô thường và pháp vô ngã. Khi được biết thân, thọ, tâm, pháp là không sạch, khổ, vô thường, vô ngã, đều giả dối như mộng

huyền, thì tánh chơn như sẽ tự hiện bày. Đạo Tiên ước về lúc chánh truyền ban đầu, cũng không chuyên chủ nơi sự luyện đơn vận khí để cầu trường sanh, nhưng người sau tu hành lại lầm cho đó là tông chỉ chơn chánh. Đạo Phật bao trùm tất cả pháp, chẳng những đối với vấn đề thân tâm tánh mạng, phát huy rõ ràng, mà các việc nhỏ của thế đế như hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si, cũng không bỏ sót. Duy về việc luyện đơn vận khí, trong Phật pháp tuyệt không nói đến một chữ, lại còn răn cấm là khác nữa. Vì lẽ bên Tiên thì khiến cho người giữ gìn thân tâm làm chân thật, bên Phật lại chỉ rõ thân tâm vốn giả dối, theo duyên sanh diệt, không phải là bản hữu chân tâm. Phép luyện đơn chẳng phải không bỏ ích, song chỉ có thể làm cho người sống lâu, nhẫn đến thành Tiên sanh lên trời, nếu nói về sự giải thoát luân hồi thì vẫn còn là việc mộng. Các hạ đã biết Tiên có số kiếp, Phật thọ không cùng, thì trong lúc tuổi cao này, phải chuyên tâm gắng sức nơi pháp môn Tịnh độ. Việc tham học thiền, giáo, nên giản lược qua, bởi các pháp ấy rộng lớn sâu xa không dễ gì nghiên cứu, dù tìm đến chỗ cùng cực, cũng phải trở về môn Niệm Phật mới có thể trong hiện đời giải quyết được sự sanh tử. Phàm những kinh luận về Tịnh độ, các hạ phải gấp gấp tìm xem, y theo đó thực hành, tin chắc lời của Phật, Tổ, không nên vì chỗ mình chưa hiểu đến vội đem lòng nghi. Nếu có thể đầy đủ cả Tín, Nguyện Hạnh, tự nhiên sẽ được nhờ sức của Phật tiếp dẫn về Tây phương. Một khi đã vãng sanh thì gần đức Di Đà, bạn cùng hải chúng, lần lần chứng quả Vô sanh, lên ngôi Bồ Xứ. Chừng ấy nhìn lại việc thành Tiên làm kẻ tùy thuộc cho Thiên Đế, sánh với địa vị hiện tại, thật cách nhau như vực thẳm trời xa!

Quyển Mộng Đông Ngự Lục và các thuyết của Bành Thiệu Thăng mà các hạ nói, chắc là sự trộm văn sửa đổi của nhà luyện đơn, không phải chính thật trong nguyên thư. Bởi nhà luyện đơn cũng có kẻ cho ngồi vận khí là tham thiền, nên mới nói *“niệm Phật cùng tham thiền đồng, chỉ hơi khác với đạo pháp.”* Câu *“chỉ hơi khác với đạo pháp”*, chính là bên đạo gia thêm vào. Trừ câu này ra, toàn văn tuy nghĩa lý không quá sai lầm, nhưng vẫn lúng cùn mơ hồ. Trong Mộng Đông Ngự Lục tuyệt không có văn này, ấy là do nhà luyện đơn trộm lấy văn nghĩa biên chép ra, sự thật chính họ cũng không hiểu nữa. Nhưng nay chẳng cần biện rõ việc ấy làm chi, xin tìm xem quyển Mộng Đông Ngự Lục sẽ tự biết. Đến như chỗ họ dẫn những lời của Bành Nhị Lâm cư sĩ cũng đồng với việc trên đây, song sự sai lầm lại càng nhiều hơn. Đoạn nói: *“Bốn chữ A Di Đà Phật dễ niệm, chỉ cần mỗi niệm nối nhau một lòng không loạn, mới có thể nhất khí tuần hoàn. Chừng ấy tinh khí thần gom lại một chỗ, lâu ngày thành Xá Lợi tử, lâu nữa kết làm Bồ đề châu mà thành Phật.”* Trên đây là đem phép niệm Phật làm phép luyện đơn. Nhị Lâm cư sĩ quyết không nói những lời ấy. Đó là do hạng chánh nhân chưa mở, nên lấy

chánh làm tà. Mấy quyển Huệ Mạng Kinh, Tiên Phật Hiệp Tông của họ viết ra, sự sai lầm lại càng quá lắm. Hạng người tà ngụy ấy dẫn lời của người, cải đầu sửa đuôi để chứng minh cho lý thuyết mình. Tội trạng khinh miệt chánh lý, vu khống bậc tiền hiền, mê hoặc người đời của họ thật không bút mực nào tả ra cho xiết! Những kẻ đó chỉ cầu hư danh trong một thời, đâu dè về sau phải chịu nhiều sự khốn khổ, nên đức Như Lai gọi là hạng người đáng xót thương!

Đến như chỗ luận về phép “*hồi quang phản chiếu*”, tuy không đến đổi trở ngại, song câu “*hai mắt chăm nhìn đầu ngón tay*” chắc có lẽ dẫn lầm câu “*hai mắt chăm nhìn nơi chót mũi*.” Hoặc khi đó là cách thức của Nhị Lâm cư sĩ lập ra, nhưng chấp tay lâu không khỏi mỏi nhọc, đâu bằng quán ánh sáng trắng nơi chót mũi được tự tại an vui hơn? Bởi người mới tập định, niệm khó quy nhất, nếu thường quán nơi chót mũi thì tâm không còn chạy theo cảnh bên ngoài. Đây là phép quán thiền cận của kẻ sơ cơ vậy. Quyển Mộng Đông Ngũ Lục do cư sĩ Tiền Y Am trích những đoạn chuyên chỉ Tịnh độ trong bộ Mộng Đông Di Tập in ra, cho lưu thông ở phương nam, để giúp sự đòi hỏi của những người từ lâu mong muốn bộ ấy mà không được gặp. Toàn tập ở Bắc Kinh mới đủ, phương nam duy có quyển lược bản của Tiền Y Am sao ra mà thôi. Quyển Ngũ Lục ấy lời lẽ tinh diệu, là một tác phẩm đứng vào bậc nhất từ Ngài Ngẫu Ích và Tĩnh Am về sau. Với quyển này, nếu các hạ có thể đi đến cùng, tin chắc không nghi, quyết sẽ cảm được sen vàng nở trong ao báu, khi lâm chung thác chất nơi đó mà làm khách mới ở cõi Tây phương. Quyển Di Đà Yếu Giải là cây kim chỉ nam của người tu Tịnh nghiệp, kinh này ở phần đầu bộ Tịnh Độ Thập Yếu. Tịnh Độ Thập Yếu là thành phần của những giáo pháp rất hợp lý hợp cơ do Ngài Ngẫu Ích sưu tập trong các kinh sách Tịnh độ viết ra, gồm có mười loại nên gọi là Thập Yếu. Đại sư để quyển Di Đà Yếu Giải ở trước là tỏ ý tôn trọng kinh.

Xá Lợi, vốn tiếng Phạn, dịch nghĩa: thân cốt hoặc linh cốt, là kết tinh của sức tu giới định huệ, không phải do luyện khí thần mà thành. Đó cũng là biểu tượng của người tu đến cảnh tâm cùng Phật hiệp. Nhưng Xá Lợi chẳng phải chỉ do thịt, xương, tóc biến thành trong lúc thiêu thân, mà sự xuất hiện của nó có nhiều trường hợp khác nhau. Như thuở xưa có vị cao Tăng đang khi tắm gội bỗng được Xá Lợi. Tuyết Nham Khâm Thiền sư lúc cạo đầu, tóc Ngài biến thành một xâu Xá Lợi. Có kẻ chí tâm niệm Phật, Xá Lợi từ trong miệng vọt ra. Một người thợ khắc văn Long Thơ Tịnh Độ, Xá Lợi hiện trong bản cây. Có vị tín nữ thêu Phật, thêu kinh, được Xá Lợi dưới mũi kim. Lại có kẻ đi xa về, ngậm ngùi thương cảm tế lễ trước tượng, nơi tượng bỗng hiện ra Xá Lợi. Thiền sư Trường Khánh Nhân, khi

tịch rồi thiêu hóa, nhằm lúc trời nổi gió lớn, khói bay xa ba bốn mươi dặm, khói đến chỗ nào nơi ấy đều có Xá Lợi, lượm gom lại được hơn bốn thạch. Thế thì biết Xá Lợi do đạo lực hóa hiện, nhà luyện đơn không rõ, lầm tưởng là luyện tinh khí thần kết thành. Bởi họ thấy những danh tướng trong Phật pháp, không chịu tìm hiểu căn nguyên, vội đem phụ hội một cách sai lạc vào sự luyện đơn của mình. Chỉ nghe nói chứng quả Bồ đề mới được thành Phật, chưa từng có việc luyện tinh khí thần, trước thành Xá Lợi tử, sau kết làm Bồ đề châu mà thành Phật bao giờ! Tánh và mạng của nhà luyện đơn nói, đều là lối tu chấp trước trên thần thức, sắc thân. Họ không hiểu lẽ ấy, trở lại chê đạo Phật chỉ tu tánh không biết tu mạng, đâu dè việc làm của họ chính là chỗ phá trừ bên Phật giáo. Về việc này, các hạ tìm xem đoạn quán Tứ Niệm Xứ trong Kinh Phật sẽ tự rõ.

Bồ tát Quán Thế Âm từ kiếp lâu xa về trước đã thành Phật, hiệu là Chánh Pháp Minh. Vì lòng từ bi sâu thiết, nên tuy ở cõi Thường Tịch, Ngài hóa hình nơi ba cõi: Thực Báo, Phương Tiện, Đồng Cư; tuy thường hầu cận đức A Di Đà, mà vẫn khắp hiện thân Phật, Bồ tát, Thanh văn, Duyên giác, cho đến thân lục đạo trong mười phương pháp giới. Những việc lợi ích, Ngài đều làm, chúng sanh đáng dùng thân nào được độ, Ngài hiện thân ấy mà nói pháp. Non Phổ Đà chính là nơi ứng tích của Bồ tát. Vì muốn cho chúng sanh có chỗ bày tỏ lòng thành, đức Quán Thế Âm mới thị tịch tại núi này, đâu phải Bồ tát chỉ ở Phổ Đà mà không ở những nơi khác ư? Như chỉ duy một vầng trăng trên trời mà bóng in khắp ngàn muôn sông hồ, từ biển cả cho đến giọt sương, những nơi có nước trong là có trăng hiện. Song nếu nước đục, bóng trăng sẽ mờ khuất. Tâm tánh ta ví như nước, nếu chúng sanh một lòng chuyên niệm đức Quán Thế Âm, Bồ tát liền dùng đủ cách thuận, nghịch, ẩn, hiển, khiến cho được lợi ích. Trái lại, nếu không chuyên nhất, tức là nước tâm lờ đục, tất nhiên khó mong nhờ Ngài cứu độ. Nghĩa này rất thâm, xin xem đoạn “*Phổ Đà Sơn Chí*”, trong bộ Văn Sao của tôi sẽ tự rõ. Bồ tát khi còn ở trong nhân, do quán tánh nghe mà chứng Viên thông, lúc ở trên quả, do quán tiếng chúng sanh xưng danh hiệu mà tìm đến cứu độ, nên gọi là Quán Thế Âm. Lại, Bồ tát đạo pháp rộng lớn không ngăn, tùy theo căn tánh của tất cả chúng sanh, nói đủ pháp để giáo hóa, không riêng lập một môn nào, nên pháp môn của Ngài gọi là Phổ Môn.

Trên đây là việc thiện cận, vì các hạ chưa nghiên cứu đến, nên không rõ. Tôi cũng tùy lời hỏi mà đáp, thật ra đó không phải là môn Tịnh độ, một giáo pháp có thể đem lại cho các hạ sự lợi ích hoàn toàn. Nhưng nếu nói rõ việc ấy ra đây, lại e lòng dòng thêm phí giấy mực. Các hạ nên thỉnh Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán

Vô Lượng Thọ, Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Triệt Ngộ Ngũ Lục mà xem, sự lý tu chứng thế nào, trong ấy có nói đủ tất cả.

16. Thơ Đáp Cư Sĩ Phạm Cổ Nông

Pháp môn Tịnh độ lấy Tín, Nguyện, Hạnh làm tông; Tín, Nguyện có sâu thiết, Hạnh mới được tinh cần. Khi tai họa gấp rút, siêng năng thành khẩn, lúc bình thường không việc, chậm trễ biếng lười, là sự tu hành không chí quyết, và đó cũng là bệnh chung của phàm phu. Nhưng sống trong tình thế hiện giờ, ví như người nằm yên trên đồng củi to, ở dưới lửa đã phát cháy tuy chưa đốt đến thân, trong giây phút khói lửa sẽ mịt mù, không phương trốn tránh. Nếu còn lơ láo qua ngày, không chuyên chí cầu cứu nơi câu niệm Phật, sự thấy hiểu cũng là cạn cợt lắm!

Trong Phật pháp, tu về các môn khác, tất phải đến chỗ hạnh khởi giải tuyệt mới thật có ích, chẳng riêng gì phép quán tưởng của Tịnh độ tông. Người tu thiền lấy một câu thoại đầu không nghĩa vị làm bản mạng ngươn thân, để tất cả tâm trí vào đó, thường thường tham cứu chẳng kể ngày tháng, đợi đến khi tiêu hết tình kiến đối với cảnh trong ngoài, mới gọi là đại triệt đại ngộ. Đó chẳng phải là hạnh khởi giải tuyệt ư? Đức Lục Tổ bảo: *“chỉ xem Kinh Kim Cang cũng được tỏ lòng thấy tánh.”* Đó chẳng phải là hạnh khởi giải tuyệt ư? Chử khởi đây phải hiểu nghĩa là cực. Duy dùng sức cùng cực mới có thể quên cả thân tâm thế giới, lặng suốt một màu. Nếu công chưa cùng cực, tuy quán niệm, song vẫn còn có kia đây, toàn là việc của tình phàm, toàn là sự thấy hiểu phân biệt, đâu được chân thật lợi ích? Cho nên người xưa khi tham thiền, đầu não như cây khô, do đó đạo phong truyền rộng khắp nơi, đời sau còn ngưỡng mộ. Sự lợi ích ấy đều do ở nơi một chữ cực mà thôi.

Người đời nay ưa nói suông, ít hay thực hành. Tu Tịnh nghiệp phải gồm cả lý sự, mà sự lại càng nên chuyên hơn. Tại sao thế? Vì người thông hiểu lý, toàn sự đều lý, trọn ngày sự trì tức là lý trì. Kẻ chưa rõ lý, khi nghe nói lý trì, cảm thấy nghĩa ấy mâu nhiệm, lại hợp với ý biếng trễ không thích phiền nhọc của mình, liền chấp lý bỏ sự. Đâu ngờ khi bỏ sự, lý cũng thành ra việc suông! Mong các hạ đem việc tu hành kiêm cả sự lý khuyên bảo mọi người, công đức sẽ lớn lắm!

17. Thơ Đáp Cư Sĩ Ngô Hi Chân

Môn niệm Phật ước có bốn pháp: Trì Danh, Quán Tưởng, Quán Tượng và Thật Tướng. Tựu trung, chỉ có pháp Trì Danh nhiếp cơ rất rộng, đã dễ tu lại không khởi các việc ma. Nếu muốn quán tưởng, phải xem kỹ Quán Kinh và hiểu rõ những lý: tức tâm là Phật, tâm tịnh Phật hiện, các cảnh đều duy tâm không nên chấp trước... Đã rõ cảnh không phải từ bên ngoài đến, không sanh chấp trước, thì cảnh càng nhiệm màu, tâm càng thuần nhất. Nếu được như thế, sự lợi ích của quán tưởng đâu phải kém nhỏ, tầm thường?

Trái lại, như cảnh quán chẳng thuần, lẽ đạo chưa thấu suốt, chỉ đem tâm vội gấp muốn thấy cảnh thì toàn thể là vọng, đã không được thông cảm với Phật, còn làm nhân cho việc ma. Bởi do gấp muốn thấy cảnh, tâm càng thêm vọng động, khiến cho oan gia nhiều kiếp về trước nhân cơ hội đó hóa hiện cảnh giới để làm cho hành giả mê lầm. Lúc ban sơ dụng tâm đã không chơn, đâu biết đó là cảnh ma hiện, nên vui mừng khắp khởi, tình niệm chẳng yên. Nhân đó, ma liền dựa vào làm cho mê tâm mất tánh. Chừng ấy dù có Phật hiện thân cũng không biết làm sao cứu độ!

Vậy cư sĩ nên lượng xét căn cơ mình, đừng quá ham việc cao xa, thành ra muốn lợi trở lại mang hại. Thiện Đạo Hòa thượng nói: *“Chúng sanh đời Mạt pháp thần thức rối loạn, đem tâm thô quán cảnh nhiệm, quyết khó thành công.”* Cho nên đức Phật thương xót, riêng mở môn Trì Danh, vì sợ có kẻ không khéo dụng tâm, lạc vào ma cảnh. Tu theo phép Trì Danh rất dễ, chỉ giữ một niệm nối nhau sẽ được vắng sanh. Lại sự chí thành khẩn thiết cũng là phương pháp mau để trị tâm vọng và ma cảnh.

Cư Sĩ nên xét lại kỹ, và đem hết tâm lực cố gắng tu hành!

18. Thơ Đáp Cư Sĩ Lưu Trí Không

Vừa rồi tiếp được thơ, biết người bệnh lâu mới lành mạnh, lòng rất vui mừng! Việc sống thác trọng đại, cơn vô thường chóng mau, tai nghe nói đến tuy kinh sợ, song không thống thiết bằng tự thân đã từng trải những giờ phút gần kề cảnh ấy. Vậy người nên phát lòng đại Bồ đề, đem tình cảnh mình khuyên trong thân quyến, bạn bè, và người có duyên thì sự lợi ích mới được rộng.

Trong thơ nói: vì niệm Phật mau gấp nên mới lao hơi, đó là tại người không khéo dụng tâm. Niệm Phật phải tùy sức mình, hoặc niệm thầm hay ra tiếng, niệm lớn hay nhỏ đều được, sao lại cứ một mặt niệm to tiếng, để đến đổi lao hơi thành bệnh như thế? Bệnh nặng của người tuy bởi nơi thương khí mà ra, song kỳ thật là do sức nghiệp từ vô lượng kiếp đến nay phát hiện. Bởi người niệm Phật tinh tấn, nên mới chuyển hậu báo làm hiện báo, đổi quả nặng thành quả nhẹ, chớ nên vì đó mà thối chí, nghi ngờ. Một cơn bệnh ấy, đã tiêu không biết bao nhiêu kiếp số những tội ác đáng lẽ phải đọa vào tam đồ. Thế mới biết sức Phật khó nghĩ, ơn Phật khó đền, nên sanh lòng vui mừng, hổ thẹn và càng thêm tin tưởng. Từ đây, phải siêng năng tu hành, đem môn Tịnh độ khuyên người, khiến cho những kẻ thân sơ đều được sanh về Cực lạc. Ấy mới không phụ ơn đức Phật đã dùng cơn bệnh thức tỉnh và chuyển trừ tội chướng cho mình.

Non Phổ Đà không cần đến làm chi, vì tiền đi về tốn kém nhiều. Ở nhà niệm Phật công phu dễ tiến, lại khỏi phí của tiền sức khỏe. Như thế có phải tiện lợi hơn không?

19. Thơ Đáp Cư Sĩ Châu Trí Mậu (1 - 3)

1. Được thơ, biết người sanh lòng tin, muốn quy y Phật pháp. Song, quy y Tam bảo phải dứt điều ác, làm việc lành, gắng giữ trọn luân thường, phát lòng tín nguyện cầu sanh về Tây phương. Lại phải có lòng thương xót hộ sanh, đừng giết hại, và trì lục trai hoặc thập trai. Nếu chưa có thể dùng thanh đạm trọn đời, cũng chớ nên quá tham trong sự ăn uống. Như thế mới không trái với tâm từ bi của Phật. Người tên Châu Mộc, vậy nay ta đặt cho pháp danh là Trí Mậu. Bởi tâm tánh ví như cây, do lửa phiền não thiêu đốt nên cây ấy héo khô. Nếu có trí huệ thì phiền não không sanh, và cây tâm tánh tự nhiên tốt tươi thành mậu.

Muốn thọ năm giới, trước nên xét lại tâm mình, như có thể giữ được mà không phạm, thì hỏi cư sĩ Hóa Tam về cách tự thọ giới trước bàn Phật, y sẽ chỉ lại cho. Đã quy hướng Phật pháp, phải xem kỹ Văn Sao của ta, y theo thực hành, mới không bị kẻ dung thường làm mê hoặc, khiến cho sanh tâm cầu phước báo đời sau, hoặc mong thành Tiên rồi tu phép luyện đơn vận khí. Nếu có thể lãnh hội ý nghĩa trong bộ Văn Sao, thì dù có trăm ngàn ngoại đạo cũng không thể lay chuyển được tâm người. Chớ cho rằng bộ ấy không đủ y cứ, phải biết những lời trong đó đều do theo ý nghĩa Kinh Phật, hoặc thành ngôn của các bậc Tổ sư, Thiện tri thức mà thuật lại, không phải tự ta bịa đặt viết ra.

Nên nhận xét kỹ, sự lợi ích sẽ được nhiều.

2. Người ý chí rất kém, tâm lại quá cao, tuy nói vâng lời ta, thật ra toàn là y theo thiên kiến của mình. Trong môn Tịnh độ, lòng tin là cội gốc. Tin được chắc, kẻ phạm tội Ngũ nghịch Thập ác đều có thể vãng sanh; tin chưa vững, bậc thông tông thông giáo còn hoặc nghiệp cũng không duyên phận. Người đã chẳng phải là bậc thông tông giáo, có thể nương sức mình trừ hoặc nghiệp để khỏi sanh tử, lại không tin nơi sức Phật và công đức của tự tánh đều không thể nghĩ bàn, thì làm sao để giải thoát? Phải biết, nếu đủ tín nguyện sâu thiết cầu về Tây phương, không người nào chẳng được vãng sanh. Niệm Phật là pháp tròn tắt mau lẹ để thoát nẻo luân hồi; với sự hướng thượng của môn này, người còn chưa biết, lại sanh lòng háo thắng đi nghiên cứu Khởi Tín Luận! Luận Khởi Tín tuy là cương yếu của Phật pháp, nhưng khó đem sự lợi ích cho người căn tánh kém và kẻ sơ cơ. Dù cho nghiên cứu Luận Khởi Tín được thông suốt không còn nghi, đến khi dụng công lại phải y theo phép niệm Phật cầu sanh mới là ổn thỏa. Nếu nói về lý giải, lại còn có những nghĩa của pháp tướng, thiền, giáo rất nhiệm màu, người làm sao thông suốt cho hết được? Tâm người cao như thế, mà không biết hạn lượng sự cao theo sức mình! Người tự cho rằng *“căn tánh hèn kém, khó mong sanh về Tây phương, chỉ cầu không đọa tam đồ cũng vui lòng”*, đâu biết nếu chẳng được vãng sanh, tương lai sẽ bị đọa vào ác đạo? Quan niệm ấy đã không hợp với giáo huấn của Phật, lại trái lời khuyên bảo của ta, mà gọi: *“vâng theo thực hành, một lòng niệm Phật”*, là thế nào?

Nay người chức nghiệp tầm thường, tư cách chưa phải là bậc cao thượng, sự lập chí như thế, thật khiến cho người đáng than thở và buồn cười? Nên dứt hẳn mọi cao vọng cầu làm bậc đại thông gia ấy đi, rồi chuyên tâm nghiên cứu các kinh sách Tịnh độ và xem lại mấy bức thư ta gửi cho Cao Thiệu Lân, Từ Nữ sĩ trong Văn Sao, y theo đó thực hành. Chớ nên vì mình căn tánh hèn kém mà nâng cao sự vãng sanh, để việc ấy ra vòng ngoài. Phải dùng câu niệm Phật làm bản mạng ngươn thần, tùy lúc động tịnh đều nắm chắc đừng buông bỏ. Lại, những tâm niệm, hành vi phải giữ sao cho hợp với tông chỉ: dứt các điều ác, làm những việc lành. Ngoài ra, nếu có sức dư, không ngại gì tụng trì kinh chú, nên lấy sự chí thành làm cội gốc, đừng gập muống suốt thông nghĩa lý. Nếu trước vội muống thấu hiểu, chẳng chuyên nơi sự tụng niệm chí thành, dù có thấu hiểu cũng không thật ích, huống chi khó thấu hiểu ư? Đến như các môn pháp tướng, thiền, giáo, nghiên cứu trọn đời cũng khó nắm được chỗ quý thú, dù được, còn phải dứt sạch hết hoặc nghiệp mới thoát khỏi luân hồi. Nói đến việc này, e rằng mộng không thành mộng đó thôi! Bộ Văn

Sao của ta, người xem chưa kỹ, nên lời nói ra, cao thì tới mây xanh, thấp lại tận đáy biển thăm. Trong ấy, luôn luôn nhắc đến những kinh sách nên xem, cách thức xem như thế nào, và sự khó được lợi ích của các môn pháp tướng, thiên, giáo. Sở dĩ có sự khó dễ vì pháp môn Tịnh độ nương nhờ sức từ của Phật, các pháp môn khác chỉ dùng sức mình. Những môn kia đều là giáo lý thông thường, như sĩ phu trong đời do tài đức mà làm quan cao thấp. Môn Tịnh độ là giáo lý đặc biệt, như Thái tử mới sanh đã tôn quý hơn quần thần. Vì thế, hai bên không thể sánh nhau, mà phạm phu nghiệp chướng vẫn nhiều, há chẳng dè dặt trong sự lựa chọn pháp môn để tu hành ư?

Người đã tự nhận năng lực kém hèn, kiếp người có hạn, sao còn mãi theo cao vọng của mình? Việc ấy ta không ép, nếu người làm được bậc đại thông gia thì cũng hân hạnh cho Phật giáo, sợ e khi làm chẳng xong, môn Tịnh độ lại chưa tin chắc, rồi ra hỏng mất cả đời. Giả sử đời nay có tu được chút ít công đức, kiếp sau nhất định sẽ lạc vào vòng phước báo của thế gian. Người thử nghĩ: người giàu sang đã mấy ai không tạo nghiệp? Như ngày nay vận nước nguy biến, dân chúng làm than, đều do bởi ảnh hưởng phước báo của những người đời trước tu hành không trí huệ. Khi đã lạc vào kiếp sau, người làm thế nào bảo đảm được mình khỏi mê lầm, không đọa ác đạo? Nếu chẳng sanh về Tây phương, một đời không đọa còn có thể, hai đời không đọa rất ít lắm đó!

3. Phật nói kinh chú rất nhiều, đâu có ai thọ trì cho hết được. Nên người xưa chỉ lựa những thứ cần yếu để làm nhật khóa. Sớm thì tụng Lăng Nghiêm, Đại Bi, Thập Chú, Tâm Kinh, xong lại niệm Phật hồi hướng Tây phương. Tối đến tụng Kinh Di Đà, văn Đại Sám Hối, Mông Sơn, rồi niệm Phật hồi hướng. Hiện nay các chùa đều bớt công phu, thời mai chỉ tụng Lăng Nghiêm, Tâm Kinh; thời hôm tụng Kinh Di Đà, văn Mông Sơn, cách ngày lại tụng Kinh Đại Sám Hối, Mông Sơn. Người nói nghi nhật tụng trong tông lâm kinh chú rất nhiều, đó là những thứ phụ lục ngoài hai thời khóa. Người cư sĩ tại gia có thể y theo thời khóa của nhà thiền, hoặc tùy ý mình lập riêng. Như sớm tối đều tụng Kinh Di Đà, chú Vãng Sanh, niệm Phật; hoặc sớm tụng chú Đại Bi, niệm Phật, tối tụng Kinh Di Đà, chú Vãng Sanh, niệm Phật, hay trì Kinh Kim Cang cũng được. Nhưng không luận tụng niệm kinh chú chi, đều phải niệm Phật hồi hướng, mới hợp với tông chỉ tu Tịnh nghiệp.

Những điều người bày tỏ, tuy cũng là ý tốt, song thật ra không có chủ định, chỉ theo hoàn cảnh đời. Kinh nào, chú nào, lại chẳng ngợi khen công đức thù thắng? Theo quan niệm của người, tụng kinh này sẽ mất kinh kia, trì chú này tất buông chú nọ, bỏ hết nghĩ tiếc uống, tụng trì cả sức lại không kham. Như thế có

được gọi là người chơn tu hiểu lý hay chẳng? Suy rộng ra, nếu người gặp nhà tu Thiền khen pháp Thiền, bác Tịnh độ, cũng bắt chước họ tham thiền; cho đến các môn khác như: Thiên Thai, Mật Tông, Pháp Tướng, Hiền Thủ, mỗi khi gặp bậc tri thức đề xướng, tất người sẽ mất chủ định bỏ đây theo kia. Chẳng biết người căn tánh bậc nào, mà muốn thông suốt hết các pháp như thế? Ta chỉ e cho người nghiệp sâu trí cạn, khi làm nhà đại thông gia không được, lại bỏ luôn cả pháp nương sức Phật vãng sanh của môn Tịnh độ, để lúc lâm chung nếu chẳng đi đến vạc dầu lò lửa, quyết lạc vào bụng ngựa thai lừa! Giả sử may mắn không mất thân người chẳng nữa, lại do đời nay tuy có công tu song thiếu chánh trí, nên nhân đó hưởng được si phước, rồi tạo nghiệp ác, khi vô thường đến, cũng đi thẳng vào tam đồ. Chừng ấy muốn nghe tên trời, đất, cha, mẹ còn không được, huống nữa là biết pháp môn Tịnh độ ư? Người xem Văn Sao của ta hiểu như thế nào? Phải biết, một câu A Di Đà Phật, nếu trì niệm đến chỗ cùng cực, thành Phật còn có dư. Người cho rằng tụng Kinh Di Đà và niệm Phật, không thể diệt được định nghiệp hay sao? Phật pháp cũng như tiền, tại người khéo dùng; người có tiền, làm việc gì lại không được? Nếu người có thể chuyên tu một pháp, cầu sự chi lại chẳng thành? Lựa là phải khẳng khẳng trì chú này tụng kinh kia mới được công đức như thế, ngoài ra không được những công đức khác hay sao? Nếu khéo thể theo lời ta, tự nhiên hiểu một việc rõ trăm việc; bằng chẳng thế, dù nói cho nhiều, tâm người cũng không chủ định, nào có ích gì?

Phàm phu ở trong mê, lòng tin không vững, nên thường có những việc khi tu hành khi tạo nghiệp, thoát tin tưởng thoát nghi ngờ. Đó cũng bởi lúc ban sơ người dạy không biết cách, nếu trước tiên đem việc nhân quả thiện cận chỉ bảo lần lần, thì đâu đến nỗi có sự mê lầm trái ngược như thế! Nhưng tội đã qua tuy rất nặng, nếu hết lòng sám hối sửa đổi, y theo sự hiểu biết chơn chánh, chí quyết tu Tịnh nghiệp, lợi mình lợi người, thì tội chướng tiêu mòn, tâm tánh sáng tỏ. Nên kinh nói: *“Trong đời có hai bậc anh dũng, một là người không tạo tội, hai là kẻ đã tạo mà biết sám hối.”* Một chữ hối phải tự đáy lòng phát lộ, nếu không thật tâm ăn năn chừa cải, dù nói lắm cũng là thừa. Ví như người đọc phương thuốc mà không chịu uống, làm sao bệnh được lành? Nếu có thể y theo cách trị dùng thuốc, chắc chắn bệnh sẽ tiêu trừ, thân tâm yên ổn. Chỉ lo cho kẻ lập chí chẳng bền, thành ra cảnh một ngày phơi nắng mười ngày để lạnh, rồi cũng luống có danh sông, không phần thật ích mà thôi!

20. Thơ Đáp Cho Cư Sĩ Ưông Võ Mộc

Võ Mộc tôi niệm Phật đã mười năm, mới biết chút ít ý thú. Thiết nghĩ phương pháp chỉ dạy về môn Niệm Phật của các Ngài Linh Phong, Mộng Đông và bộ Văn Sao của Tôn Sư, đại để đều là phương tiện lập thiết cho hạng ngu tối què mùa. Như bọn chúng tôi, được thông hiểu chữ nghĩa, hay suy nghĩ tìm tòi, nếu cứ dùng phương pháp ấy, chắc không thể sanh về Tịnh độ! Theo ngu ý, những người niệm Phật cầu vãng sanh, trước tiên phải biết: *“niệm Phật đó là ai?”* Vì nếu thấy được chủ nhân ông, thì niệm Phật mới có chỗ dùng và sự vãng sanh mới có thể cảm vững! Chẳng riêng gì niệm Phật cần nên như thế, mà tụng kinh trì chú đều phải theo đường lối này. Người đời nay khi nói đến niệm Phật là bảo: phải niệm cho già giận, tâm lòng như chết, mới có thể vãng sanh. Họ đâu biết, nếu không rõ *“niệm Phật đó là ai?”*, thì làm sao niệm được già giận và tâm lòng như chết? Như thế, giả sử mỗi ngày đêm niệm đến mười muôn câu, đối với việc sanh tử có quan hệ gì? Có kẻ lại bảo: *“Người xưa phần nhiều chuyên chú về trì danh, không tham cứu trong câu niệm Phật.”* Võ Mộc tôi nói: *“Đó là việc sau khi tham cứu xong rồi của cổ đức, hạng sơ cơ không nên bắt chước theo.”* Người niệm Phật đời nay, mười phần hết chín không rõ ý chỉ ấy, thật đáng thương xót! Tôi thường thường cạy lời khuyên bảo, mà hàng cư sĩ có kẻ lại cho tôi là tà kiến nữa. Nghĩa màu Phật pháp chìm tối đến thế, nghĩ nên than thở, ngậm ngùi!

Nay xin bày tỏ nỗi lòng, kính cầu Tôn Sư ấn chứng và mong đem nghĩa ấy giải rộng thêm ra. Đó là hạnh phúc của chúng sanh, đâu những riêng cho Võ Mộc!”

Xem rõ ý trong thơ, riêng lòng xiết bao khen ngợi! Các hạ có tâm rất tốt, muốn cho mọi người đều thấy tánh bản lai, để sanh về phẩm sen bậc thượng. Quán Kinh nói: *“đọc tụng Đại thừa, hiểu nghĩa thứ nhất, phát lòng Bồ đề, khuyên nhắc người tu”*, âu là bản ý của các hạ đó chẳng?

Tuy nhiên, nói Pháp cần phải hợp cơ, nếu không xét căn cơ, làm cho pháp được, thì đồng với kẻ dung y dùng thuốc giết người. Nên biết hai tông Thiền, Tịnh, cội nguồn vẫn một, song lối tu khác nhau, bên Thiền lấy sự tánh bản lai làm tông, bên Tịnh dùng tín, nguyện, niệm Phật cầu sanh làm yếu chỉ. Giả sử người đời là bậc thượng căn, thì lời của các hạ thật có lợi vô cùng. Nhưng xét lại, người thượng căn rất ít, kẻ trung, hạ quá nhiều, nếu không dạy phát tín, nguyện cầu sanh, mà bảo tham cứu câu niệm Phật, đó là điều hại lớn. Vì nếu tham cứu được tỏ ngộ, vẫn là hân hạnh, song còn phải phát thêm nguyện thiết để cầu vãng sanh. Như

tham cứu không thành, mà trong tâm thường giữ quan niệm *“không biết niệm Phật đó là ai, chẳng thể vắng sanh”*, thì quyết khó cùng Phật cảm thông và được nhờ sự tiếp dẫn. Người biết được *“niệm Phật đó là ai”*, chính là bậc đã tỏ ngộ, thấy suốt chân tánh. Đòi nay, tham cứu đến chỗ đại triệt đại ngộ phỏng có mấy người? Đừng nói chi ai, chính như các hạ cũng chưa từng đến địa vị ấy. Tại sao biết được? Vì nếu các hạ đã đến, quyết không khi nào dám nói những câu: *“Ngài Linh Phong, Mong Đông lập thiết để dạy hạng ngu tối quê mùa không biết niệm Phật đó là ai, chẳng được gọi là niệm già già, tấm lòng như chết dù cho mỗi ngày đêm niệm mười muôn câu, không quan hệ gì đến việc sanh tử, và người xưa chuyên chủ trì danh là việc sau khi tham cứu, kẻ sơ cơ chẳng nên bắt chước theo.”*

Xét ra, tấm lòng các hạ thật muốn cho mình và người đều được lợi ích, song lời nói của các hạ, chính mình đã làm, lại khiến cho người lạc lầm. Từ đây xin chớ nói những lời ấy nữa, bằng chẳng thế, pháp môn rộng lớn độ khắp chúng sanh của Như Lai, sẽ bị các hạ vùi sâu, đóng kín, không được mở thông. Lỗi ấy đồng với tội khinh báng Phật, Pháp, Tăng, phải nên dè dặt! Chỗ thấy hiểu của các hạ, vì không khéo tùy căn cơ, đem pháp thượng căn khuyên mọi người tu tập, nên thành ra thiên chấp, sai lầm. Các hạ chẳng biết, lại cho mình hiểu đúng với nghĩa chân thật của Phật pháp, cầu xin ấn chứng. „n Quang tuy hèn kém, đâu dám làm hứa nhận khen giúp theo, để chính mình và các hạ đều sa vào tội khinh báng Tam bảo hay sao? Như cho lời của kẻ dung tăng này không đúng, xin cứ tùy ý mỗi người tự đi riêng đường lối là xong. „n Quang đâu dám ép kẻ khác bỏ sở kiến để theo ý hèn của mình. Chẳng qua vì các hạ hỏi đến, nên bắt buộc dĩ phải thẳng lời dăng chút ngu thành đó thôi.

Rất hân hạnh mong nhờ sự xét nghĩ xa rộng.

21. Thơ Đáp một Cư Sĩ ở Ninh Ba

Được thơ, biết cư sĩ siêng năng đối trị tập quán, song chưa có hiệu quả. Ấy cũng bởi cư sĩ không tha thiết vì việc sanh tử, chỉ đem *“pháp môn vượt phạm lên Thánh, dứt trừ hoặc nghiệp, thành tựu tịnh niệm”* làm việc lấy có bên ngoài. Duyên có không được thật hiệu là tại chỗ đó! Phải thường xét nghĩ: *“thân người khó được, pháp Phật khó nghe, môn Tịnh độ rất là khó gặp. Nay ta đã may mắn được thân trượng phu, lại có phước duyên gặp môn Tịnh độ, dám đâu đem ngày giờ hữu hạn để cho sắc, thanh, danh, lợi làm tiêu mòn hầu hết ư? Nỡ cam chịu mãi kiếp sống suông chết uổng, rồi vẫn đắm chìm trong sáu nẻo, không biết chừng nào thoát ly đó ư?”* Lại phải đem một chữ chết dán trên đầu, khi gặp những cảnh

không nên tham luyến, liền biết đó là vạc dầu lò lửa để làm khô lụy cho mình, thì quyết không đến đổi như con sâu bướm bay vào đèn tự tìm lấy sự thiêu đốt. Lúc gặp những điều đáng làm, lại nghĩ đó là thuyền từ cứu khổ, tất không còn sụt sè trong việc nhân nghĩa, biếng trễ trên bước tu hành. Được như thế, cảnh trần cũng có thể làm duyên nhập đạo, đâu phải từ bỏ hết sự đời mới là tu niệm? Nếu tâm có chủ trương, không xoay theo hoàn cảnh, thì trần lao chính là giải thoát. Cho nên trong Kinh Kim Cang luôn luôn khuyên bảo chẳng nên trụ tướng; tuy phát tâm độ tất cả chúng sanh, song không thấy mình là người hóa độ, chúng sanh là kẻ được độ, cho đến dù chứng đạo cũng không thấy có tướng thọ giả của quả Vô Dư Niết bàn. Đó mới là người thật hành đạo Bồ tát. Nếu trái lại, dù có độ sanh hay tu muôn công đức cũng không thể hợp với thật tướng nhưt thừa, vì chẳng hiểu chúng sanh đương thể là Phật, trong tánh bình đẳng làm khởi tâm phân biệt, khiến cho sự lợi ích vô vi hóa thành phước hữu vi. Như thế làm sao thoát khỏi vòng ràng buộc của sắc tài danh lợi?

Người đời phải có bốn phận, nhưng ngoài phần việc của mình, chớ thêm điều chi vô ích. Nên để thời giờ ấy, tùy phần tùy sức tụng kinh niệm Phật, quyết chí cầu sanh Tây phương. Đối với tất cả việc lành, hoặc ra của tiền, hoặc dùng lời để tán trợ, nếu không thì phát lòng vui theo, cũng có công đức. Và phải đem những điều này hồi hướng, phụ giúp cho sự vãng sanh. Như thuyền đã đi theo nước xuôi lại thêm chèo chống, chẳng là mau về bến hơn đó ư? Ba mươi tháng chạp là ngày cuối năm, nếu không có dự bị sẵn sàng trước, đâu thể tránh khỏi các tay chủ nợ? Giờ phút lâm chung chính là ngày ba mươi tháng chạp của một đời, nếu chưa đủ tư lương Tín Nguyện Hạnh, vẫn còn nghiệp ác tham giận mê, thì oan gia chủ nợ từ vô lượng kiếp đến nay, đều tới đòi hỏi lôi kéo. Đừng nói chi kẻ không biết pháp môn Tịnh độ phải bó tay theo nghiệp thọ sanh, tức như người biết mà không thiết thật tu trì, cũng bị nghiệp lực lôi cuốn vào sáu nẻo, kiếp kiếp chịu luân hồi. Muốn cầu đường yếu thoát khổ, chỉ có mỗi niệm sợ chết và chết mà đọa vào ác đạo, thì cầu niệm Phật tự thuận, phẩm sen thành tựu, tất cả cảnh trần không thể cướp được chánh niệm.

Tâm Kinh nói: *“Soi thấy năm uẩn đều không, vượt qua tất cả khổ ách.”* Năm uẩn bao quát thân tâm và ngoại cảnh, nếu thấy đó là không, thì chính nơi năm uẩn mà rời năm uẩn, chỗ nào không phải pháp môn đại giải thoát, cảnh giới đại Niết bàn?

22. Thơ Đáp Nhạc Tiên Kiều

Muốn trong hiện đời thật ích, phải y pháp môn Tịnh độ, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây phương, tất sẽ thoát đường sanh tử. Nếu chẳng thế, đừng nói kẻ không được chơn truyền của Phật giáo không thể giải thoát, dù có được cũng tuyệt phần! Vì được chơn truyền là đại triệt đại ngộ không phải thật chứng. Chứng mới khỏi luân hồi, ngộ vẫn còn trong vòng ấy. Tu các pháp môn khác, đều phải dứt hoặc chứng chơn mới thoát sanh tử. Riêng môn Tịnh độ, chỉ cần đủ tin sâu, nguyện thiết, trì danh hiệu Phật, dứt các điều dữ, làm những việc lành, gồm tu cả hai phần chánh trợ, quyết định sẽ vãng sanh. Hơn nữa, về phẩm vị còn được chiếm ngôi ưu thắng. Lại chẳng những người công hạnh tinh thuần quyết được sanh, mà kẻ phạm tội Ngũ nghịch, Thập ác, khi sắp chết biết tỉnh ngộ, hết sức hối hận, sợ hãi chí tâm niệm Phật vài câu liền mạng chung, cũng quyết được sanh. Bởi đức Phật lòng từ rộng lớn, chuyên lấy sự độ sanh làm bản phận. Nếu kẻ nào biết một niệm quay về, liền được nhiếp thọ. Đó gọi là *“nuông nhờ sức Phật, đời nghiệp vãng sanh.”*

Người đời Mạt pháp, nếu tu các môn khác, không y theo Tịnh độ, chỉ được phước báo ở cõi Trời, Người và gieo nhân giải thoát nơi kiếp lâu xa về sau mà thôi. Do bởi chúng sanh đời này không đủ sức dứt hoặc nghiệp, nên gốc sanh tử hãy còn. Như thế làm sao khỏi mọc lại mầm mộng sanh tử?

23. Thơ Đáp Cư Sĩ Trương Vân Lô

Quyển Nhập Phật Vấn Đáp có thể dẫn dắt kẻ sơ cơ khiến cho họ lần lần đi sâu vào giáo lý đạo Phật phát lòng tin chơn chánh. Nếu in ra đem biếu tặng để kết pháp duyên, thì công đức còn chi lớn hơn? Những quyển ấy luận rộng về sự lý trong Phật giáo, tuy có nói đến pháp môn Tịnh độ, thật ra chưa tỏ bày hết ý nghĩa của tông này. Nếu người đã có lòng tin, nên tìm xem các kinh sách Tịnh độ. Như không đủ phương tiện để khảo duyệt nhiều, thì đọc kỹ một quyển Kinh Trung Kinh Hựu Kinh cũng được. Quyển này gom góp những yếu nghĩa của tông Tịnh độ, chia thành môn loại rõ ràng, rất lợi ích cho kẻ sơ cơ. Nếu được xem, có thể đi thẳng vào chỗ nhiệm mầu của môn niệm Phật, đỡ tốn công nghiên cứu các kinh sách Tịnh độ khác.

Phật pháp tùy người mà lập, quyết không nên chấp theo quy củ thông thường, khiến cho trái với căn cơ và mất sự lợi lớn: một đời được liễu thoát. Vậy nên lượng theo căn tánh mình, tự sắp đặt nghi thức tu trì. Chú Vãng Sanh bằng

Phạm Văn, học được rất tốt, song chớ nên sanh lòng phân biệt cho lỗi tụng xưa nay là không đúng. Nếu có quan niệm ấy, sẽ vướng thêm mỗi nghi ngờ đối với tất cả chú văn trong đại tạng, rồi nhận lầm rằng những bài ấy không hợp ý Phật. Nên biết thuở xưa các bậc tôn đức dịch kinh, chẳng phải là làm việc luống suông, chớ thấy lỗi dịch mới khác hơn, vội xem thường lỗi cũ. Hơn ngàn năm trở lại đây, người tụng chú theo bản dịch cũ, được lợi ích biết bao nhiêu, đâu phải những người ấy đều không hiểu Phạm văn? Vậy học vẫn nên học, nhưng đừng sanh quan niệm hơn kém thấp cao, thì sự lợi ích tự nhiên không thể nghĩ bàn!

Phép trì chú cũng giống như cách tham câu thoại đầu. Tham câu thoại đầu, vì không thể giải nghĩa, nên dứt được tình phàm phân biệt, chứng vào tánh thiên chơn. Trì chú bởi không biết nghĩa lý, chỉ hết lòng thành khẩn tụng niệm, nên nghiệp chướng tiêu trừ, phước huệ to rộng. Những sự lợi ích ấy, không thể đem tâm tư nghĩ ngợi suy lường. Nghi thức lễ Phật không tiện lập riêng cho người có việc cần kíp, chỉ nên hết lòng thành khẩn, miệng xưng danh, thân cúi lạy, tưởng như Phật hiện ở trước là được. Sống trong đời kiếp trước, chúng sanh tranh đua giết hại lẫn nhau, nếu không có lá bùa hộ thân, chắc khó khỏi tai họa. Lá bùa ấy, chính là chí thành lễ niệm Phật A Di Đà. Lại, đức Quán Thế Âm Đại sĩ bi nguyện rộng sâu, tìm tiếng cứu khổ, tùy cơ cảm ứng hiện, ngoài thời hôm sớm lễ Phật, nên thêm lễ niệm Đại sĩ, tất sẽ được sự gia bị trong âm thầm, có thể đổi họa làm phước, gặp rủi hóa may mà chính mình không tự biết.

Trên đây là lời kẻ quê mùa ở phương ngoại vì người tri kỷ lập phép cứu đời. Nếu nói rằng “vì tất cả thế gian”, chẳng phải là không thể được, chỉ e người đời không chịu y phương pháp thực hành, thì biết làm sao?

24. Thơ Gởi Cư Sĩ Tạ Dung Thoát

Nơi quê hương của các hạ được biết pháp môn niệm Phật, là do Lâm Giới Sanh thỉnh kinh sách Tịnh độ đem về truyền bá. Nếu trong đời trước các vị cư sĩ không trông căn lành đối với pháp môn ấy, thì đâu có thể lấy gương xưa làm Thầy, sau khi nghe rồi liền sanh lòng tín nguyện, tự tu và khuyên người ư? Và, đâu có thể trong vòng không đầy mười lăm năm, đạo pháp lan rộng như thế ư?

Xét về thiên tư và cảnh duyên của các hạ đối với thời cơ pháp vận hiện nay, thì chỉ nên giữ năm giới để hộ trì Tam bảo, truyền Tịnh độ mà khuyên chúng vãng sanh, là hợp lý hợp thời và cần yếu hơn hết. Tại sao tôi lại nói như thế? Vì, các hạ tuổi đã hơn bốn mươi, căn tánh chưa phải là bậc thượng, nếu muốn nghiên cứu

Tạng Kinh, tham hỏi hàng tri thức, e cho pháp môn quá rộng, ngày tháng chẳng nhiều, rồi khi trở tay không kịp, có sự ăn năn. Lại hiện nay tuy có bậc tri thức, song Tăng chúng phần nhiều đều ô lam, bạn đồng hạnh ít người (đồng hạnh: bạn giúp đỡ về phần tu tập, có thể khiển trách lẫn nhau, khiến cho đạo hạnh tiến thêm), nếu khi chí hướng thượng suy kém, tất sự biếng trễ cũng nương theo, khó bề gắng gượng. Như tôi năm hai mươi một tuổi, từ cha mẹ xuất gia, cũng có thể gọi là lập chí mạnh và phát tâm chơn. Nhưng đến nay tuổi đã năm mươi ba, mà bên tông bên giáo đều không sở đắc chi cả. Nghĩ tủi thẹn luống phụ ơn mẹ cha, uổng làm con đức Phật! Song cũng may, đối với môn Tịnh độ, khi mới xuất gia học Kinh A Di Đà, tôi đã sanh lòng tin, thật chưa nhờ bậc tri thức nào chỉ dạy. Vì lúc đó Thầy thọ nghiệp và các vị tri thức chỉ chuyên về sự tham cứu, những lời khai thị đều phá môn Tịnh độ. Tôi lượng biết sức mình, nên không lay chuyển theo ai, dù Phật, Tổ hiện thân cũng chẳng đổi ý, hướng nữa là lời nói của bậc tri thức bên tông Thiên? Lại hiện nay, chánh yếu tà mạnh, việc hộ trì Phật pháp, với tục thì dễ, với tăng lại khó. Nếu các hạ giữ chắc năm giới, chuyên niệm Phật, về phần tu thân lời và hạnh hiệp nhau, thì có thể truyền bá chánh pháp, làm lợi ích cho mọi người. Song chớ nên ở địa vị Thầy mà tự cao, và thọ tiền của để lợi dưỡng. Phải đem lẽ chánh khuyên bảo những kẻ thân sơ, tất mọi người đều mến đức vâng theo lời. Đó gọi là: *“sửa mình được chánh, tuy không bảo người cũng theo, như cỏ ở trước ngọn gió tất phải thuận chiều vậy.”* Lệnh lang không tin đạo Phật, cũng chẳng nên ép, đợi khi nào cảnh ngộ đẩy đưa khiến cho tánh thiên chơn phát lộ, chừng ấy chỉ dùng một lời nhắc bảo, tự nhiên tấm lòng của y sẽ phơi phới hướng về chánh pháp, khó nổi cản ngăn.

Liên xã mới mở phải có quy tắc nhất định và thận trọng về việc cho người nữ dự vào. Chẳng nên bắt chước theo các nơi khác, thờ ơ không kiểm ước, để đến đổi một pháp vừa lập trăm mối tệ sanh theo, điều ấy rất cần yếu. Không cơ duyên được lễ bái Xá Lợi và gần gũi tòng lâm, việc ấy có hại gì? Nếu khi thấy tượng Phật, tưởng như Phật sống, thấy Kinh Phật, lời Tổ, tưởng như Phật, Tổ đối trước mình chỉ dạy, tấm lòng kính sợ không dám biếng trễ, tức là trọn ngày được thấy Phật và gần gũi các bậc Bồ tát, Tổ sư, Thiện tri thức. Như thế, Xá Lợi và tòng lâm có thâm vào đâu? Về tập quán thô lỗ, đừng nói hàng cư sĩ, nếu người xuất gia mà không chơn tu, lại còn quá hơn thế tục. Muốn trừ bỏ tánh ấy, trước phải nhận rõ các pháp giữa đời đều là khổ, không, vô thường, vô ngã, hoặc như nhóp, thì ba ngọn lửa tham, giận, mê, sẽ dịu tắt lần. Nếu chưa dứt được, phải dùng lòng ngay thật, xót thương, nhẫn nhục, tha thứ mà đối trị. Thảng hoặc còn chưa dứt, cứ tưởng rằng mình đã chết, thì bao nhiêu sự nóng bức đều hóa thành mát mẻ tươi nhuận.

Kinh Báo Ân dạy phải lần lượt thọ giới, người xuất gia khi thọ giới cũng y theo thứ độ: giới Sa di, Tỳ kheo và Bồ tát. Nhưng người xưa thọ giới là phát tâm vì dứt sự sanh tử, trái lại, người đời nay phần nhiều đều muốn cho ra vẻ một vị đại Tăng, đắc giới hay không, chẳng cần nghĩ đến. Vì thế, mấy ông sư thiếu học thiếu tu bên ngoài, đều là những người đã thọ qua ba đàn đại giới cả. Sự tệ đó do bởi vua Thế Tổ nhà Thanh bỏ độ điệp, bãi lệ thí Tăng mà ra. Cho đến những kẻ xưng là Thầy người, song chỉ cầu danh lợi, tham quyền thuộc, cũng xuất phát từ nguyên nhân ấy. Tôi e chư Tăng ở quý địa không rõ điều này, bảo rằng độ người xuất gia là việc rất tốt, để cho hạng vô lại lần vào cửa Phật phá hủy chánh pháp, nên chẳng sợ tị hiềm mà nói thẳng ra.

Môn Tịnh độ là pháp rất mau nhiệm, viên đốn nhất trong một đời thời giáo của đức Như Lai. (Viên đốn: một pháp đủ tất cả pháp là viên, hiện đời tu, hiện đời giải thoát là đốn). Hạng phàm phu thấp kém đều được dự vào, bậc Đăng giác Bồ tát cũng không thể vượt ra ngoài pháp ấy. Thật là con đường rất tắt để mau đi đến quả Phật cho thượng Thánh hạ phàm. chư Phật, chư Tổ đều dùng môn này làm chiếc thuyền từ để độ khắp tất cả chúng sanh. Đối với một pháp như thế mà chẳng sanh lòng tin, hoặc tin mà không chơn thiết, đó là người nghiệp chướng sâu nặng, không ung được giải thoát, sẽ phải chịu khổ luân hồi không biết lúc nào ra khỏi. Khi đã ở trong vòng sanh tử, dù có được làm thân Trời, Người cũng ngắn ngủi như lữ khách nghỉ nơi quán trọ. Trái lại, phần đọa vào ác đạo, thời gian rất lâu dài, như người ở yên nơi quê nhà. Mỗi khi tôi nghĩ đến điều này, bất giác cả sợ, nên chẳng nài mỗi nhọc, khẩn thiết tỏ với đồng nhân. Nay xin dẫn một bằng chứng rõ ràng, để các hạ phát thêm lòng tin nguyện và đem ra khuyên bảo mọi người.

Những kinh chuyên nói về tông Tịnh độ, có ba quyển: Phật Thuyết A Di Đà, Quán Vô Lượng Thọ và Vô Lượng Thọ Kinh. Ngoài ra, các kinh điển Đại thừa phần nhiều đều phát minh pháp môn này. Như Kinh Hoa Nghiêm là khi đức Phật mới thành đạo, vì các bậc pháp thân Đại sĩ trong bốn mươi một vị: Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đăng giác, nói pháp cao cả về giới ngoại, hàng phàm phu và Nhị thừa đều không thể biết được. Sau rốt, trong phẩm Nhập Pháp Giới, Thiện Tài đồng tử vâng lời dạy của đức Văn Thù, đi tham phỏng khắp các bậc tri thức. (Đồng tử: danh từ xưng tụng bậc dứt hoặc chứng chơn, phá vô minh trở về bản tánh, tâm hạnh trong sạch chân thật ví như kẻ đồng tử. Người đời không biết, vẽ hình tượng nhi đồng là sai lầm. Như đức Văn Thù, trong Kinh Hoa Nghiêm có chỗ gọi là Văn Thù Đồng Tử. Các kinh khác đôi khi cũng dùng danh từ này để xưng những bậc Bồ tát). Ban đầu Đồng Tử ra mắt Ngài Đức Văn nghe

pháp môn niệm Phật, liền chứng bậc Sơ trụ. Kế đó lần lượt tham học mọi nơi đều được chứng, cho đến vị tri thức thứ năm mươi ba là đức Phổ Hiền. Bấy giờ, Bồ tát Phổ Hiền dùng oai thần gia bị, khiến cho chỗ chứng của Đồng Tử bằng mình và chư Phật, (đây gọi là Đẳng giác Bồ tát) rồi khuyên Ngài Thiện Tài cùng hải chúng Bồ tát trong cõi Hoa Tạng phát mười nguyện rộng lớn, đem công đức ấy hồi hướng về Tây phương Cực lạc, để cầu mau phương tròn quả Vô thượng Bồ đề. Lại, chương Hạ Phẩm Hạ Sanh trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: *“Những chúng sanh tạo năm tội nghịch, mười điều ác, làm đủ những việc chẳng lành, sẽ phải đọa vào Địa ngục, trải qua nhiều kiếp chịu sự khổ vô cùng. Nhưng nếu kẻ ấy khi sắp chết gặp bậc Thiện tri thức khuyên bảo niệm Phật, liền vâng lời niệm đủ mười câu, tức thì tội chướng tiêu trừ, được vãng sanh.”* Như Trương Thiện Hòa, Trương Chung Quì, trong Long Thư Tịnh Độ Văn chính là hạng người đó. Thế thì, trên như đức Văn Thù, Phổ Hiền là những bậc Đại Bồ tát, dưới như kẻ phạm năm nghịch mười ác sắp đọa tam đồ, đều thuộc về cơ nhiếp hóa của môn Tịnh độ. Bao nhiêu đó cũng đủ thấy pháp môn này quảng đại không bỏ sót một ai, và đức A Di Đà hạnh nguyện rộng sâu, xem chúng sanh bình đẳng. Tôi thường có đôi lần:

“Bỏ đường tắt Tây phương, chín cõi chúng sanh khó thể được tròn nên quả giác. Rời cửa mẫu Tịnh độ, mười phương chư Phật không vẹn toàn độ khắp hàng mê.”

Các hạ gắng phát lòng mạnh mẽ tinh tiến, đảm đương pháp này. Nên đem những ngôn luận hợp cơ về sự truyền dương Tịnh độ của người xưa, giảng lại cho trong thôn ấp nghe. Làm sao cho ở trần không nhiễm, nơi tục tu chơn, mới hợp với danh nghĩa hai chữ *“Dung Thoát”*. Vì *“Dung Thoát”* là lẩn với trần mà thoát khỏi trần vậy. Đó là ý kiến quê hèn của tôi, các hạ nghĩ thế nào? Xin suy gẫm lại.

25. Thư Đáp Cho Cư Sĩ Tạ Thành Minh

Được thư, biết nơi quý địa còn có tâm pháp của Nho, Phật, các hạ lại hết sức đảm đương, tôi rất lấy làm vui đẹp! Đến như những lời khen tôi, thật là đưa ngọn cỏ khỏi lầu cao, khoe mắt cá hơn châu ngọc, quá dùng theo lối khách sáo ngoài đời, khiến cho người xiết bao hổ thẹn! „n Quang vẫn một kẻ dung tăng, hằng đón lấy canh thừa cơm hẩm nơi nhà bậc phú trưởng giả để tự nuôi sống, nếu có ai không chê rằng nặng mùi, cũng đem để chia sót cho nhau. Nhưng cư sĩ Từ Huát Như bảo rằng thức ăn ấy có ích cho người đói, nên mấy phen đem lời kẻ quê mùa này in ra lưu bố, tuy về ý có phần khả thủ, song văn chương không đáng để nhìn. Chẳng dè bộ Văn Sao của tôi lại làm lờn mắt xanh của các hạ, thật nghĩ cảm thẹn không cùng! Trong ấy, những điểm: chánh tâm, thành kính, dùng để đối trị sự tìm

cầu bên ngoài, sự không biết kiêng sợ của người đời nay, cũng có đôi phần ích lợi cho kẻ sơ học. Nhưng, nếu bậc thông Tông hiểu Giáo được trông thấy, chắc không khỏi bắt nhợn ra. Tuy nhiên, nếu mửa hết những thức ăn khó tiêu của Tông Giáo, thì canh thừa cơm hẩm ấy cũng có thể bồi bổ nguơn khí, đợi đến khi sức khỏe phục hồi, lại dùng thứ cao lương mỹ vị mới được thật ích.

Về các pháp môn: Luật, Giáo, Thiền, Tịnh, thứ nào hợp cơ, xin xem kỹ bài Tịnh Độ Quyết Nghi Luận trong Văn Sao của tôi sẽ tự rõ. Bậc đại thông gia tuy gồm tu Thiền, Tịnh, song tất lấy Tịnh độ làm chủ. Nếu như hạng người thường không cần phải nghiên cứu khắp kinh luận sâu xa, chỉ nên làm lành dứt dữ, một lòng niệm Phật cầu về Tây phương mà thôi. Hạng người ấy vẫn sinh sống theo đời mà gồm tu đạo xuất thế, tuy tự hồ bình thường không chi kỳ lạ, song được sự lợi ích chẳng thể nghĩ bàn! Vì kẻ quê mùa dốt nát chỉ dùng lòng chơn thành tin tưởng niệm Phật, nên có thể thâm hợp cùng đạo màu, cảm thông với trí Phật. Người thông hiểu giáo lý, nơi tâm thường hay tính toán suy lường, nên trọn ngày thức thần ở trong vòng phân biệt, so lại không bằng sự chơn thành của hạng ngu tối kia. Cho nên, kẻ quê dốt niệm Phật rất dễ được lợi ích. Bậc đại thông gia như có thể buông bỏ tất cả cũng dễ được lợi ích; trái lại nếu chỉ suy lường nghĩa lý, chẳng những không đắc ích, e có khi trở thành bệnh, hoặc chưa được cho là được, lạc vào phái ngông cuồng.

Phép tham thiền chẳng phải là cơ duyên của người đời nay, dù có học cũng thành sự hiểu biết về văn tự, quyết không thể tỏ suốt tâm tánh. Tại sao thế? Vì thiếu bậc Thiện tri thức dắt dìu chỉ định, lại người học chẳng biết tham thiền là thế nào, phần nhiều tuy gọi tham thiền, song thật ra là ngộ nhận. Trong bài luận *“Tông cùng Giáo không nên lẫn lộn”* và *“Tịnh Độ Quyết Nghi”*, tôi đã chỉ phần đại khái về việc trên đây. Người đời nay, không luận căn cơ thượng, trung, hạ, đều phải gìn luân thường, giữ lòng thành kính, tin chắc lý nhân quả, làm những điều lành và chuyên niệm Phật cầu sanh về Tây phương. Nhân quả là cái lò lớn để nung phàm luyện Thánh trong đạo pháp thế và xuất thế gian. Nếu trước tiên không nghiên cứu về nhân quả, sau khi thông hiểu Tông Giáo, e cho còn sự lỗi lầm đối với vấn đề này, và đã lỗi lầm tất có phần sa đọa. Vì thế, chớ cho nhân quả là cạn cợt mà xem thường. Phàm phu vì tâm lượng nhỏ hẹp nên không hiểu thấu những chỗ nói về nhân quả trong kinh, thật ra, các bậc Như Lai thành Chánh giác, chúng sanh đọa tam đồ, đều chẳng ngoài đạo lý ấy. Nên lấy pháp thiện cận ở đời để làm phương tiện vào đạo màu, như các thiện: Văn Xương Âm Chất, Thái Thượng Cầm Ưng chẳng hạn. Máy quyền ấy, nếu xem kỹ và thực hành theo thì mỗi người đều

có thể thoát nẻo luân hồi, hoặc ít ra cũng làm được hạng dân lương thiện. Niệm Phật tuy trọng ở sự vãng sanh, nhưng khi niệm đến cùng cực cũng ngộ được chân tâm, chẳng phải đối với đời hiện tại hoàn toàn không lợi ích. Thuở xưa, Thiền sư Minh Giáo Tung mỗi ngày niệm Thánh hiệu Quán Âm mười muôn câu, về sau những kinh sách ở đời, Ngài không đọc mà biết cả. Nên xem Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, sẽ biết niệm Phật là nhiệm mầu. Về điều này, trong Văn Sao của tôi cũng thường nói đến. Các hạ bảo: “*Niệm Phật không được lợi ích ngay trong đời hiện tại*”, đó là bởi chính mình chưa nghiên cứu các kinh luận của Tịnh Tông. Cho đến quyển Văn Sao của tôi, có lẽ các hạ cũng đọc qua như người chạy ngựa xem đèn, không tế tâm tìm hiểu.

Đến như giới luật, chẳng những chỉ riêng về hình thức bên ngoài, mà nếu không giữ lòng thành kính cũng là trái phạm. Nhân quả chính là trụ cột của luật, nếu không biết hoặc mù mờ đối với đạo lý này, tức đã trái luật, lỗi lầm. Người niệm Phật, như giữ được tâm niệm hợp với chánh lý, thì trong một hạnh gồm đủ cả: Luật, Giáo, Tịnh, Thiền. Nên biết, tu các pháp môn kia đều phải dứt hết hoặc nghiệp không còn mảy tơ, mới được giải thoát. Riêng môn Tịnh độ, nếu người trừ sạch phiền não được vãng sanh, tất mau chứng pháp thân, kẻ nghiệp chướng còn nặng, khi về Cực lạc, cũng đã lên cõi Thánh. So lại hai phương diện, một bên toàn dùng sức mình, một bên nương nhờ sức Phật, sự hơn kém cách xa như vực với trời. Có nhiều kẻ thông minh, mỗi khi đọc sách về tông Thiền thấy có ý vị, liền tự cho mình là thiền khách, muốn làm bậc cao nhân. Hạng ấy không biết Thiền, Tịnh là thế nào, làm chuốc lấy lỗi tự tôn tự đại. Những kẻ có kiến giải như thế, quyết không nên bắt chước. Nếu noi theo, thì với việc thoát sanh tử, e cho trải qua kiếp số như bụi cũng khó mong cầu.

Xin xem kỹ lại quyển Văn Sao của tôi sẽ tự rõ.

26. Thơ đáp Cư Sĩ Mã Khế Tây (1 - 3)

1. Thời khóa niệm Phật nên tùy chỗ thích hợp riêng của mỗi người mà lập. Theo nghi thức ở Niệm Phật Đường của các chùa hiện nay, đều trước tụng Kinh A Di Đà, kế tụng ba biến chú Vãng Sanh, xong lại đọc bài kệ khen Phật, đến cuối bài, tiếp niệm “*Nam Mô Tây phương Cực lạc Thế Giới, Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật*”, rồi đứng dậy đi quanh theo bàn Phật mà niệm. Phép đi nhiều quanh phải từ Đông qua Nam, Tây qua Bắc, đó gọi là thuận, là tùy hỷ và như thế mới có công đức. Ở Tây Vực rất trọng phép đi nhiều, nước ta cũng dùng phép này, kiêm cả sự lễ bái để tỏ lòng kính thành. Nếu đi từ Đông qua Bắc, Tây qua Nam, tức là trái ngược, có

tội lỗi, điều này cần nên biết. Đi nhiều quanh niệm Phật được một lúc, rồi ngồi xuống niệm thầm, ước một khắc lại niệm ra tiếng. Khi sắp xong, quì niệm Phật mười câu, Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Hải Chúng, mỗi Thánh hiệu đều ba lần, kể đọc bài văn phát nguyện, tụng Tam Tự Quy Y, rồi lễ Phật lui ra. Người tại gia, nếu chỗ nơi chật hẹp khó đi vi nhiễu, thì quì, đứng, hoặc ngồi niệm cũng được. Tóm lại, phải tùy tiện theo cảnh duyên, tinh thần, sức khỏe của cá nhân mà định, nếu nhờ người khác lập pháp thức cho, e không được hoàn toàn.

“Niệm mà không niệm, không niệm mà niệm”, là cảnh giới của người đã niệm đến trình độ tâm Phật hợp nhau. Đến lúc ấy, tuy thường niệm Phật nhưng không có tướng khởi lòng động niệm, tuy không khởi lòng động niệm, mà vẫn hằng xưng niệm, hoặc ức niệm. (Chưa đến lúc tương ứng, nếu chẳng khởi động tâm niệm mà niệm, thì không niệm được). Không niệm đây, đừng nhận lầm là chẳng niệm Phật, vì đó là chỉ cho trạng thái tuyệt sự khởi tâm động niệm, thật ra thì mỗi câu Phật hiệu vẫn nói nhau không hở dứt. Cảnh giới ấy không dễ gì được, chớ nên nhận lầm. Phép quán tưởng tuy tốt, nhưng cần phải biết tượng Phật mình thấy, thuộc về duy tâm hiện; nếu nhận lầm là cảnh ngoài, có khi ma dựa phát cuồng. Duy tâm hiện là tượng Phật tuy rõ ràng, song không phải hình tướng chất ngại, thật có, nếu nhận định như thế thì thành cảnh ma. Lúc niệm Phật mắt nhắm hay mở, cũng thuộc về việc tùy nghi... Kiêm trì Thánh hiệu Quán Âm, rất được chỗ nương tựa, tất cả mọi người đều nên tu như thế. Khi làm việc, không giữ được tịnh niệm, vì chưa đến cảnh giới một lòng chẳng loạn. Như thế tất khó khỏi sự ngăn cách, bởi một tâm không có hai dụng. Nên thường định tâm soi vào trong.

Mỗi người đều phải giữ bốn phận, như người trên có bà nội, cha mẹ, dưới có vợ cùng em dãi, chức nghiệp lại nhàn nhã rất dễ tu trì. Ở hoàn cảnh ấy chẳng thiết thật dụng công, còn muốn xuất gia làm chi? Có chắc rằng người xuất gia, lại được cơ duyên tốt như thế để chuyên tâm tu hành chẳng? Nên biết, xuất gia có bốn phận của kẻ xuất gia, đâu phải bỏ tất cả công việc? Như Ấn Quang đây xem ra như người vô sự, nhưng cũng bị bận buộc hầu hết tháng năm, không rỗi rảnh để chuyên tâm niệm Phật, huống là kẻ khác ư? Vậy nên tùy sức tu trì, đừng tưởng nghĩ việc chi ngoài bốn phận.

Đó là hạnh phúc cho người, mà cũng là điều ta mong ước.

2. Người tu hành rất cần yên tâm tịnh dưỡng. Người tên Tịnh Am, sao chẳng xét tên nhớ nghĩa, cứ sanh thêm việc để cho mọi người lờn chán, chính mình lại vương lầy các chứng: uất hơi, xây xẩm, đau đầu? Nếu người còn chẳng biết tự

trọng, tất rồi sẽ thổ huyết, nhẹ thì thành phế tật, nặng hoặc đến thân mạng không toàn. Chừng đó lại để cho người đời mai mỉa rằng người học Phật tu hành, chẳng những không lợi ích còn bị tổn thêm! Rồi cũng từ nguyên nhân ấy, một hạng kém hiểu biết sanh lòng phỉ báng, bảo: Đó là sự tai hại của Phật pháp. Họ lại tìm đủ cách ngăn trở kẻ khác tu niệm, phá mất căn lành của người, mấy ai tìm hiểu lỗi ấy do người không thật hành đúng theo Phật giáo. Vậy người phải biết điều hay dở, gắng giữ tròn bổn phận người tu, làm sao cho được sự cảm thông trong thâm lặng. Bệnh của người đều do chính mình chuốc lấy, không tự xét tỉnh, lại còn hỏi ai?

Vậy người nên mau cải lỗi và nhiếp tâm niệm Phật, kinh điển cũng tạm đình lại đừng xem. Cứ y theo lời ta, độ một vài tháng sẽ được bình phục. Nếu chẳng thế, thì xin tuyệt nghĩa Thầy trò, ngày khác có gặp nhau cũng đồng như người đi đường mà thôi!

3. Danh là bề ngoài của sự thật. Có thật có danh vẫn không lấy làm vinh, vì đó thuộc về bốn phận. Không thật có danh, đã nhiều thẹn nhục, huống chi còn muốn đăng lên báo để kêu động tai mắt của khách bốn phương? Việc ấy nếu làm ra, mọi người sẽ nghi ngờ bàn luận, tất trở thành cái thật án trộm danh khi đời. Người chỉ biết một, chẳng biết hai, nên ta phải đôi phen giải bày chỉ rõ. Với Phật pháp, người tuy có lòng tin sâu, nhưng lại ưa phô trương, kết giao, du ngoạn; đó là điều chướng ngại lớn cho sự tu hành. Vả lại người tuổi mới hơn hai mươi, mà đã kết giao nhiều như thế, sau này khi học Phật được tinh thông, chắc mỗi ngày không có lúc nào rỗi rảnh. Nên yên tĩnh trầm lặng, sự lợi ích sẽ vô cùng!

Phải gắng dè dặt và tự kiểm thúc lấy!

27. Thơ Đáp Một Cư Sĩ ở Đông Giang

Sắc dục là chứng bệnh chung của người đời. Chẳng những hạng người trung, hạ bị nó làm mê, mà bậc thượng căn nếu không kiên cố giữ gìn, cũng khó khỏi mang hại. Xưa nay biết bao trang tuấn kiệt có thiên tư làm Thánh hiền, chỉ vì phá không nổi lớp cửa ấy, trở thành kẻ hèn ngu bất tiểu! Vô số loài hữu tình cũng vì đó mà sa đọa vào tam đồ. Trong Kinh Lăng Nghiêm, đức Phật bảo Ngài A Nan: *“Nếu chúng sanh ở sáu đường trong các thế giới, dứt được lòng dâm, thì không còn bị xoay vần theo vòng sống, chết. Người tu Tam muội, vì cầu ra khỏi trần lao, nếu chẳng trừ lòng dâm, tất không thể nào giải thoát.”* Với người học đạo, vấn đề trọng đại là sự sống chết, nếu không mau thống trừ căn bệnh kia, làm sao lìa nổi khổ luân hồi? Như pháp môn niệm Phật tuy là đối nghiệp vãng sanh,

song nếu đem lòng dâm cô kết, tất sẽ cách ngăn với Phật, đạo cảm ứng khó giao thông. Muốn dứt mối họa ấy, không chỉ hơn khi thấy tất cả người nữ, đều tưởng là thân thuộc, oan gia và nợ nhớp.

Tưởng như thân thuộc là thế nào? Khi thấy người người nữ tuổi cao thì tưởng là mẹ, lớn hơn mình tưởng là chị, nhỏ hơn tưởng là em, nhỏ hơn nữa, nên tưởng là con. Người lòng dục dù mạnh, quyết không dám đối với mẹ, chị, em và con, sanh niệm bất chánh. Đó là dùng luân lý ngăn dục tâm khiến cho không phát khởi.

Tưởng như oan gia là thế nào? Người đời, theo tình thường khi thấy sắc đẹp liền động lòng luyến ái. Do tâm mê nhiễm ấy, nên đọa vào ác đạo nhiều kiếp chịu khổ không được thoát ly. Thế thì vẻ kiều mị đẹp tươi, sánh với cọp, sói, rắn rít cùng các thứ thuốc độc, còn hại gấp trăm ngàn lần! Đối với mối oan gia rất lớn ấy, còn quyến luyến ưa thích, há chẳng phải là ngu mê quá lắm ư?

Tưởng nợ nhớp là thế nào? Sắc đẹp chỉ là một lớp da mỏng bên ngoài. Nếu banh lớp da ấy ra, thì đầy đủ những xương, thịt, máu, mủ, đờm, dãi, phần uế, hôi tanh nợ nhớp không ai muốn nhìn! Những thứ không đáng ưa đó, chỉ vì một làn da mỏng giấu che, làm cho người lầm sanh lòng yêu mến. Như chiếc bình đẹp đựng đồ hôi nhơ, không ai cầm lấy để ngắm, xem. Lớp da của mỹ nhân chẳng khác chi chiếc bình đẹp kia, trong ấy nợ nhớp còn hơn phần, đâu nên chỉ ưa thích bề ngoài, quên hẳn bề trong, lầm sanh vọng tưởng ư? Nếu không răn dè sợ hãi, thông trừ tập tánh ấy, tất bị vẻ đẹp mỏng manh phỉnh gạt, mũi tên ấy sẽ ghim sâu vào xương tủy, làm sao tự nhổ ra? Lúc bình thường đã như thế, mà muốn sau khi chết chẳng đọa vào bào thai, việc ấy không thể có. Nhưng vào bào thai người còn khá, vào thai loài súc thú mới ra thế nào? Thử suy nghĩ kỹ điều này, tâm thần tự nhiên kinh động sợ hãi! Song, muốn cho khi thấy cảnh không khởi lòng nhiễm, trước phải thường tưởng ba điều trên, thì lúc đối cảnh mới khỏi bị lay chuyển. Bằng chẳng thế, dù không thấy cảnh, ý vẫn mơ tưởng triền miên, cũng vẫn bị tập khí dâm dục ràng buộc. Cho nên, đối với nữ sắc phải xét nhận thấu đáo, quét sạch tập quán dục nhiễm, mới có phần tự do.

Mỗi ngày, ngoài chức phận của mình, cư sĩ gắng chuyên tâm niệm Phật và đem hết lòng thành kính tha thiết sám hối tội nghiệp từ vô thi đến nay. Như thế, lâu ngày sẽ có sự lợi ích không thể nghĩ bàn mà chính mình không tự biết. Kinh Pháp Hoa nói: *“Nếu có chúng sanh nào nhiều dâm dục, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ tát, sẽ được lìa dục”*, cho đến nhiều giận hờn, ngu si cũng như

vậy. Thế thì biết, nếu chí thành niệm Thánh hiệu đức A Di Đà, tất cũng được tiêu trừ ba món hoặc: tham, giận, mê. Lại, hiện nay là thời buổi nhiều hoạn nạn, ngoài giờ niệm Phật, nên niệm thêm Thánh hiệu đức Quán Âm. Như thế, sẽ được sự chuyển biến rất mau nhiệm trong âm thầm, mới khỏi cảnh khi tức nghiệp hiện ra không phương trốn tránh. Phải tìm xem những sách: giới dâm, nhân quả, báo ứng, xa lìa bạn bè du đảng thì tâm hạnh mới được chánh đáng, vững vàng và Tịnh nghiệp mới có thể thành tựu.

Cố gắng! Cố gắng!

28. Thơ Đáp Hai Cư Sĩ Ngạn Như, Dật Như

Xem thơ, thấy nhị vị tỏ ý phiền muộn vì việc đời buộc ràng, không biết làm sao được giải thoát. Mọi người đều có bốn phận, duyên sự tuy nhiều nhưng nếu tâm điềm nhiên không chuyển theo cảnh, thì đương lúc bận buộc cũng được giải thoát an nhàn. Cảnh trạng ấy như đài gương soi hình, hình đến không trở ngăn, hình đi chẳng lưu luyến. Nếu không hiểu nghĩa này, dù cho bỏ hết việc đời, nơi tâm cũng còn vương vấn, rộn ràng chẳng yên. Người học Phật biết an theo phận mình, giữ tròn nhiệm vụ, thì dù có tiếp xúc muôn duyên, mỗi ngày vẫn thung dung ngoài cảnh vật. Đó chính là nghĩa “*một lòng không trụ, muôn cảnh đều nhàn*” vậy.

Đến như niệm Phật, rất cần ở sự thoát ly vòng sống chết. Đã vì việc ấy tất đối với nỗi khổ luân hồi tự sanh chán nản, với sự vui Cực lạc tự sanh mến ưa. Thế là trong một niệm đủ cả hai điều tín nguyện. Thêm vào đó lòng chí thành khẩn thiết như con nhớ mẹ, thì sức Phật, sức Pháp và sức công đức tín nguyện của tâm mình, ba pháp đều vẹn toàn. Lực dụng ấy ví như vàng nhật giữa trời, dù có tuyết sương dày đặc, không mấy chốc cũng tự rã tan. Người mới niệm Phật chưa đến lúc thân chứng Tam muội, làm sao khỏi có vọng niệm? Nhưng nếu biết đem tâm soi vào trong, không theo vọng cảnh, cũng đã quý lắm rồi! Ví như hai chiến trận đối nhau, cần phải giữ thành lũy mình cho chắc, đừng để bên nghịch xâm phạm, phòng khi quân giặc kéo qua liền đón lại đánh. Lúc ấy phải đem binh Chánh giác bao vây bốn bên, khiến cho đối phương không đường tẩu thoát, phải chịu quy hàng. Điều cần yếu là vị chủ soái phải thường thường tỉnh táo đừng biếng trễ, hôn trầm. Nếu phạm hai lỗi ấy, chẳng những không phá được giặc, trở lại bị giặc tiêu diệt. Cho nên người niệm Phật nếu không biết nhiếp tâm, thì càng niệm càng sanh vọng tưởng. Nếu có thể nhiếp tâm, vọng niệm sẽ lần lần yếu bớt, cho đến khi tiêu tán không còn. Nên người xưa có lời kệ:

*“Học đạo dường như giữ cầm thành,
Ngày phòng sáu giấc, tối tinh chuyên.
Tướng, quân, chủ soái đều theo lệnh,
Chẳng động đao thương nước được yên.”*

29. Thơ Đáp Cư Sĩ Bao Sư Hiền

Hỏa hoạn ở Ôn Châu nghe qua thê thảm! Tai trời nạn nước thật không biết đâu là cùng! Cảnh khổ ấy đủ làm bằng chứng cho lời kệ: *“Ba cõi không an, dường như nhà lửa”* trong Kinh Pháp Hoa, và cũng là một duyên nhắc nhở rất thiết cho sự tín, nguyện, niệm Phật cầu sanh về Cực lạc.

Niệm Phật chẳng quy nhất, do bởi không tha thiết đối với việc sống chết luân hồi. Nếu tưởng mình bị nước cuốn lửa thiêu không ai cứu vớt, hoặc đang ở vào giờ phút lâm chung sắp đọa Địa ngục, thì tâm tự quy nhất, chẳng cần phải tìm phương pháp chi nhiệm mầu. Vì thế, trong kinh thường nói: *“Nên nghĩ sự khổ nơi Địa ngục, phát lòng Bồ đề.”* Đây là lời chỉ dạy rất thiết yếu của đẳng đại giác Thế Tôn, tiếc vì người đời không chịu thật tâm tưởng nghĩ đến. Sự khổ nơi Địa ngục sánh với thảm họa nước lửa, còn gấp không lường, không ngần lần đau đớn hơn! Tưởng đến lửa thiêu nước cuốn thì sợ hãi, nghĩ đến Địa ngục lại thờ ơ đó là người trí lực kém tối không thể quan sát rõ ràng sự khổ. Giả sử được một phen tận mắt trông thấy cảnh ấy, chắc bất giác lông tóc dựng đứng, xương lóng đều rung, không tự kiềm chế được.

30. Thơ Đáp Pháp Hải Đại Sư

Hơn mười năm nay, tòa hạ tìm Thầy học đạo để mưu sự lợi ích cho mình và người, đó là điều đáng khen ngợi. Nay lại buông bỏ muôn duyên, một lòng niệm Phật, lấy quả giác làm nhân địa tu hành, có thể sẽ thân chứng Tam muội và chiếm được phẩm cao. Nếu tòa hạ phát lòng quả quyết thì sự mong cầu tất nhiên thành tựu. Nhưng người đời niệm Phật tuy nhiều, song chứng Tam muội rất ít, vì chưa buông được muôn duyên giữ một niệm, nên tâm cùng Phật khó dung hợp nhau. Tòa hạ đã thiết thật giữ sạch thân tâm, lẽ nào lại không có chỗ sở đắc? Nhưng trong thơ về mấy điểm: *“Tỏ lòng thấy tánh, thoát ly sự sống chết và bằng cứ chứng đạo đến tay”*, cần phải đôi chút phân biệt.

Nếu tu theo giáo lý thông thường, dù được tỏ lòng thấy tánh, cũng còn cách xa với sự thoát ly sống chết luân hồi, vì cảnh giới ấy thuộc về ngũ chớ không phải chứng. Người đời nay ngộ đạo còn rất ít, huống nữa là chứng ư? Chứng đạo thì hoặc nghiệp mới hết sạch, gốc sanh tử đã dứt, không còn cảm quả luân hồi. Bậc Tu đà hoàn bảy lần sanh lên trời, bảy lần trở lại nhân gian, mới tiêu hết hai món hoặc kiến, tư, chứng quả A la hán. Ngài Thiên Thai thị hiện ở ngũ phẩm, Ngài Nam Nhạc ở ngôi Thập tín; các bậc Đại sĩ ấy còn ẩn thật đức của mình, tự bảo chỉ được địa vị nội, ngoại phạm, thì đâu phải dễ dàng khi muốn nói chứng đạo? Song đây là ước theo giáo lý thông thường để luận sự khó khăn về chứng đạo trong hiện đời. Nếu cứ theo môn Tịnh độ là pháp đặc biệt của đức Như Lai lập ra, thì trên từ bậc Đăng giác dưới đến hạng tội nặng A tỳ, như đủ tín nguyện, đều được nương sức từ của Phật sanh về Cực lạc. Khi đã vãng sanh, tất sự tỏ ngộ cùng chứng đạo dễ dàng như lượm cỏ. Một điều hơi khác, tòa hạ chuyên tâm niệm Phật, không đề cập đến sự vãng sanh trong lúc lâm chung, lại nói có thể nắm chắc bằng cứ chứng đạo. Nói rằng chứng đạo cũng được, sao lại bảo: bằng cứ đến tay? Nếu bằng cứ đến tay thì không cần luận, thắng như không đến mới liệu làm sao? Xét qua ý tứ trong lời nói ấy, dường như tòa hạ chỉ niệm Phật suông, không phát lòng tín nguyện cầu sanh Cực lạc. Đó là lỗi dùng sự niệm Phật làm câu thoại đầu của nhà tu Thiền, không đúng với tông chỉ Tín Nguyện Hạnh trong môn Tịnh độ. Niệm Phật không tín nguyện so với phép tu Thiền tham câu thoại đầu tuy công đức lớn hơn, nhưng nếu hoặc nghiệp vẫn còn, tất không được giải thoát. Lại bởi không tín nguyện, nên không thể nương nhờ sức Phật tiếp độ, vẫn là pháp môn tự lực thông thường, rất khó chứng đạo. Chớ cho sự tín nguyện cầu sanh là thấp kém, vì trên hội Hoa Nghiêm, hải chúng trong cõi Hoa Tạng đều dùng mười đại nguyện vương để hồi hướng vãng sanh. Hơn nữa, các bậc Bồ tát, Tổ sư trong tông Tịnh độ đều bảo phải phát lòng tín nguyện cầu sanh Cực lạc. Sao Tòa hạ lại lập riêng môn đình không theo Thánh quy của Phật, Tổ như thế? Và, người đã suốt tháng, suốt năm, suốt đời niệm Phật, đâu nên không tu hạnh Lễ Kính? Trong mười đại nguyện vương, Lễ Kính đứng đầu, tòa hạ bỏ việc gì còn có thể được, quyết không nên bỏ sự lễ Phật. Nếu chẳng lễ Phật chắc khó cảm thông, vì lễ thân ưa an ổn, tất thiếu trợ duyên để triển đạt hết lòng thành. Theo phép chuyên tu của Ngài Thiện Đạo thì thân chuyên lễ, miệng chuyên xưng, ý chuyên niệm, niệm cùng cực tự nhiên ngoài tâm không Phật, tâm Phật như nhau.

Sự chứng đạo ấy, các lỗi tu chứng về tự lực không thể sánh kịp. Về việc này, người xưa đã thí dụ như tên dân hèn kém nương bánh xe báu của Luân Vương, một ngày có thể dạo khắp bốn châu lớn. Vậy tòa hạ không nên đem pháp

môn niệm Phật rất đặc biệt, tu theo đường lối tự lực về quán hạnh thông thường. Ấn Quang tuy hèn ngu, thật chẳng dám hứa nhận việc ấy. Nếu tòa hạ có thể dùng lòng trong sạch không nhiễm mây trần, phát ba tâm mà niệm Phật, thì hiện đời sẽ thân chứng Tam muội, sau khi mạng chung liền sanh về Thượng phẩm. Như thế, Ấn Quang xin vòng tay trước để chúc mừng.

Kẻ ngu ngàn việc, dùng được một điều, mong Tòa hạ xét lại.

31. Thơ Đáp Cư Sĩ Hoàng Hàm Chi

Tiếp được thơ, không xiết vui mừng! Tôn phu nhân kiếp trước có nhiều căn lành, nên mới có cảm đến các hạ giúp cho được vãng sanh, và bảo con cháu trong nhà vì người niệm Phật lâu ngày để truy tiến. Như thế chẳng những người chết được lợi ích, mà bao nhiêu kẻ trợ duyên cũng trồng sâu căn lành. Ấy mới gọi là thật lòng thương xót, khác hơn tập quán mê lầm của người đời, khi thân nhân bất hạnh liền sát sanh để cúng tế, khiến cho vong linh kẻ chết bị câu trệ nơi u đồ. Việc của Tôn phu nhân như thế là vẹn toàn, nhưng còn Thái phu nhân tuổi đã tám mươi ba, các hạ nên khuyên người sanh lòng tín nguyện niệm Phật. Song với người tuổi đã cao, sự tu hành lại đang ở vào bước đầu, năng lực của thân và tâm đều kém yếu, sợ e không thể niệm được trọn ngày. Trước kia, tôi muốn đặt ra pháp thức để trợ niệm trong lúc hiện tiền cho những người như thế, nhưng nghĩ mãi chưa được. Một hôm, nhân thấy quan Trấn Thủ Vương Duyệt Sơn đem mẹ và quyền thuộc đông đảo lên núi để chiêm bái, tôi bỗng tìm được một cách trợ niệm rất hay. Phương pháp ấy tôi đã lược thuật cho Vương Trấn Thủ, nay cũng xin vì các hạ tỏ bày:

Quyền thuộc của các hạ, về phần nam đều có chức nghiệp riêng, về phần nữ như dâu, con gái cho đến kẻ nữ mẫu thì không việc chi cần yếu lắm. Các hạ nên bảo mấy người ấy thay nhau ở bên Thái phu nhân, cao tiếng niệm Phật mỗi phiên độ nửa giờ. Mỗi ngày cứ luân phiên như thế đừng cho tiếng niệm hờ dứt. Thái phu nhân có thể niệm theo vẫn tốt, bằng không chỉ khuyên người nhiếp tâm nghe kỹ, thì cũng được thường không rời Phật. Những người trợ niệm chẳng mấy gì phí sức, bởi mỗi ngày bất quá chỉ một đôi phiên là nhiều, lại gieo được nhân lành giải thoát nữa. Các hạ nên mượn phương pháp ấy để làm tròn hiếu đạo, dù Thái phu nhân thọ hơn trăm tuổi, cũng cứ giữ tiếp tục y như thế, thì lợi ích không thể nghĩ bàn. Và, khi gặp những người có tín tâm muốn thành tựu sự vãng sanh cho cha mẹ, đều nên đem cách thức này chỉ bảo. Các hạ mắc rộn ràng vì việc quốc chánh,

không thể định thời niệm giúp, nhưng nếu có lúc nào rỗi rảnh, cũng nên niệm một phiên để nêu gương, khiến cho con cháu tinh tấn vui mừng.

Theo ý tôi, làm như thế có nhiều tiện lợi. Nên đem phương pháp này viết thành một bài phụ vào đoạn cuối của quyển Văn Sao, để cho những người có lòng báo hiếu không đến đổi luống than câu: *“Muốn trả ơn sâu, trời cao không cùng!”*

32. Thơ Đáp Cư Sĩ Hà Huệ Chiếu

Được thơ, biết người tức căn rất sâu, hiện hạnh lại tinh thuần nên mới có những cảnh tượng lạ ấy. Nhưng người đời nay phần nhiều hay ưa danh vọng, có được nửa phần một phần, liền nói đến trăm ngàn muôn phần. Như trong quyển ký lục của vị cư sĩ nọ, những cảnh giới của y đều do tự ý vẽ vời ra khác hẳn với sự thật. Người đã không nói dối, nhưng e hoặc khi có tập quán đó thì làm lỗi rất nhiều! Đức Phật đem tội nói dối liệt vào trong năm giới căn bản, chính là để phòng ngừa mối tệ ấy. Như về việc thương, không thấy nghe nói thấy nghe, tội hãy còn nhẹ. Nếu cố ý muốn xây dựng lâu các giữa hư không, dối nói những cảnh giới nhiệm mầu, chưa chứng đắc bảo rằng chứng đắc, tức là đại vọng ngữ, tội này nặng hơn giết, trộm, dâm trăm ngàn muôn ức lần. Người đã phạm, nếu không hết sức sám hối, tất sẽ bị đọa vào ngục A tỳ, vì lời nói ấy làm cho chúng sanh nghi lầm, có thể phá hoại Phật pháp. Vậy người cần phải thận trọng với những cảnh đã thấy, chớ nên nói thêm bớt một mảy ly. Nếu thêm bớt tức là có lỗi, vì bậc trí thức chưa chứng được tha tâm đạo nhãn, chỉ dùng lời nói làm bằng cớ để phán đoán mà thôi. Đem những cảnh giới như thế tỏ với bậc trí thức để cầu quyết trạch sự chơn, giả, chánh, tà, thì không lỗi. Nếu không vì việc chứng minh quyết trạch, ý muốn tự khoe cũng có lỗi. Lại, chỉ nên tỏ cùng bậc trí thức cầu xin chứng minh, ngoài ra chớ nên nói với ai, nếu lộ bày thì có hại, vì về sau không còn được thấy cảnh giới ấy nữa. Đây là điều quan hệ thứ nhất của người tu hành, mà trong Thai giáo thường nói đến. Cho nên người niệm Phật đời nay phần nhiều hay bị ma dựa, đều do dùng tâm vọng động mong được những cảnh lạ thường. Đừng nói cảnh ấy là ma, dù có thắng cảnh, nếu sanh lòng vui mừng tham trước cũng bị tổn hại, hưởng chi vị tất quả thật là thắng cảnh ư? Nếu người có công hàm dưỡng, dứt hẳn tâm vọng động, khi thấy các cảnh giới, không vui mừng, tham trước, sợ hãi, nghi ngờ, thì dù gặp ma cảnh cũng được lợi ích, nói gì là cảnh nhiệm mầu? Sở dĩ được như thế, là bởi không bị ma chuyển nên có thể tiến triển thêm. Những điều trên đây ta ít hay đem nói với người, nay nhân vì người có việc ấy nên phải dẫn bày chỉ rõ.

Trước tiên, người lễ Phật, bỗng thấy tượng Quán Âm Đại sĩ hiện ra là không đích xác. Nếu quả đúng cảnh Phật thì không đến nỗi nhân khi suy nghĩ: “*Tượng cùng Quán Kinh không hợp*”, liền ẩn hình. Nhưng do đó lòng tin của người càng tha thiết, thì cũng là nhân duyên tốt. Song chẳng nên thường muốn thấy hình tượng, chỉ thành tâm lễ bái mà thôi. Như thế mới khỏi lo có sự rủi ro khác.

Khi người sắp ngủ, thấy trước mắt có ánh sáng trắng và lúc lễ Phật, thấy hình Phật đứng lơ lửng giữa hư không, tuy thuộc về cảnh tốt, song chớ nên tham trước mong cầu, vì nếu thế, về sau cảnh ấy không còn hiện nữa. Xem căn tánh của người dường như kiếp trước đã từng tu tập thiền định, nên mới thường có những tướng ấy. Đòi nhà Minh, ông Ngu Thuần Hi tịnh tu ở núi Thiên Mục, chỗ tử quan của Cao Phong Diệu Thiên sư thuở xưa, lâu ngày tự biết việc quá khứ vị lai, hay nói trước những cơn mưa nắng và sự họa phúc của người. Liên Trì Đại sư nghe được việc ấy, gửi thơ cực lực bài xích, cho rằng đó là lưới ma. Thuần Hi tỉnh ngộ, quả nhiên về sau không còn đoán trước được nữa. Cho nên người học đạo phải để tâm lo việc lớn, nếu chẳng thế tất sẽ bị việc nhỏ làm tổn hại. Đừng nói chỉ những cảnh giới ấy, dù cho được ngũ thông cũng phải gác bỏ bên ngoài, mới có thể chứng lậu tận thông. Nếu một bề tham trước thì công phu khó tiến, hoặc có khi thoái lui, điều này cần phải biết.

Người nằm mơ thấy vào điện Phật, nhớ hai câu kinh, cũng thuộc về cảnh lành. Song hai câu ấy nghĩa lý rất rõ ràng không chỉ khó. “*Phản hư y giác lộ. Quy chơn ngộ thường không.*” (Bỏ giả theo đường giác. Về chơn ngộ thường không), là ý nói: Chúng sanh vì nhận lầm sự vật giữa đời đều có thật, nên mới mê man xoay vần trong nẻo luân hồi. Nếu có thể quán sát biết sự vật đương thể vốn không, thì liền ra khỏi lối mê, nương theo đường giác, trở về bản tánh, ngộ được lý thật tướng, chơn không, chơn thường. Hai câu ấy chưa thấy ở đâu, cũng có khi đó là câu văn đã ghi nhớ đời trước, chưa chắc chính thực văn kinh. Muốn phân biệt ma cảnh hay Thánh cảnh, phải xét lại cảnh ấy xem có hợp với lời dạy trong kinh chăng? Và như quả là Thánh cảnh, thì khiến cho người khi trông thấy tâm liền thanh tịnh, không vọng động chấp trước; nếu là ma cảnh thì tâm liền vọng động chấp trước không được thanh tịnh. Lại nữa, quang minh của Phật tuy sáng ngời song không làm xót con mắt, nếu không đúng thế, tức là ma trá hình. Khi Phật hiện, dùng lý: “*các tướng hữu vi, đều là giả dối*” mà gạt, thì càng hiện rõ. Nếu ma trá hiện, dùng lý ấy xét gạt thì liền ẩn hình. Đây là phương châm rất vững chắc để khán nghiệm sự chơn giả vậy. Ban đêm, người thấy ánh sáng trắng và cảnh trong ngời giữa hư không đó là do tâm thanh tịnh hiện ra, đâu nên cho là

tướng pháp giới tịch chiếu không hai? Nếu nghĩ như thế là đem phàm lạm Thánh, tội lỗi chẳng ít. Người tu Tịnh nghiệp như chẳng lấy các cảnh giới làm mong cầu, thì cũng không có hiện cảnh chi nhiều. Nếu trong lòng chuyên muốn thấy cảnh, tất cảnh giới hiện ra phức tạp. Lúc ấy, như không khéo dụng tâm, hoặc có khi bị tổn hại, phải để ý nhớ kỹ điều này.

Pháp môn Tịnh độ dùng Tín, Nguyện, Hạnh làm tông. Có tín nguyện, không luận công hạnh nhiều ít, cạn sâu, đều được vãng sanh. Không tín nguyện, dù cho tu đến cảnh quên cả năng sở, thoát hẳn căn trần, cũng khó hy vọng được về Cực lạc. Bởi vì, nếu quả chứng được thật lý của cảnh ấy, có thể dùng tự lực để thoát sanh tử, thì không cần luận. Như chỉ có công phu dẹp trừ vọng chấp tỏ thấy lý ấy, chưa được thật chứng, tất nhiên khó vãng sanh khi thiếu Tín Nguyện. Nhà tham thiền khi bàn luận Tịnh độ, đều bỏ tín nguyện đem về tông thiền. Như y theo đó mà tu, cũng có thể khai ngộ, nhưng nói đến sự thoát sanh tử, e cho mộng tưởng không thành, bởi vì chưa dứt hoặc nghiệp. Nên biết phàm phu được về Tịnh độ, đều do lòng tín nguyện cảm Phật, nên nương nhờ từ lực, đối nghiệp vãng sanh. Nếu không phát tín nguyện, lại dẫn câu niệm Phật đem về tự tâm, thì làm sao cảm được Phật? Đạo cảm ứng đã không hợp, tất chúng sanh cùng Phật riêng cách, dùng môn hoành siêu làm pháp thụ xuất, sự lợi ích cạn mà tổn thất lại sâu. Lợi ích, là tu y theo nhà Thiền nói, cũng có thể tỏ ngộ; tổn thất, là bỏ tín nguyện nên không được tiếp dẫn vãng sanh. Vì thế người chơn thật tu Tịnh độ không dùng được lời khai thị của nhà tu Thiền, bởi pháp môn và tông chỉ đều riêng khác.

Vậy người nên xét kỹ lại. Như chẳng cho lời ta là phải, thì cứ thỉnh cầu nơi bậc đại thông gia, hoặc may có thể hợp với tâm chí của người. Về việc ấy, Ấn Quang này vẫn không chấp trước chi cả.

33. Thơ Đáp Cư Sĩ Úc Trí Lãng

Về việc của Phước Tuấn, nếu khi còn sống cho đến lúc chết, quả có những sự thật y theo lời người nói, thì quyết định được vãng sanh. Thuở bình thời, Phước Tuấn đã nhận rõ sắc thân là huyễn, điều ấy rất có lợi ích. Bởi người nữ thường hay yêu mến thân giả dối, ưa đua đòi theo sự điểm trang, nay đã không có niệm ấy, tự nhiên đối với môn Tịnh độ dễ được tương ưng. Khi lâm chung gây yếu và bệnh khổ, đó là nghiệp chướng trong nhiều kiếp, do công siêng tu Tịnh nghiệp nên phát hiện để chuyển hậu báo làm hiện báo, đổi quả nặng thành nhẹ thế thôi. Người bảo: bởi tu trì tinh tiến nên thân thể ngày một yếu gầy, lời ấy không đúng, lại thêm có lỗi khiến cho những người lòng tin cạn cợt nhân đó biếng trễ sự tu hành. Phải biết

người niệm Phật quyết định có thể tiêu trừ nghiệp chướng, nếu nghiệp hiện, đó là đối ác báo sẽ đọa tam đồ thành cơn bệnh khổ hiện tại để trả cho xong. Kinh Kim Cang nói: Người thọ trì kinh này do bị khinh rẻ nên dứt được sự khổ nhiều kiếp trong tam đồ. Thế thì nhân Phước Tuấn sắp sanh Tây phương nên hiện ra sự khổ nhỏ ấy để tiêu trừ ác báo từ vô lượng kiếp đến nay, thật là điều hân hạnh rất lớn. Người chớ nên học theo những người kém hiểu biết, cho rằng: Nhân tu trì mà thành bệnh rồi chết. Người niệm Phật thọ bình thường có tín nguyện chơn thiết, không một ai chẳng được vãng sanh. Phước Tuấn lúc lâm chung chánh niệm rõ ràng, có những tướng trạng hoi han, đánh lễ, sau khi chết thân thể mềm dịu, sạch sẽ, nhan sắc như sống, thì đâu nên nhìn vào công tu cạn cợt mà nghi ngờ? Theo lời nguyện của đức A Di Đà, chí tâm trong mười niệm cũng được độ, huống chi Phước Tuấn tinh tiến tu trì đã ba năm, lại còn nghi ngại gì? Duy những người ý chí thấp kém, tuy thường niệm Phật song chẳng cầu vãng sanh, chỉ mong phước báo nhân thiên; hạng ấy dù trót đời tu hành cũng chỉ hưởng được si phước nơi kiếp sau mà thôi. Nếu kẻ có chánh tín, tự biết dùng lòng tín nguyện cảm Phật, quyết được sức từ bi nhiếp thọ, đạo cảm ứng thông nhau, sẽ nương Phật lực đởi nghiệp sanh về Cực lạc. Thế thì cần chi hỏi thấy Phật cùng không, mới có thể phán đoán?

Người niệm Phật trước khi lâm chung, như có thể tự tắm gội thay y phục thì rất tốt. Nếu không tự làm được thì thôi, người ngoài quyết chẳng nên thay thế dự bị tắm gội đổi y phục, vì có thể khiến cho kẻ sắp chết khó nhẫn sự đau đớn đến mất chánh niệm. Người chớ vì việc Phước Tuấn chưa kịp mặc pháp y và ngồi kiết già mà tiếc buồn. Phải biết lúc ấy chỉ nên đồng thanh niệm Phật để giúp sức, quyết không được bày vẽ việc gì khác. Nếu một mặt ưa phô bày, tất thành ra cảnh té giềng bị đá rơi theo, rất có hại cho sự vãng sanh. Điều này phải ghi nhớ kỹ.

Lệnh từ tuổi cũng đã cao, nếu ta chẳng nói rõ sự lầm lạc trên đây, e lần sau người dùng lòng hiếu thảo trở lại làm ngại sự vãng sanh của mẹ, khiến cho người nhiều kiếp bị luân hồi không được giải thoát. Vậy chỉ nên trọng sự thật, chớ khoe hình thức bên ngoài. Lời ký lục của người, văn nghĩa xem cũng gọn, không cần phải nhờ người viết thành bài để truyền bá, vì đó cũng thuộc về việc phù phiếm của thế gian. Người chỉ nên sách tấn mình và quyến thuộc cố gắng niệm Phật, để được đồng sanh Tây phương là tốt. Sớm chiều trong hai thời khóa, ta cũng đọc danh hiệu của Phước Tuấn hồi hướng trong một thất, để cho trọn nghĩa Thầy trò. Phước Tuấn vãng sanh phen này, có thể gọi là chẳng sống sông chết uổng, rất hân hạnh! Đến như việc y theo lời di chúc, lấy xương tán mạt làm hoàn để thí cho loài thủy tộc, cũng là điều tốt, nhưng lưu ý cẩn thận hơn. Phải đem xương nghiền thành

phân; dùng rây lụa nhỏ rây lọc, làm như bột nhuyễn mới được. Nếu thô tháo nghiền sơ qua, rồi hòa với bột làm hoàn, e cho loài cá nhỏ ăn vào phải bị nghẹn vướng. Ta sợ người làm không kỹ, nên ta phải dặn trước.

34. Thơ Đáp Một Vị Cư Sĩ

Bệnh cùng ma đều do túc nghiệp gây ra. Người chỉ tha thiết chí thành niệm Phật, tự nhiên bệnh sẽ lành, ma cũng xa lánh. Nếu người niệm không chí thành, hoặc khởi những niệm tà dâm bất chánh, thì tâm trạng chìm trong cảnh tối tăm, tất khó khỏi bị ma quỷ khuấy nhiễu. Sau mỗi thời niệm Phật, người nên hồi hướng cầu cho tất cả oan gia đời trước đều được nhờ công đức ấy sanh về cõi lành. Ngoài ra, không nên nghĩ tưởng gì khác. Ma có la lối khuấy nhiễu, chớ kinh sợ; không khuấy nhiễu cũng chẳng được sanh tâm vui mừng, chỉ nên chí thành khẩn thiết niệm Phật mà thôi. Như thế tự nhiên nghiệp chướng sẽ lần tiêu và phước huệ thêm lớn.

Đến như sự duyệt kinh, chớ nên bắt buộc theo thói tẻ cầu thả không cung kính của người đời nay, mà phải xem như Phật, Tổ, Thánh hiền giảng lâm, mới có thật ích. Người giữ được như thế, thì tâm lòng sẽ quang minh chánh đại, ma quỷ tà thần kia không còn chỗ dung thân. Nếu tâm người trước đã tà vạy, tất chiêu cảm đến loài tà, đâu có thể khiến được ma quỷ lánh xa không khuấy nhiễu.

Về tha tâm thông, quỷ thần tuy có, song nhỏ hẹp và cận gần. Nếu là bậc nghiệp hết tình không, thì cõi lòng như gương sáng trên đài, muôn hình đều hiện rõ. Người không chí tâm niệm Phật mà muốn tìm hiểu chân tướng của việc ấy, đâu biết đó là gieo hột giống ma! Như gương báu sở dĩ có công năng chiếu suốt xa gần, là vì tự thể nó trong sáng không vướng một điểm bụi. Tâm lòng của người bị nghiệp hoặc ngăn che, mà muốn được công dụng như thế, có khác nào như gương mờ lại bị bụi lấp, làm sao phát ánh sáng? Dù có, cũng là yếu quang, không phải ánh sáng chân thật.

Nhưng thôi, hãy gác việc ấy lại. Với hiện cảnh của người, phải chí tâm niệm Phật như bị nạn nước lửa, như cứu cháy đầu, thì tất cả ma nghiệp đều tiêu.

35. Thơ Đáp Cư Sĩ Châu Mạnh Do (1 - 10)

1. Từ thân của người tuổi đã cao, đối với pháp môn Tịnh độ chưa có thể nhận chân mà tu trì. Nên thường đem nỗi khổ trong sáu nẻo luân hồi, sự vui ở cõi

Cực lạc và những lẽ siêu thắng khó, sa đọa rất dễ, giảng nói cho người nghe. Nếu chẳng được về Tây phương, đừng nói là ở cõi người không đủ trông cậy, dù sanh lên cõi trời hưởng sự vui vẻ lâu dài, một khi phước lực đã hết, vẫn trở lại đọa xuống nhân gian và ba đường ác mà chịu khổ. Nếu không biết Phật pháp thì cũng đành vậy, nay đã được hiểu Phật pháp đâu nên đem sự lợi ích lớn lao ấy nhường cho người? Và đâu nỡ tự mình cam chịu chìm nổi mãi trong biển khổ luân hồi, không mong ngày giải thoát ư? Người nên thường giảng nói như thế, may ra có thể khiến cho lệnh từ phát được căn lành đời trước, tin chịu tu hành. Bỏ tất ra đời độ sanh đều thuận theo cơ nghi, trước tùy sở dục mà dắt dẫn, sau khiến cho vào trí Phật. Nếu người có thể gắng tu hiểu đạo và đem pháp môn Tịnh độ khuyến dẫn trong hàng quyến thuộc cùng tất cả người hữu duyên, để đồng làm bạn tốt nơi Liên Trì, thì công đức lớn lắm?

2. Người đời khi có bệnh hoặc gặp những sự nguy hiểm tai nạn, thường thường không biết niệm Phật làm lành, lại làm lạc muốn cầu cứu với quỷ thần. Do đó nên giết hại sanh mạng gây thêm tội nghiệp, thật rất đáng thương! Bệnh khổ cùng những tai họa, phần nhiều đều do nghiệp đời trước gây ra; nếu niệm Phật, sám hối, làm lành, thì tội chướng sẽ tiêu, bệnh được mau mạnh. Loại quỷ thần kia chính họ hãy còn ở trong biển nghiệp, đâu có thể khiến cho người tiêu nghiệp? Dù cho hạng chánh thần có oai lực lớn chẳng nữa, oai lực ấy so với thần lực của Phật, Bỏ tất chẳng khác chi lửa đom đóm sánh cùng ánh sáng mặt trời! Người Phật tử không chịu nương tựa Phật, Bỏ tất, trở lại cầu cứu với quỷ thần, đó là tà kiến.

Tất cả chúng sanh đều là cha mẹ đời quá khứ và chư Phật đời vị lai, nên thương xót hộ trì. Chớ noi theo tập tục sai lầm, mặc ý giết hại, rồi bảo rằng: phải cần có thức ngon bảo để phụng dưỡng song thân mới là đạo hiếu. Người chưa hiểu Phật pháp, không biết sự lý luân hồi, nên mê mờ làm lạc chẳng nói làm chi. Nếu kẻ đã nghe Phật pháp, mà còn giết hại cha mẹ đời trước để phụng dưỡng cha mẹ đời này và dùng huyết nhục làm nhu cầu cho sự tang tẽ, chẳng những không phải hiếu thuận, lại chính là ngỗ nghịch vậy. Cho nên những bậc thông đạt, khi nghe được nghĩa chân thật của đạo Phật, đều không chịu làm theo quyền pháp ở đời, bởi pháp quyền tạm ấy do chiều thuận theo mê tình của thế gian mà lập, không phải là đạo lý thông suốt nhân quả ba đời của Như Lai. Nếu các người muốn nhận thức sâu hơn, hãy xem những bài “*giới sát*” trong quyển Văn Sao của ta sẽ tự rõ.

3. Người niệm Phật khi có bệnh, phải một lòng đợi chết, nếu thọ mạng chưa dứt, sẽ được an lành. Vì khi buông cả toàn thân mà niệm Phật, thì nghiệp chướng tiêu rất mau, nghiệp tiêu tất nhiên bệnh được lành mạnh. Nếu chẳng buông bỏ

muôn duyên, chỉ mong mau lành mạnh, thắng như bệnh không hết, thì phần vãng sanh sẽ phải mất, bởi vì không có tâm nguyện cầu sanh. Như không hiểu rõ đạo lý này, đâu có thể nhờ từ lực của Phật tiếp dẫn ư? Về bệnh căn của lệnh từ, các người nên khuyên người buông bỏ tất cả để cầu vãng sanh. Như thọ mạng chưa dứt, thì cầu vãng sanh trái lại mau bình phục, vì do dùng tâm chí thành, nên được nhờ sức Phật gia bị.

Người nên đem lời lẽ trên đây mà khuyên nhủ từ thân, đừng học theo thường tình, nói những điều không lợi ích.

4. Tiếp được thư, biết lệnh từ chưa thật phát tâm cầu sanh Cực lạc. Hiện thời người còn đang trong cơn bệnh, thôi hãy tạm hoãn đừng đề cập đến việc ấy. Chỉ nên khuyên người chí thành niệm Phật, để được nhờ từ lực gia bị, khiến cho thân tâm an vui. Đợi đến khi lệnh từ khỏe lại rồi, sẽ dùng lời lẽ khéo léo dẫn giải rành rẽ, làm cho người thật phát tâm cầu sanh thì mới có lợi ích. Nhờ người chuyển lời cùng lệnh từ, nói ta thăm người được an lành. Và nên nói lại rằng: ta khuyên người buông cả muôn duyên một lòng niệm Phật, đó là điều cần yếu để tự cứu độ. Ngoài ra việc chi khác, để phần con cháu lo, nếu còn nghĩ tưởng đến, tức là có hại cho công phu niệm Phật của mình vậy.

5. Châu Quần Tranh xem rõ:

Lệnh từ hiện đang có bệnh, quyết không nên đi vắng trong lúc người chưa lành. Nhưng ta xem tình trạng, e người chẳng hưởng thọ được lâu. Vậy phải dùng Mạnh Do và Trí Chiêu mỗi ngày thay phiên nhau ở bên giường bệnh mà niệm Phật, khiến cho người niệm theo, nếu không thể niệm thì khuyên người yên lặng lắng nghe cũng được. Làm như thế, nếu lệnh từ thọ mạng đã hết, quyết định sẽ vãng sanh, như số phần chưa mãn, cũng được tiêu trừ nghiệp chướng thêm lớn căn lành.

Về phần người, nên đổi ý định lên núi Phổ Đà bằng cách vãng theo lời ta mà thực hành là tốt hơn. Như thế mới lưỡng toàn không hại. Hiện thời từ thân của người bệnh chưa mạnh, rất không nên phát tâm nguyện xuất gia, nếu phát thì đối với đời và đạo đều thành trái nghịch. Người sắp mạng chung, như được trợ niệm, chắc có phần vãng sanh; nếu thiếu trợ niệm, hoặc dùng sự khóc lóc làm phát động những niệm tình ái giận hờn, thì khó khỏi đọa lạc. Điều này rất quan hệ, nguy hiểm, nên nhớ kỹ. Nếu người có thành tựu sự vãng sanh cho mẹ, đó cũng là chánh nhân Tịnh nghiệp của chư Phật trong ba đời. Và đó chính là làm Phật sự giữa trần

lao, công đức ấy sánh với việc làm tâm thường, muôn phần rộng lớn. Phải bàn tính với Mạnh Do, thực hành phương pháp trợ niệm, và khuyên lệnh từ nên nghe theo những lời của ta. Đến như việc vì mẹ giảng giải Phật pháp, vẫn là điều rất hay, nhưng sự định tĩnh cùng an ủi cũng nên nhiều phần để ý.

6. Lệnh từ phát nguyện gởi tiền cho ta để tùy ý làm các việc công đức và giúp phần ấn loát bộ Văn Sao. Theo ý ta, làm việc công đức phải lấy sự mở mang trí thức của người làm điều cần yếu, nên ta định đem số tiền ấy in quyển Quán Âm Tụng để phổ biến khắp xa gần. Việc này có mục đích khiến cho mọi người được biết đức Quán Âm Đại sĩ là đấng nương tựa của chúng sanh trong pháp giới. Đại sĩ tùy loại hiện thân, tìm tiếng cứu khổ, và phụ giúp đức A Di Đà tiếp dẫn người niệm Phật sanh về Cực lạc. Hiện nay nhân loại đang ở trong đường hoạn nạn, không biết phương pháp chi phòng ngừa, nếu mọi người được xem quyển sách ấy, sẽ cảm ân đức của Đại sĩ, muốn nhờ oai lực của Ngài để thoát khỏi tai họa. Và, một khi đã phát tâm tín ngưỡng nương tựa nơi Đại sĩ, tất sẽ giữ lòng từ thiện sửa lỗi làm lành, để mong cho được cảm thông với Ngài mà nhờ sự chở che giúp đỡ. Cõi đời chẳng yên, vì lòng người hiểm ác, nếu mọi người đều ngưỡng mộ đức từ bi của Đại sĩ thì thế giới lần lần chuyển ra cảnh vui vẻ thanh bình. Cho nên quyển sách này nếu được lưu thông, sự lợi ích sẽ vô cùng, sánh với các loại sách hữu ích tạm thời, thật cách nhau rất xa. Hơn nữa lệnh từ cũng nương nhờ công đức ấy, tiêu tội nghiệp, thêm phước huệ, khi sống được an vui, lúc chết sanh về Cực lạc. Đến như quyển Văn Sao, mọi người xem rồi phát tâm làm lành niệm Phật rất nhiều, ở đây không thể nói hết.

7. Lệnh từ vì sao bệnh không được lành? Ấu là do túc nghiệp gây ra, khiến đời quả nặng thành nhẹ, chuyển hậu báo làm hiện báo, để trả cho xong tất cả đó chẳng? Thuở xưa, Huyền Trang Pháp sư khi lâm chung cũng bị chút ít bệnh khổ, Ngài nghi ngờ cho những kinh mình phiên dịch hoặc có chỗ sai lầm. Đang khi suy nghĩ như thế, thoát thấy một vị Bồ tát an ủi rằng: *“Do sự khổ nhỏ này, tội báo kiếp trước của ông đều được tiêu diệt, chớ đem lòng hoài nghi.”* Vậy người hãy đem duyên sự này an ủi lệnh từ, khuyên người nên vui mừng, chớ sanh lòng buồn giận. Như thế, quyết định có thể nhờ Phật gia bị, thọ mạng chưa dứt sẽ mau an lành, số phần đã mãn được sanh về Cực lạc. Con người trong cơn bệnh khổ, nên tưởng thối lui một bước, sẽ thấy an vui không cùng! Gần đây binh lửa liên miên, chúng ta may mắn chưa gặp tai nạn ấy, dù bị bệnh khổ còn có thể nhân đó tự thức tỉnh để tìm đường giải thoát. Trong trường hợp ấy chỉ nên cảm kích chuyên tu, tự nhiên sẽ được lợi ích. Thế chẳng hơn là oán trời trách người để gây thêm tội nghiệp cho

mình ư? Nên khuyên thân mẫu người đừng ôm lòng oán trách, gắng định tâm niệm Phật thì nghiệp tiêu mau như tuyết gặp nước sôi.

Ta từ khi trở về núi, mỗi ngày trong thời khóa tụng đều có hồi hướng cầu nguyện Tam bảo gia bị cho lệnh từ, nếu thọ mạng chưa dứt, được mau an lành, như số phần đã mãn, sớm sanh về Tịnh độ.

8. Tiếp được thư, biết lệnh từ đã niệm Phật vãng sanh vào ngày mừng hai. Là đệ tử Phật, các người phải y theo Phật pháp khiến cho thần thức của từ thân được lợi lạc, chẳng nên quá buồn thương, thành ra kẻ còn người mất đều luống vô ích. Đến như việc tang tế phải dùng toàn đồ chay, chớ nên tùy theo tập tục. Dù có những người không hiểu Phật pháp, bài xích nói là sai quấy, cũng mặc cho họ chê cười. Trong đám táng không nên quá phô trương bày vẽ, và làm Phật sự chỉ nên niệm Phật mà thôi. Anh em người phải đốc xuất người nhà đều khấn thiết niệm Phật, thì thần thức của lệnh từ, cả trong gia quyến, cho đến bà con bè bạn, sẽ được sự lợi ích, chân thật. Nếu tài lực có dư, cũng nên làm các điều công đức; như sự độ tụng vừa đủ, chi lo xong việc táng là được. Chớ nên làm quá long trọng, để rồi sau phải thiếu thốn là điều không hay.

9. Được thư, thấy lệnh từ khi lâm chung rất tốt. Đó âu cũng là sự hiệu nghiệm do căn lành bản nguyện của người, và công trợ niệm của anh em người cùng trong quyến thuộc. Thuở bình sanh, con người có thể che giấu các việc, duy lúc sắp chết quyết không thể giả dối. Lệnh từ đã không lòng ái luyến, có sắc vui tươi ngời yên mà qua đời, nếu Tịnh nghiệp chẳng thành thực, đâu được như thế ư? Mong anh em người và toàn gia quyến nên niệm Phật để truy tiền. Như thế chẳng những thân mẫu các người được lợi ích, mà công đức niệm Phật của chính mình lại càng lớn thêm. Đức Phật đã dạy: *“Khi tụng kinh, trì chú, niệm Phật hoặc làm các công đức, nên hồi hướng cho pháp giới chúng sanh.”* Lúc bình thời còn vì chúng sanh không can thiệp chi đến mình mà hồi hướng, huống chi mẹ mất đâu nỡ chẳng hết lòng niệm Phật cầu nguyện cho người ư? Nếu có thể vì chúng sanh hồi hướng, tức là hợp với thế nguyện Bồ đề của chư Phật, như đem một giọt nước gieo vào biển thì giọt nước ấy đồng sự sâu rộng như biển cả. Như chưa được dung hợp cùng biển, đừng nói một giọt nước, dù cho sông dài hồ rộng, đối với biển vẫn cách biệt như đất với trời. Thế thì, khi đem công đức hồi thí cho cha mẹ và tất cả chúng sanh, chính là bồi cội phước cho mình. Biết được nghĩa này, người hiểu thảo lòng hiếu càng tăng thêm, kẻ kém hiếu tâm cũng phát lòng thảo thuận.

Thỉnh chúng Tăng tụng niệm trong bảy tuần thất, việc ấy rất tốt, nhưng khi đó anh em các người cũng phải có người đồng tụng niệm theo. Những phụ nữ trong nhà bắt tất phải theo thứ lớp đứng sau chư tăng mà tụng niệm, vì e lâu ngày thân thiện nhau, sẽ gây mối hiềm nghi cho người ngoài. Hàng phụ nữ nếu có tụng niệm, nên ở sau màn hoặc lập riêng một chỗ khác, các cửa ra vào hai bên đều không thấy nhau. Đó là nêu khuôn phép và mở thông nghi thức cho người trong hương ấp. Nếu thờ ơ không phân giới hạn, kẻ khác sẽ bắt chước theo, về sau sanh mối tệ. Cách lập pháp của người xưa, dù bậc thượng thượng cũng lấy pháp thức của kẻ hạ hạ mà làm phạm vi, nên không có sự tệ hại. Nếu các người có thể y như thế vì niệm Phật, lại kiêm ẩn thí các quyển Quán Âm Tụng, Văn Sao, thì chẳng những khiến cho từ thân phẩm sen thêm cao, mà ông bà cho đến thân phụ các người cũng được đồng nhờ pháp lợi, siêu sanh Cực lạc. Mấy điều ta nói vẫn căn cứ đúng theo tình lý, không phải là những lời bông lông cốt để vừa lòng đẹp ý các người đâu!

10. Về phép hỏa táng, thuở đời Đường, Tống, Phật pháp còn thịnh, người tại gia phần nhiều cũng có dùng. Nhưng hiện thời, nên theo thông tục mà chôn cất, vì e có chấp nê sanh ra nhiều điều nghị luận. Thật ra thì thiêu hóa thì hải mau tiêu tan hơn, và qua bốn mươi chín ngày thiêu hóa lại càng ổn tiện. Còn chôn cất, hoặc khi lâu năm hải cốt bị bộc lộ. Tang chế ba năm không làm lễ nhạc, điều ấy vẫn nên tuân giữ. Đời nay luân thường hiếu đạo bị gác bỏ một bên, phép tắc giữ gìn trong kỳ tang chế còn đáng chi để luận bàn? Tuy nhiên, cũng nên nương theo lễ giáo xưa châm chước mà làm, đừng vội sửa đổi hoặc quá nê chấp. Cách dò thăm hơi nóng để nhận định thần thức thác sanh về cõi nào, thật đáng y cứ. Nhưng ta sợ những kẻ không biết, cứ mãi thăm dò, nên ý nói: *“người đủ tín nguyện, khi lâm chung chánh niệm rõ ràng, thì có thể vắng sanh, chẳng cần phải y theo một lệ, lấy sự lạnh nóng làm bằng cứ.”* Điều này cần nên để ý, vì nếu cứ rờ thăm hơi nóng, e phát động đến tâm luyến ái, giận hờn của người sắp chết, làm cho hỏng mất sự vắng sanh.

Những thuyết *“thai sanh, nghi thành”* trong Kinh Đại Bảo Tích, nơi pháp hội của đức Vô Lượng Thọ Như Lai nói, là chỉ cho người niệm Phật đọa vào lỗi hối hận, nghi ngờ. Đây chính là ước theo nghĩa bị ngăn che, cách ngại, mà lập tên *“thai sanh, nghi thành”*, vì bị ở trong hoa sen năm trăm năm không được thấy Phật nghe pháp, chớ đâu phải có sự thật? Sao lại cứ chấp chặt theo chữ mà giải nghĩa, cho rằng hạng người ấy không thuộc vào chín phẩm sen? Nên biết ở Tây phương không có thai sanh cũng không thành quách, đó là ước theo nghĩa: không được liền ra khỏi liên bào, bị cách ngăn với Phật, để thí dụ cho thai và thành thế

thôi? Bởi người chấp định danh từ nên mới cho là ngoài chín phẩm, nếu quả vậy thì bậc hạ trung cùng hạ hạ bị ngăn cách sáu kiếp và mười hai kiếp thai và thành lại càng dày đặc biết bao nhiêu? Mười hai kiếp kia còn thuộc về chín phẩm, huống nữa là chỉ có năm trăm năm đó ư? Sao người không xem tiếp tám chữ: “*Ở trong hoa sen không được xuất hiện...*” hoa sen ấy không liệt vào sen chín phẩm hay sao?

Phật pháp nghĩa rộng vô cùng, nếu chấp định thì không việc sanh việc, thành ra phí hết bút mực thôi. Đó đều bởi tự mình để chân vào trong thành nghi, thành ấy còn dày hơn ngục Thiết Vi nữa. Nếu hiểu biết rõ ràng, tự nhiên cõi đất lặn chìm, ngục Thiết Vi tiêu tan mất cả. Thầy Mạnh Tử nói: “*Dùng ý nghịch chí, đó gọi là được*”; chữ nghịch đây cũng là nghi thành. Nếu biết nghịch tức là ý nghĩa nghinh hiệp, thì nghi thành sẽ rã tan. Một hạng người vì cố chấp, nên tuy giảng nói, trọn ngày vẫn ở trong vòng mâu thuẫn. Đó là bởi căn bệnh chấp trước chưa tiêu, thành ra khó được sự lợi ích thiết thực.

36. Thơ Đáp Cư Sĩ Cừu Bội Khanh (1 - 2)

1. Sự nóng giận như thế là do tập tánh từ kiếp trước. Nay các hạ đã biết nó chỉ vô ích, lại thêm có hại, thì đối với tất cả việc trái ý đều nên dùng độ lượng rộng rãi như trời biển mà bao dung. Đó là phương pháp dùng lòng quảng đại để chuyển biến tánh hẹp hòi. Nếu không đối trị thì tập tánh giận hờn càng ngày càng tăng thêm, sự tai hại không phải ít.

Đến như niệm Phật, phải tùy nơi tinh thần sức khỏe của mình mà niệm ra tiếng lớn, nhỏ, niệm thầm, hoặc niệm theo lối Kim Cang (chỉ sẽ động môi, niệm có tiếng nhưng người ngoài không nghe được), sao lại quá dùng sức để cho mang bệnh ư? Tâm quá mãnh liệt ấy cũng còn lỗi dục tốc đó! Nay đã không niệm ra tiếng được, cũng có thể niệm thầm trong tâm, sao lại chỉ hạn có mười niệm? Vả lại, khi bệnh nằm nơi giường, tấm lòng đâu thể vắng lặng như hư không, nếu tưởng nghĩ việc khác, thôi thì tốt hơn là chí tâm niệm Phật! Nên đem việc cần yếu giao phó cho người nhà, thường tưởng rằng mình sắp chết, sắp đọa Địa ngục, trong lòng tuyệt không vướng vít một điều gì. Rồi dùng tâm thanh tịnh ấy tưởng nhớ tượng Phật, thầm niệm danh hiệu, và kiêm tưởng niệm Thánh tượng cùng danh hiệu đức Quán Âm. Quả được như thế, quyết định nghiệp chướng sẽ tiêu trừ, căn lành thêm lớn, tật bệnh mau thuyên và thân tâm yên ổn. Căn bệnh của các hạ vẫn thuộc về túc nghiệp, bởi duyên niệm Phật mãnh liệt nên phát hiện, không phải hoàn toàn do quá dùng sức mà có ra. Giả sử không gặp nhân duyên niệm Phật quá sức ấy, nó

cũng sẽ phát hiện bằng một nhân duyên khác. Giữa đời, người không niệm Phật rất nhiều, đâu phải tất cả đều không đau yếu, suốt đời mạnh khỏe đó ư? Hiểu rõ điều này, sẽ chẳng còn nhận lầm cho rằng niệm Phật thành bệnh, kết cuộc chỉ có tổn hại không được lợi ích.

Ấn Quang cùng các hạ chưa gặp mặt nhau lần nào mà có những lời thành thật chí thiết hôm nay vì xem các hạ như người thân thuộc. Bởi kẻ tu hành vẫn thể theo lòng từ bi của Phật, muốn cho người hữu duyên đều được vãng sanh ngay trong hiện đời. Pháp môn niệm Phật, nếu các hạ chưa tường tất, mỗi ngày nên xem qua vài thiên Văn Sao để làm sự dẫn đạo cho đường tu. Thế mới không uổng một phen tri ngộ nhau trong thơ từ qua lại.

2. Các hạ đã tin nơi tôi, nên làm y theo lời tôi mới có thật ích. Chẳng thế thì tuy có tín tâm, chỉ gieo nhân lành về sau mà thôi. Chúng ta ở trong vòng sống chết luân hồi trải qua nhiều kiếp, gây nên nghiệp ác vô lượng vô biên. Nếu chỉ nương sức tu trì của mình, mong dứt hết phiền não, hoặc nghiệp để thoát nẻo luân hồi, việc ấy còn khó hơn lên trời. Như có thể tin pháp môn Tịnh độ của đức Phật chỉ dạy, dùng lòng tín nguyện chơn thiết niệm danh hiệu Phật A Di Đà cầu sanh Tây phương, thì không luận nghiệp lực lớn, nhỏ, đều được nương nhờ từ lực vãng sanh Cực lạc. Ví như một hột cát nhỏ để vào nước liền chìm, trái lại, tảng đá dù nặng ngàn muôn cân, được chở trên chiếc thuyền to, cũng có thể đem đi nơi khác. Tảng đá là dụ cho nghiệp lực sâu nặng của chúng sanh, thuyền to là dụ cho từ lực rộng lớn của đức A Di Đà. Nếu không niệm Phật, chỉ nương sức tu trì của mình để thoát sanh tử, phải đợi đến địa vị nghiệp dứt tình không mới được. Chẳng thế thì dù có dứt được phiền hoặc chỉ còn như một sợi tơ, cũng không thể giải thoát. Đó là dụ cho hột cát tuy rất nhỏ, nếu không có vật gì chở, khi để vào nước tất phải bị chìm. Các hạ nên sanh lòng tin, niệm Phật cầu sanh về Tây phương đừng khởi những tư tưởng gì khác. Quả được như thế, thì tuổi thọ chưa hết bệnh sẽ mau lành, vì công đức chí thành niệm Phật, có thể dứt trừ ác nghiệp đời trước, như vàng hồng đã hiện, sương tuyết liền tan. Nếu số phần đã mãn, tất được vãng sanh, vì do tâm niệm chuyên nhất nên đạo cảm ứng giao thông, nhờ Phật xót thương tiếp dẫn. Như các hạ tin hiểu thấu đáo những lời trên đây, thì sống cũng được nhiều an vui, chết cũng được lợi ích lớn.

Lòng nóng giận là tập tánh từ kiếp trước, muốn đối trị, nên tưởng như mình đã chết. Thế thì mặc ai bồi hương thoa lọ, nơi ta nào có can gì? Dù gặp những cảnh trái lòng đến đâu nữa, cũng cứ tưởng rằng mình đã chết, tự nhiên tánh giận hờn không thể nổi lên. Đây là món “*cam lồ pháp thủy*” của đức Như Lai truyền

dạy, để rửa hết kết nghiệp của tất cả chúng sanh. Nay tôi vì các hạ thuật lại, không phải tự tôi đặt điều ức thuyết. Nếu không niệm Phật cầu về Tây phương, tuy sanh lên chỗ cực tôn quý như trời Phi Phi Tướng, khi phước báo đã hết, vẫn bị luân chuyển trong sáu đường. Như dùng hết lòng thành khẩn niệm Phật, dù sắp đọa vào Địa ngục A tỳ, cũng có thể nhờ Phật tiếp dẫn. Vậy muôn lần xin chớ tự coi là thấp kém, cho rằng mình nghiệp nặng e không được vãng sanh. Nếu cố giữ quan niệm ấy thì quyết định chẳng được sanh Tây phương, vì bởi thiếu sự tín nguyện chơn thiết nên không do đâu để cảm đến Phật.

Quán Thế Âm Bồ tát thành Phật đã từ lâu, chỉ vì lòng từ bi sâu thiết nên hiện thân trong chín pháp giới, dùng đủ phương tiện để độ thoát chúng sanh. (Chín pháp giới: Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn, Trời, Người, A tu la, Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục). Riêng về pháp giới cõi người, Bồ tát lại hiện nhiều thân sai khác, hoặc làm vua, quan, hoặc làm thường dân ẩn dật, hoặc làm phụ nữ, hoặc làm kẻ ăn xin... không nhất định. Vị chân tượng của Bồ tát tốt đẹp nhiệm màu, người đời không thể hình dung được, nên khi vẽ ra phần nhiều giống với người nữ, chớ chẳng phải Bồ tát nguyên là nữ thân. Nếu muốn cúng dường, nên đến đường Bắc Kinh, xóm Trường Khang, chỗ lưu thông Kinh Phật, thỉnh bức tượng Tây phương Tam Thánh thứ bản đá, mua khung kính đem lồng vào. Như thế là vẹn toàn, vì có đủ đức Phật A Di Đà, Quán Âm và Thế Chí. Nơi phòng ngủ nếu không được tinh khiết, nên đem tượng Phật thờ ở tịnh thất, mỗi ngày qua lạy và chiêm ngưỡng một đôi lần, thì trong tâm có thể ghi nhớ!

Niệm Phật tuy quý ở sự thanh khiết, nhưng với người bệnh có nhiều điều không thuận tiện, chỉ đem hết lòng thành niệm thầm hoặc ra tiếng, công đức cũng đồng nhau. Vì đức Phật vẫn rộng lòng thương xót, như cha mẹ đối với con. Khi con có bệnh không đem những nghi thức bình thường quở trách, mà còn xoa揉 thân thể gọi rửa chỗ hôi nhơ. Nếu khi con bệnh đã mạnh, mà còn bắt cha mẹ hầu hạ như khi đau yếu, đó là trái phép, trời đất sẽ không dung. Vậy các hạ không nên cho rằng nằm nơi giường bệnh niệm Phật thậm là có tội lỗi. Người mạnh khỏe khi nằm nghỉ còn nên niệm thầm, huống chi là người bệnh ư?

37. Thơ Khuyên Dạy Một Vị Tỷ Kheo Ni

Đêm ngày thấm thoát, mùa tiết đổi dời, thời gian chuyển biến âm thầm, không giây phút nào dừng nghỉ! Có phải tạo vật hiện ra tướng lưới rộng dài, diễn nói pháp màu, cho chúng sanh nhận thấy kiếp người vô thường, vinh hoa giả tạm, mau tìm đường giải thoát để khỏi bị trầm luân đó ư? Người đã chán mùi phú quý,

tim học đạo mau, phải gắng sức chuyên tu, chớ nên lần lữa qua ngày, vì mạng người chỉ mong manh trong hơi thở. Nên xét tự thân tuy là ngũ chướng, song tâm tánh vẫn đủ ba đức Niết bàn, mà cố rửa sạch tập tánh người nữ và chuyên trì Thánh hiệu đức A Di Đà. Thường tưởng nghĩ cõi Ta bà rất nên nhớ ác, miền Cực lạc chính là chốn gia hương, chớ mong phước báo hiện tại hoặc đời sau, chỉ nguyện khi mạng chung được về Cực lạc. Nếu sớm chiều tha thiết, mỗi niệm không rời, niệm đến công sức thuần thực, tự nhiên đạo cảm ứng thông nhau, khi lâm chung chắc sẽ được toại nguyện. Lúc đã về Tịnh độ, tỏ ngộ lý Vô sanh rồi, nhìn lại cõi Ta bà, thấy sự vinh hiển giàu sang chẳng khác nào ánh nắng, hoa không và ngục tù, biển độc! Nhưng muốn đạt chí nguyện, điều cần yếu là trước phải dứt trừ tập nhiễm mới dễ thành tựu sự vắng sanh. Kinh Phật thường nói: *“Người giàu sang khó học đạo, người nữ cũng khó học đạo.”* Bởi người giàu sang phần nhiều hay quen tánh kiêu mạn, xa xỉ, ít chịu nhún nhường để xét sửa mình và tiếp đãi người. Như thế, đâu dễ dứt mối âu lo, xóa tan trần niệm, để cõi lòng vắng mà cầu đạo ư? Người nữ thì ưa sửa soạn dung nghi, thường đem lòng đố kỵ, đâu biết rằng dù cho hương trời sắc nước, vẫn là túi phấn đầy nhớ; đã luyến huyễn hình, làm sao ngộ đạo? Đức Như Lai vì trị những chứng bệnh ấy, chỉ dạy phép quán Tứ Niệm Xứ, quán thân không sạch, thọ là khổ, tâm vô thường và pháp vô ngã. Nếu thành tựu phép quán này, thì lòng tập nhiễm luyến sắc thân, cậy quyền thế, sẽ tiêu diệt như điểm tuyết giữa lò hồng.

Người dẫu là người nữ dòng trâm anh đi xuất gia, cần phải trừ sạch tập tánh kiêu xa, trang điểm, khiến cho không còn mảy may nào, về sau mới có phần thoát khổ. Hiện nay chánh pháp suy yếu, ma ngoại tung hoành, khó gặp được Thầy hay bạn tốt, phải tìm Thầy bạn trong gương mẫu của người xưa. Nên đọc kỹ những quyển: Tỳ Kheo Ni Truyện, Thiện Nữ Nhon Truyện, Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, mới tìm được những tấm gương sáng, không còn sợ lạc vào đường tà. Gần đây tăng ni ít bậc thanh tu, phần nhiều là kẻ không đúng phép, chẳng nên lạm thâm đồ chúng, để tránh sự hư rồi trong đạo Phật. Lại giữ mình theo thanh quy, gắng sức tu Tịnh nghiệp, làm sao cho khi sống thành người khuôn mẫu, lúc thác dự hội Liên Trì. Như thế mới không phụ chí vượt ra hầm lửa muôn tầm, mới chẳng uổng làm con của Phật.

Phải cương quyết cố gắng, chớ quên lời ta!

38. Thơ Đáp Cư Sĩ Phạm Cổ Nông

Trung âm tức là thần thức, chứ không phải thần thức hóa làm trung âm thân. Đây chính là linh hồn mà người thế tục đã thường gọi. Cái thuyết trung âm thân bảy ngày sống chết một lần và qua bốn mươi chín ngày phải đi đầu thai, không nên nê chấp. Nói trung âm thân sống chết là chỉ cho trong tâm vô minh của kẻ kia hiện ra tướng sanh diệt, đừng nên quá quê thật, luận theo trạng thái sống chết của người đời.

Sự thọ sanh của thân trung âm nơi sáu đường ba cõi, mau thì chừng trong khoảng khảy ngón tay, lâu hoặc bốn mươi chín ngày hay nhiều hơn không nhất định. Những vong mới chết có thể hiện thân trước người quen thuộc, hoặc cùng tiếp xúc nói chuyện trong ban ngày hay ban đêm. Không phải chỉ riêng trung âm thân mới được như thế, mà người đã sanh về cõi dữ, lành, đôi khi cũng có thể hiện hình cho bà con quen thuộc thấy. Đây tuy là ý niệm của người ấy hiện ra, song kỳ thật cơ quyền biến do tạo hóa thần kỳ sắp đặt, để tỏ cho đời biết: người chết hồn chẳng tan mất và quả báo lành dữ vẫn không sai. Nếu chẳng thế thì kẻ dương gian không thể biết được việc âm ty, rồi do đó những tà luận mù quáng phụ họa nổi lên, bảo rằng chết là mất, không có nhân quả, đời sau, khiến cho người lành không gắng công tu đức, kẻ ác lại càng hung hiểm tung hoành. Thế thì dù có lời Phật dạy, lấy đâu để chứng minh, và ai chịu tin nhận? Cho nên các sự hiện hình ấy đã chứng cho lời Phật không sai, nhân quả có thật, người lành thấy thế càng làm lành, mà kẻ dữ cũng bị tình lý đó chiết phục, không đến nỗi mười phần quyết liệt. Trời đất quỷ thần muốn cho người đời biết rõ việc ấy; nên mới có những sự người chết hiện hình nơi dương gian, kẻ dương gian xử đoán hình phạt dưới âm phủ, để phụ dục Phật pháp và giúp đạo trị an. Lúc này rất nhiệm mầu và sự quan hệ cũng rất lớn. Những việc như thế, xưa nay sách vở chép cũng nhiều, song đều chưa nói rõ cơ quyền biến ấy do từ đâu, và có những gì quan hệ lợi ích?

Linh hồn tuy lìa xác thân, nhưng vẫn còn có tình chấp về xác thân y như cũ. Đã có tình chấp ấy, tất phải cần dùng đến sự ăn mặc để tư dưỡng. Sở dĩ như thế, vì phàm phu nghiệp chướng sâu nặng, chẳng biết ngũ uẩn vốn không, nên vẫn cùng người đời không khác. Nếu là bậc đại trí huệ, thì liền thoát thế không còn nương tựa vào đâu, các sự khổ tiêu diệt, ngũ uẩn rỗng không, muôn đức trọn bày, chơn thân hiển lộ. Cảnh giới của thân trung âm dị đồng không nhất định, nên sự thọ hưởng đều tùy theo tình chấp của mỗi người. Như việc đốt giấy áo, đối với người sống duy có quan niệm cấp cho áo, còn sự rộng hẹp vấn dài, đâu có thể mỗi mỗi đều phù hợp. Nhưng do nơi tình chấp của người sống và kẻ chết, nên những quần

áo ấy vẫn vừa vặn như thường. Điều này có thể chỉ cho ta biết đại nghĩa: *“Tất cả các pháp đều do tâm chuyển biến.”*

Người chết rồi, khi còn chưa thọ sanh trong sáu đường gọi là trung ấm thân. Nếu thọ sanh thì chẳng còn là trung ấm thân, và sự dựa vào người mà nói việc khổ vui, đều là tác dụng của thần thức. Sự đầu thai tất do thần thức cùng tinh huyết cha mẹ hòa hợp, nên lúc người đàn bà có mang, thì thần thức đã có trong thai. Nhưng tại sao đôi khi người mẹ chuyển bụng, thấy có kẻ đi vào nhà rồi mới sanh? Đây là trường hợp lúc cha mẹ giao cấu, có linh hồn khác đến thay thế để thọ thai, đến khi cái thai đã thành, vong chánh mới đến, vong thay thế liền đi. Trong bộ *“Dục Hải Hồi Cuồng”* quyển thứ ba, trang 8, 9, 10, 11, 12 cũng có nghi vấn này mà nguyên đáp không đúng lý; tôi xin vì cải chánh, sau các hạ nên tìm tra lại sẽ rõ. Nguyên đáp trong ấy đưa ra tỷ dụ như vậy: *“Ví như trứng gà, có trứng có trống, có trứng không trống...”* Không khi nào thần thức vào thai mà giống như trứng gà không trống. Bởi trứng không trống là trứng hư, không thể nở ra con, còn trường hợp trên, người mẹ vẫn sanh con như thường. Nay tôi lấy lý để biện minh, không sợ mang lỗi tiếm việt, nên vì các hạ trình bày. Thuở xưa, bà mẹ của ông Viên Trạch mang thai ba năm, có lẽ cũng thuộc về tình trạng thay thế đã nói trên. Nhưng đây là ước theo lời thông thường mà luận, phải biết nghiệp lực của chúng sanh không thể nghĩ bàn! Như người tu Tịnh nghiệp đã thành, thân tuy chưa chết mà thần thức đã hiện nơi Tịnh độ. Và kẻ nghiệp ác nặng, thân còn nằm trên giường bệnh mà linh hồn đã chịu hình phạt dưới cõi u minh. Thế thì mạng tuy chưa dứt, thần thức đã đầu thai, đợi đến khi sắp sanh, toàn phần tâm thức mới phụ vào thai thể, lý này chẳng phải là không có, nhưng thông thường, sự thay thế thọ thai vẫn nhiều hơn.

Trong ba cõi, các pháp đều duy tâm hiện. Chúng sanh tuy mê chẳng biết, nhưng chính chỗ nghiệp lực không thể nghĩ bàn ấy, là chỗ tâm lực không thể nghĩ bàn, mà cũng là chỗ thần thông đạo lực của chư Phật không thể nghĩ bàn vậy. Ấn Quang tôi, hơn mười năm gần đây, vì sức mắt yếu không xem nhiều được, nên không thể rộng dẫn kinh luận để chứng minh. Tuy nhiên, lý ấy vẫn chân thật, chẳng phải tôi dám đưa ra điều ước kiến, để rước lấy sự tội khiên. Sống chết là việc lớn của chúng sanh, nhân quả là đại quyền trong cơ giáo hóa. Mong rằng các hạ không tiếc lời văn quảng trường thiệt, một phen đem việc nhân quả báo ứng giúp cho mọi người đều chuyển phiền não sanh tử thành Bồ đề Niết bàn. Như thế pháp môn cùng chúng sanh xiết bao hân hạnh!!

39. Thơ Khuyên Người Mới Phát Tâm Học Phật

1. Tôi thường nói: Muốn được sự thật ích của Phật pháp, phải tìm nơi lòng kính sợ. Có một phần cung kính, tiêu một phần tội nghiệp, thêm một phần phước huệ. Có mười phần cung kính, tiêu mười phần tội nghiệp, thêm mười phần phước huệ. Nếu không may may cung kính, thì sự tụng kinh niệm Phật tuy chẳng phải hoàn toàn không lợi ích, nhưng do tội khinh lờn ấy, trước phải bị nhiều kiếp đọa vào tam đồ. Đến khi tội hết, mới nương thân nơi nhân lành ấy, lại được nghe pháp tu hành, ăn chay niệm Phật, cầu về Tây phương để thoát đường sanh tử? Nếu hiện đời này hết lòng thành kính, thì hiện đời có thể nương sức từ của Phật đối nghiệp vãng sanh. Và một phen được vãng sanh, thì vượt phàm vào Thánh, thoát khỏi luân hồi, hằng xa lìa các sự khổ, chỉ thuần hưởng những điều vui.

2. Con người tu phước và tạo nghiệp, tóm lại chẳng qua ba nghiệp sáu căn. Sáu căn là: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Năm căn trước thuộc về thân nghiệp, một ý căn sau thuộc về tâm, tức là ý nghiệp. Ba nghiệp là nghiệp thân, khẩu, và ý.

Thân nghiệp có ba: sát sanh, trộm cắp, tà dâm. Ba việc này tội rất nặng, người học Phật phải đề tâm gìn giữ. Về phần sát sanh: phàm là động vật, tất đều biết tham sống sợ chết, ta không nên giết hại, nếu giết mà ăn thịt thì sẽ kết thành nghiệp sát, đời sau phải bị nó giết lại. Vậy người Phật tử nên ăn chay và yêu tiếc sanh mạng. Về phần trộm cắp: chẳng luận vật lớn nhỏ của người khác, ta không nên lấy khi người không cho. Trộm vật nhỏ thì mất nhân cách mình, trộm vật lớn thì hại thân mạng người. Trộm đồ vật người xem dường như có lợi, nhưng thật ra chính mình bị giảm phước thọ, có khi mất tánh mạng, so với của trộm được, sự tổn thất lại càng nhiều hơn bội phần. Nếu dùng mưu kế lấy, hoặc dùng thế lực ép bức lấy, hay thàm lén mà lấy, đều thuộc về trộm cắp. Người trộm cắp, tất sanh con lưu đãng, trái lại kẻ liêm khiết thì sanh con hiền lương, đây là nhân quả nhất định theo lý thiên nhiên vậy. Về phần tà dâm: nếu chẳng phải thê thiếp của mình, thì không luận kẻ sang hèn, đều không được cùng nhau làm điều tà dâm. Tà dâm là việc trái ngược luân luân, chính là đem thân người mà làm hạnh Súc sanh, hiện đời đã như thế, kiếp sau khó khỏi đọa vào súc loại. Người đời cho việc con gái lang chạ là điều sỉ hũ, nhưng đâu nghĩ rằng con trai tà dâm nào có khác chi? Kẻ tà dâm tất sanh con không trinh khiết, có ai lại muốn cho con cái mình không trinh khiết ư? Ấy cũng bởi chính mình trước đã làm việc đó, con cái thọ bẩm khí chất của mình, quyết khó được trinh chánh. Lại nữa, chẳng những không được dâm theo ngoại sắc, mà vợ chồng chung chạ với nhau cũng phải có hạn chế; nếu chẳng thế thì con người dễ bị suy tàn hoặc phải chết non. Kẻ tham việc phòng thất rất khó sanh con,

dù sanh cũng khó nên người, và dù cho được nên người cũng là kẻ yếu đuối không thành tựu việc chi. Tình đời cho hành dâm là vui, đâu biết vui trong giây phút, khổ đến trọn đời, có khi còn di hại cho con cháu nữa! Ba điều trên đây không làm thì thân nghiệp lành, làm thì thân nghiệp ác.

Khẩu nghiệp có bốn: nói dối, nói trau chuốt, nói đôi chiều, nói hung ác. Nói dối là nói lời không thành thật, lời đã không thành thật thì tâm cũng không thành thật, do đó nhân cách bị tổn thất rất nhiều. Nói trau chuốt là nói lời phù phiếm hoa tình, khiến cho người sanh ra tâm niệm dâm dăng. Những thanh thiếu niên còn non dại nghe lời ấy lâu, nếu không tà dâm cho mất nhân cách, thì cũng làm việc thủ dâm để hại sắc thân. Kẻ nói lời có hại cho người như thế, dù không tà dâm cũng phải bị đọa vào đại Địa ngục, từ trong Địa ngục ra, hoặc làm giống cái trong loài súc vật. Nếu sanh trong loài người, sẽ làm hạng gái lầu xanh, ban sơ còn tuổi trẻ sắc đẹp cũng chưa mấy khổ, lần lần nọc độc phong tình phát ra, sự khổ sở sẽ không cùng. Đã có miệng khéo nói năng, sao chẳng vì người chỉ đường hạnh phúc, lại thốt chi những lời tà vạy trau chuốt để gây họa cho chính mình và kẻ khác ư? Nói đôi chiều là nói khiêu khích thọc mách sự phải quấy của đôi bên, nhỏ thì làm lạc người, lớn thì hư nhà hại nước. Nói hung ác là nói lời ác độc như gươm đao, khiến cho người khó nhẫn chịu sanh ra buồn khổ. Bốn điều này không làm thì khẩu nghiệp lành, làm thì khẩu nghiệp ác.

Ý nghiệp có ba: tham dục, giận hờn và ngu si. Tham dục là đối với tiền tài, ruộng đất, đồ vật v.v... đều muốn cho về nơi mình, dù được nhiều vẫn còn thấy ít. Giận hờn là: không luận mình phải hay quấy, nếu có ai không thuận theo bốn ý, liền phát sanh giận dữ, dù kẻ khác dùng lẽ phải khuyên bảo cũng chẳng nghe theo. Ngu si là chẳng phải tuyệt nhiên không biết việc chi. Chính như kẻ đọc hết sách thế gian, văn từ qua mắt liền thông thuộc, miệng mở thành thi bài, mà không tin lý nhân quả ba đời cùng sự luân hồi sáu nẻo, cho rằng người chết thì mất, không có đời sau v.v... đều gọi là ngu si. Những sự hiểu biết như thế làm cho hư nước hại dân còn quá hơn nạn nước lụt, thú dữ. Ba điều này không làm thì ý nghiệp lành, làm thì ý nghiệp ác. Người ba nghiệp thân, khẩu, ý đều lành, khi tụng kinh niệm Phật, công đức lớn hơn kẻ ba nghiệp ác gấp trăm ngàn lần.

3. Người học Phật cần phải giữ lòng tốt, nói lời tốt và làm việc tốt. Giữ lòng tốt là không nên khởi những tâm niệm ác, trái chánh lý, có hại cho mình và người. Nếu tâm niệm ấy thoát nổi lên, phải lập tức sanh lòng hổ thẹn sám hối, khiến cho nó liền tiêu diệt. Lại phải giữ gìn những tâm niệm: hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si, có lợi vật lợi người. Đối với điều lành, sức mình có thể làm

được việc chi, nên thiết thật mà làm; nếu không làm được thì cũng nên thường tâm niệm. Nói lời tốt là nói lời có ích cho người và vật, chớ không phải nói xu phụ cốt để cho người vui vẻ vừa lòng là lời tốt đâu. Đây chính là nói những lời răn dạy con cái, khuyên người làm lành, lánh dữ, giữ trọn nhơn luân, gắng tu phước huệ. Làm việc tốt là phải thật hành việc hiếu thảo cha mẹ, cung kính sư trưởng, hòa thuận anh em, khuyến hóa mọi người. Và với những việc lễ sám, niệm Phật, tụng kinh, thân tâm phải chí thành cung kính.

4. Người học Phật, ban đêm không nên ở trần, mặc quần đùi mà ngủ. Vì một Phật tử lúc nào cũng phải gìn lòng như đối trước Phật. Đến bữa cơm không nên ăn quá độ, thức ăn dù ngon, hạp miệng cũng chỉ nên ăn tám chín phần mà thôi. Nếu ăn đủ mười phần thì kẻ khác bị thiếu, mà tạng phủ mình cũng thọ thương. Phước đức của phàm phu đâu có bao nhiêu, nếu thường ăn như thế, thọ lộc phải giảm. Và lại khi ăn quá nhiều, thân tâm mờ mịt, nếu thực phẩm không tiêu, tất ra hơi dưới. Việc này rất không thanh nhã, tội lỗi rất to. Như sự đốt hương ở điện Phật chẳng qua là để tiêu biểu lòng cung kính, xét lại mùi thơm đâu có bao nhiêu? Nếu ăn quá no để cho ra hơi dưới... mùi hôi thúi xông đến Tam bảo, thì đời sau tất phải bị quả báo làm loài dòi. Vậy muốn tránh lỗi ấy, tốt hơn là nên ăn cho có điều độ. Thẳng như bao tử yếu bị chứng hàn, món ăn khó tiêu, cảm thấy muốn ra hơi dưới, thì nên bước ra ngoài, đến chỗ trống cho ra, đợi khi hơi tan lại đi vào trong. Nếu có việc không ra ngoài được, thì phải dùng sức nén lại, giây phút hơi sẽ tiêu tan ở trong bụng. Có kẻ cho rằng làm như thế e sanh ra bệnh, lời này không nên nghe theo, vì nếu giữ một chút vệ sinh không đáng vào đâu mà để cho ra hơi dưới nơi điện Phật, nhà Tăng, thì khổ báo của tội lỗi còn nặng gấp hơn muôn phần. Trong giới luật của Phật chế, chưa nói đến việc này, có lẽ người xưa thân thể mạnh khỏe, không tham ăn, chẳng có điều bất nhã ấy, nên Phật chưa nói, nếu như có, tất Phật đã nói ra rồi! Vậy chớ cho rằng Phật không chế giới ngăn cấm điều ấy, mà tùy ý cho ra hơi dưới. Làm như thế là tự rước lấy sự đọa lạc, chừng ấy Phật muốn cứu độ cũng không biết làm sao? Thuở xưa đức Khổng Tử lấy tư cách bậc Thánh nhân đến châu vị quốc quân phàm phu, khi còn ở dưới thềm sắp muốn bước vào triều, đã nén nhẹ hơi thở, hướng chỉ lúc đối trước mặt vua? Cho nên, sách Luận Ngữ nói: *“So vật áo bước lên đền, thân mình cúi xuống, nhẹ hơi dường như không thở.”* Chúng ta là phàm phu đầy nghiệp lực, đang lúc ở nơi điện Phật, một đáng trời trong hàng trời, Thánh trong hàng Thánh, là chỗ Tam bảo đầy đủ mà không để tâm thúc liễm, mặc ý cho ra hơi hôi thúi nơi dưới, tội lỗi ấy lớn biết chừng bao? Xin chớ cho rằng tôi nói ra đây việc không thanh nhã, tôi chẳng ngại gì mang tiếng

không thanh nhã, chỉ sợ cho những kẻ thô suất làm gây ra nhân họa lạc làm loài dòi tửa đó thôi.

5. Người học Phật, sớm mai thức dậy và sau khi đại tiểu tiện đều phải rửa tay. Khi dùng tay gãi nơi thân, chà dưới chân cùng rờ các chỗ không sạch khác, đều cũng phải rửa. Dù tháng nóng nực, cũng không nên tự do mở nút áo để phơi ngực hoặc vén quần bày bắp vế. Tùy tiện khạc đàm hỉ mũi là một việc rất tổn phước. Chẳng những ở trong Phật điện, Tăng đường, không được hỉ nhổ, mà bên ngoài điện đường chỗ đất sạch sẽ cũng không nên làm việc ấy, vì nơi đất sạch mà bị khạc nhổ, thì liền hiện ra tướng dơ. Có người thô tháo không kiêng dè, cứ hỉ nhổ bừa trong phòng, trên đất, nơi tường, thành ra trong nhà chỗ nào cũng có đàm dãi. Kẻ ấy cho rằng khạc đàm là được thông trệ và bỏ chất nhơ ra ngoài, nhưng không dè mỗi ngày thường nhổ như thế thì bao nhiêu tinh hoa của chất ăn uống đều biến thành đàm, nhiều ngày sẽ sanh ra bệnh. Trong thân người có gì tinh sạch, tốt hơn là nên nuốt đi, lâu ngày sẽ không còn đàm nữa. Đây là phương pháp dùng đàm trừ đàm rất thần diệu. Nếu không nuốt được thì nên nhổ vào khăn tay, phải hành động cho khéo đừng để người thấy. Nhưng việc này cũng nhọc công và không sạch, chẳng bằng nuốt đi, đã không nhọc nhằn lại không bày ra sự nhơ nhớp; hơn nữa còn dứt được bệnh đàm. Vài điều trên đây, dường như không đáng nói, có kẻ lại cho rằng nhỏ nhặt không mấy để tâm. Nhưng người học Phật phải giữ tư cách lễ nghi và biết sợ tội, nếu chẳng thế thì thành ra kẻ thô tháo sỗ sàng, hiện đời phước giảm tội thêm, kiếp sau phải bị họa lạc.

6. Người học Phật, một cử động đều phải lưu tâm. Trong khi niệm Phật, cần phải chí thành, nếu có lúc thấy nơi lòng sanh ra bi cảm đó là tướng căn lành phát hiện. Tuy nhiên, cũng cần phải dè dặt, đừng để cho nguồn bi cảm thường thường phát lộ, nếu chẳng thế, tất sẽ bị loài ma bi thương nhập vào. Phàm có việc chi vừa ý cũng không nên quá vui mừng, vui mừng quá độ sẽ bị loài ma hoan hỷ ám nhập. Khi niệm Phật, mí mắt phải sụp xuống và không nên quá dùng tinh thần khiến cho tâm hỏa bùng lên. Những lúc cảm thấy trên đỉnh đầu tê rần ngứa nhúc, đó là hiện tượng dùng tinh thần chuyên chú nhiều, cần phải điều độ cho vừa chừng. Khi niệm ra tiếng, không nên dùng sức lắm, phải ngừa sự mang bệnh. Lăn chuỗi mà niệm có thể trừ chứng biếng trễ, nhưng khi ngồi yên không nên lăn, lăn thì tay động tâm thần mỗi nhọc không an, lâu ngày tất mang bệnh.

7. Người học Phật, khi xem kinh luận và các sách vở, chẳng nên quá vội vàng, vội vàng thì tâm thần rối loạn không yên, rất khó hiểu được ý thú. Đời nay, nhiều người có đôi chút thông minh, khi được một bộ kinh sách liền quên ăn bỏ

ngủ, xem một lần cho hết. Qua đến lần thứ hai thì không còn hứng thú xem nữa, dù có xem cũng như trạng thái phờ phạc mất thần. Hạng người này khó làm thành tựu việc chi, vậy phải gắng răn giữ. Ông Tô Đông Pha nói: “Sách xưa chẳng chán trăm lần đọc. Đọc kỹ suy cùng ý vị sâu!” Đức Khổng Tử là bậc Thánh nhân, mà còn đọc Kinh Dịch nhiều phen, đến nỗi dây sách ba lần mòn đứt. Tư chất như Ngài, văn từ qua mắt liền thông thuộc, tại sao lại cần phải xem văn mà đọc? Nên biết xem văn có chỗ rất hay, bởi đọc thuộc lòng phần nhiều là sự làu thông ngoài miệng, xem văn thì dễ biết ý thú mỗi chữ mỗi câu. Vậy chúng ta lấy đó làm gương, đừng một mặt ưa đọc thuộc lòng để tỏ ra mình là người thông minh nhớ giỏi...

40. Thơ Đáp Cư Sĩ Châu Tụng Nghiêu (Phụ Nguyên Thơ)

Nay đệ tử có một nghi vấn, cầu xin lão Pháp sư từ bi chỉ bảo:

Đệ tử ăn chay niệm Phật đã nhiều năm, nghe dạy rằng: Những người tin tưởng Phật, sẽ được chư Phật trong mười phương ba đời hộ niệm, các vị Thiên Long Bát Bộ, Đại Lực Thần Vương thường theo hộ trì, nghiệp ác đời trước lần lần tiêu trừ, dù có oan gia đối đầu cũng không thể làm hại. Mấy điều trên đây căn cứ trong Kinh Phật, quyết không phải là lời nói suông. Nhưng vào khoảng tháng ba này, nhân tiếp được tin tức của người bà con từ Thượng Hải gửi về, khiến đệ tử vô cùng ngạc nhiên! Theo tin ấy cho biết: Bà Trương Thái Thái là người rất tin Phật, ăn chay đã hơn hai mươi năm, thường đến Cư Sĩ Lâm nghe giảng kinh pháp. Bà ấy hiền hậu nhân đức, ưa làm lành, gặp ai cũng đều khuyên ăn chay niệm Phật. Không ngờ một hôm đang đi trên lộ để đem đồ ăn chay cho một vị sư huynh, bà bị xe cán chết. Lúc ấy vì không có ai nhìn, nên nhân viên tuần phòng chở đi, đến ba ngày sau con cháu hay được mới xin đem về chôn cất. Đệ tử nghe tin ấy trong lòng kinh ngạc phi thường, đến nay vẫn còn nghi ngờ chưa hiểu. Việc này nếu người trong Phật học hội nghe được, chắc cũng bàng hoàng không an. Cho nên đệ tử dâng lên bức thơ này, cầu xin lão Pháp sư chỉ dạy, nói rõ nguyên do vì sao bà họ Trương lại bị cái chết thảm khốc như thế. Và kết cuộc, bà có được vãng sanh về Tây phương hay chăng?

Xin lão Pháp sư mở lời minh huấn để cho nhiều người yên tâm niệm Phật. Ân đức ấy đệ tử cảm bội không cùng!

Tiếp được thơ, biết người đối với đạo lý Phật pháp còn chưa hiểu rõ. Chúng ta từ vô thủy đến nay, đã tạo nghiệp ác vô lượng vô biên! Kinh Hoa Nghiêm

nói: “*Giả sử nghiệp ác có thể tướng, mười phương hư không chẳng dung chứa hết.*” Nên biết sự tu trì của hành nhơn, nếu quả chí thành không dối, thì có thể chuyển trọng báo, hậu báo thành hiện báo, khinh báo. Người phạm mất thịt chỉ thấy sự kiết hung trước mắt, đâu biết được việc nhân quả đời trước và đời sau.

Bà họ Trương ấy nhiều năm tinh tu, một sớm chết thảm, hoặc giả do sự khổ đó mà tiêu được ác báo tam đồ, sanh về cõi Thiên. Nếu trong hiện đời bà tin sâu nguyện thiết thì cũng có thể sanh về Tây phương. Nhưng chúng ta đã không có tha tâm đạo nhĩn, nên không dám ước đoán quyết chắc bà có được vãng sanh cùng chăng? Việc có thể quyết định là: làm lành tất được quả lành, làm dữ phải mang ác báo. Nếu làm lành mà bị quả dữ, đó là quả báo của nghiệp ác đời trước, chẳng phải quả báo của nghiệp lành đời này. Các người thấy bà lão bị sự chết khổ như thế, liền nghĩ lầm rằng việc lành không đáng làm, bởi làm lành không được phước, nên mới sợ hãi nghi ngờ. Sự nhận thức đó đâu có khác gì người chưa nghe hiểu Phật pháp? Nếu người đã tin chắc lời của Phật, quyết không vì việc ấy mà lộ ra vẻ sững sốt kinh hoàng. Bởi việc nhân quả trùng điệp không cùng, có khi nhân này chưa trả, quả nọ đã chín mùi, ví như gieo giống sớm thì gặt sớm, lại như thiếu nợ, chủ nợ mạnh lời kéo trước tiên.

Thuở xưa, có người một đời làm lành, khi lâm chung lại bị chết thảm đê trả xong nghiệp trước, đời sau lại được phú quý vinh hoa. Như đời Tống một vị Tăng ở chùa A Dục Vương muốn trùng tu tòa điện tháp thờ Xá Lợi nghĩ rằng Cần Thân Vương có thể lực, mới đến quyên mộ. Chẳng dè kết quả số tiền quyên không được bao nhiêu, bản nguyện không thành, vị Tăng buồn bã, lấy búa chặt tay trước đền Xá Lợi, máu ra nhiều liền chết. Cùng trong lúc ấy, Cần Thân Vương sanh ra một đứa con. Từ khi mới lọt lòng, đứa bé thường khóc mãi không thôi. Bà vú bế nó đi chơi, đến chỗ treo bản đồ xây tháp Xá Lợi thì đứa bé không khóc, bỗng đi lại khóc to lên. Bà vú không biết làm sao, mới gỡ bản đồ xuống thường cầm để trước mặt nó, từ đó đứa bé không khóc nữa. Vương nghe chuyện ấy lấy làm lạ liền sai người đến chùa A Dục hỏi thăm vị Tăng khi trước, mới hay ông chặt tay chết đúng vào ngày sanh của con mình. Do nhân duyên đó, Thân Vương một mình đứng ra sửa lại điện Xá Lợi. Đến khi đứa bé ấy được hai mươi tuổi, nhằm lúc vua Ninh Tông băng, không có Thái tử kế vị, mới di chiếu lập con của Cần Thân Vương lên làm vua. Cậu bé về sau được làm Hoàng Đế bốn mươi một năm, tức là vua Lý Tông nhà Tống vậy.

Cái chết của vị Tăng cũng là cái chết thảm. Nếu không có sự khóc mãi chẳng thôi và khi thấy bản đồ tháp Xá Lợi liền nín lặng, thì đâu ai biết được đứa bé

là thân sau của vị Tăng đã chết thăm kia? Việc này chép ở tập A Dục Vương Sơn Chí, mà trong năm Quang Tự thứ hai mươi mốt, tôi nhân đi lễ tháp Xá Lợi vài mươi ngày, đã được xem qua. Người rõ lý mặc dù cảnh ngộ thế nào, cũng quyết không nghi nhân quả sai lầm, lời Phật hư dối. Kẻ không rõ lý, chấp chặt một khuôn khổ, chẳng biết có nhân quả phức tạp, cho nên sanh lòng nghi nan, truy ra đều do không có chánh kiến. Như chỗ người nói: người niệm Phật có Tam bảo gia bị, long thiên hộ trì, đó vẫn là lẽ nhất định không còn sai lầm. Nhưng đối với việc chuyển quả báo nặng đời sau thành quả báo nhẹ đời này, người còn chưa rõ biết, nên không khỏi có sự nghi ngờ bàn bạc không hợp lý kia. Thuở xưa, ở Tây Vực, Giới Hiền Luận Sư là bậc đạo đức cao trong một thời, tiếng đồn vang khắp bốn xứ Thiên Trúc. Do vì tức nghiệp, Luận Sư mang chứng bệnh dữ, đau đớn vô cùng, chịu không kham, nên sắp muốn tự tận. Vừa trong đêm ấy, Luận Sư nằm mơ thấy ba vị Bồ tát: Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Thế Âm giảng lâm bảo rằng: *“Người trong kiếp về trước, nhiều đời làm vị quốc vương, bởi nỡ hại chúng sanh, nên sẽ phải bị lâu dài đọa vào ác đạo. Nhưng do đời nay người có công hoằng dương Phật pháp nên chuyển lại chịu sự khổ nhỏ ở nhân gian để tiêu trừ sự khổ lớn nhiều kiếp nơi Địa ngục. Vậy người gắng nhẫn chịu, chớ nên buồn rầu mà tính việc chi khác. Trong ba năm nữa, ở xứ Đại Đường có vị Tăng tên Huyền Trang, sẽ đến đây thọ pháp với người.”* Giới Hiền Luận Sư nghe rồi liền rán chịu khổ sám hối lâu ngày bệnh lần lần thuyên giảm. Qua ba năm sau, Huyền Trang đến chùa Na Lan Đà, Giới Công bảo đệ tử nói trạng thái bệnh khổ của mình, chính người thuật lại cũng ghen ngào rơi lệ. Bao nhiêu đó cũng đủ biết sự khổ ấy là dường nào rồi! Nếu ba vị Bồ tát không nói rõ nhân duyên kiếp trước, người đời sẽ bảo Ngài Giới Hiền chẳng phải là bậc đạo đức cao Tăng. Hoặc có kẻ lại cho rằng: một vị đại tu hành mà còn bị chứng bệnh thăm thế ấy, thì Phật pháp có chi là linh nghiệm?

Tóm lại, chỗ hiểu biết của các người còn cạn, nên vừa thấy việc chi hơi khác liền sanh lòng kinh nghi. Hành vi ấy có thể khiến cho kẻ ít căn lành thối thất lòng đạo. Nếu thấy người làm ác mà hiện đời được phước báo, chắc các người cũng khởi niệm hiểu lầm như thế. Nên biết đó chẳng qua là sự chuyển biến của những lớp tiền nhân hậu quả phức tạp không đồng, để đổi quả nặng đời sau làm quả nhẹ hiện tại, hay chuyển quả nhẹ hiện tại thành quả nặng đời sau mà thôi.

41. Thơ Đáp Cư Sĩ Dương Đức Quan

Về việc ông Hoàng Hậu Giác, hiện tượng ấy rất có lợi ích cho người học Phật. Sự kết quả được vãng sanh hay bị đọa lạc của ông, hãy tạm gác qua một bên;

nếu quả người niệm Phật biết đến hiện tượng của ông lúc lâm chung, quyết không dám hững hờ với con đường giải thoát.

Xem qua thành tích, dường như ông là người có tâm chí thành. Nhưng nhìn vào cảnh tượng hiện ra lúc lâm chung, ta xét thấy lúc bình thời ông chưa thật tâm dụng công trong sự tu niệm. Hiện tượng ấy phần nhiều là do những nghiệp bồn sển tiền của hoặc lời nói làm hại mạng người xui khiến ra. (Bồn sển lời nói làm hại mạng người là như mình biết chỗ kia có giặc và biết nơi khác có thể trốn lánh được, mà vì không lòng từ bi, ưa thấy người mang họa, nên không chịu nói ra. Tâm hạnh ấy làm xúc động sự hờn giận của quỷ thần, nên khiến cho khi lâm chung hiện ra cảnh tượng: nói không được và ghét nghe tiếng niệm Phật). Lại nữa, sự hiện ra tướng trạng một đôi giờ trần trở không chịu chết, để đợi đến khi những người trợ niệm đi rồi, chưa bao lâu liền chết, hoàn toàn hợp với cảnh nghiệp của kẻ bồn sển tiền của cùng lời nói làm hại mạng người. Trạng thái ấy chứng tỏ dù không đọa vào loài Nga quý, cũng là khí phẫn của Nga quý. Một vị nào đó căn cứ nơi sức trợ niệm bằng chú lực của cư sĩ Diệc Tử Tuần bảo rằng ông Giác được vãng sanh, song theo ý tôi: chú lực tuy không thể nghĩ bàn, nhưng nếu nghiệp lực nặng cũng không dễ gì được lợi ích. Nếu như ông Giác được vãng sanh, tất phải có tướng trạng gì khác để chứng thật, vậy cũng không nên ức đoán sai lầm. Có vị lại quả quyết rằng, ông ấy đã đọa vào đường Nga quý. Theo như hiện tượng của ông Giác, thì lời nói sau này tự hồ có chỗ y cứ. Nhưng hoặc nhờ con cháu thành khẩn và các cư sĩ trợ niệm, hoặc do chính ông ấy sám hối trong tâm, có thể tội của ông được giảm khinh, không đến nỗi đọa ngay vào đường Nga quý.

Hiện thời, việc đáng làm là con cái cùng quyến thuộc của người quá vãng phải nghĩ đến sự khổ của vong nhân, phát lòng lợi mình lợi người thay vì kẻ chết niệm Phật, cầu Phật thương xót tiếp dẫn vãng sanh. Nếu lòng thành khẩn được đến cùng thì sự vãng sanh có thể dự đoán, bởi lẽ cha con thiên tánh quan hệ lẫn nhau, và tâm Phật có cảm tất liền ứng. Như người trong quyến thuộc lơ lơ lảo lảo làm cho xong việc thì vong nhân nghiệp chướng không tiêu và khó mong được tiếp dẫn. Điều này quan hệ phi thường vì sai một ly lạc đi ngàn dặm.

Việc trên đây nhắc nhở cho ta biết người niệm Phật đối với mình phải thiết thật sửa trừ tâm tánh xấu xa, với người phải dùng phương tiện giúp đỡ. Những điều đáng nói, tuy kẻ cùng ta có oán thù cũng phải vì họ nói, khiến cho kẻ ấy sanh phước khỏi họa, lìa khổ được vui. Lúc bình thời phải khẳng khái thiết thiết vì người nói việc luân hồi nhân quả, niệm Phật vãng sanh. Lại nên dạy dỗ con cái, vì nó lập nền tảng vững chắc an lành. Phải giữ làm sao cho lời nói không mơ hồ, tâm

như dây cung thẳng, việc làm không trái lẽ trời, tấm lòng có thể phô trương cùng thần quỷ. Được như thế thì khi lâm chung quyết không có hiện tượng đáng thương xót kia. Và như thế thì ông Hoàng Hậu Giác lại chính là bậc Thầy khuyên dẫn của các người niệm Phật; các vị nhờ ông mới được sự lợi ích lớn về sau, mà ông cũng nhờ tâm lực của các vị, được hết tội, sanh về Cực lạc. Ấn Quang tôi nói đây chẳng phải là lời bông lông, chính là một định luật không hề sai suyển. Như có ai chẳng cho là phải, thì xin chất chánh với bậc cao minh Pháp sư, hoặc thỉnh vấn nơi bậc thần thông đại Thánh...

42. Thơ Đáp Cư Sĩ Phật Điển

Tiếp được thơ, biết cư sĩ tụng niệm tinh cần, lòng tôi rất vui đẹp!

Những bóng đen theo cư sĩ nói, chẳng phải là bóng chư Phật, Bồ tát, cũng chẳng phải hình ảnh kẻ oan gia đối đầu. Vì nếu Phật, Bồ tát hiện thân, tất phải tỏ rõ có thể trông thấy mặt mày; còn nếu là kẻ oan gia thì nó sẽ hiện ra tướng ghê gớm đáng sợ. Máy bóng ấy có lẽ là những cô hồn hữu duyên từ kiếp trước, muốn nhờ sức tụng kinh niệm Phật của cư sĩ để siêu sanh về cõi an lành. Vậy sau thời khóa tụng hồi hướng, cư sĩ nên cầu nguyện luôn cho các vong ấy được tiêu trừ ác nghiệp, thêm lớn căn lành, nhờ sức từ của Phật vãng sanh về Tây phương. Như thế, các vong kia sẽ được lợi ích, không luống uổng một phen khổ sở mong cầu.

Người tu hành tâm phải có chủ tể, khi thấy cảnh giới xấu không nên sợ hãi, thấy cảnh giới tốt cũng không nên vui mừng. Được như thế thì các cảnh giới trải qua đều là những thắng duyên trợ đạo. Nếu tâm không chủ định thì các cảnh đều là chướng duyên. Lại, người tu hành phải lấy sự cung kính chí thành làm gốc, lấy từ bi khiêm tốn làm lòng. Như thế thì dù tâm hạnh chưa được hoàn toàn cùng Phật hợp nhau, cũng không đến nổi trái với tâm hạnh của Phật, có thể gọi là người chơn tu, là đệ tử Phật.

43. Thơ Đáp Cư Sĩ Hoàng Tụng Bình

Bệnh do thân sanh, thân do nghiệp sanh, muốn cho bệnh mau lành, các hạ nên tha thiết sám hối để tiêu trừ túc nghiệp. Với việc phòng thất, cũng phải tự răn cấm thì bệnh mới khỏi tăng thêm. Bất luận bệnh gì, nếu không răn chữa sự vợ chồng chung chạ, tất nhiên khó được lành.

Hàng ngoại đạo rất nhiều có đến trăm ngàn phái, nhưng cách dụng công của họ đều không ngoài việc vận khí luyện đơn. Bên ngoại đạo dù có bảo người xem kinh niệm Phật, cũng là việc bề ngoài, chính họ cũng không cho đó là đạo. Khi truyền giáo, các ngoại đạo thường lựa vào lúc ban đêm, đóng kín các cửa lớn cửa sổ, bên ngoài phái người qua lại canh tuần, chỉ để một người thọ giáo vào thất. Trước khi được điểm đạo, người thọ giáo phải phát lời thề rất độc địa thảm ác. Nếu kẻ nào trái với lời dạy bảo của họ, sẽ phải chịu kết quả của lời thề ấy. Khi phát thề rồi, họ lại chỉ khiêu điểm huyết hoặc ở đầu, ở mặt, ở thân. Những huyết nơi thân cần phải cởi áo mới chỉ điểm được. Việc làm như thế thật là một bức sáo để mê hoặc người. Họ lại thêm rằng một phen truyền qua, không tu cũng có thể đắc quả. Giả sử bỏ hẳn những việc chỉ điểm bí mật cùng phát lời thề, mà đem công bố rõ ràng ra cho mọi người tự do lựa chọn, tất hạng ấy không còn căn cứ đứng vững. Trong Phật pháp không có việc bí mật truyền lén nhau, cũng không dạy người phát lời thề độc ác, kẻ nào tin thì theo, không tin thì thôi.

Các hạ đã niệm Phật mà còn sợ lạc vào ngoại đạo, ấy cũng bởi chính mình không phân minh sự tà chánh giữa đôi bên, chỉ bắt chước theo người phát sanh tín tâm, thật ra chưa có lòng tin chân thật. Nếu có lòng tin chân thật thì chỉ gắng sức tu trì, cần gì phải lo ngoại đạo đông nhiều và sợ mình đi lạc lối? Các hạ đã tự nhận có nhiều túc nghiệp nên mang bệnh dữ, thế thì cần phải ăn chay niệm Phật và vì những oan gia đòi trước mà làm việc siêu độ. Nói siêu độ đây, cũng không cần phải thỉnh Tăng chúng làm Phật sự, chỉ tự mình thành thật khẩn thiết niệm Phật và niệm Quán Âm mà thôi. Các hạ chớ nên nghĩ rằng; chỉ niệm một đức Phật, một vị Bồ tát sợ e không lành bệnh. Nên biết niệm Phật là pháp rất tròn mau thẳng tất trong Phật pháp, sự lợi ích vượt hơn tất cả pháp môn. Nếu có sai biệt là do tâm mình chí thành cùng không chí thành, chẳng phải pháp có linh nghiệm hoặc không linh nghiệm.

44. Thơ Đáp Cư Sĩ Trạch Phạm

Hàng phụ nhân khi sanh sản, nên niệm Quán Thế Âm Bồ tát, vì đức Quán Âm tâm cứu khổ rất ân cần. Lúc ấy phải ra tiếng niệm to lên, không nên niệm thầm, vì niệm thầm năng lực đã yếu, sự cảm thông cũng kém. Hơn nữa, trong khi dùng sức cho đứa con ra, nếu niệm thầm tất phải tổn hơi mang bệnh. Chẳng những sản phụ tự mình niệm lớn, mà những người giúp đỡ trong phòng sanh cũng niệm to lên. Và hàng quyến thuộc tuy ở nơi nhà, song cũng phải vì sản phụ niệm danh hiệu Bồ tát cầu nguyện giúp.

Rất không nên cho rằng: khi sanh sản lửa lò không sạch, niệm sợ có tội. Nên biết, lý tuy hữu định, nhưng sự phải tùy cơ, chỉ căn cứ theo sự mà luận lý, chẳng nên chấp riêng bên lý để luận bàn. Ví như khi con cái té vào hầm phân hoặc nơi nước, lửa, kêu cha mẹ cầu cứu, cha mẹ liền chạy tới kéo lên, không khi nào ngại rằng con mình thân thể chẳng sạch, áo mũ không chỉnh tề, mà không chịu cứu vớt để mặc cho nó chết. Lòng từ bi của Bồ tát còn thâm thiết hơn cha mẹ đối với con vô lượng muôn ngàn lần. Đang lúc chúng sanh bị khổ, cầu cứu, Bồ tát chỉ có niệm cứu khổ, tuyệt không có niệm so chấp về thân hình. Và lại việc sanh sản dĩ nhiên phải như thế, là lúc quan hệ đến mạng căn, không thuộc vào trường hợp có thể tỏ bày sự nghiêm kính sạch sẽ, thế thì còn chấp chi sự nghiêm sạch cùng không? Nếu ở trường hợp làm được mà không làm, thì thật là có tội. Trái lại, trong cảnh ngộ không thể tỏ bày tướng cung kính, thì chỉ nên luận sự quy hướng, chí thành nơi tâm, không nên chấp những lễ mạo nghi thức trên hình tích. Bồ tát không sợ khổ nào chẳng cứu vớt, không tai nạn nào chẳng giúp đỡ xót thương, đâu có lý đối với hàng sản phụ mà bỏ sót ư? Dù trong kinh không nói rõ về việc này, ta cũng phải cứ theo lý suy hiểu tâm cứu khổ, để dứt sự khổ nạn lớn cho nhân sanh, và làm thỏa mãn lòng từ bi của Bồ tát. Huống chi trong Kinh Dược Sư, Phật đã từng bảo người nữ nên niệm danh hiệu đức Dược Sư Như Lai trong khi sanh sản ư? Kinh văn ấy nói: *“Hoặc có người nữ đang khi sanh sản chịu nhiều sự khổ, nếu có thể chí tâm xưng danh lạy khen cung kính cúng dường đức Như Lai kia, (xưng danh thì sản phụ có thể làm được, còn lạy khen cung kính cúng dường là thuộc về việc người thân quyến làm thay thế) thì các sự khổ đều trừ. Đứa con sanh ra thân phần đầy đủ, hình sắc đoan chính, lợi căn thông minh, an ổn ít bệnh, người trông thấy đều vui mừng, sản phụ không bị loài phi nhân cướp đoạt tinh khí...”* Thế thì biết, khi sanh sản niệm danh hiệu Phật, Bồ tát chẳng những không tội, mà mẹ con được an toàn, đã gieo trồng căn lành, lại có lợi ích lớn. Niệm Phật Dược Sư đã như thế, thì niệm Quán Thế Âm Bồ tát cũng như vậy. Hàng sản phụ niệm đã được lợi ích như trên, thì các người khác suy ra có thể biết.

Ở tỉnh Hồ Nam, vợ chồng cư sĩ Mã Thuần Khanh và năm người con đều là đệ tử quy y của tôi. Năm Dân Quốc thứ 18, Mã có gởi thư cho tôi thưa rằng: vợ y sanh năm đứa con gái, khi sanh hai lần trước còn bình an, đến lần thứ ba thì bị huyết băng; lần thứ tư, thứ năm lại càng nhiều hơn nữa. Nay người vợ lại sắp sanh, chẳng như có huyết băng, chắc là khó sống, cầu xin tôi chỉ bày phương pháp cứu tế và vì đứa trẻ còn trong thai dự đặt pháp danh. Tôi liền bảo vợ chồng phải chí thành niệm Quán Thế Âm Bồ tát, dù khi sanh sản lửa lò không sạch cũng vẫn cứ niệm, lại phải niệm ra tiếng không nên niệm thầm. Khi thư tôi gởi đến, vợ

chồng xem rồi vâng lời, người vợ qua ngày sau thì sanh, khi sanh cũng vẫn niệm, rốt cuộc mẹ con đều được mạnh khỏe bình yên. Sau khi vợ sanh, Mã liền hỏi âm cho tôi biết; sự kết quả tốt đẹp ngoài ý định, Bồ tát thật là đáng đại từ đại bi.

Lại, một đệ tử quy y của tôi, vài năm trước ở tỉnh Tứ Xuyên, nhân đến thăm người bạn, nghe trong nhà có đàn bà rên khóc bi thương, liền hỏi duyên cớ. Người bạn tỏ thật vợ y chuyển bụng muốn sanh đã hai ngày mà sanh không được, sợ e khó sống. Đệ tử tôi bảo: *“Nên khuyên chị mau niệm Thánh hiệu Quán Âm, còn anh phải lập bàn trước nhà, đốt hương quì niệm cầu Bồ tát cứu độ.”* Người bạn nhất nhất y theo lời. Kết quả, trong giây phút vợ y sanh được, khi sanh cũng không tự biết, đến chừng nghe tiếng đứa trẻ khóc mới hay mình đã sanh. Sau khi ấy, sản phụ thuật lại rằng: *“Lúc tôi muốn sanh, thấy có người dùng vải nịt chặt dưới hạ thể nên sanh không được. Đến khi niệm Thánh hiệu Quán Âm thì thấy miếng vải sút ra, đứa bé lọt lòng hỏi nào không tự biết.”*

Thế thì biết, người nữ khi sanh sản niệm Quán Thế Âm Bồ tát thật có lợi ích vô cùng. Vì đang lúc ấy, hoặc do trong mình đã đau yếu sẵn, hoặc do oan gia đòi trước theo ám hại, sản phụ ở vào hoàn cảnh thập tử nhất sanh; nếu không tha thiết chí thành cầu Bồ tát cứu độ, tất mẹ con khó được an toàn. Ấn Quang tôi, từ mùa thu năm Dân Quốc thứ 15 trở đi, khi bộ Tăng Quán Văn Sao đã in rồi, bất luận văn tự gì, đều không giữ bản thảo để khỏi sự hao tổn về ấn phí. Gần đây, nhân biết rõ cái tệ chấp nhất của phụ nhân trong khi sanh sản, nên tôi thường đem việc lợi hại ấy nói với tất cả mọi người, mong cho kia đây truyền nhau, để dự cứu sự khổ sở cùng tánh mạng của sản phụ và sanh nhi. Nếu có ai không lượng xét, cho rằng tôi ưa nói việc đàn bà sanh sản, riêng tôi cũng không lấy chi làm ngại, chỉ mong cho mọi người đều sanh lòng chánh tín, bỏ sự cố chấp, được khỏi tai họa mà thôi.

45. Đáp 20 Câu Hỏi Của Cư Sĩ Khúc Thiên Dương

1. Hỏi: Đệ tử tin đạo Phật, nguyên nhân do nghiên cứu thuật thôi miên. Thuở trước, đệ tử nghe lời tục nói: *“Tu trời chín kiếp, tu Phật mười đời”*, hằng nghĩ rằng mười đời quá lâu xa, e nửa chừng lỡ dở mà uổng phí công trước. Nếu sớm biết niệm Phật một đời được giải thoát, thì đệ tử đã thật hành lâu rồi. Nay nhìn lại mình đã hai mươi bảy tuổi, nghĩ tự hỏi phát tâm trễ muộn!

Đáp: Lời tục ngữ ấy do những kẻ không hiểu Phật pháp nói sai. Người hiểu Phật pháp không bao giờ thốt ra lời ấy. Niệm Phật một đời được giải thoát là do lòng tin sâu nguyện thiết, quyết định cầu khi lâm chung sanh về Tây phương, nên nhờ

sức Phật tiếp dẫn lên ngôi Bất thối. Nếu không nhờ Phật lực mà muốn thoát sanh tử, e cho ngàn muôn kiếp cũng không được, huống nữa là mười đời!

2. Hỏi: Theo chỗ đệ tử tin hiểu: “*Có tịnh tâm mới thành Phật*”, cũng như người học thôi miên trước phải trầm tĩnh rồi sau mới có những hiện tượng không thể nghĩ bàn?

Đáp: Dùng tâm thanh tịnh niệm Phật quán Phật thì dễ cùng Phật tương ưng. Nếu thêm vào đó lòng tin nguyện chơn thiết, tất sẽ được vãng sanh, rồi lần lượt tiến tu cho đến khi thành Phật. Đừng hiểu lầm rằng, đời nay tịnh tâm, liền được thành Phật.

3. Hỏi: Về sự nương nhờ sức Phật, theo chỗ hiểu của đệ tử; như nhà thôi miên tự thôi miên lấy mình, so lại khó hơn để cho người khác thôi miên. Tự lực không bằng tha lực có phải giống như thế chăng?

Đáp: Tất cả pháp môn khác đều nương nhờ sức mình để dứt hoặc chứng chơn, như người què chân tự đi, mỗi ngày khó được trăm dặm. Pháp môn Tịnh độ nương sức từ của Phật, nên có thể đới nghiệp vãng sanh, như người què kia nương theo luân bảo của Chuyển Luân Thánh Vương, một ngày đi khắp bốn châu thiên hạ. Dem việc thôi miên để so sánh chứng minh rất không hợp lý.

4. Hỏi: Miệng niệm Phật, tâm tưởng Phật, sự tưởng ấy có đồng với pháp quán thứ tám trong Quán Kinh chăng?

Đáp: Chỉ nên tha thiết nhớ Phật thôi. Còn về quán tưởng nên y theo pháp quán thứ mười ba mà dụng công. Nhưng cảnh Phật tinh tế, tâm phàm thô phù, sợ e quán khó thành tựu, có khi dụng tâm không đúng, lại khởi ra các việc ma.

5. Hỏi: Như lúc nguy cấp, không thể trong một lúc gồm tụng các thần chú, vậy nên ứng dụng phương pháp gì?

Đáp: Gặp tai nạn rất nguy cấp, chỉ nên niệm Thánh hiệu Quán Thế Âm. Như thế đã đỡ phí tâm lực lại cảm ứng rất lạ lùng.

6. Hỏi: Chuyên niệm danh Phật, hiệu lực so với sự trì chú thể nào?

Đáp: Phật hiệu cùng chú công đức đồng nhau, duy cần phải chí thành mới được cảm cách. Nếu trong tâm trước có một niệm xem khinh hiệu Phật, tất không được sự lợi ích chân thật. Lỗi ấy do tâm không chí thiết và nghi ngờ.

7. Hỏi: Phật Di Đà tự tánh, cõi Tịnh độ duy tâm cùng với cõi tịnh và Phật ở Tây phương là hai hay một?

Đáp: Có Tịnh độ duy tâm mới sanh về Tây phương Tịnh độ. Nếu tâm mình không tịnh thì đâu có thể vãng sanh. Dù cho kẻ tội nghịch ác dùng mười niệm được vãng sanh cũng phải do tịnh tâm niệm Phật mới cảm sanh về cõi tịnh phương Tây. Người đời phần nhiều cho rằng: đã duy tâm thì không Tịnh độ. Đó là sự hiểu biết của hàng ma ngoại. Thứ tà kiến tự phải mà quấy ấy chiếm hơn phân nửa, khiến cho người niệm Phật không được thật ích.

Do đức Di Đà tự tánh, nên hành giả cần phải niệm Phật Di Đà Tây phương cầu được vãng sanh, để lần lượt tiến tu thân chứng Phật Di Đà tự tánh. Nếu chỉ chấp riêng Phật Di Đà tự tánh mà không niệm đức Di Đà Tây phương, dù cho được chân thật tỏ ngộ cũng chưa thể thoát ngay đường sanh tử, huống chi kẻ thốt ra lời ấy phần nhiều là hạng tự thị nói suông ư?

Đến như vấn đề đồng dị: Một mà hai là trước khi chưa thành Phật, hai mà một là sau khi đã thành Phật.

8. Hỏi: Câu “*Sanh thì quyết định sanh, về thì thật không về*” là ý gì?

Đáp: “*Sanh thì quyết định sanh*” là nói ước về sự “về thì thật không về” là nói ước về lý. Nhưng, kẻ chưa thông sự lý, chỉ nên y theo sự tướng mà niệm Phật cho già giận là được. Chẳng thế thì thành ra lỗi chấp lý bỏ sự của hàng ma ngoại.

9. Hỏi: Có người niệm Phật khi lâm chung bỗng nói: “*Cõi Tịnh độ ở tại góc sân trước nhà.*” Thế thì cõi này tức là Tịnh độ chăng?

Đáp: Đó chính là cảnh phát hiện của duy tâm Tịnh độ. Nhưng Tịnh độ duy tâm của người kia là cảnh giới riêng của kẻ ấy, ngoài ra đều là duy tâm uế độ. Vậy đâu nên căn cứ theo chỗ thấy riêng của một người mà quyết đoán.

10. Hỏi: Tụng kinh có phải để cho chính mình vui theo mùi đạo, chán việc hồng trần, hay có tác dụng gì khác?

Đáp: Người tụng kinh chỉ biết cầu sự vui riêng cho mình. Rất tiếc vô biên nghĩa màu nhiệm bị người xem không đáng giá một đồng tiền!

11. Hỏi: “*Hiếu nghĩa thứ nhất*” là ý nói gì?

Đáp: “Hiếu nghĩa thứ nhất” là ngộ suốt lý màu thật tướng, tự tánh duy tâm.

12. Hỏi: Phật dạy tu quán chính là lập giáo cho chúng sanh bị sự khổ bức bách trong đời ngũ trược về sau. Nếu y theo thuyết phát hiện thiên nhãn thông của thuật thôi miên, thì muốn thấy cõi Cực lạc cũng không phải là việc khó. Thế thì thuật thôi miên cũng là một nhu yếu trong sự niệm Phật, tại sao nhiều vị bảo tu quán là khó, không muốn khuyên mọi người thật hành?

Đáp: Thôi miên chỉ là năng lực nhỏ của huyền thuật, đâu phải chính thật thiên nhãn thông? Những vị quả thật có thiên nhãn đâu chịu vì người làm công việc thôi miên? Nay người đã học Phật, chỉ nên chuyên chí học Phật. Muốn hiển hiện cõi Cực lạc, nên duy tâm tịnh thì trong một niệm sẽ thấy. Ví như lau gương, lau cho cùng cực tự nhiên phát quang. Nếu dùng thuật thôi miên muốn hiển hiện, thì tự tâm trước đã không tịnh, niệm cũng không quy nhất, ví như đem phấn trắng thoa trên gương muốn được phát ánh sáng, không ngờ lại làm cho gương tối thêm.

13. Hỏi: Tu quán pháp là quán, là tướng, hay dụng cả quán tướng. Và quán tướng nên lấy cảnh gần hay xa?

Đáp: Hai chữ quán tướng đâu nên chia làm hai, nhiếp tâm mà tướng tức là quán. Người cho là hai thì thành ra chỉ biết có một cái mười mà không biết hai cái năm. Lại quán tướng đâu nên phân biệt xa gần!

14. Hỏi: Tu môn quán ban đầu, nên nhất tâm tướng mặt trời hay cần phải mặc trì danh hiệu?

Đáp: Quán cùng trì danh vẫn là một việc. Người cho rằng khi quán tướng thì không thể trì danh và không nên trì danh ư?

15. Hỏi: Lúc ngồi thì tu quán, còn các thời khác thì trì danh, sự kiêm tu như thế so với sự chuyên tu một pháp, bên nào hơn kém?

Đáp: Những tâm trầm tĩnh thuần túy, muốn kiêm hay chuyên tu về quán tưởng hoặc trì danh, cũng đều tốt. Như chẳng thế thì chuyên trì danh có phần yên ổn hơn, vì người tâm chí phù bạc rộn ràng mà tu quán tất sanh nhiều ma chướng.

16. Hỏi: Khi quán tưởng thấy cõi Cực lạc, đó là cảnh thật hay hiện tượng giả?

Đáp: Quán tưởng thấy cõi Cực lạc là duy tâm hiện ra, nếu cho rằng giả, đó là kẻ ở ngoài cửa.

17. Hỏi: Quán thấy cõi Cực lạc lại có thể nghe pháp, đó có phải là thiên nhãn thông và thiên nhĩ thông chăng?

Đáp: Đó là do sức quán xui khiến, nếu thiên nhãn thiên nhĩ dù không quán cũng có thể thấy nghe.

18. Hỏi: Có kẻ nói: *“Thấy Phật là Phật tự tâm, không phải Phật Tây phương.”* Thế thì khi vãng sanh, Phật tự tâm hiện hay là đức A Di Đà đến tiếp dẫn?

Đáp: Khi lâm chung thấy Phật là do tự tâm chiêu cảm, không nên đem về tự tâm mà cho rằng không có Phật Tây phương đến tiếp dẫn.

19. Hỏi: Vãng sanh về bậc thượng, dường như không phải là vị vãng sanh của kẻ tu quán. Chẳng biết vị vãng sanh của kẻ tu quán như thế nào?

Đáp: Phẩm vị vãng sanh sai khác muôn ngàn, trong kinh chỉ lấy chín phẩm để gồm nhiếp. Người do đâu mà đoán Thượng phẩm không phải là vị vãng sanh của kẻ tu quán? Nên biết căn tánh chúng sanh không đồng, cũng như trong một pháp tu mà có cao thấp khác xa. Vậy không nên khăng khăng luận riêng về bên pháp, bởi đó còn do tâm lực của mỗi người. Như đức Văn Thù, Phổ Hiền, người cho rằng hai vị ấy không dùng quán pháp sao?

20. Hỏi: Pháp ký số niệm Phật, hơi thở vào niệm sáu câu, hơi thở ra niệm bốn câu, có phải thế chăng? Đã ký số và niệm Phật, lại cần nên tưởng Phật chăng?

Đáp: Niệm Phật Ký Số do từ một đến ba, từ bốn đến sáu, từ bảy đến mười, đâu có quy định vào hơi thở? Người là người học phép luyện đơn vận khí, nên vừa thấy một hai chữ giống với phép ấy, liền cho đó là công phu của bên kia. Pháp Niệm Phật Ký Số vì những kẻ khó ngăn tâm vọng mà lập ra. Nếu có thể niệm, ghi nhớ

và nghe rõ ràng như thế, quyết định tâm sẽ lần lần điều phục. Trong ấy ai cho người thêm hai chữ “*tưởng Phật*” vào? Đây vẫn là pháp niệm tùy tiện, không nên luận theo hơi thở. Nếu thở ra vào quá lâu, tất sẽ mang bệnh tổn hơi. Điều này cần phải lưu tâm và hiểu rõ.

46. Một Bức Thư Phúc Đáp Khắp Nơi

(Lời văn tuy quê thật, nhưng nghĩa lý vẫn căn cứ trong kinh. Nếu có ai y theo đây mà làm, sự lợi ích sẽ rộng lớn vô cùng! - Ấn Quang Pháp sư)

1. Pháp môn Tịnh độ trùm khắp cả ba căn, gồm thâu hàng lợi độn, là đại pháp của đức Như Lai, để mở phương tiện cho tất cả Thánh phàm đều được giải thoát sanh tử, lên ngôi Bất thối ngay trong hiện đời. Với pháp môn nhiệm đặc biệt này mà không tin không tu, thật là đáng thương, đáng tiếc!!

Pháp môn Tịnh độ lấy tín, nguyện, hạnh làm tông chỉ.

Tín là ta phải tin cõi Ta bà có vô lượng sự khổ; tin cõi Cực lạc có vô lượng điều vui; tin ta là phàm phu đầy nghiệp lực, quyết không thể nương cậy vào sức mình để dứt hoặc chứng chơn, thoát sanh tử ngay trong hiện đời; tin Phật A Di Đà có lời thề nguyện rộng lớn, nếu chúng sanh nào niệm danh hiệu Ngài, cầu về nước Ngài, khi mạng chung sẽ được Ngài tiếp dẫn vãng sanh Cực lạc.

Nguyện là ta nên nguyện mau ra khỏi thế giới này, nguyện sớm sanh về cõi vui kia.

Hạnh là ta phải chí thành khẩn thiết niệm câu Nam Mô A Di Đà Phật, mỗi thời mỗi khắc đừng để tạm quên, tùy theo hoàn cảnh gấp hoãn lập một khóa trình, sớm tối lễ bái trì tụng trước bàn Phật. Ngoài thời khóa tụng, những khi đi đứng nằm ngồi và làm những công việc không dụng tâm, đều nên niệm Phật. Lúc ngủ nghỉ phải niệm thầm, không nên ra tiếng và chỉ niệm bốn chữ A Di Đà Phật để dễ nhiếp tâm. Lại, những khi y phục không chỉnh tề, hoặc giặt rửa, tắm gội, đại tiểu tiện, cho đến lúc đi ngang qua chỗ không sạch sẽ, cũng đều phải niệm thầm. Chí tâm niệm thầm, công đức cũng đồng như niệm ra tiếng. Trong những lúc ấy nếu niệm ra tiếng thì chẳng hợp nghi thức và có lỗi không cung kính. Không luận niệm lớn tiếng, nhỏ tiếng, niệm Kim Cang hoặc niệm thầm, đều phải trong tâm ghi nhớ rành rẽ rõ ràng, miệng niệm rành rẽ rõ ràng và hai tai nghe rành rẽ rõ ràng. Niệm như thế thì tâm không còn dong ruổi theo cảnh ngoài, vọng tưởng lần dứt, câu niệm Phật lần thuần, công đức rất lớn.

2. Người niệm Phật phải hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, tâm từ bi không giết hại, tu mười nghiệp lành (Thân không sát sanh, trộm cướp, tà dâm; miệng không nói dối, nói thêu dệt, nói dối chiều, nói hung ác; ý không tham dục, giận hờn, ngu si, tà kiến). Lại cần phải: cha lành, con thảo, anh em thương kính, chồng vợ thuận hòa, chủ nhân, tớ trung, mỗi người đều giữ tròn bổn phận. Ta chỉ nên làm hết nhiệm vụ mình, đừng so đo phiền trách người khác đối với mình có trọn cùng không. Nếu người nào đối với gia đình xã hội làm tròn thiên chức, đó là người lành. Người lành mà niệm Phật thì dễ có cơ cảm, quyết định khi lâm chung được Phật tiếp dẫn sanh về Tây phương vì tâm hạnh hợp với Phật. Trái lại, những ai miệng tuy niệm Phật, song lòng không nhiếp đạo, đối với cha mẹ, anh em, vợ chồng, con cái, bạn bè làng xóm không tròn bổn phận, thì tâm hạnh trái với Phật, khó được vãng sanh. Tại sao thế? Bởi người ấy tâm không điềm tĩnh thuần hòa, tự sanh ra mỗi nào phiền chướng ngại, nên khó được cảm thông với Phật, đó cũng là lẽ tất nhiên.

3. Người niệm Phật nên khuyên thân bằng quyến thuộc và tất cả đồng nhân đều niệm Nam Mô A Di Đà Phật và Nam Mô Quán Thế Âm Bồ tát. (Mỗi ngày như niệm Phật 1.000 câu thì niệm Quán Âm 500 câu, niệm Phật 10.000 câu thì niệm Quán Âm 5.000 câu. Niệm nhiều ít so theo đây mà gia giảm). Ta đã tìm được con đường giải thoát yên ổn, lại nỡ nào để cho đáng sanh thành, người quyến thuộc cùng tất cả đồng nhân mất sự lợi ích lớn, chìm trong biển khổ ư? Huống chi giữa cõi đời nhiều hoạn nạn, khó tránh sự hiểm nguy như hiện nay, nếu có thể thường niệm Phật và Quán Âm, tất sẽ được lượng từ bi ủng hộ, gặp dữ hóa lành. Giả sử không tai nạn mà chí tâm trì niệm, cũng sẽ được nghiệp tiêu trí sáng, chướng hết phước nhiều. Hơn nữa, khuyên người niệm Phật cầu sanh Tây phương, tức là thành tựu kẻ phạm phu làm Phật, công đức rất lớn, đem công đức ấy hồi hướng vãng sanh tất sẽ mãn nguyện.

4. Người niệm Phật khi tụng kinh, trì chú, lễ bái, sám hối, cứu tai nạn, giúp kẻ nghèo, tất cả công đức lành đều phải hồi hướng vãng sanh Tây phương, không nên cầu hưởng phước báo ở cõi trời, cõi người, trong hiện tại hoặc đời sau. Nếu có tâm niệm ấy thì mất phần vãng sanh và phải bị chìm đắm trong biển luân hồi khổ não. Nên biết, hưởng phước càng nhiều tất gây nghiệp càng lớn, qua một đời sau nữa quyết khó khỏi đọa vào đường Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Chừng ấy muốn trở lại làm thân người, được nghe pháp hiện đời giải thoát của môn Tịnh độ, còn khó hơn lên trời. Phật dạy chúng sanh niệm Phật cầu về Tây phương, là vì chúng sanh mà giải quyết vấn đề sanh tử ngay trong hiện kiếp. Nếu chỉ cầu đời sau

hưởng phước báo ở cõi nhân thiên tức là trái với lời Phật dạy, như đem hạt bảo châu vô giá đổi lấy một thẻ đường để ăn, há chẳng đáng tiếc lắm ư? Kẻ tối tăm niệm Phật không cầu vãng sanh mà cầu hưởng phước báo, cũng như đây không khác.

5. Người niệm Phật không nên tập theo lối tham cứu của nhà tu thiền. Vì kẻ tu thiền hầu hết đều không chú trọng về việc tín nguyện vãng sanh. Dù có niệm Phật, họ chỉ chú trọng vào câu “*Niệm Phật đó là ai?*” để cầu khai ngộ mà thôi. Ta chỉ nên niệm Phật cầu sanh Tây phương, khi được thấy đức A Di Đà lo gì không khai ngộ? Nếu ở cõi này tu thiền, như hoặc nghiệp dứt hết thì có thể thoát sanh tử; thảng như hoặc nghiệp chưa dứt thì đã không thể cậy vào sức mình để giải thoát, lại vì không tín nguyện nên không được nương nhờ sức Phật ra khỏi luân hồi. Hai bên tự lực và Phật lực đều không nhờ cậy được, người ấy đâu thể nào thoát khỏi trần lao? Nên biết bậc pháp thân Bồ tát khi chưa thành Phật đều phải nhờ oai lực của Phật, huống chi ta là phàm phu đầy nghiệp chướng mà ưa luận về sức mình, không cầu sức Phật ư? Lời ấy tuy cao, song xét lại hành vi thật là thấp kém! Sự hơn kém của Phật lực và tự lực khác xa nhau như trời vực, nguyện đồng nhân nên thể tất nghĩa này!

6. Người niệm Phật không nên bắt chước kẻ ngu tối, làm những việc hoàn thọ sanh, gởi kho. Bởi sự hoàn thọ sanh, trong Kinh Phật không có nói, do người sau bày đặt ra. Còn gởi kho là muốn cho mình khi chết rồi thành quỷ, nên mới sắm trước tiền của đồ vật cho thân quỷ dùng. Đã có tâm niệm muốn làm quỷ thì khó được vãng sanh. Như người nào chưa làm thì thôi, nếu đã làm, phải bạch rõ trước bàn Phật như vậy: “*Đệ tử là... chỉ cầu vãng sanh, những đồ mình khổ đã gởi khi trước, xin đem chôn tể cho cô hồn.*” Như thế mới không chướng ngại cho sự sanh về cõi Phật.

Lại những thứ kinh: Thọ Sanh, Huyết Bồn, Thái Dương, Thái Âm, Nhãn Quang, Táo Vương, Thai Cốt, Phân Châu, Diệu Sa... đều là kinh ngụy tạo, không phải kinh của Phật nói, không nên trì tụng. Những kẻ quê tối, không chịu tụng Kinh Đại thừa (như các kinh: A Di Đà, Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ, Tâm Kinh, Kim Cang, Pháp Hoa, Dược Sư, Lăng Nghiêm, Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm v.v...) mà chỉ tin các thứ kinh ngụy tạo ấy, muốn làm những việc hoàn thọ sanh, phá Địa ngục, phá huyết hồ, mới yên tâm. Nếu có người hiểu Phật pháp khuyên bảo nói đó là những kinh ngụy tạo, họ cũng không nghe lời. Nên biết, làm các Phật sự, chỉ có niệm Phật là công đức rộng lớn, nên đem số tiền

hoàn thọ sanh, phá Địa ngục, phá huyết hồ ấy, thỉnh những vị Tăng chơn chánh niệm Phật cho, thì được lợi ích rất nhiều.

7. Người niệm Phật nên ăn chay trường, như chưa được thế, thì giữ lục trai hoặc thập trai, để lần lần bỏ hẳn các thứ thịt của chúng sanh, mới là hợp lý. Lục trai là các ngày: mùng 8, 14, 15, 23, 29, 30; nếu thêm vào đó mấy ngày: mùng 1, 18, 24, 28 thì thành ngày thập trai. Những tháng thiếu, nên ăn trước một ngày. Lại, tháng giêng, tháng năm, tháng chín là ba trai nguyệt, nên ăn chay trường và làm các việc công đức. Dù chưa ăn chay được, cũng nên mua thịt cá đã làm sẵn, chớ sát sanh trong nhà. Nếu mỗi ngày sát sanh thì cái nhà ấy đã thành lò sát sanh, là chỗ oan quỷ tụ hội, không được an lành. Cho nên sát sanh trong nhà là điều rất cấm kị.

8. Người niệm Phật nên khuyên cha mẹ niệm Phật cầu sanh Tây phương. Muốn cho cha mẹ khi lâm chung quyết định được vãng sanh, thì phải dặn trước người quyền thuộc về cách trợ niệm và chớ nên khóc lóc cùng bày vẽ những điều vô ích. Lại, lúc bình thời phải vì cha mẹ giảng rõ sự lợi ích của môn niệm Phật khiến cho song thân thường niệm không quên. Thế thì chẳng những cha mẹ được lợi ích, mà quyền thuộc hiện tại hoặc con cháu đời sau cũng được ảnh hưởng giải thoát an lành. Về phương pháp trợ niệm khi lâm chung, không luận già trẻ, đều phải làm đúng như thế.

9. Người nữ khi sắp sanh thường bị đau khổ không kham, có khi vài ngày sanh không được, hoặc chết vì sản nạn. Có người tuy sanh được nhưng lại bị huyết băng và nhiều bệnh nguy hiểm. Đứa con sanh ra thì bị các chứng cấp nạn, kinh phong v.v... Cho nên, người nữ lúc sanh sản, nên chí thành khẩn thiết niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ tát. Khi niệm cần phải to tiếng, không nên niệm thầm, vì niệm thầm do tâm lực kém nên sức cảm ứng cũng kém. Lại trong lúc ấy sản phụ đang dùng sức sanh đứa bé ra, nếu niệm thầm thì nín ép hơi phải mang bệnh. Nếu chí thành khẩn thiết mà niệm, quyết không có sự đau đớn, khó sanh, huyết băng, đứa con sẽ khỏi bệnh kinh phong, và các chứng nguy hiểm khác. Dù gặp trường hợp khó sanh, có nguy hiểm đến tánh mạng, sản phụ cùng những kẻ hộ sanh cũng phải đồng to tiếng niệm Quán Âm. Người quyền thuộc tuy ở nơi khác, đều phải vì sản phụ niệm giúp. Như thế, không đầy giây phút, sản phụ liền được yên ổn mà sanh. Kẻ ngoại đạo không rõ lý này, chấp chặt một việc cung kính, chẳng biết căn cứ theo sự mà luận lý, khiến cho mấy bà lão niệm Phật xem sanh sản là việc đáng sợ, cho đến dâu con của mình sanh cũng không dám qua săn sóc, huống chi là niệm Quán Âm? Nên biết Bồ tát lấy sự cứu khổ làm lòng, lúc sanh sản, tuy lỏa lò

không sạch, nhưng đó là việc dĩ nhiên, không phải mình tự ý buông lung, nên niệm đã không có tội lỗi, mà lại khiến cho mẹ con sản phụ gieo trồng căn lành. Nghĩa này trong Kinh Dược Sư đã có nói, không phải tự tôi đưa ra điều ước kiến. Ấn Quang này chỉ là người đề xướng mà thôi.

10. Người nữ từ mười hai, mười ba tuổi đến bốn mươi tám, bốn mươi chín tuổi, đều có nguyệt kinh. Có kẻ bảo: trong lúc nguyệt kinh, chẳng nên lễ bái trì tụng. Lời này rất không hợp tình lý. Thời kỳ có kinh, mau thì hai ba ngày, lâu đến sáu bảy ngày mới dứt; người tu trì cần phải niệm Phật không xen hở, đâu nên vì một chút bệnh nhỏ thiên nhiên mà bỏ lãng thời tu niệm ư? Khi có nguyệt kinh chỉ nên lễ bái ít (lễ bái ít chớ chẳng phải tuyệt nhiên không lạy), còn sự tụng kinh niệm Phật đều chiếu theo lệ thường. Nên thường thay giặt vải dơ, phải rửa tay cho sạch sẽ, đừng dùng tay dơ mà lần chuỗi, lật kinh và đốt hương. Trong Phật pháp, pháp pháp đều Viên thông, hàng ngoại đạo chỉ chấp một bên lý, người đời phần nhiều lại ưa tin lời ngoại đạo, không rõ chánh lý Phật giáo, nên không được thấm nhuần pháp lợi.

11. Quán Thế Âm Bồ tát thế nguyện rộng sâu, tìm tiếng cứu khổ. Khi gặp những tai nạn: đao binh, nước lửa, đói kém, cào cào, ôn dịch, khô hạn, cướp bóc, oan gia, thú dữ, rắn độc, ác quỷ, yêu mị, nghiệp binh, kẻ tiểu nhơn hãm hại v.v... nếu phát tâm sửa lỗi làm lành, lợi mình lợi người, chí thành khẩn thiết niệm Quán Thế Âm không xen hở, thì quyết định sẽ được nhờ sức từ bi ủng hộ tránh khỏi tai nguy. Nếu vẫn còn giữ lòng bất thiện, dù có xưng niệm, chẳng qua là gieo chút căn lành về sau, không được sự cảm ứng hiện tại, vì chư Phật, Bồ tát thành tựu niệm lành cho người, tuyệt không thành tựu niệm ác cho người. Như không phát tâm sửa lỗi làm lành, làm lạc muốn đem công đức niệm Phật, Bồ tát, để cầu cho việc ác của mình thành tựu thì quyết không được cảm ứng. Rất không nên phát tâm điên đảo ấy.

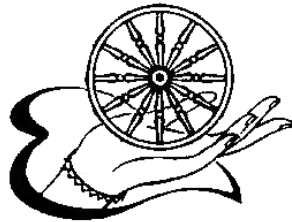
Đã niệm Phật, cần phải giữ trọn nhơn luân, gìn lòng thành kính, dứt các điều dữ, làm các việc lành, giữ lòng tốt, nói lời tốt, làm việc tốt. Việc nào mình làm được thì thiết thật mà làm, như không làm được cũng nên phát lòng lành ấy, hoặc khuyên người có thể lực làm, hoặc thấy người làm sanh tâm vui đẹp. Thốt lời khen ngợi việc lành cũng thuộc về công đức của tâm và miệng. Nếu việc mình không thể làm, khi thấy người khác làm được mà sanh lòng ganh ghét, đó là tâm hạnh của kẻ tiểu nhơn. Như thế, quyết định phải bị mất phước tổn thọ, không được kết quả tốt, cần đề ý răn ngừa. Rất không nên giả mặt hiền lương để mua danh chuốc lợi, tâm hạnh ấy quỷ thần đều ghét, có thì mau cải, không thì nên cố gắng làm lành.

12. Có nhiều người nữ vì không rõ chánh lý, hoặc bất hiếu với cha mẹ chồng, khi dễ chồng, quá cưng yêu chiều chuộng con, ngược đãi tôi tớ, hoặc là mẹ ghẻ hiếp đáp hành hạ con riêng của chồng. Những người ấy đâu biết rằng: hiếu thảo với cha mẹ chồng, kính trọng chồng, dạy dỗ con cái, ra ân huệ cùng hàng tôi tớ, an ủi nuôi dạy con riêng của chồng, chính là đạo Thánh hiền ở thế gian mà cũng là phép tắc đầu tiên của đạo Phật. Nếu có đủ công đức ấy mà tu Tịnh độ, thì quyết định danh dự thêm nhiều, phước thọ bền vững, khi mạng chung được Phật tiếp dẫn về chín phẩm sen. Nên biết đã có nhân phải có quả, nếu ta gieo nhân hiếu kính từ ái, tự nhiên sẽ được quả hiếu kính từ ái. Vì người tức là vì mình, hại người còn quá hơn hại mình, cho nên mỗi người đều phải làm tròn bổn phận, Phật trời tất sẽ chứng tri.

13. Trẻ con khi vừa khôn lớn, phải dạy cho chúng biết đạo lý hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ và việc ba đời nhân quả, sáu nẻo luân hồi. Như thế là làm cho chúng hiểu tâm của mình cùng tâm chư Phật, Bồ tát, trời đất, quỉ thần, mỗi hơi thở thông nhau. Nếu khởi một niệm bất chánh, làm một việc không phải, thì các vị ấy thấy đều biết, như đối trước gương sáng, hình ảnh tốt xấu hiện ra rõ ràng, không che giấu được. Đã hiểu như thế, tất nhiên chúng sẽ sợ hãi, gắng sức làm lành. Chẳng luận người nào, dù là con cái tôi tớ trong nhà cũng không nên đánh đập mắng chửi thô tháo. Phải tìm cách khuyến hóa, khiến cho chúng biết phụng thờ bậc trên, nhường thuận kẻ dưới, kính trọng giấy chữ, chẳng xài phá cơm gạo, quần áo, của tiền, yêu tiếc sanh mạng loài trùng kiến, không ăn vật vạnh để khỏi mang bệnh. Nếu dạy được như thế, thì một ngày kia quyết định chúng sẽ thành người lương thiện. Trái lại lúc con cháu còn thơ ấu, cha mẹ chẳng chịu dạy dỗ, để mặc cho chúng buông lung, khi lớn lên nếu chúng nó không là kẻ dung ngu, cũng là hàng phỉ loại. Chừng ấy dù có ăn năn cũng vô ích. Lời xưa nói: “*Giáo phụ sơ lai, giáo tử anh hài*” (Dạy con dạy thuở còn thơ, dạy vợ dạy lúc ban sơ mới về), tánh tình phần lớn là do ảnh hưởng của tập quán, cho nên phải cẩn thận từ bước đầu tiên. Cá nhân là phần tử của xã hội, trong thiên hạ bình yên hay loạn lạc, cội nguồn đều do sự hiền lương hoặc bạo ác của con người. Vậy những điều trên đây quan hệ, thiết yếu, không phải tôi bàn luận chuyện vô ích, xa vời...

14. Ân Quang tôi năm nay đã quá già yếu, tinh thần mỗi ngày thêm suy kém, không còn đủ sức để phúc đáp những bức thư gửi đến. Chỉ vì sự lưu thông thuận tiện, nên xa gần lắm nghe chút hư danh, gửi thư hỏi đạo quá nhiều. Nếu tôi không đáp, vẫn tự hơi có phụ ý người gửi; như mỗi mỗi đều phúc đáp, thật ra cũng không đủ tinh thần. Vì thế, tôi cho in bức thư dài này để phúc đáp cùng khắp.

Trong đây, những điều quan hệ về sự tu trì, cách lập thân xử thế, đạo thờ cha mẹ, dạy con cái, tôi đều nói lược qua. Về sau, ai đưa tin đến hỏi đạo, tôi đều dùng thơ này phúc đáp, hoặc có vài điều đặc biệt, cũng chỉ nên thêm đôi hàng nơi bức thơ gửi đến mà thôi. Như thế, để cho đạo niệm đôi bên được thông nhau, mà tôi cũng đỡ bớt sự nhọc mệt. Nếu vị nào muốn hiểu suốt kinh nghĩa, xin thưa hỏi nơi các bậc Pháp sư dụng cao tràng pháp, tông giáo kiêm thông. Nhưng nên biết, dù thông suốt kinh pháp, cũng chưa chắc được thoát sanh tử. Muốn thoát sanh tử luân hồi, phải chú trọng nơi sự tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây phương!



PHỤ LỤC: VƯỜN THƠ TỊNH ĐỘ

Ta bà cõi nghiệp sự tung hoành,
Nói đến Liên bang mộng cũng thanh,
Hơi thở chẳng vào nghìn kiếp hận,
Tắc lòng dám bỏ sáu thời danh?
Nư gà ấp trứng liền hơi ấm,
Tợ lửa nung vàng luyện mới tinh
Một niệm gốc tình trừ sạch hết,
Tánh chơn lồ lộ khỏi viên minh.

(Châu Quang Cư Sĩ)

Cảnh yên, người vắng, giữa thanh tiêu,
Siêng giữ thân tâm dám trễ kiêu?
Chém đứt niệm trần dây nghiệp rậm,
Phá tan ý vọng núi mê cao.
Giọt châu nhớ Phật, châu chưa dứt,
Mối tương quy Tây, tương lại nhiều!
Những mên đài sen hoa cánh ngọc,
Nghĩ cho tên họ đã đề nêu.
Tháng hạ ngày tàn tiết nóng sao!
Trong bầu hỏa trạch chịu hừng thiêu.
Một vùng cây biếc che lâu các,
Mười dặm sen tươi chói họa kiêu.
Mắt ngắm trời Tây lòng ngó ngẩn
Lệ theo tiếng Phật dạ tiêu điều.
Bao giờ về được ao trong mát?
Trần lụy bao nhiêu sạch bấy nhiêu!

(Thôn Hương Trai Chủ)

Lúc đi dễ thuận niệm Di Đà,
 Một Phật tùy theo một bước qua.
 Dưới gót hăng thời chơi Tịnh độ,
 Trong tâm mỗi niệm cách Ta bà.
 Đạo quanh hoa liễu nhưng thường nhớ,
 Lên xuống non sông vẫn chẳng xa.
 Đợi lúc vắng sanh về Cực lạc,
 Mười phương du ngoạn tự như mà!
 Khi nằm niệm Phật lặng âm thanh,
 Hơi thở nương theo giữ hiệu danh.
 Một gôi gió thanh trong vạn dặm.
 Nửa giường trăng sáng khoảng ba canh.
 Đã không trần lụy tâm yên tịnh.
 Duy có liên hoa mộng dễ thành.
 Giấc điệp mơ màng chừ Phật hiện,
 Tỉnh ra còn vẫn nhớ phân minh.

(Tĩnh Am Pháp Sư)

Đời người trăm tuổi, ai trăm tuổi?
 Chuyện cũ quay nhìn, chuyện mộng mê!
 Nghĩ khóc đồng lưu đi lạc mất,
 Lãng quên cõi Tịnh chẳng lo về!

(Phạm Kỳ Thiền Sư)

Đêm dài dễ mộng về thôn cũ,
 Năm hết không quên phận lữ hành.
 Mười vạn ức đường quê Cực lạc,
 Tác lòng mang mệnh những thâu canh!

(Tur Tề Lão Nhơn)

Nói đến vô thường mọi việc khinh,
Đói ăn khát uống biếng kinh dinh.
Một lòng chuyên hướng trời An dưỡng.
“*Vạn thiện đồng qui*” nhớ Vĩnh Minh!
Mãng tưởng ngày về chữa đến ngày,
Bên trời du tử mộng hồn bay!
Tĩnh mơ, tiếng nhận rơi đêm vắng,
Tin tức miền Tây chậm vắng lai?

(Sở Thạch Lão Nhơn)

Tóc sương thay mái đầu xanh,
Một đời sự nghiệp nghĩ thành không hoa!
Soi bốn phận
Lánh đường tà.
Âm thầm thời tiết đổi.
Lặng lẽ tháng ngày qua.
Kíp mau tìm đến chơn thường lộ,
Dám chậm chờ xem bệnh tử mà!
Cõi Phật đâu xa cách?
Về chăng chỉ tại ta!
Mỗi niệm chỉ cần không thôi chuyển.
Áo vàng đã sẵn có Liên Hoa.
Thân tàn về cõi báu,
Sen nở thấy Di Đà!

(Liên Ân Thiền Sư)

Lâu quỳnh cách biệt những năm xưa,
Lối cũ đường xa bước trở về,
Tháng ngày hờ hững,
Tóc điểm hoa lê!
Lòng theo bóng nguyệt trời Tây xế,
Tai lắng nghe chim tiếng nhớ quê
Lá thu rơi rụng...

Tắc dạ nào nề!
 Đỉnh trầm xông đốt ngân hơi khánh,
 Hương côi Liên bang phát nguyện thề:
 Ta bà đã chán chê...!

(Tra Am Thiên Sư)

Ngày tháng chim lồng quanh quẩn,
 Thân người bèo nước linh đình
 Trăm năm tạm gởi kiếp phù sanh,
 Há lại mơ màng chẳng tỉnh?
 Dem mối trần duyên giữ sạch,
 Đừng cho mộng cảnh lưu đình.
 Di Đà sáu chữ ấy chơn kinh,
 Đường lối tu hành tiếp kính!
 Chẳng luận sang, hèn, ngu, trí.
 Không phân già, trẻ, gái, trai.
 Có tâm làm được đáng Như Lai,
 Lời thật lưu truyền vẫn tại!
 Sáu chữ Di Đà rất dễ,
 Một lòng tưởng niệm đừng sai.
 Thân này thề chiếm tử kim đài,
 Gắng giữ niệm tâm chớ trái!

(Linh Thoại Thiên Sư)

Hơn sáu mươi năm,
 Thoáng dường xuân mộng.
 Tỉnh ra thôi một giấc hoàng lương!
 Phù hoa bóng huyễn,
 Có mấy phong quang?
 Nhìn xem đã rõ...
 Cắt mối tơ vương,
 Mặc kẻ lao nhao chốn hí trường!
 Lều tranh núi biếc,

Bồn phận lo lường
Tùy duyên thông thả.
Rửa bát đốt hương.
Đem tâm quy hướng cõi thanh lương!
Mênh mang biển nghiệp,
Đau khổ bao đường!
Quay đầu trông lại thấy thêm thương!

(Trang Nghiêm Cư Sĩ)

